BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 35/2024/TT-BGTVT	*Hà Nội, ngày 15 tháng 11 năm 2024*

THÔNG TƯ

Quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe; cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế; đào tạo, kiểm tra, cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ

Căn cứ Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 56/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Vận tải và Cục trưởng Cục Đường bộ Việt Nam,

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe; cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế; đào tạo, kiểm tra, cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ.

Phần I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về mẫu giấy phép lái xe, đào tạo, sát hạch, cấp, đổi, cấp lại, thu hồi giấy phép lái xe, sử dụng giấy phép lái xe và tiêu chuẩn của sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô; mẫu giấy phép lái xe quốc tế, cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế; tiêu chuẩn đào tạo, kiểm tra, cấp, cấp lại chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ và tiêu chuẩn của cơ sở đào tạo người điều khiển xe máy chuyên dùng thực hiện bồi dưỡng, kiểm tra, cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có liên quan tới đào tạo, sát hạch, cấp, đổi, cấp lại, thu hồi giấy phép lái xe, sử dụng giấy phép lái xe và tiêu chuẩn của sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô; cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế; đào tạo, kiểm tra, cấp, cấp lại chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ và tiêu chuẩn của cơ sở đào tạo người điều khiển xe máy chuyên dùng thực hiện bồi dưỡng, kiểm tra, cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ.

2. Thông tư này không áp dụng đối với việc sử dụng giấy phép lái xe, cơ sở đào tạo lái xe, tổ chức đào tạo lái xe, sát hạch lái xe; việc cấp, đổi, cấp lại, thu hồi giấy phép lái xe; cấp, cấp lại chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho lực lượng quân đội, công an làm nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Thời gian lái xe an toàn* là thời gian người có giấy phép lái xe có hiệu lực, không để xảy ra tai nạn giao thông đường bộ gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng.

2. *Số phôi giấy phép lái xe* là mã số do nhà sản xuất phôi ghi ở mặt sau của giấy phép lái xe, bao gồm 02 chữ cái và các số phía sau.

3. *Dữ liệu DAT* là tập hợp các thông tin về định danh và quá trình học thực hành lái xe trên đường của học viên, được truyền từ thiết bị DAT lắp trên xe ô tô tập lái để tập lái xe trên đường về máy chủ của cơ sở đào tạo lái xe.

4. *Dữ liệu quản lý DAT* là tập hợp các thông tin về định danh và quá trình học thực hành lái xe trên đường của học viên, được truyền từ máy chủ của cơ sở đào tạo lái xe về máy chủ của Cục Đường bộ Việt Nam.

5. *Thời gian học* lái xe ban đêm là thời gian được tính từ 18 giờ ngày hôm trước đến 05 giờ sáng ngày hôm sau.

6. *Giấy phép lái xe quốc tế* có tên tiếng Anh là International Driving Permit, sau đây gọi tắt là IDP.

7. *Giấy phép lái xe quốc gia* là giấy phép lái xe do cơ quan có thẩm quyền của các nước cấp, có giá trị trên lãnh thổ quốc gia đó.

8. *Hồ sơ điện tử giấy phép lái xe quốc tế* là tập hợp các tài liệu điện tử liên quan đến cấp IDP.

9. *Hệ thống thông tin về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe, chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ* là tập hợp phần cứng, đường truyền và phần mềm phục vụ công tác quản lý thông tin về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe, chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ; bao gồm: Hệ thống thông tin đào tạo lái xe, hệ thống thông tin sát hạch lái xe, hệ thống thông tin giấy phép lái xe và hệ thống thông tin cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ.

10. *Hệ thống thông tin đào tạo lái xe* gồm hệ thống thông tin đào tạo lái xe tại cơ sở đào tạo lái xe và hệ thống thông tin đào tạo lái xe tại Sở Giao thông vận tải.

11. *Hệ thống thông tin sát hạch lái xe* gồm hệ thống thông tin sát hạch lái xe tại trung tâm sát hạch lái xe và hệ thống thông tin sát hạch lái xe tại Sở Giao thông vận tải.

12. *Hệ thống thông tin giấy phép lái xe* gồm hệ thống thông tin giấy phép lái xe tại Cục Đường bộ Việt Nam và hệ thống thông tin giấy phép lái xe tại Sở Giao thông vận tải.

13. *Hệ thống thông tin cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ* gồm hệ thống thông tin cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ tại Cục Đường bộ Việt Nam, hệ thống thông tin cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ tại Sở Giao thông vận tải và hệ thống thông tin cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ tại cơ sở đào tạo.

14. *Hệ thống thông tin người điều khiển xe cơ giới, xe máy chuyên dùng* bao gồm phần cứng, đường truyền và phần mềm phục vụ công tác quản lý thông tin về giấy phép lái xe và chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ.

Điều 4. Chế độ báo cáo

1. Sở Giao thông vận tải gửi báo cáo công tác đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe về Cục Đường bộ Việt Nam, gồm:

a) Tên báo cáo: báo cáo công tác đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe;

b) Nội dung yêu cầu báo cáo:

Về công tác đào tạo lái xe, gồm số lượng: cơ sở đào tạo lái xe đang quản lý, giấy phép đào tạo lái xe, giấy phép xe tập lái, giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe; đánh giá công tác quản lý đào tạo lái xe.

Về công tác sát hạch, cấp giấy phép lái xe, gồm số lượng: trung tâm sát hạch lái xe đang quản lý, giấy phép sát hạch, cấp chấp thuận hoạt động của sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô, giấy phép lái xe các hạng đã cấp; đánh giá công tác quản lý sát hạch lái xe;

c) Phương thức gửi báo cáo: gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc môi trường điện tử;

d) Thời hạn gửi báo cáo: trước ngày 20 tháng 6 hàng năm đối với báo cáo định kỳ 6 tháng đầu năm; trước ngày 20 tháng 12 hàng năm đối với báo cáo định kỳ hàng năm;

đ) Tần suất thực hiện báo cáo: báo cáo định kỳ 06 tháng đầu năm và Báo cáo định kỳ hàng năm;

e) Thời gian chốt số liệu báo cáo: đối với báo cáo định kỳ 06 tháng đầu năm được tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 6 của kỳ báo cáo. Đối với báo cáo định kỳ tổng kết năm được tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước đến ngày 14 tháng 12 năm báo cáo;

g) Mẫu biểu số liệu báo cáo: theo Mẫu số 01 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Cơ sở bồi dưỡng kiến thức pháp luật giao thông đường bộ gửi báo cáo công tác đào tạo, cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ về Sở Giao thông vận tải, gồm:

a) Tên báo cáo: báo cáo về công tác đào tạo, cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ;

b) Nội dung yêu cầu báo cáo: báo cáo về số lớp đào tạo, số học viên được đào tạo, số lượng kiểm tra cấp chứng chỉ, số lượng chứng chỉ đã cấp;

c) Phương thức gửi báo cáo: gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc môi trường điện tử;

d) Thời hạn gửi báo cáo: trước ngày 20 tháng 6 hàng năm đối với báo cáo định kỳ 6 tháng đầu năm; trước ngày 20 tháng 12 hàng năm đối với báo cáo định kỳ tổng kết năm;

đ) Tần suất thực hiện báo cáo: báo cáo định kỳ 06 tháng đầu năm và Báo cáo định kỳ hàng năm;

e) Thời gian chốt số liệu báo cáo: đối với báo cáo định kỳ 06 tháng đầu năm được tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 6 của kỳ báo cáo. Đối với báo cáo định kỳ tổng kết năm được tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước đến ngày 14 tháng 12 năm báo cáo;

g) Mẫu biểu báo cáo: theo Mẫu số 02 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Sở Giao thông vận tải gửi báo cáo công tác đào tạo, cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ về Cục Đường bộ Việt Nam, gồm:

a) Tên báo cáo: báo cáo về công tác đào tạo, cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức về pháp luật về giao thông đường bộ;

b) Nội dung yêu cầu báo cáo: số lượng cơ sở đào tạo, công tác quản lý đào tạo, số học viên được đào tạo, số lượng chứng chỉ đã cấp;

c) Phương thức gửi báo cáo: gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc môi trường điện tử;

d) Thời hạn gửi báo cáo: trước ngày 25 tháng 6 hàng năm đối với báo cáo định kỳ 6 tháng đầu năm; trước ngày 25 tháng 12 hàng năm đối với báo cáo định kỳ tổng kết năm;

đ) Tần suất thực hiện báo cáo: báo cáo định kỳ 06 tháng đầu năm và báo cáo định kỳ hàng năm;

e) Thời gian chốt số liệu báo cáo: đối với báo cáo định kỳ 06 tháng đầu năm được tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 6

của kỳ báo cáo. Đối với báo cáo định kỳ tổng kết năm được tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước đến ngày 14 tháng 12 năm báo cáo;

g) Mẫu biểu báo cáo: theo Mẫu số 03 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

Phần II

ĐÀO TẠO, SÁT HẠCH, CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ

Chương I

ĐÀO TẠO LÁI XE

Điều 5. Hình thức đào tạo

1. Người có nhu cầu cấp giấy phép lái xe mô tô các hạng A1, A và B1:

a) Đối với nội dung học lý thuyết phải học đủ chương trình đào tạo theo quy định tại Thông tư này và được lựa chọn một trong các hình thức học sau: tự học các môn lý thuyết theo quy định của pháp luật về hoạt động đào tạo và sát hạch lái xe hoặc học tập trung tại cơ sở đào tạo lái xe;

b) Đối với nội dung thực hành lái xe: theo hình thức tập trung tại cơ sở đào tạo lái xe.

2. Người có nhu cầu cấp giấy phép lái xe các hạng B, C1, C, D1, D2, D, BE, C1E, CE, D1E, D2E và DE được đào tạo:

a) Đối với nội dung học lý thuyết phải học đủ chương trình đào tạo theo quy định tại Thông tư này và được lựa chọn một trong các hình thức học sau: tập trung tại cơ sở đào tạo lái xe hoặc đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn theo quy định của pháp luật về hoạt động đào tạo và sát hạch lái xe;

b) Đối với nội dung học thực hành lái xe: theo hình thức tập trung tại cơ sở đào tạo lái xe.

Điều 6. Đào tạo lái xe mô tô các hạng A1, A, B1

1. Khối lượng chương trình và phân bổ thời gian đào tạo tối thiểu

SỐ TT	CHỈ TIÊU TÍNH TOÁN CÁC MÔN HỌC	ĐƠN VỊ TÍNH	HẠNG GIẤY PHÉP LÁI XE		
			Hạng A1	Hạng A	Hạng B1
1	Pháp luật về giao thông đường bộ	giờ	8	16	28
2	Cấu tạo và sửa chữa thông thường	giờ	-	-	4

3	Kỹ thuật lái xe	giờ	2	4	4
4	Số giờ học thực hành lái xe/học viên	giờ	2	12	8
5	Số km thực hành lái xe/học viên	km	-	-	60
	Tổng thời gian đào tạo	**giờ**	**12**	**32**	**44**

2. Tổ chức khóa đào tạo

a) Cơ sở đào tạo lái xe căn cứ các nội dung gồm: khối lượng chương trình và phân bổ thời gian đào tạo quy định tại khoản 1 Điều này và Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này; thời gian ôn tập, kiểm tra hết môn để xây dựng tổng thời gian khóa đào tạo trong chương trình đào tạo lái xe không quá 10 ngày (không kể ngày nghỉ lễ, Tết);

b) Số học viên học thực hành lái xe được quy định cho một xe tập lái hạng B1 không quá 05 học viên; trong đó, quãng đường tập lái xe được tính cho từng học viên và thời gian tập lái xe trên sân tập lái được tính cho nhóm học viên trên xe tập lái.

3. Báo cáo đăng ký sát hạch

Cơ sở đào tạo lái xe tiếp nhận hồ sơ của người học lái xe đảm bảo đủ điều kiện và thành phần hồ sơ theo quy định tại Điều 14, Điều 15 Thông tư này; lập báo cáo đăng ký sát hạch (báo cáo 1) gửi Sở Giao thông vận tải bằng một trong các hình thức: trực tiếp, dịch vụ bưu chính, trên môi trường điện tử đồng thời truyền dữ liệu qua hệ thống thông tin giấy phép lái xe:

a) Đào tạo lái xe mô tô các hạng A1, A: cơ sở đào tạo lái xe lập báo cáo đăng ký sát hạch theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này gửi Sở Giao thông vận tải; báo cáo phải có dấu giáp lai của cơ sở đào tạo lái xe;

b) Báo cáo 1 các hạng A1, A trước kỳ sát hạch tối thiểu 04 ngày làm việc, hạng B1 ngay sau khai giảng; Thủ trưởng đơn vị được Sở Giao thông vận tải giao nhiệm vụ quản lý sát hạch, cấp giấy phép lái xe kiểm tra, ký tên vào từng trang (bao gồm tất cả các trang của báo cáo 1);

c) Đào tạo lái xe hạng B1: cơ sở đào tạo lái xe lập báo cáo đăng ký sát hạch lái xe, danh sách học viên (báo cáo 1), kế hoạch đào tạo theo quy định tại Mẫu số 01, Mẫu số 02 và Mẫu số 04 Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này gửi Sở Giao thông vận tải; báo cáo phải có dấu giáp lai của cơ sở đào tạo lái xe;

d) Báo cáo đăng ký sát hạch hạng A1 đối với người dân tộc thiểu số không biết đọc, viết tiếng Việt gửi về Sở Giao thông vận tải trước kỳ sát hạch tối thiểu 30 ngày.

4. Kiểm tra hoàn thành khoá đào tạo

a) Hạng B1 phải kiểm tra các môn lý thuyết và thực hành tại cơ sở đào tạo lái xe để được xét hoàn thành khóa đào tạo, gồm: môn học lý thuyết theo bộ câu hỏi sát hạch lý thuyết (nội dung bộ câu hỏi gồm các môn học: pháp luật về giao thông đường bộ; cấu tạo và sửa chữa thông thường; kỹ thuật lái xe); môn học thực hành lái xe với bài thi tiến lùi hình chữ chi;

b) Điểm đánh giá kết quả học tập của học viên theo thang điểm 10 (từ 1 đến 10), có tính đến hàng thập phân 1 con số. Điểm kiểm tra đạt mỗi môn học từ 5,0 điểm trở lên;

c) Xét hoàn thành khóa đào tạo: người học lái xe có 100% các bài kiểm tra khi kết thúc môn học trong chương trình đào tạo có điểm kiểm tra đạt mỗi môn học từ 5,0 điểm trở lên.

Điều 7. Đào tạo lái xe các hạng B, C1

1. Khối lượng chương trình và phân bổ thời gian đào tạo tối thiểu

SỐ TT	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ TÍNH	HẠNG GIẤY PHÉP LÁI XE		
			Hạng B		Hạng C1
			Học xe chuyển số tự động (bao gồm cả xe ô tô điện)	Học xe chuyển số cơ khí (số sàn)	
I. Đào tạo lý thuyết		**giờ**	**136**	**152**	**152**
1	Pháp luật về giao thông đường bộ	giờ	90	90	90
2	Cấu tạo và sửa chữa thông thường	giờ	8	18	18
3	Đạo đức, văn hóa giao thông và phòng chống tác hại của rượu, bia khi tham gia giao thông	giờ	10	16	16
	Kỹ năng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ	giờ	4	4	4
4	Kỹ thuật lái xe	giờ	20	20	20
5	Học phần mềm mô phỏng các tình huống giao thông	giờ	4	4	4
II. Đào tạo thực hành		**giờ**	**67**	**83**	**93**

1	Thời gian học thực hành lái xe trên sân tập lái của 01 học viên	giờ	41	41	43
2	Thời gian thực hành lái xe trên đường giao thông của 01 học viên	giờ	24	40	48
3	Số giờ thực hành trên ca bin học lái xe ô tô/01 học viên	giờ	2	2	2
4	Tổng quãng đường đào tạo thực hành của 01 học viên	km	**1.000**	**1.100**	**1.100**
Trong đó	Quãng đường học thực hành lái xe trên sân tập lái của 01 học viên	km	290	290	275
	Quãng đường thực hành lái xe trên đường giao thông của 01 học viên	km	710	810	825
III. Tổng thời gian đào tạo		**giờ**	**203**	**235**	**245**

2. Tổ chức khóa đào tạo

a) Cơ sở đào tạo lái xe căn cứ các nội dung gồm: khối lượng chương trình và phân bổ thời gian đào tạo quy định tại khoản 1 Điều này và Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này; thời gian ôn tập, kiểm tra hết môn và nghỉ lễ, Tết để xây dựng tổng thời gian khóa đào tạo trong chương trình đào tạo lái xe không quá 90 ngày;

b) Số học viên học thực hành lái xe được quy định cho một xe tập lái: hạng B không quá 05 học viên, hạng C1 không quá 08 học viên; trong đó, quãng đường tập lái xe được tính cho từng học viên và thời gian tập lái xe trên sân tập lái được tính cho nhóm học viên trên xe tập lái.

3. Báo cáo đăng ký sát hạch

Cơ sở đào tạo lái xe tiếp nhận hồ sơ của người học lái xe đảm bảo đủ điều kiện và thành phần hồ sơ theo quy định tại Điều 14, Điều 15 Thông tư này; lập báo cáo đăng ký sát hạch (báo cáo 1) gửi Sở Giao thông vận tải bằng một trong các hình thức: trực tiếp, dịch vụ bưu chính, trên môi trường điện tử đồng thời truyền dữ liệu qua hệ thống thông tin giấy phép lái xe:

a) Đào tạo lái xe các hạng B, C1: cơ sở đào tạo lái xe lập báo cáo đăng ký sát hạch lái xe, danh sách học viên (báo cáo 1), kế hoạch đào tạo theo quy định tại Mẫu số 01, Mẫu số 02, Mẫu số 04 Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này gửi Sở Giao thông vận tải; báo cáo phải có dấu giáp lai của cơ sở đào tạo lái xe;

b) Báo cáo 1 các hạng B, C1 không quá 07 ngày làm việc sau khai giảng; Thủ

trưởng đơn vị được Sở Giao thông vận tải giao nhiệm vụ quản lý sát hạch, cấp giấy phép lái xe kiểm tra, ký tên vào từng trang (bao gồm tất cả các trang của báo cáo 1).

4. Kiểm tra hoàn thành khóa đào tạo

Kiểm tra các môn học lý thuyết và học thực hành tại cơ sở đào tạo lái xe, để được xét hoàn thành khóa đào tạo, gồm:

a) Kiểm tra khi kết thúc môn học lý thuyết theo bộ câu hỏi sát hạch lý thuyết, nội dung bộ câu hỏi gồm các môn học: pháp luật về giao thông đường bộ; cấu tạo và sửa chữa thông thường; đạo đức, văn hoá giao thông, phòng chống tác hại của rượu bia khi tham gia giao thông, kỹ năng phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ; kỹ thuật lái xe; mô phỏng các tình huống giao thông;

b) Kiểm tra khi kết thúc môn học thực hành lái xe với các bài thi liên hoàn, bài tiến lùi hình chữ chi và lái xe trên đường;

c) Nội dung, hình thức kiểm tra khi kết thúc môn học do người đứng đầu cơ sở đào tạo lái xe quyết định. Người học lái xe được kiểm tra kết thúc môn học khi tham dự tối thiểu 70% thời gian học các môn lý thuyết; học đủ thời gian và tối thiểu 50% số km học thực hành lái xe trên sân tập lái; học đủ số km và tối thiểu 50% thời gian học thực hành lái xe trên đường;

d) Điểm đánh giá kết quả học tập nội dung lý thuyết của học viên theo thang điểm 10 (từ 1 đến 10), có tính đến hàng thập phân 1 con số; đối với nội dung kiểm tra môn học thực hành lái xe với các bài thi liên hoàn được đánh giá theo Phụ lục XV ban hành kèm theo Thông tư này;

đ) Xét hoàn thành khóa đào tạo: người học lái xe có 100% các bài kiểm tra khi kết thúc môn học trong chương trình đào tạo có điểm kiểm tra đạt mỗi môn học từ 5,0 điểm trở lên.

5. Quá thời hạn 01 (một) năm kể từ ngày cơ sở đào tạo lái xe tổ chức xét hoàn thành khóa đào tạo lần đầu mà học viên không đủ điều kiện để được xét hoàn thành khóa đào tạo thì học viên phải được đào tạo lại theo khóa đào tạo mới.

Điều 8. Đào tạo nâng hạng giấy phép lái xe

1. Khối lượng chương trình và phân bổ thời gian đào tạo tối thiểu:

a) Bảng số 1

SỐ TT	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ TÍNH	HẠNG GIẤY PHÉP LÁI XE				
			B lên C1	B lên C	B lên D1	B lên D2	B lên BE
I. Đào tạo lý thuyết		**giờ**	**20**	**40**	**48**	**48**	**40**
1	Pháp luật về giao thông đường bộ	giờ	8	16	20	20	16

2	Kiến thức mới về xe nâng hạng	giờ	4	8	8	8	8
3	Đạo đức, văn hóa giao thông và phòng chống tác hại của rượu, bia khi tham gia giao thông	giờ	3	10	14	14	10
	Kỹ năng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ	giờ	4	4	4	4	4
4	Học phần mềm mô phỏng các tình huống giao thông	giờ	1	2	2	2	2
II. Đào tạo thực hành		**giờ**	**9**	**17**	**27**	**27**	**17**
1	Thời gian học thực hành lái xe trên sân tập lái của 01 học viên	giờ	4	7	12	12	7
2	Thời gian thực hành lái xe trên đường giao thông của 01 học viên	giờ	5	10	15	15	10
3	Tổng quãng đường đào tạo thực hành của 01 học viên	km	**120**	**240**	**380**	**380**	**240**
Trong đó	Quãng đường học thực hành lái xe trên sân tập lái của 01 học viên	km	15	30	52	52	30
	Quãng đường thực hành lái xe trên đường giao thông của 01 học viên	km	105	210	328	328	210
III. Tổng thời gian đào tạo		**giờ**	**29**	**57**	**75**	**75**	**57**

b) Bảng số 2

SỐ TT	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ TÍNH	HẠNG GIẤY PHÉP LÁI XE			
			C1 lên C	C1 lên D1	C1 lên D2	C1 lên C1E
I. Đào tạo lý thuyết		**giờ**	**20**	**24**	**40**	**40**
1	Pháp luật về giao thông đường bộ	giờ	8	10	16	16
2	Kiến thức mới về xe nâng hạng	giờ	4	4	8	8
3	Đạo đức, văn hóa giao thông và phòng chống tác hại của rượu, bia khi tham gia giao thông;	giờ	3	5	10	10
	Kỹ năng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ	giờ	4	4	4	4
4	Học phần mềm mô phỏng các tình huống giao thông	giờ	1	1	2	2
II. Đào tạo thực hành		**giờ**	**9**	**14**	**17**	**27**
1	Thời gian học thực hành lái xe trên sân tập lái của 01 học viên	giờ	4	6	7	10
2	Thời gian thực hành lái xe trên đường giao thông của 01 học viên	giờ	5	8	10	17
3	**Tổng quãng đường đào tạo thực hành của 01 học viên**	km	**120**	**190**	**240**	**380**
Trong đó	Quãng đường học thực hành lái xe trên sân tập lái của 01 học viên	km	15	26	30	40
	Quãng đường thực hành lái xe trên đường giao thông của 01 học viên	km	105	164	210	340
III. Tổng thời gian đào tạo		**giờ**	**29**	**38**	**57**	**67**

c) Bảng số 3

SỐ TT	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ TÍNH	HẠNG GIẤY PHÉP LÁI XE			
			C lên D1	C lên D2	C lên D	C lên CE
I. Đào tạo lý thuyết		**giờ**	**20**	**24**	**48**	**40**
1	Pháp luật về giao thông đường bộ	giờ	8	10	20	16
2	Kiến thức mới về xe nâng hạng	giờ	4	4	8	8
3	Đạo đức, văn hóa giao thông và phòng chống tác hại của rượu, bia khi tham gia giao thông	giờ	3	5	14	10
	kỹ năng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ	giờ	4	4	4	4
4	Học phần mềm mô phỏng các tình huống giao thông	giờ	1	1	2	2
II. Đào tạo thực hành		**giờ**	**9**	**14**	**27**	**17**
1	Thời gian học thực hành lái xe trên sân tập lái của 01 học viên	giờ	4	6	12	7
2	Thời gian thực hành lái xe trên đường giao thông của 01 học viên	giờ	5	8	15	10
3	**Tổng quãng đường đào tạo thực hành của 01 học viên**	km	**120**	**190**	**380**	**240**
Trong đó	Quãng đường học thực hành lái xe trên sân tập lái của 01 học viên	km	15	26	52	30
	Quãng đường thực hành lái xe trên đường giao thông của 01 học viên	km	105	164	328	210
III. Tổng thời gian đào tạo		**giờ**	**29**	**38**	**75**	**57**

d) Bảng số 4

SỐ TT	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ TÍNH	HẠNG GIẤY PHÉP LÁI XE					
			D1 lên D2	D1 lên D	D1 lên D1E	D2 lên D	D2 lên D2E	D lên DE
I. Đào tạo lý thuyết		**giờ**	**20**	**40**	**40**	**24**	**40**	**40**
1	Pháp luật về giao thông đường bộ	giờ	8	16	16	10	16	16
2	Kiến thức mới về xe nâng hạng	giờ	4	8	8	4	8	8
3	Đạo đức, văn hóa giao thông và phòng chống tác hại của rượu, bia khi tham gia giao thông	giờ	3	10	10	5	10	10
	Kỹ năng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ	giờ	4	4	4	4	4	4
4	Học phần mềm mô phỏng các tình huống giao thông	giờ	1	2	2	1	2	2
II. Đào tạo thực hành		**giờ**	**9**	**27**	**27**	**14**	**27**	**27**
1	Thời gian học thực hành lái xe trên sân tập lái của 01 học viên	giờ	4	10	10	6	10	10
2	Thời gian thực hành lái xe trên đường giao thông của 01 học viên	giờ	5	17	17	8	17	17
3	Tổng quãng đường đào tạo thực hành của 01 học viên	Km	**120**	**380**	**380**	**190**	**380**	**380**
Trong đó	Quãng đường học thực hành lái xe trên sân tập lái của 01 học viên	Km	15	40	40	26	40	40
	Quãng đường thực hành lái xe trên đường giao thông của 01 học viên	Km	105	340	340	164	340	340
III. Tổng thời gian đào tạo		**giờ**	**29**	**67**	**67**	**38**	**67**	**67**

2. Tổ chức khóa đào tạo

a) Cơ sở đào tạo lái xe căn cứ các nội dung, gồm: khối lượng chương trình và phân bổ thời gian đào tạo quy định tại khoản 1 Điều này, Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này, thời gian ôn tập, kiểm tra hết môn và nghỉ lễ, Tết để xây dựng tổng thời gian khóa đào tạo trong chương trình đào tạo lái xe đối với học nâng hạng không quá 60 ngày;

b) Số học viên được quy định trên 01 xe tập lái đối với học nâng hạng: B lên BE không quá 5 học viên; B lên C1, B lên C, C1 lên C, C1 lên C1E, C lên CE không quá 08 học viên; B lên D1, B lên D2, C1 lên D1, C1 lên D2, C lên D1, C lên D2, C lên D, D1 lên D2, D1 lên D, D1 lên D1E, D2 lên D, D2 lên D2E, D lên DE không quá 10 học viên. Trong đó, quãng đường tập lái xe được tính cho từng học viên và thời gian tập lái xe trên sân tập lái được tính cho nhóm học viên trên xe tập lái.

3. Báo cáo đăng ký sát hạch

Cơ sở đào tạo lái xe tiếp nhận hồ sơ của người học lái xe đảm bảo đủ điều kiện và thành phần hồ sơ theo quy định tại Điều 14, Điều 15 Thông tư này; lập báo cáo đăng ký sát hạch (báo cáo 1) gửi Sở Giao thông vận tải bằng một trong các hình thức: trực tiếp, dịch vụ bưu chính, trên môi trường điện tử đồng thời truyền dữ liệu qua hệ thống thông tin giấy phép lái xe:

a) Đào tạo lái xe các hạng BE, C1E, C, CE, D1, D1E, D2, D2E, D, DE: cơ sở đào tạo lái xe lập báo cáo đăng ký sát hạch lái xe, danh sách học viên (báo cáo 1), danh sách đề nghị xác minh giấy phép lái xe đã cấp đối với trường hợp nâng hạng giấy phép lái xe, kế hoạch đào tạo theo quy định tại Mẫu số 01, Mẫu số 02, Mẫu số 03 và Mẫu số 04 Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này gửi Sở Giao thông vận tải; báo cáo phải có dấu giáp lai của cơ sở đào tạo lái xe;

b) Báo cáo 1 các hạng BE, C1E, C, CE, D1, D1E, D2, D2E, D, DE không quá 07 ngày làm việc sau khai giảng; Thủ trưởng đơn vị được Sở Giao thông vận tải giao nhiệm vụ quản lý sát hạch, cấp giấy phép lái xe kiểm tra, ký tên vào từng trang (bao gồm tất cả các trang của báo cáo 1).

4. Kiểm tra hoàn thành khoá đào tạo

Kiểm tra các môn học lý thuyết và học thực hành tại cơ sở đào tạo lái xe để được xét hoàn thành khóa đào tạo, gồm:

a) Kiểm tra khi kết thúc môn học lý thuyết theo bộ câu hỏi sát hạch lý thuyết, nội dung bộ câu hỏi gồm các môn học: pháp luật về giao thông đường bộ; đạo đức, văn hoá giao thông, phòng chống tác hại của rượu bia khi tham gia giao thông, kỹ năng phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ; mô phỏng các tình huống giao thông; kiến thức mới về xe nâng hạng;

b) Kiểm tra khi kết thúc môn học thực hành lái xe với các bài thi liên hoàn, bài tiến lùi hình chữ chi và lái xe trên đường;

c) Nội dung, hình thức kiểm tra khi kết thúc môn học do người đứng đầu cơ sở đào tạo lái xe quyết định. Người học lái xe được kiểm tra kết thúc môn học khi tham dự ít nhất 70% thời gian học các môn lý thuyết; học đủ thời gian và tối thiểu 50% số km học thực hành lái xe trên sân tập lái; học đủ số km và tối thiểu 50% thời gian học thực hành lái xe trên đường;

d) Điểm đánh giá kết quả học tập nội dung lý thuyết của học viên theo thang điểm 10 (từ 1 đến 10), có tính đến hàng thập phân 1 con số; đối với nội dung kiểm tra môn học thực hành lái xe với các bài thi liên hoàn được đánh giá theo Phụ lục XV, Phụ lục XVI và Phụ lục XVII ban hành kèm theo Thông tư này;

đ) Xét hoàn thành khóa đào tạo: người học lái xe có 100% các bài kiểm tra khi kết thúc môn học trong chương trình đào tạo có điểm kiểm tra đạt mỗi môn học từ 5,0 điểm trở lên.

5. Quá thời hạn 01 (một) năm kể từ ngày cơ sở đào tạo lái xe tổ chức xét hoàn thành khóa đào tạo lần đầu mà học viên không đủ điều kiện để được xét hoàn thành khóa đào tạo thì học viên phải được đào tạo lại theo khóa đào tạo mới.

Điều 9. Tiêu chuẩn của cơ sở đào tạo lái xe mô tô

1. Hệ thống phòng học chuyên môn:

a) Phòng học lý thuyết: có các trang thiết bị làm công cụ hỗ trợ việc giảng dạy về các nội dung: pháp luật giao thông đường bộ, trường hợp các thiết bị công nghệ thông tin chưa mô tả hệ thống báo hiệu đường bộ, sa hình, thì phải có hệ thống tranh vẽ;

b) Phòng học kỹ thuật lái xe: có các thiết bị công nghệ thông tin làm công cụ hỗ trợ việc giảng dạy về cấu tạo; có mô hình cắt bổ động cơ, hệ thống truyền lực và hệ thống điện; trường hợp các thiết bị công nghệ thông tin chưa mô tả thì phải có hệ thống tranh vẽ; có các thiết bị công nghệ thông tin làm công cụ hỗ trợ việc giảng dạy về kỹ thuật lái xe; trường hợp, các thiết bị công nghệ thông tin chưa mô tả thì phải có hệ thống tranh vẽ;

c) Phòng học thực tập bảo dưỡng sửa chữa hạng B1: có hệ thống thông gió và chiếu sáng bảo đảm các yêu cầu về an toàn, vệ sinh lao động; nền nhà không gây bụi; có trang bị đồ nghề chuyên dùng để bảo dưỡng sửa chữa; có bàn tháo lắp, bảng, bàn ghế cho giảng dạy, thực tập; có trang bị đồ nghề chuyên dùng để hướng dẫn học viên thực hành tháo lắp lốp, kiểm tra dầu xe, nước làm mát.

2. Xe tập lái: phù hợp với các hạng xe quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 1 Điều 57 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

3. Sân tập lái xe mô tô: thông số kỹ thuật các hình tập lái phù hợp kích thước hình sát hạch theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trung tâm sát hạch lái xe cơ giới đường bộ đối với từng hạng xe tương ứng.

Điều 10. Tài liệu phục vụ đào tạo và quản lý đào tạo của cơ sở đào tạo lái xe

1. Giáo trình đào tạo lái xe phù hợp với chương trình khung đào tạo lái xe quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này; cơ sở đào tạo lái xe thực hiện quy trình biên soạn, thẩm định, ban hành giáo trình theo quy trình quy định tại Điều 11 Thông tư này.

2. Biểu mẫu, sổ sách sử dụng đối với cơ sở đào tạo lái xe ô tô bao gồm:

a) Báo cáo đăng ký sát hạch;

b) Kế hoạch đào tạo;

c) Sổ phân công giáo viên, xe tập lái tham gia giảng dạy theo mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này;

d) Mẫu tiến độ đào tạo lái xe ô tô theo mẫu quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này;

đ) Sổ theo dõi kết quả học tập theo mẫu quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư này;

e) Sổ tay giáo viên theo quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư này;

g) Sổ theo dõi học viên xét hoàn thành khóa đào tạo theo quy định tại Phụ lục IX ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Cơ sở đào tạo lái xe mô tô các hạng A1, A, B1 sử dụng các tài liệu quy định tại điểm a, điểm e khoản 2 Điều này làm tài liệu quản lý đào tạo.

4. Cơ sở đào tạo lái xe ô tô sử dụng các tài liệu quy định tại khoản 2 Điều này, dữ liệu quản lý thời gian học lý thuyết môn học pháp luật về giao thông đường bộ (đối với học tập trung), dữ liệu quản lý học viên trên phần mềm quản lý (đối với học từ xa, tự học có hướng dẫn), dữ liệu giám sát thời gian và quãng đường học lái xe trên đường và dữ liệu học thực hành lái xe trên ca bin học lái xe ô tô của học viên làm tài liệu quản lý đào tạo.

Điều 11. Quy trình biên soạn, thẩm định ban hành giáo trình và chương trình đào tạo

1. Biên soạn giáo trình đào tạo, chương trình chi tiết.

2. Thẩm định giáo trình đào tạo, chương trình chi tiết.

3. Ban hành giáo trình đào tạo, chương trình chi tiết.

4. Quy trình biên soạn, thẩm định và ban hành giáo trình đào tạo, chương trình chi tiết thực hiện theo quy định tại Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 12. Đào tạo đối với người khuyết tật

1. Đào tạo để sát hạch, cấp giấy phép lái xe hạng A1 cho người khuyết tật điều khiển xe mô tô ba bánh dùng cho người khuyết tật

a) Người học lái xe lựa chọn hình thức đào tạo lái xe theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư này;

b) Phải học đủ nội dung và chương trình theo quy định tại Điều 6 Thông tư này.

2. Đào tạo để sát hạch, cấp giấy phép lái xe hạng B số tự động

a) Đào tạo để sát hạch, cấp giấy phép lái xe hạng B số tự động cho người khuyết tật bàn chân phải hoặc bàn tay phải hoặc bàn tay trái:

Người học lái xe lựa chọn hình thức đào tạo lái xe theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư này.

Người học lái xe phải học đủ nội dung và chương trình theo quy định tại Điều 7 Thông tư này; được thay nội dung học lái xe trên ca bin học lái xe ô tô bằng nội dung học trên xe tập lái;

b) Đào tạo để sát hạch, cấp giấy phép lái xe hạng B số tự động cho người khuyết tật trừ người khuyết tật bàn chân phải hoặc bàn tay phải hoặc bàn tay trái:

Người học lái xe lựa chọn hình thức đào tạo lái xe theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư này.

Người học lái xe phải học đủ nội dung và chương trình theo quy định tại Điều 7 Thông tư này.

Điều 13. Đào tạo lái xe mô tô hạng A1 đối với người dân tộc thiểu số không biết đọc, viết tiếng Việt

1. Hình thức đào tạo: người có nhu cầu cấp giấy phép lái xe phải đăng ký tại cơ sở đào tạo lái xe để được ôn luyện theo chương trình đào tạo lái xe quy định tại Điều 6 và Mục A Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này. Lớp học cho người dân tộc thiểu số không biết đọc, viết tiếng Việt phải giảng dạy riêng và có người phiên dịch tiếng dân tộc thiểu số.

2. Phương pháp đào tạo: bằng hình ảnh trực quan, tranh vẽ hệ thống biển báo hiệu đường bộ, mô hình, sa hình và kỹ năng xử lý tình huống giao

thông đường bộ; hỏi - đáp và thực hành làm mẫu để thực hiện nội dung chương trình đào tạo lái xe.

Điều 14. Yêu cầu đối với người học lái xe

1. Là công dân Việt Nam, người nước ngoài được phép cư trú hoặc đang làm việc, học tập tại Việt Nam.

2. Người học lái xe để nâng hạng giấy phép lái xe phải đáp ứng theo quy định tại khoản 4 Điều 60 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ; trong đó, thời gian lái xe an toàn cho từng hạng giấy phép lái xe được quy định cụ thể như sau:

a) Hạng B lên C1, B lên C, B lên D1, B lên BE, C1 lên C, C1 lên D1, C1 lên D2, C1 lên C1E, C lên D1, C lên D2, D1 lên D2, D1 lên D, D1 lên D1E, D2 lên D, D2 lên D2E, D lên DE: thời gian lái xe an toàn từ 02 năm trở lên;

b) Hạng B lên D2, C lên CE, C lên D: thời gian lái xe an toàn từ 03 năm trở lên.

3. Người đã có giấy phép lái xe hạng B số tự động được đăng ký học để cấp mới giấy phép lái xe hạng B số cơ khí (số sàn), người đã có giấy phép lái xe hạng B được đăng ký học để cấp mới giấy phép lái xe hạng C1 và phải học đủ nội dung chương trình đào tạo lái xe theo quy định, hồ sơ của người học lái xe thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Thông tư này; trường hợp đạt kết quả sát hạch, cơ quan tổ chức sát hạch có văn bản đề nghị cơ quan đã cấp giấy phép xe cắt góc giấy phép lái xe cũ và có văn bản đề nghị Cục Đường bộ Việt Nam xóa số quản lý giấy phép lái xe đã cấp.

Điều 15. Hồ sơ của người học lái xe

1. Người học lái xe lần đầu lập 01 bộ hồ sơ, nộp trực tiếp tại cơ sở đào tạo và chụp ảnh trực tiếp lưu trữ trong cơ sở dữ liệu giấy phép lái xe. Hồ sơ bao gồm:

a) Đơn đề nghị học, sát hạch để cấp giấy phép lái xe theo mẫu quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bản sao hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử được cấp từ sổ gốc một trong các giấy tờ sau: thẻ tạm trú, thẻ thường trú, chứng minh thư ngoại giao, chứng minh thư công vụ (đối với người nước ngoài).

2. Người học lái xe nâng hạng lập 01 bộ hồ sơ, nộp trực tiếp tại cơ sở đào tạo và chụp ảnh trực tiếp lưu trữ trong cơ sở dữ liệu giấy phép lái xe. Hồ sơ bao gồm:

a) Giấy tờ quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Bản sao bằng tốt nghiệp trung học cơ sở hoặc bằng cấp tương đương trở lên đối với trường hợp nâng hạng giấy phép lái xe lên các hạng D1, D2 và D (xuất trình bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc);

c) Bản khai thời gian lái xe an toàn theo mẫu quy định tại Phụ lục XII ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Người dân tộc thiểu số không biết đọc, viết tiếng Việt học lái xe mô tô hạng A1 lập 01 bộ hồ sơ, nộp trực tiếp tại cơ sở đào tạo. Hồ sơ bao gồm: Giấy khám sức khoẻ của người lái xe do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đủ tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh cấp.

Điều 16. Lưu trữ tài liệu đào tạo lái xe, quản lý học viên của các cơ sở đào tạo lái xe giải thể hoặc bị thu hồi giấy phép đào tạo lái xe

1. Cơ sở đào tạo lái xe lưu trữ hồ sơ, tài liệu liên quan của khoá đào tạo

a) Không thời hạn đối với sổ theo dõi học viên hoàn thành khóa đào tạo; phương án hoạt động của cơ sở đào tạo lái xe mô tô các hạng A1, A, B1;

b) 03 năm đối với: hồ sơ kiểm tra hoàn thành khóa học, dữ liệu lưu trữ quản lý thời gian học lý thuyết môn học pháp luật về giao thông đường bộ đối với học viên học lái xe ô tô, dữ liệu thời gian học thực hành lái xe trên ca bin học lái xe ô tô, dữ liệu giám sát thời gian và quãng đường học lái xe trên đường của học viên, dữ liệu quản lý thời gian học lý thuyết đối với hình thức đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn thực hiện lưu trữ điện tử, các tài liệu quy định tại điểm a, điểm b, điểm c và điểm e quy định tại khoản 2 Điều 10 Thông tư này.

2. Sở Giao thông vận tải lưu trữ tài liệu về đào tạo, gồm:

a) Báo cáo đăng ký sát hạch lái xe của cơ sở đào tạo;

b) Danh sách đề nghị xác minh giấy phép lái xe đã cấp đối với trường hợp nâng hạng giấy phép lái xe của cơ sở đào tạo;

c) Kế hoạch đào tạo của cơ sở đào tạo;

d) Biên bản kiểm tra cơ sở đào tạo của Sở Giao thông vận tải;

đ) Thời gian lưu trữ các tài liệu quy định tại điểm a, điểm b, điểm c và điểm d khoản này là 03 năm.

3. Quản lý học viên của các cơ sở đào tạo lái xe giải thể hoặc bị thu hồi giấy phép đào tạo lái xe

a) Cơ sở đào tạo lái xe giải thể có trách nhiệm:

Trong thời hạn 10 ngày (trừ cơ sở đào tạo lái xe giải thể trước ngày Thông tư này có hiệu lực) kể từ ngày quyết định giải thể của cơ sở đào tạo có hiệu lực, bàn giao đầy đủ hồ sơ cho cơ sở đào tạo lái xe chấp thuận tiếp tục đào tạo gồm: báo cáo đăng ký sát hạch lái xe, danh sách học viên (báo cáo 1) và hồ sơ của người học lái xe; báo cáo Sở Giao thông vận tải để theo dõi, quản lý.

Trong thời hạn 10 ngày (trừ cơ sở đào tạo lái xe giải thể trước ngày Thông tư này có hiệu lực) kể từ ngày quyết định giải thể của cơ sở đào tạo có hiệu lực, thực hiện rà soát, lập danh sách thí sinh đã được cấp chứng chỉ sơ cấp nghề hoặc chứng chỉ đào tạo hoặc xác nhận hoàn thành khoá đào tạo và bàn giao hồ sơ của học viên hiện đang quản lý cho Sở Giao thông vận tải để tiếp tục theo dõi và quản lý;

b) Cơ sở đào tạo lái xe khi bị thu hồi giấy phép đào tạo lái xe có trách nhiệm:

Trong thời hạn 10 ngày (trừ cơ sở đào tạo lái xe bị thu hồi giấy phép đào tạo lái xe trước ngày Thông tư này có hiệu lực) kể từ ngày quyết định thu hồi giấy phép đào tạo lái xe có hiệu lực, thực hiện rà soát, tổng hợp và lập danh sách học viên hiện đang quản lý; xây dựng phương án giải quyết quyền lợi đối với học viên đang đào tạo và báo cáo về Sở Giao thông vận tải để theo dõi, quản lý.

Đảm bảo quyền lợi của người học lái xe theo hợp đồng đào tạo. Trường hợp học viên chấp thuận phương án được tiếp tục đào tạo thì thương thảo với các cơ sở đào tạo lái xe trên địa bàn để bàn giao nghĩa vụ đào tạo. Trường hợp học viên không chấp thuận phương án tiếp tục đào tạo thì thoả thuận với học viên và thực hiện thanh lý hợp đồng.

Trong thời hạn 20 ngày (trừ cơ sở đào tạo lái xe bị thu hồi giấy phép đào tạo lái xe trước ngày Thông tư này có hiệu lực) kể từ ngày quyết định thu hồi giấy phép đào tạo lái xe có hiệu lực, bàn giao danh sách học viên hiện đang quản lý kèm theo hồ sơ gồm: danh sách học viên (báo cáo 1), báo cáo đăng ký sát hạch lái xe và hồ sơ, dữ liệu (nếu có) cho cơ sở đào tạo lái xe tiếp nhận, bàn giao; đồng thời báo cáo về Sở Giao thông vận tải để theo dõi, quản lý;

c) Cơ sở đào tạo lái xe tiếp nhận học viên thuộc các cơ sở đào tạo lái xe giải thể hoặc bị thu hồi giấy phép đào tạo lái xe: tiếp nhận hồ sơ tài liệu quy định tại điểm a và điểm b khoản này và có trách nhiệm tiếp tục quản lý học viên theo quy định hiện hành. Việc bàn giao phải lập biên bản, bao gồm các nội dung sau: ghi đầy đủ, rõ ràng tài liệu bàn giao; cam kết và trách nhiệm của mỗi bên (bên giao và bên nhận đều có nghĩa vụ và trách nhiệm liên quan đến hồ sơ, tài liệu, tài sản đã bàn giao).

Chương II

SÁT HẠCH LÁI XE

Điều 17. Hình thức, nội dung và quy trình sát hạch lái xe

1. Sát hạch lý thuyết

a) Sát hạch lý thuyết: gồm các câu hỏi liên quan đến quy định của pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ, kỹ thuật lái xe; nội dung liên quan đến cấu tạo và sửa chữa thông thường (đối với giấy phép lái xe hạng B1 và đối với giấy phép lái xe ô tô từ hạng B trở lên); đạo đức người lái xe, văn hóa giao thông và phòng chống tác hại của rượu, bia khi tham gia giao thông, kỹ năng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (đối với giấy phép lái xe ô tô từ hạng B trở lên).

Thí sinh dự sát hạch lái xe hạng A1 có giấy phép lái xe ô tô còn hiệu lực do ngành Giao thông vận tải cấp được miễn sát hạch lý thuyết;

b) Sát hạch lý thuyết thực hiện trên máy vi tính.

2. Sát hạch thực hành lái xe trong hình

a) Đối với các hạng A1, A

Thực hiện sát hạch bằng phương pháp sử dụng thiết bị chấm điểm tự động.

Người dự sát hạch phải điều khiển xe mô tô qua 04 bài sát hạch: đi theo hình số 8, qua vạch đường thẳng, qua đường có vạch cản, qua đường gồ ghề;

b) Đối với hạng B1

Thực hiện sát hạch bằng phương pháp chấm điểm trực tiếp. Người dự sát hạch phải điều khiển xe tiến qua hình chữ chi và lùi theo hướng ngược lại;

c) Đối với các hạng B, C1, C, D1, D2, D

Thực hiện sát hạch bằng phương pháp sử dụng thiết bị chấm điểm tự động; không có sát hạch viên ngồi trên xe sát hạch.

Người dự sát hạch phải thực hiện đúng trình tự và điều khiển xe qua các bài sát hạch đã bố trí tại trung tâm sát hạch lái xe gồm: xuất phát, dừng xe nhường đường cho người đi bộ, dừng và khởi hành xe trên dốc, qua vệt bánh xe và đường vòng vuông góc, qua ngã tư có đèn tín hiệu điều khiển giao thông, qua đường vòng quanh co, ghép xe vào nơi đỗ (hạng B và C1 thực hiện ghép xe dọc; hạng B, C, D1, D2 và D thực hiện ghép xe ngang), tạm dừng ở chỗ có đường sắt chạy qua, thao tác khi gặp tình huống nguy hiểm, thay đổi số trên đường bằng, kết thúc;

d) Đối với các hạng BE, D1E, D2E, DE

Thực hiện sát hạch bằng phương pháp chấm điểm trực tiếp. Người dự sát hạch điều khiển xe qua bài sát hạch: tiến qua hình có 05 cọc chuẩn và vòng trở lại;

đ) Đối với hạng C1E, CE

Thực hiện sát hạch bằng phương pháp chấm điểm trực tiếp. Người dự sát hạch điều khiển xe qua 02 bài sát hạch: tiến qua hình có 05 cọc chuẩn và vòng trở lại; ghép xe dọc vào nơi đỗ.

3. Sát hạch thực hành lái xe trên đường

a) Đối với các hạng B, C1, C, D1, D2, D

Thực hiện sát hạch bằng phương pháp sử dụng thiết bị chấm điểm tự động, có một sát hạch viên ngồi trên xe sát hạch. Người dự sát hạch điều khiển xe ô tô sát hạch, xử lý các tình huống trên đường giao thông và thực hiện hiệu lệnh của sát hạch viên;

b) Đối với các hạng BE, C1E, CE, D1E, D2E, DE

Thực hiện sát hạch bằng phương pháp chấm điểm trực tiếp, có một sát hạch viên ngồi trên xe sát hạch.

4. Sát hạch lái xe ô tô bằng phần mềm mô phỏng các tình huống giao thông đối với các hạng B, C1, C, D1, D2, D, BE, C1E, CE, D1E, D2E, DE: người dự sát hạch phát hiện các thời điểm có nguy cơ mất an toàn giao thông thông qua việc quan sát các tình huống mô phỏng xuất hiện trên máy tính.

5. Quy trình sát hạch lái xe

a) Hạng A1 và A thực hiện theo quy định tại Phụ lục XIII ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Hạng B1 thực hiện theo quy định tại Phụ lục XIV ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Các hạng B, C1, C, D1, D2, D thực hiện theo quy định tại Phụ lục XV ban hành kèm theo Thông tư này; các hạng BE, D1E, D2E, DE thực hiện theo quy định tại Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư này; hạng C1E, CE thực hiện theo quy định tại Phụ lục XVII ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 18. Tiêu chuẩn kỹ thuật sân tập lái dùng để sát hạch lái xe

1. Đối với sân tập lái dùng để sát hạch lái xe trang bị máy tính để sát hạch lý thuyết và thiết bị chấm điểm tự động để sát hạch lái xe trong hình

Sân tập lái dùng để sát hạch lái xe mô tô phải đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật theo quy định của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trung tâm sát hạch lái xe cơ giới đường bộ, gồm: hình của các bài sát hạch, xe sát hạch, thiết bị sát hạch lý thuyết, thiết bị sát hạch thực hành lái xe trong hình, phòng chờ sát hạch, phòng sát hạch lý thuyết, phòng điều hành thiết bị chấm điểm thực hành lái xe trong hình.

2. Đối với sân tập lái dùng để sát hạch lái xe tổ chức sát hạch lý thuyết bằng phương pháp trắc nghiệm trên giấy

Sân tập lái dùng để sát hạch lái xe mô tô phải đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật theo quy định của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trung tâm sát hạch lái xe cơ giới đường bộ, gồm: hình của các bài sát hạch, xe sát hạch, phòng chờ sát hạch, phòng sát hạch lý thuyết.

Điều 19. Hội đồng sát hạch

1. Hội đồng sát hạch do Sở Giao thông vận tải thành lập.

a) Hội đồng làm việc phải có tối thiểu 2/3 số thành viên tham dự, quyết định theo đa số; trường hợp các thành viên trong hội đồng có ý kiến ngang nhau thì thực hiện theo kết luận của Chủ tịch hội đồng;

b) Hội đồng sát hạch tự giải thể khi kết thúc kỳ sát hạch.

2. Thành phần của Hội đồng sát hạch

a) Chủ tịch hội đồng là công chức và là sát hạch viên thuộc Sở Giao thông vận tải, có giấy phép lái xe ô tô;

b) Các ủy viên gồm: lãnh đạo trung tâm sát hạch lái xe, lãnh đạo cơ sở đào tạo lái xe, Tổ trưởng Tổ sát hạch và Ủy viên thư ký. Ủy viên thư ký là người của đơn vị được Sở Giao thông vận tải giao nhiệm vụ quản lý sát hạch, cấp giấy phép lái xe. Trường hợp lãnh đạo trung tâm sát hạch lái xe đồng thời là lãnh đạo cơ sở đào tạo lái xe thì phải cử thêm một lãnh đạo tham gia uỷ viên hội đồng sát hạch.

3. Nhiệm vụ của Hội đồng sát hạch

a) Chỉ đạo kiểm tra và yêu cầu hoàn thiện các điều kiện tổ chức kỳ sát hạch;

b) Phân công và sắp xếp kế hoạch thực hiện kỳ sát hạch;

c) Phổ biến, hướng dẫn các quy định, nội quy sát hạch, thông báo mức phí, lệ phí sát hạch, cấp giấy phép lái xe và các quy định cần thiết cho các sát hạch viên và người dự sát hạch;

d) Tổ chức kỳ sát hạch theo quy định;

đ) Lập biên bản các trường hợp vi phạm để xử lý vi phạm theo thẩm quyền hoặc báo cáo, đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm theo quy định;

e) Yêu cầu thí sinh bồi thường thiệt hại nếu để xảy ra tai nạn do lỗi của thí sinh dự sát hạch gây ra trong quá trình sát hạch;

g) Tổng hợp kết quả kỳ sát hạch và ký xác nhận biên bản;

h) Gửi các văn bản, tài liệu của kỳ sát hạch để lưu trữ tại cơ sở đào tạo lái xe, trung tâm sát hạch lái xe và đơn vị được Sở Giao thông vận tải giao nhiệm vụ quản lý sát hạch, cấp giấy phép lái xe;

i) Nhiệm vụ, quyền hạn của các thành viên hội đồng sát hạch theo quy định tại Phụ lục XVIII ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 20. Tổ sát hạch

1. Tổ sát hạch do Sở Giao thông vận tải thành lập

a) Tổ sát hạch chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Hội đồng sát hạch. Tổ sát hạch cấp giấy phép lái xe hạng A1, A chịu sự chỉ đạo trực tiếp của đơn vị được Sở Giao thông vận tải giao nhiệm vụ quản lý sát hạch, cấp giấy phép lái xe;

b) Tổ sát hạch tự giải thể khi kết thúc kỳ sát hạch.

2. Tổ sát hạch gồm Tổ trưởng và các sát hạch viên

Tổ trưởng là sát hạch viên và là người của đơn vị được Sở Giao thông vận tải giao nhiệm vụ quản lý sát hạch, cấp giấy phép lái xe; khi thực hiện nhiệm vụ tại kỳ sát hạch lái xe ô tô phải có thẻ sát hạch viên lái xe ô tô.

3. Nhiệm vụ của Tổ sát hạch

a) Kiểm tra xe sát hạch, thiết bị chấm điểm, sân sát hạch, phương án bảo đảm an toàn trong quá trình sát hạch;

b) Yêu cầu thí sinh chấp hành nội quy sát hạch; không để người không có nhiệm vụ vào phòng sát hạch lý thuyết, phòng sát hạch mô phỏng các tình huống giao thông và sân sát hạch;

c) Lập biên bản, xử lý các trường hợp vi phạm nội quy trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được giao hoặc báo cáo Hội đồng sát hạch;

d) Sát hạch, tổng hợp kết quả, đánh giá kỳ sát hạch để báo cáo Hội đồng sát hạch hoặc đơn vị được Sở Giao thông vận tải giao nhiệm vụ quản lý sát hạch, cấp giấy phép lái xe (đối với sát hạch cấp giấy phép lái xe các hạng A1, A);

đ) Sát hạch viên chịu trách nhiệm trực tiếp về kết quả sát hạch. Tổ trưởng Tổ sát hạch chịu trách nhiệm về kết quả chung của kỳ sát hạch.

Điều 21. Sát hạch viên

1. Yêu cầu đối với sát hạch viên

a) Sát hạch viên là người của Sở Giao thông vận tải (trừ công chức thanh tra thuộc Thanh tra Sở Giao thông vận tải) và giáo viên của cơ sở đào tạo lái xe. Giáo viên của cơ sở đào tạo lái xe phải có thâm niên giảng dạy và đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc với thời gian liên tục tối thiểu 03 năm, không được sát hạch đối với học viên do cơ sở trực tiếp đào tạo;

b) Được tập huấn về nghiệp vụ sát hạch và được Cục Đường bộ Việt Nam cấp thẻ sát hạch viên theo mẫu quy định tại Phụ lục XIX ban hành kèm theo Thông tư này, thẻ sát hạch viên có thời hạn tối đa 03 năm và không quá thời hạn hiệu lực của giấy phép lái xe tương ứng hạng sát hạch của sát hạch viên.

2. Tiêu chuẩn của sát hạch viên

a) Có tư cách đạo đức tốt, không trong thời gian bị xử lý kỷ luật;

b) Có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên;

c) Có giấy phép lái xe tương ứng với hạng xe sát hạch.

3. Tổ chức tập huấn

a) Định kỳ 03 năm hoặc theo đề nghị của các Sở Giao thông vận tải, Cục Đường bộ Việt Nam tổ chức tập huấn để cấp thẻ sát hạch viên;

b) Cục Đường bộ Việt Nam thông báo kế hoạch tập huấn sát hạch viên đến Sở Giao thông vận tải;

c) Sở Giao thông vận tải rà soát, lập danh sách (kèm theo ảnh chân dung nền trắng khổ 4 x 6 cm) cán bộ, công chức, viên chức và giáo viên cơ sở đào tạo lái xe đủ tiêu chuẩn theo quy định tại điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều này tham gia tập huấn gửi Cục Đường bộ Việt Nam trên môi trường điện tử hoặc dịch vụ bưu chính;

d) Cục Đường bộ Việt Nam tiếp nhận, ra quyết định tổ chức lớp tập huấn và công bố danh sách học viên đủ điều kiện tham dự tập huấn, tổ chức tập huấn và cấp thẻ sát hạch viên cho người đạt kết quả tập huấn.

4. Nội dung tập huấn

a) Tập huấn lý thuyết, nghiệp vụ

Đạo đức công vụ và ý thức, ứng xử của sát hạch viên khi thực thi nhiệm vụ; kỹ năng giao tiếp.

Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy trình, hướng dẫn nghiệp vụ liên quan đến công tác sát hạch lái xe, gồm các nội dung: nhiệm vụ, quyền hạn của hội đồng sát hạch, tổ sát hạch, sát hạch viên; quy trình sát hạch lý thuyết, mô phỏng, trong hình và trên đường; trách nhiệm, nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức, cá nhân có liên quan trong hoạt động sát hạch; cung ứng dịch vụ công lĩnh vực sát hạch; quy định về vi phạm và xử lý vi phạm trong lĩnh vực sát hạch lái xe.

Kiến thức chung về: cấu tạo, nguyên lý hoạt động, bảo dưỡng kỹ thuật thiết bị chấm điểm tự động; phương pháp kiểm tra thiết bị sát hạch gồm: xe sát hạch, các trang thiết bị phục vụ, thiết bị chấm điểm tự động; phương án đảm bảo an toàn trong quá trình tổ chức sát hạch; hướng dẫn sử dụng hệ thống chương trình phần mềm liên quan đến thiết bị chấm điểm tự động, phương pháp chấm điểm các nội dung sát hạch của các hạng xe bằng hình thức trắc nghiệm, tự động, cho người dân tộc thiểu số không biết đọc, viết tiếng Việt; phương pháp bảo hiểm tay lái khi sát hạch lái xe ô tô trên đường giao thông công cộng;

b) Tập huấn thực hành tại trung tâm sát hạch lái xe

Học viên được tập huấn thực hành nghiệp vụ sát hạch viên tại trung tâm sát hạch lái xe bao gồm các nội dung sau: thực hành kiểm tra các trang thiết bị phục vụ và thiết bị chấm điểm tự động; thực hành nhiệm vụ của sát hạch viên khi sát hạch lý thuyết, sát hạch trên phần mềm mô phỏng, sát hạch lái xe trong hình và sát hạch lái xe trên đường; thực hành kỹ năng lái xe và bảo hiểm tay lái khi sát hạch lái xe trên đường; thực hành các tình huống giả định khi xảy ra sự cố kỹ thuật trong quá trình sát hạch;

c) Thời gian tập huấn và kiểm tra

TT	Nội dung	Thời gian
1	Tập huấn lý thuyết, nghiệp vụ	16 giờ
2	Tập huấn thực hành nghiệp vụ sát hạch viên tại trung tâm sát hạch lái xe	tối thiểu 20 giờ
3	Kiểm tra	tối thiểu 12 giờ

d) Cán bộ tập huấn của Cục Đường bộ Việt Nam: cán bộ, công chức được Cục Đường bộ Việt Nam giao nhiệm vụ quản lý đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe;

đ) Hình thức tổ chức tập huấn: trực tiếp;

e) Kiểm tra và cấp thẻ sát hạch viên

Người dự tập huấn phải đảm bảo tham gia đầy đủ thời gian học mới đủ điều kiện để được kiểm tra. Điểm kiểm tra kết thúc chương trình tập huấn được chấm theo thang điểm 10, điểm kiểm tra từ 05 điểm trở lên là đạt yêu cầu đối với bài kiểm tra trên giấy; điểm kiểm tra trắc nghiệm trên máy tính theo bộ câu hỏi quy định tại điểm b khoản 2 Điều 61 Thông tư này và thực hành lái xe theo kết quả đạt yêu cầu theo quy định tại các Phụ lục XIII, Phụ lục XIV, Phụ lục XV, Phụ lục XVI và Phụ lục XVII ban hành kèm theo Thông tư này.

Hình thức kiểm tra: tập trung.

Cấp thẻ sát hạch viên: người dự tập huấn có kết quả kiểm tra đạt yêu cầu thì được cấp thẻ sát hạch viên; trường hợp người dự tập huấn có kết quả kiểm tra không đạt yêu cầu thì phải tham gia đợt tập huấn tiếp theo để được kiểm tra và cấp thẻ sát hạch viên.

Điều 22. Chuẩn bị kỳ sát hạch

Đơn vị được Sở Giao thông vận tải giao nhiệm vụ quản lý sát hạch, cấp giấy phép lái xe thực hiện các công việc sau:

1. Đối với kỳ sát hạch lái xe mô tô các hạng A1, A

a) Kiểm tra điều kiện và hồ sơ của người dự sát hạch theo quy định tại Điều 28 và Điều 29 của Thông tư này;

b) Người được giao nhiệm vụ kiểm tra, duyệt hồ sơ thí sinh dự sát hạch lập biên bản kiểm tra hồ sơ theo quy định tại Mẫu số 01 Phụ lục XX ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Đối với khóa đào tạo và sát hạch cho người dân tộc thiểu số không biết đọc, viết tiếng Việt thực hiện như sau:

Sở Giao thông vận tải có văn bản theo quy định tại Mẫu số 02 Phụ lục XX ban hành kèm theo Thông tư này gửi đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người dân tộc thiểu số không biết đọc, viết tiếng Việt cư trú lấy ý kiến, đồng thời gửi thông báo tới các thí sinh; thời hạn lấy ý kiến tối đa không quá 15 ngày kể từ ngày Sở Giao thông vận tải có văn bản.

Trong thời hạn lấy ý kiến, Sở Giao thông vận tải nhận được văn bản của Ủy ban nhân dân cấp xã thì đưa vào danh sách thí sinh được phép dự sát hạch đối với các thí sinh đúng đối tượng; quá thời hạn lấy ý kiến mà Sở Giao thông

vận tải chưa nhận được văn bản của Ủy ban nhân dân cấp xã thì không đưa vào danh sách thí sinh được phép dự sát hạch.

Trường hợp quá thời hạn 15 ngày, Sở Giao thông vận tải mới nhận được văn bản của Ủy ban nhân dân cấp xã thì Sở Giao thông vận tải đưa vào danh sách thí sinh được phép dự sát hạch đối với các thí sinh đúng đối tượng của kỳ sát hạch kế tiếp gần nhất;

d) Căn cứ danh sách hồ sơ thí sinh dự sát hạch hợp lệ kèm theo Biên bản kiểm tra hồ sơ và điều kiện dự thi của thí sinh dự sát hạch lái xe theo quy định tại Mẫu số 01, văn bản trả lời của Ủy ban nhân dân về trình độ văn hóa của người dân tộc thiểu số không biết đọc, viết tiếng Việt và kết quả rà soát giấy phép lái xe của các sát hạch viên đảm bảo còn điểm, còn hiệu lực, Sở Giao thông vận tải ban hành quyết định tổ chức kỳ sát hạch theo quy định tại Mẫu số 05 và danh sách thí sinh dự sát hạch để cấp giấy phép lái xe theo quy định tại Mẫu số 06 Phụ lục XX ban hành kèm theo Thông tư này;

đ) Đối với hồ sơ không hợp lệ Sở Giao thông vận tải có văn bản thông báo kèm danh sách chi tiết gửi cơ sở đào tạo lái xe để thông báo cho cá nhân.

2. Đối với kỳ sát hạch lái xe các hạng B1, B, C1, C, D1, D2, D, BE, C1E, CE, D1E, D2E, DE

a) Tiếp nhận báo cáo đề nghị tổ chức sát hạch lái xe kèm danh sách thí sinh dự sát hạch (báo cáo 2) của cơ sở đào tạo lái xe theo quy định tại Mẫu số 08, Mẫu số 09 Phụ lục XX ban hành kèm theo Thông tư này; báo cáo 2 gửi qua dịch vụ bưu chính và truyền dữ liệu về hệ thống thông tin đào tạo lái xe tại Sở Giao thông vận tải trước kỳ sát hạch 07 ngày làm việc;

b) Kiểm tra điều kiện và hồ sơ của người dự sát hạch để cấp giấy phép lái xe các hạng B1, B, C1, C, D1, D2, D, BE, C1E, CE, D1E, D2E, DE theo quy định tại Điều 28 và Điều 29 Thông tư này và người dự sát hạch phải có tên trong danh sách học viên (báo cáo 1);

c) Xác minh giấy phép lái xe đã cấp (đối với trường hợp nâng hạng giấy phép lái xe);

d) Người được giao nhiệm vụ kiểm tra, duyệt hồ sơ thí sinh dự sát hạch lập biên bản kiểm tra hồ sơ theo quy định tại Mẫu số 01 Phụ lục XX ban hành kèm theo Thông tư này;

đ) Căn cứ danh sách hồ sơ thí sinh dự sát hạch hợp lệ kèm theo Biên bản kiểm tra hồ sơ và điều kiện dự thi của thí sinh dự sát hạch lái xe theo quy định tại Mẫu số 01 Phụ lục XX ban hành kèm theo Thông tư này và kết quả rà soát giấy phép lái xe của các sát hạch viên đảm bảo còn điểm, còn hiệu lực, Sở Giao thông vận tải duyệt và ban hành quyết định tổ chức kỳ sát hạch theo quy định tại

Mẫu số 05 và danh sách thí sinh dự sát hạch để cấp giấy phép lái xe theo quy định tại Mẫu số 06 Phụ lục XX ban hành kèm theo Thông tư này và danh sách thí sinh dự sát hạch để cấp lại giấy phép lái xe các hạng theo quy định tại Mẫu số 07 Phụ lục XX ban hành kèm theo Thông tư này;

e) Đối với hồ sơ không hợp lệ Sở Giao thông vận tải có văn bản thông báo kèm danh sách chi tiết gửi cơ sở đào tạo lái xe để thông báo cho cá nhân.

Điều 23. Trình tự tổ chức sát hạch

1. Họp Hội đồng sát hạch và khai mạc kỳ sát hạch

a) Trước khi tổ chức sát hạch, Chủ tịch Hội đồng sát hạch tổ chức họp Hội đồng, Tổ sát hạch, Tổ giám sát (nếu có), phân công nhiệm vụ của từng thành viên trong kỳ sát hạch;

b) Tổ chức khai mạc kỳ sát hạch để công bố quyết định tổ chức kỳ sát hạch, phổ biến các nội dung có liên quan của kỳ sát hạch cho người dự sát hạch.

2. Sát hạch theo nội dung, quy trình sát hạch quy định tại Điều 17 và các Phụ lục XIII, Phụ lục XIV, Phụ lục XV, Phụ lục XVI, Phụ lục XVII ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Kết thúc kỳ sát hạch

a) Đối với kỳ sát hạch lái xe các hạng B1, B, C1, C, D1, D2, D, BE, C1E, CE, D1E, D2E, DE: Chủ tịch Hội đồng sát hạch tổ chức họp Hội đồng, Tổ sát hạch, Tổ giám sát (nếu có), Tổ trưởng Tổ sát hạch báo cáo kết quả sát hạch và thống nhất ký biên bản tổng hợp kết quả sát hạch. Chủ tịch Hội đồng sát hạch ký tên và đóng dấu vào biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe của thí sinh trúng tuyển theo quy định tại Mẫu số 01 Phụ lục XXI ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Đối với kỳ sát hạch lái xe mô tô các hạng A1, A: Tổ trưởng Tổ sát hạch tổ chức họp các thành viên của Tổ sát hạch, người đứng đầu cơ sở đào tạo lái xe, Tổ giám sát (nếu có) thông qua kết quả sát hạch và thống nhất ký biên bản tổng hợp kết quả kỳ sát hạch. Người đứng đầu đơn vị được Sở Giao thông vận tải giao nhiệm vụ quản lý sát hạch, cấp giấy phép lái xe ký tên và đóng dấu xác nhận vào Biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe của thí sinh trúng tuyển theo quy định tại Mẫu số 02 Phụ lục XXI ban hành kèm theo Thông tư này.

Biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe là hồ sơ gốc, giao cho người trúng tuyển kỳ sát hạch tự bảo quản.

Điều 24. Giám sát kỳ sát hạch

1. Căn cứ tình hình thực tế, Sở Giao thông vận tải thành lập Tổ giám sát để tổ chức giám sát đột xuất kỳ sát hạch.

2. Cán bộ giám sát kỳ sát hạch là công chức thuộc Thanh tra Sở Giao thông vận tải. Số lượng người giám sát đối với kỳ sát hạch lái xe mô tô tối thiểu là 02

người, sát hạch lái xe ô tô tối thiểu là 03 người, trong đó cử một thanh tra viên làm Tổ trưởng.

3. Khi làm nhiệm vụ giám sát các kỳ sát hạch, công chức thanh tra phải mặc trang phục theo quy định.

4. Nhiệm vụ của Tổ giám sát khi giám sát sát hạch lái xe

a) Giám sát việc thực hiện đúng nội dung, quy trình sát hạch của Hội đồng sát hạch, Tổ sát hạch; bảo đảm tính công khai, khách quan, minh bạch trong quá trình sát hạch;

b) Giám sát việc kiểm tra nhận dạng thí sinh trước khi vào phòng sát hạch lý thuyết, sát hạch thực hành lái xe trong hình, trên đường; người không có nhiệm vụ không được vào phòng sát hạch lý thuyết;

c) Giám sát việc tổ chức sát hạch thực hành lái xe trên đường tại đúng đoạn đường sát hạch do Sở Giao thông vận tải công bố; theo dõi, thu nhận các thông tin liên quan đến kỳ sát hạch;

d) Cán bộ giám sát làm việc độc lập, không vào phòng sát hạch lý thuyết, không lên xe sát hạch, không làm thay nhiệm vụ của sát hạch viên.

5. Nhiệm vụ của Tổ giám sát khi giám sát sát hạch lái xe tại sân tập lái dùng để sát hạch lái xe quy định tại khoản 2 Điều 18 Thông tư này

Ngoài nhiệm vụ quy định tại các điểm a, b, d khoản 4 Điều này, còn phải giám sát việc chuẩn bị bộ đề sát hạch lý thuyết đúng quy định, không bị đánh dấu.

6. Quyền hạn của Tổ giám sát

a) Khi phát hiện sai phạm phải lập biên bản, đề nghị Hội đồng sát hạch, Tổ sát hạch xử lý kịp thời, đúng quy định;

b) Báo cáo Giám đốc Sở Giao thông vận tải để xem xét, xử lý.

7. Kết thúc kỳ sát hạch, Tổ trưởng Tổ giám sát báo cáo bằng văn bản kết quả giám sát với Giám đốc Sở Giao thông vận tải.

Điều 25. Công nhận kết quả sát hạch

1. Xét công nhận kết quả sát hạch đối với thí sinh dự sát hạch lái xe hạng A1, A và B1:

a) Thí sinh đạt nội dung sát hạch lý thuyết và thực hành lái xe trong hình thì được công nhận trúng tuyển;

b) Thí sinh không được công nhận trúng tuyển được đăng ký sát hạch lại kể từ kỳ sát hạch tiếp theo, với cùng một cơ quan sát hạch;

c) Thí sinh không đạt nội dung sát hạch lý thuyết thì không được dự nội dung sát hạch thực hành lái xe trong hình;

d) Thí sinh đạt nội dung sát hạch lý thuyết nhưng không đạt nội dung sát hạch thực hành lái xe trong hình thì được bảo lưu kết quả sát hạch lý thuyết trong thời gian 01 năm kể từ ngày đạt kết quả sát hạch; nếu có nhu cầu dự sát hạch phải có tên trong biên bản xác nhận vắng, trượt của Hội đồng sát hạch hoặc Tổ sát hạch kỳ trước và giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đủ tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh cấp còn hiệu lực;

đ) Thí sinh mang điện thoại hoặc thiết bị truyền tin trong phòng sát hạch lý thuyết hoặc có các hành vi gian dối khác làm sai lệch kết quả sát hạch sẽ bị đình chỉ làm bài, hủy bỏ kết quả sát hạch.

2. Xét công nhận kết quả sát hạch đối với thí sinh tham dự sát hạch lái xe hạng B, C1, C, D1, D2, D, BE, C1E, CE, D1E, D2E, DE:

a) Thí sinh đạt nội dung sát hạch lý thuyết, sát hạch mô phỏng các tình huống giao thông, sát hạch thực hành lái xe trong hình và sát hạch trên đường thì được công nhận trúng tuyển;

b) Thí sinh không được công nhận trúng tuyển được đăng ký sát hạch lại kể từ kỳ sát hạch tiếp theo, với cùng một cơ quan sát hạch;

c) Thí sinh không đạt nội dung sát hạch lý thuyết thì được tiếp tục sát hạch nội dung sát hạch mô phỏng các tình huống giao thông; không đạt nội dung sát hạch lý thuyết và mô phỏng các tình huống giao thông thì không được sát hạch thực hành lái xe trong hình; không đạt nội dung sát hạch thực hành lái xe trong hình thì không được thực hiện nội dung sát hạch thực hành lái xe trên đường;

d) Thí sinh đạt nội dung sát hạch lý thuyết, mô phỏng các tình huống giao thông, thực hành lái xe trong hình được bảo lưu kết quả nội dung sát hạch đạt trong thời gian 01 năm, kể từ ngày có nội dung sát hạch đạt tại kỳ sát hạch gần nhất; nếu muốn dự sát hạch phải có giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đủ tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh cấp còn cấp còn hiệu lực và phải có tên trong biên bản xác nhận vắng, trượt của Hội đồng sát hạch hoặc Tổ sát hạch kỳ trước;

đ) Thí sinh mang điện thoại hoặc thiết bị truyền tin trong phòng sát hạch lý thuyết, phòng sát hạch mô phỏng các tình huống giao thông, trên xe sát hạch hoặc có các hành vi gian dối khác làm sai lệch kết quả sát hạch sẽ bị đình chỉ làm bài, hủy bỏ kết quả sát hạch.

3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kỳ sát hạch, Sở Giao thông vận tải rà soát, tổng hợp kết quả, ra quyết định công nhận trúng tuyển kỳ sát hạch kèm theo danh sách thí sinh trúng tuyển được cấp giấy phép lái xe theo mẫu quy định tại Phụ lục XXII ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 26. Sát hạch lái xe cho người khuyết tật

1. Sát hạch để cấp giấy phép lái xe hạng A1 điều khiển xe mô tô ba bánh

a) Thí sinh thực hiện sát hạch lý thuyết và sát hạch lái xe trong hình theo nội dung và quy trình quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 17 và Phụ lục XIII ban hành kèm theo Thông tư này; sát hạch tại trung tâm sát hạch lái xe hoặc sân tập lái dùng để sát hạch lái xe mô tô có đủ điều kiện, có hai sát hạch viên chấm điểm trực tiếp;

b) Hình sát hạch theo quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trung tâm sát hạch lái xe cơ giới đường bộ.

2. Sát hạch để cấp giấy phép lái xe hạng B số tự động

a) Sát hạch để cấp giấy phép lái xe hạng B số tự động cho người khuyết tật: Bàn chân phải hoặc bàn tay phải hoặc bàn tay trái

Thí sinh phải có đủ hồ sơ, thực hiện đủ nội dung và quy trình sát hạch quy định tại Điều 17 Thông tư này; sát hạch tại trung tâm sát hạch lái xe, có hai sát hạch viên ngồi trên xe chấm điểm trực tiếp nội dung sát hạch lái xe trong hình và trên đường;

b) Sát hạch để cấp giấy phép lái xe hạng B số tự động cho người khuyết tật trừ người khuyết tật bàn chân phải hoặc bàn tay phải hoặc bàn tay trái

Thí sinh phải có đủ hồ sơ, thực hiện đủ nội dung và quy trình sát hạch quy định tại Điều 17 Thông tư này; sát hạch tại trung tâm sát hạch lái xe.

Điều 27. Sát hạch để cấp giấy phép lái xe mô tô hạng A1 cho người dân tộc thiểu số không biết đọc, viết tiếng Việt

1. Nội dung và quy trình sát hạch lái xe: thực hiện theo nội dung và quy trình sát hạch lái xe hạng A1 quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 17 Thông tư này.

2. Việc tổ chức sát hạch được thực hiện như sau: tổ chức sát hạch riêng. Sát hạch lý thuyết bằng hình thức hỏi - đáp; sử dụng phương pháp trắc nghiệm trên giấy; thời gian thi là 30 phút. 02 (hai) sát hạch viên thực hiện nhiệm vụ, sát hạch lần lượt cho từng thí sinh; mỗi thí sinh chọn ngẫu nhiên 01 đề sát hạch trong bộ đề; 01 sát hạch viên đọc câu hỏi và quan sát thí sinh, 01 sát hạch viên đánh dấu nhân (x) vào ô tương ứng mà thí sinh chọn trên bài sát hạch lý thuyết; Sát hạch viên chấm điểm, ký tên xác nhận vào bài sát hạch lý thuyết, biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe và thông báo kết quả sát hạch cho thí sinh. Thực hiện nội dung sát hạch thông qua người phiên dịch, người phiên dịch phải dịch đúng, đủ câu hỏi của sát hạch viên và câu trả lời của thí sinh; cơ sở đào tạo lái xe chịu trách nhiệm thuê người phiên dịch.

3. Thí sinh ký tên hoặc điểm chỉ tại vị trí ký tên trong biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe, bài sát hạch lý thuyết, biên bản sát hạch thực hành lái xe trong hình.

Điều 28. Người dự sát hạch lái xe

1. Đủ tuổi (tính đến ngày dự sát hạch lái xe), sức khỏe theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 59 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

2. Học đủ nội dung, chương trình đào tạo theo quy định; được cơ đào tạo lái xe xét hoàn thành khóa đào tạo lái xe theo mẫu quy định tại Phụ lục XXIII ban hành kèm theo Thông tư này đối với các hạng B1, B, C1, C, D1, D2, D, BE, C1E, CE, D1E, D2E, DE.

3. Người dự sát hạch phải có tên trong danh sách học viên của báo cáo 1 đối với người dự sát hạch lần đầu.

Điều 29. Hồ sơ dự sát hạch lái xe

1. Cơ sở đào tạo lái xe lập 01 bộ hồ sơ, gửi trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải. Hồ sơ bao gồm:

a) Hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều 15 của Thông tư này;

b) Chứng chỉ sơ cấp hoặc chứng chỉ đào tạo hoặc **x**ác nhận hoàn thành khóa đào tạo đối với người dự sát hạch lái xe hạng B1, B, C1;

c) Danh sách đề nghị sát hạch của cơ sở đào tạo lái xe có tên của người dự sát hạch;

d) Giấy khám sức khoẻ của người lái xe do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đủ tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh cấp còn hiệu lực.

2. Đối với người dự sát hạch nâng hạng giấy phép lái xe lên hạng C1, C, D1, D2, D, BE, C1E, CE, D1E, D2E, DE

Cơ sở đào tạo lái xe lập 01 bộ hồ sơ, gửi trực tiếp đến Sở Giao thông vận tải. Hồ sơ bao gồm:

a) Hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều 15 của Thông tư này;

b) Chứng chỉ đào tạo hoặc xác nhận hoàn thành khóa đào tạo;

c) Danh sách đề nghị sát hạch của cơ sở đào tạo lái xe có tên của người dự sát hạch nâng hạng;

d) Giấy khám sức khoẻ của người lái xe do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đủ tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh cấp còn hiệu lực.

3. Đối với người dự sát hạch do giấy phép lái xe quá thời hạn sử dụng

Người lái xe lập 01 bộ hồ sơ, gửi trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải. Hồ sơ bao gồm:

a) Giấy tờ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 15 của Thông tư này;

b) Đơn đề nghị theo mẫu quy định tại Phụ lục XXVI ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Giấy khám sức khoẻ của người lái xe do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đủ tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh cấp còn hiệu lực.

Điều 30. Lưu trữ hồ sơ kết quả sát hạch

1. Sau mỗi kỳ sát hạch, Sở Giao thông vận tải chịu trách nhiệm lưu trữ hồ sơ của kỳ sát hạch, bao gồm:

a) Danh sách học viên (báo cáo 1);

b) Danh sách thí sinh dự sát hạch (báo cáo 2);

c) Biên bản kiểm tra hồ sơ thí sinh;

d) Quyết định tổ chức kỳ sát hạch lái xe;

đ) Biên bản phân công nhiệm vụ của Hội đồng sát hạch lái xe;

e) Biên bản phân công nhiệm vụ của sát hạch viên;

g) Biên bản tổng hợp kết quả kỳ sát hạch;

h) Danh sách thí sinh đạt, vắng, trượt các nội dung sát hạch;

i) Quyết định công nhận trúng tuyển kỳ sát hạch;

k) Danh sách thí sinh trúng tuyển được cấp giấy phép lái xe;

2. Cơ sở đào tạo lái xe lưu trữ hồ sơ của kỳ sát hạch bao gồm:

a) Tài liệu tại các điểm a, b, c, d, g, h, i, k khoản 1 Điều này;

b) Lưu trữ, bảo quản bài sát hạch lý thuyết, bài sát hạch lái xe trên phần mềm mô phỏng các tình huống giao thông, biên bản sát hạch thực hành lái xe trong hình của từng kỳ sát hạch có đầy đủ chữ kỹ của thí sinh và sát hạch viên;

c) Lưu trữ, bảo quản biên bản sát hạch thực hành lái xe trên đường của từng kỳ sát hạch, gồm: chữ ký của thí sinh tại phiếu kết quả sát hạch thực hành lái xe trên đường được in từ thiết bị chấm điểm tự động trên ô tô sát hạch thực hành lái xe trên đường hoặc biên bản sát hạch thực hành lái xe trên đường có chữ ký của sát hạch viên;

d) Trường hợp cơ sở đào tạo lái xe có sân tập lái dùng để thực hiện sát hạch lái xe mô tô phải lưu trữ dữ liệu giám sát sát hạch; dữ liệu kết quả sát hạch lý thuyết, thực hành lái xe trong hình với thời hạn 03 năm.

3. Trung tâm sát hạch lái xe lưu trữ hồ sơ của kỳ sát hạch bao gồm:

a) Các tài liệu quy định tại các điểm d, điểm g và điểm h khoản 1 Điều này;

b) Dữ liệu giám sát sát hạch; dữ liệu kết quả sát hạch lý thuyết, thực hành lái xe trong hình, phần mềm mô phỏng các tình huống giao thông và sát hạch trên đường;

c) Danh sách, kết quả sát hạch lái xe trên phần mềm mô phỏng các tình huống giao thông.

4. Thí sinh tự bảo quản Biên bản tổng hợp kết quả sát hạch.

5. Thời gian lưu trữ hồ sơ

a) Không thời hạn đối với các tài liệu quy định tại điểm i và điểm k khoản 1 Điều này;

b) 05 năm đối với các tài liệu quy định tại các điểm a, điểm b, điểm c, điểm d, điểm đ, điểm e, điểm g, điểm h khoản 1 Điều này;

c) 02 năm đối với các tài liệu quy định tại điểm b khoản 3 Điều này.

Chương III

CẤP, THU HỒI GIẤY PHÉP LÁI XE

Điều 31. Mẫu giấy phép lái xe

1. Sở Giao thông vận tải thực hiện việc cấp giấy phép lái xe theo quy định tại Mẫu số 01 Phụ lục XXIV ban hành kèm theo Thông tư này kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025; việc cấp giấy phép lái xe theo quy định tại Mẫu số 02 Phụ lục XXIV ban hành kèm theo Thông tư được thực hiện kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

2. Việc ghi điều kiện hạn chế của giấy phép lái xe áp dụng cho cả Mẫu số 01 và Mẫu số 02 thực hiện theo quy định tại mục 2 của Mẫu số 03 Phụ lục XXIV ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Việc ghi danh mục hạng giấy phép lái xe và mã số điều kiện hạn chế thực hiện đối với giấy phép lái xe theo Mẫu số 02 thực hiện theo quy định tại mục 1 và mục 3 của Mẫu số 03 Phụ lục XXIV ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 32. Sử dụng, quản lý giấy phép lái xe

1. Giấy phép lái xe bằng vật liệu PET. cấp cho mỗi người bảo đảm duy nhất có 01 số quản lý, dùng chung cho cả giấy phép lái xe không thời hạn và giấy phép lái xe có thời hạn.

2. Cá nhân nếu có nhu cầu tích hợp giấy phép lái xe không thời hạn với giấy phép lái xe có thời hạn thì đăng ký vào đơn đề nghị đổi (cấp lại) giấy phép lái xe quy định tại Phụ lục XXVI ban hành kèm theo Thông tư này, làm thủ tục đổi giấy phép lái xe theo quy định tại Điều 36 của Thông tư này.

3. Người có giấy phép lái xe chỉ được lái loại xe ghi trong giấy phép lái xe.

4. Khi đổi, cấp giấy phép lái xe nâng hạng, cơ quan cấp giấy phép lái xe thu lại giấy phép lái xe cũ và tiêu huỷ theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

5. Người có giấy phép lái xe hạng B số tự động không được lái loại xe ô tô số cơ khí (số sàn).

6. Người nước ngoài hoặc người Việt Nam cư trú ở nước ngoài có nhu cầu lái xe ở Việt Nam thực hiện như sau:

a) Nếu có giấy phép lái xe quốc gia thì phải làm thủ tục đổi sang giấy phép lái xe tương ứng của Việt Nam;

b) Trường hợp điều ước quốc tế về giấy phép lái xe mà Việt Nam là thành viên có quy định khác thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế đó.

7. Giấy phép lái xe bằng vật liệu PET. và giấy phép lái xe cấp từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 là giấy phép lái xe do cơ quan có thẩm quyền cấp có hiệu lực, có số phôi, ngày cấp, ngày hết hạn in trên giấy phép lái xe trùng với số phôi, ngày cấp, ngày hết hạn trong hệ thống thông tin quản lý giấy phép lái xe hoặc có thông tin giấy phép lái xe đã được tích hợp vào tài khoản định danh điện tử.

Điều 33. Xác minh giấy phép lái xe

1. Các trường hợp thực hiện xác minh

a) Cấp, đổi giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp

Sở Giao thông vận tải phải tra cứu và in thông tin về giấy phép lái xe trong các trường hợp xét sát hạch nâng hạng, đổi, cấp lại giấy phép lái xe từ hệ thống thông tin quản lý giấy phép lái xe; trường hợp chưa có thông tin phải có văn bản đề nghị cơ quan đã cấp giấy phép lái xe xác minh giấy phép lái xe đã cấp.

Khi chưa có kết quả xác minh giấy phép lái xe hoặc có kết quả xác minh giấy phép lái xe không do Sở Giao thông vận tải cấp thì Sở Giao thông vận tải không xét sát hạch nâng hạng, đổi, cấp lại giấy phép lái xe;

b) Đổi giấy phép lái xe quân sự do Bộ Quốc phòng cấp sang giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp

Trường hợp phát hiện có nghi vấn, cơ quan cấp đổi giấy phép lái xe có văn bản đề nghị Cục Xe - Máy thuộc Bộ Quốc phòng xác minh giấy phép lái xe đã cấp.

Khi chưa có kết quả xác minh giấy phép lái xe hoặc có kết quả xác minh giấy phép lái xe không do Bộ Quốc phòng cấp thì Sở Giao thông vận tải không đổi giấy phép lái xe;

c) Đổi giấy phép lái xe do ngành Công an cấp sang giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp

Trường hợp phát hiện có nghi vấn, cơ quan cấp đổi giấy phép lái xe có văn bản đề nghị Cục Cảnh sát giao thông thuộc Bộ Công an quản lý giấy phép lái xe xác minh giấy phép lái xe đã cấp.

Khi chưa có kết quả xác minh giấy phép lái xe hoặc có kết quả xác minh giấy phép lái xe không do ngành Công an cấp thì Sở Giao thông vận tải không đổi giấy phép lái xe.

2. Cách thức thực hiện xác minh giấy phép lái xe

a) Sau 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được danh sách đề nghị xác minh giấy phép lái xe của cơ sở đào tạo lái xe hoặc hồ sơ hợp lệ quy định tại Điều 36, Điều 37 và Điều 38 Thông tư này, Sở Giao thông vận tải có văn bản bản đề nghị xác minh giấy phép lái xe theo Mẫu số 01 Phụ lục XXV ban hành kèm theo Thông tư này gửi cơ quan đã cấp giấy phép lái xe;

b) Ngay khi nhận được văn bản đề nghị xác minh, Sở Giao thông vận tải tiếp nhận xác minh giấy phép lái xe phải trả lời bằng hình thức điện thoại hoặc thư điện tử hoặc fax; sau 02 ngày làm việc có văn bản trả lời theo Mẫu số 02 quy định tại Phụ lục XXV ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 34. Cấp giấy phép lái xe

1. Người đạt kết quả kỳ sát hạch được cấp giấy phép lái xe đúng hạng đã trúng tuyển; đối với trường hợp nâng hạng hoặc cấp theo quy định tại khoản 2 Điều này phải xuất trình bản chính giấy phép lái xe khi đến nhận giấy phép lái xe

a) Căn cứ quyết định công nhận trúng tuyển kỳ sát hạch, Sở Giao thông vận tải cấp giấy phép lái xe cho người trúng tuyển. Ngày trúng tuyển ghi tại mặt sau giấy phép lái xe là ngày ký quyết định công nhận trúng tuyển kỳ sát hạch;

b) Thời gian cấp giấy phép lái xe chậm nhất không quá 10 ngày, kể từ ngày kết thúc kỳ sát hạch và người đạt kết quả kỳ sát hạch đã hoàn thành nghĩa vụ nộp lệ phí cấp giấy phép lái xe.

2. Người có giấy phép lái xe quá thời hạn sử dụng

a) Người có giấy phép lái xe các hạng B, C1, C, D1, D2, D, BE, C1E, CE, D1E, D2E, DE quá thời hạn sử dụng

Quá hạn dưới 01 năm kể từ ngày hết hạn phải sát hạch lý thuyết theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 17 Thông tư này để cấp giấy phép lái xe.

Quá hạn từ 01 năm trở lên kể từ ngày hết hạn phải sát hạch lý thuyết, thực hành lái xe trong hình và trên đường để cấp giấy phép lái xe theo quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 17 Thông tư này.

Hồ sơ dự sát hạch thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 29 Thông tư này;

b) Người có giấy phép lái xe các hạng B, C1, C, D1, D2, D, BE, C1E, CE, D1E, D2E, DE bị mất nhưng quá thời hạn sử dụng, có tên trong hồ sơ của Sở Giao thông vận tải, không thuộc trường hợp đang bị các cơ quan có thẩm quyền thu giữ, xử lý phải dự sát hạch các nội dung:

Quá hạn dưới 01 năm, phải dự sát hạch lý thuyết để cấp giấy phép lái xe theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 17 Thông tư này.

Quá hạn từ 01 năm trở lên kể từ ngày hết hạn phải sát hạch lý thuyết, thực hành lái xe trong hình và trên đường để cấp giấy phép lái xe theo quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 17 Thông tư này.

Hồ sơ dự sát hạch thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 29 của Thông tư này;

c) Ngày trúng tuyển ghi tại mặt sau giấy phép lái xe được tính theo ngày trúng tuyển của giấy phép lái xe cũ;

d) Người dự sát hạch có nhu cầu ôn tập, đăng ký với các cơ sở đào tạo lái xe để được hướng dẫn ôn tập, phải nộp phí ôn tập theo quy định, không phải học lại theo chương trình đào tạo;

đ) Trường hợp không đạt kết quả để được cấp giấy phép lái xe, người có giấy phép lái xe quá thời hạn sử dụng, bị mất nhưng quá thời hạn sử dụng phải đăng ký với Sở Giao thông vận tải để tham gia sát hạch lại.

3. Chưa sát hạch cấp giấy phép lái xe đối với người vi phạm trật tự, an toàn giao thông đường bộ chưa thực hiện xong yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về giải quyết, xử lý vụ việc vi phạm hành chính trong lĩnh vực trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

Điều 35. Cấp lại giấy phép lái xe

1. Người có giấy phép lái xe bị mất, còn thời hạn sử dụng được xét cấp lại giấy phép lái xe. Việc cấp lại giấy phép lái xe bị mất thực hiện theo quy định tại các khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 36 Thông tư này.

2. Ngày trúng tuyển ghi tại mặt sau giấy phép lái xe được tính theo ngày trúng tuyển của giấy phép lái xe cũ.

3. Không cấp lại giấy phép lái xe đối với các trường hợp sau: giấy phép lái xe không có trong hệ thống thông tin giấy phép lái xe tại Cục Đường bộ Việt Nam, bảng kê danh sách cấp giấy phép lái xe (sổ quản lý); chưa cấp lại giấy phép lái xe đối với người vi phạm trật tự, an toàn giao thông đường bộ chưa thực hiện xong yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về giải quyết, xử lý vụ việc vi phạm hành chính trong lĩnh vực trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

Điều 36. Đổi giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp

1. Yêu cầu đối với việc đổi giấy phép lái xe

a) Người Việt Nam, người nước ngoài được đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe tại Việt Nam;

b) Người có giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp bị hỏng không còn sử dụng được;

c) Người Việt Nam, người nước ngoài có thẻ thường trú ở Việt Nam đã có giấy phép lái xe Việt Nam đổi từ giấy phép lái xe nước ngoài, khi hết hạn nếu có nhu cầu được đổi giấy phép lái xe;

d) Trường hợp ngày, tháng, năm sinh, họ, tên, tên đệm, quốc tịch, nơi sinh, nơi cư trú ghi trên giấy phép lái xe có sai lệch với căn cước công dân hoặc căn cước thì cơ quan quản lý giấy phép lái xe làm thủ tục đổi giấy phép lái xe mới phù hợp với thông tin ghi trong căn cước công dân hoặc căn cước;

đ) Không đổi giấy phép lái xe đối với các trường hợp sau: giấy phép lái xe không có trong hệ thống thông tin giấy phép lái xe tại Cục Đường bộ Việt Nam, bảng kê danh sách cấp giấy phép lái xe (sổ quản lý); người vi phạm trật tự, an toàn giao thông đường bộ chưa thực hiện xong yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về giải quyết, xử lý vụ việc vi phạm hành chính trong lĩnh vực trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

2. Hồ sơ đổi giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp, gồm:

a) Đơn đề nghị đổi (cấp lại) giấy phép lái xe theo mẫu quy định tại Phụ lục XXVI ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đủ tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh cấp còn hiệu lực (trừ người có giấy phép lái xe hạng A, A1, B1);

c) Bản sao hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử được cấp từ sổ gốc của giấy phép lái xe hoặc Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ đối với trường hợp tước quyền sử dụng giấy phép lái xe tích hợp;

d) Hộ chiếu còn thời hạn sử dụng (đối với người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài).

3. Trình tự thực hiện

a) Cá nhân lập 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến đến Sở Giao thông vận tải.

Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp cá nhân phải chụp ảnh trực tiếp tại cơ quan cấp giấy phép lái xe và phải hoàn thành nghĩa vụ nộp lệ phí khi được tiếp nhận hồ sơ.

Trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến, cá nhân kê khai theo hướng dẫn, phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, tính hợp pháp của nội dung đã kê khai và phải hoàn thành nghĩa vụ nộp lệ phí cấp giấy phép lái xe

thông qua chức năng thanh toán của hệ thống dịch vụ công trực tuyến theo quy định và nộp phí sử dụng dịch vụ khác theo nhu cầu của cá nhân; khi nhận giấy phép lái xe, phải nộp lại giấy phép lái xe cũ để lưu hồ sơ;

b) Sở Giao thông vận tải kiểm tra hồ sơ khi tiếp nhận, tra cứu phần mềm quản lý vi phạm của hệ thống thông tin về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe, chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ, truy cập phần mềm cơ sở dữ liệu về trật tự, an toàn giao thông đường bộ của ngành Công an hoặc tra cứu vi phạm của người lái xe thông qua tài khoản định danh điện tử; trường hợp giấy phép lái xe không thuộc đối tượng được đổi hoặc hồ sơ không đúng theo quy định, phải thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến những nội dung cần bổ sung hoặc sửa đổi cho cá nhân trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ;

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định (bao gồm xác thực tài khoản định danh điện tử qua hệ thống định danh và xác thực điện tử), Sở Giao thông vận tải thực hiện việc đổi giấy phép lái xe; trường hợp không đổi giấy phép lái xe thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

d) Cơ quan cấp giấy phép lái xe lưu trữ bản chính hồ sơ đổi giấy phép lái xe của ngành Giao thông vận tải cấp (trừ trường hợp đổi giấy phép lái xe qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến) trong thời hạn 02 năm kể từ ngày cấp giấy phép lái xe và thu lại giấy phép lái xe cũ (trường hợp đổi giấy phép lái xe trực tuyến toàn trình, người lái xe chịu trách nhiệm gửi giấy phép lái xe cũ đến cơ quan cấp giấy phép lái xe để hủy theo quy định) trừ trường hợp đổi giấy phép lái xe cho người có giấy phép lái xe tích hợp đang trong thời gian bị tước giấy phép lái xe;

đ) Trường hợp người lái xe có nhu cầu đổi giấy phép lái xe xuống hạng thấp hơn, phải khai rõ tại đơn đề nghị đổi (cấp lại) giấy phép lái xe quy định tại Phụ lục XXVI ban hành kèm theo Thông tư này và chịu trách nhiệm về nội dung kê khai.

4. Việc trả giấy phép lái xe được thực hiện tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ hoặc thông qua dịch vụ bưu chính theo yêu cầu của cá nhân; trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến, giấy phép lái xe được trả cho đúng cá nhân đổi giấy phép lái xe.

Điều 37. Đổi giấy phép lái xe quân sự do Bộ Quốc phòng cấp sang giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp

1. Yêu cầu đối với việc đổi giấy phép lái xe do Bộ Quốc phòng cấp sang giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp

a) Người có giấy phép lái xe quân sự còn thời hạn sử dụng khi thôi phục vụ trong quân đội (xuất ngũ, chuyển ngành, nghỉ hưu, chấm dứt hợp đồng lao động trong quân đội) có nhu cầu được đổi giấy phép lái xe;

b) Giấy phép lái xe quân sự có hiệu lực được phép lái nhiều hạng xe khác nhau được đổi sang giấy phép lái xe ngành Giao thông vận tải có hiệu lực lái các hạng xe tương ứng; giấy phép lái xe quân sự hạng Cx được đổi sang giấy phép lái xe hạng C do ngành Giao thông vận tải cấp;

c) Người có giấy phép lái xe quân sự do Bộ Quốc phòng cấp bị hỏng không còn sử dụng được;

d) Không đổi giấy phép lái xe quân sự bị tẩy xóa thông tin hoặc có sự khác biệt về nhận dạng; người vi phạm trật tự, an toàn giao thông đường bộ chưa thực hiện xong yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về giải quyết, xử lý vụ việc vi phạm hành chính trong lĩnh vực trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

2. Hồ sơ bao gồm:

a) Đơn đề nghị đổi (cấp lại) giấy phép lái xe theo mẫu quy định tại Phụ lục XXVI ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bản sao Quyết định thôi phục vụ trong quân đội do Thủ trưởng cấp Trung đoàn trở lên ký. Đối với lao động hợp đồng trong các doanh nghiệp quốc phòng: Bản sao quyết định chấm dứt hợp đồng lao động, thời hạn không quá 06 tháng tính từ ngày cấp có thẩm quyền của doanh nghiệp quốc phòng ký;

c) Giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đủ tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh cấp còn hiệu lực;

d) Bản sao hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử được cấp từ sổ gốc của giấy phép lái xe quân sự còn thời hạn sử dụng.

3. Trình tự thực hiện

a) Cá nhân lập 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này gửi trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải; cá nhân phải chụp ảnh trực tiếp tại cơ quan cấp giấy phép lái xe và phải xuất trình bản chính các hồ sơ quy định tại điểm b khoản 2 Điều này để đối chiếu và phải hoàn thành nghĩa vụ nộp lệ phí khi được tiếp nhận hồ sơ;

b) Sở Giao thông vận tải kiểm tra hồ sơ, tra cứu phần mềm cơ sở dữ liệu về trật tự, an toàn giao thông đường bộ của ngành Công an hoặc tra cứu vi phạm của người lái xe thông qua tài khoản định danh điện tử; trường hợp giấy phép lái xe không thuộc đối tượng được đổi hoặc hồ sơ không đúng theo quy định, phải thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản những nội dung cần bổ sung hoặc sửa đổi cho cá nhân trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ;

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định (bao gồm xác thực tài khoản định danh điện tử qua hệ thống định danh và xác thực điện tử), Sở Giao thông vận tải thực hiện việc đổi giấy phép lái xe;

trường hợp không đổi giấy phép lái xe thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

d) Việc trả giấy phép lái xe được thực hiện tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ hoặc thông qua dịch vụ bưu chính theo yêu cầu của cá nhân;

đ) Trường hợp người lái xe có nhu cầu đổi giấy phép lái xe xuống hạng thấp hơn, phải khai rõ tại Đơn đề nghị đổi (cấp lại) giấy phép lái xe quy định tại Phụ lục XXVI ban hành kèm theo Thông tư này và chịu trách nhiệm về nội dung kê khai;

e) Cơ quan cấp giấy phép lái xe lưu bản sao hồ sơ đổi giấy phép lái xe quân sự do Bộ Quốc phòng cấp trong thời hạn 02 năm kể từ ngày cấp giấy phép lái xe và cắt góc giấy phép lái xe cũ.

4. Hồ sơ đổi giấy phép lái xe quân sự là hồ sơ gốc gồm các tài liệu quy định tại khoản 2 Điều này và giấy phép lái xe quân sự đã được cắt góc, giao cho người lái xe tự bảo quản.

Điều 38. Đổi giấy phép lái xe do ngành Công an cấp sang giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp

1. Yêu cầu đối với việc đổi giấy phép lái xe do ngành Công an cấp sang giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp

a) Người có giấy phép lái xe do ngành Công an cấp sau ngày 31 tháng 7 năm 1995, còn thời hạn sử dụng, khi thôi không tiếp tục phục vụ trong ngành Công an (xuất ngũ, chuyển ngành, nghỉ hưu, chấm dứt hợp đồng lao động trong Công an nhân dân), có nhu cầu được đổi giấy phép lái xe;

b) Người có giấy phép lái xe mô tô của ngành Công an cấp trước ngày 01 tháng 8 năm 1995 bị hỏng không còn sử dụng được có nhu cầu đổi, có tên trong sổ lưu được xét đổi giấy phép lái xe mới;

c) Không đổi giấy phép lái xe do ngành Công an cấp bị tẩy xóa thông tin để đổi giấy phép lái xe hoặc có sự khác biệt về nhận dạng; người vi phạm trật tự, an toàn giao thông đường bộ chưa thực hiện xong yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về giải quyết, xử lý vụ việc vi phạm hành chính trong lĩnh vực trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

2. Hồ sơ đổi giấy phép lái xe mô tô do ngành Công an cấp trước ngày 01 tháng 8 năm 1995:

Đơn đề nghị đổi (cấp lại) giấy phép lái xe theo mẫu quy định tại Phụ lục XXVI ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Hồ sơ đổi giấy phép lái xe do ngành Công an cấp từ ngày 01 tháng 8 năm 1995:

a) Đơn đề nghị đổi (cấp lại) giấy phép lái xe theo mẫu quy định tại Phụ lục XXVI ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bản sao giấy phép lái xe; bản sao Quyết định ra khỏi ngành hoặc nghỉ hưu của cấp có thẩm quyền hoặc bản sao Quyết định của cấp có thẩm quyền về việc thôi không tiếp tục phục vụ trong lực lượng Công an xã hoặc bản sao Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động và quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động từ 12 tháng trở lên của các đơn vị trong Công an nhân dân;

c) Giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đủ tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh cấp còn hiệu lực.

4. Hồ sơ đổi giấy phép lái xe do ngành Công an cấp cho học viên hệ dân sự các trường Công an nhân dân trước ngày 31 tháng 7 năm 2020:

a) Giấy tờ quy định tại các điểm a và c khoản 3 Điều này;

b) Bản sao hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử được cấp từ sổ gốc của Quyết định công nhận tốt nghiệp của các Trường, Học viện trong Công an nhân dân;

c) Hồ sơ gốc do ngành Công an cấp, gồm: đơn đề nghị sát hạch, cấp, đổi giấy phép lái xe có xác nhận của thủ trưởng đơn vị nơi công tác; giấy chứng nhận sức khỏe của người lái xe; chứng chỉ tốt nghiệp chương trình đào tạo lái xe; biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe.

5. Trình tự thực hiện

a) Cá nhân lập 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 hoặc khoản 3 hoặc khoản 4 Điều này gửi trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải; cá nhân phải chụp ảnh trực tiếp tại cơ quan cấp giấy phép lái xe và phải hoàn thành nghĩa vụ nộp lệ phí khi được tiếp nhận hồ sơ;

b) Sở Giao thông vận tải kiểm tra hồ sơ, tra cứu phần mềm cơ sở dữ liệu về trật tự, an toàn giao thông đường bộ của ngành Công an hoặc tra cứu vi phạm của người lái xe thông qua tài khoản định danh điện tử; trường hợp giấy phép lái xe không thuộc đối tượng được đổi hoặc hồ sơ không đúng theo quy định, phải thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản những nội dung cần bổ sung hoặc sửa đổi cho cá nhân trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ;

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định (bao gồm xác thực tài khoản định danh điện tử qua hệ thống định danh và xác thực điện tử), Sở Giao thông vận tải thực hiện việc đổi giấy phép lái xe; trường hợp không đổi giấy phép lái xe thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

d) Việc trả giấy phép lái xe được thực hiện tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ hoặc thông qua dịch vụ bưu chính theo yêu cầu của cá nhân;

đ) Trường hợp người lái xe có nhu cầu đổi giấy phép lái xe xuống hạng thấp hơn, phải khai rõ tại đơn đề nghị đổi (cấp lại) giấy phép lái xe quy định tại Phụ lục XXVI ban hành kèm theo Thông tư này và chịu trách nhiệm về nội dung kê khai;

e) Cơ quan cấp giấy phép lái xe lưu bản sao hồ sơ đổi giấy phép lái xe do ngành Công an cấp trong thời hạn 02 năm kể từ ngày cấp giấy phép lái xe và cắt góc giấy phép lái xe cũ.

6. Hồ sơ đổi giấy phép lái xe do ngành Công an cấp là hồ sơ gốc, gồm tài liệu quy định tại khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều này và giấy phép lái xe do ngành Công an cấp đã được cắt góc, giao cho người lái xe tự bảo quản.

Điều 39. Đổi giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài sang giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp

1. Yêu cầu đối với việc đổi giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài sang giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp

a) Người nước ngoài cư trú, làm việc, học tập tại Việt Nam có giấy phép lái xe quốc gia còn thời hạn sử dụng và có một trong các giấy tờ sau: giấy chứng minh thư ngoại giao, giấy chứng minh thư công vụ, thẻ tạm trú, thẻ cư trú, thẻ lưu trú hoặc thẻ thường trú với thời gian từ 03 tháng trở lên nếu có nhu cầu lái xe ở Việt Nam được xét đổi sang hạng giấy phép lái xe tương ứng của Việt Nam;

b) Người Việt Nam (mang quốc tịch Việt Nam) trong thời gian cư trú, học tập, làm việc ở nước ngoài được cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp giấy phép lái xe quốc gia, còn thời hạn sử dụng, nếu có nhu cầu lái xe tại Việt Nam được xét đổi sang hạng giấy phép lái xe tương ứng của Việt Nam;

c) Không đổi giấy phép lái xe tạm thời của nước ngoài; giấy phép lái xe quốc tế; giấy phép lái xe của nước ngoài quá thời hạn sử dụng, bị tẩy xóa, rách nát không còn đủ thông tin để đổi giấy phép lái xe hoặc có sự khác biệt về nhận dạng; giấy phép lái xe nước ngoài không do cơ quan có thẩm quyền cấp; người Việt Nam có giấy phép lái xe nước ngoài có thời gian lưu trú tại nước ngoài dưới 03 tháng và thời hạn lưu trú không phù hợp với thời gian đào tạo lái xe của nước cấp giấy phép lái xe.

2. Hồ sơ bao gồm:

a) Đơn đề nghị đổi (cấp lại) giấy phép lái xe (đối với người Việt Nam theo mẫu quy định tại Phụ lục XXVI ban hành kèm theo Thông tư này, đối với người nước ngoài theo mẫu quy định tại Phụ lục XXVII ban hành kèm theo Thông tư này);

b) Bản dịch giấy phép lái xe nước ngoài ra tiếng Việt được bảo chứng chất lượng dịch thuật của cơ quan Công chứng tại Việt Nam, cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài mà người dịch làm việc, đóng dấu giáp lai với bản sao giấy phép lái xe;

c) Giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đủ tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh cấp còn hiệu lực (trừ người nước ngoài đổi giấy phép lái xe theo thời hạn ghi trong thị thực nhập cảnh hoặc thẻ tạm trú);

d) Bản sao hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử được cấp từ sổ gốc của một trong các giấy tờ: thẻ tạm trú, thẻ thường trú hoặc chứng minh thư ngoại giao, chứng minh thư công vụ.

3. Trình tự thực hiện

a) Cá nhân lập 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này gửi trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải nơi đăng ký cư trú, lưu trú, tạm trú hoặc thường trú; cá nhân phải chụp ảnh trực tiếp tại cơ quan cấp giấy phép lái xe và phải xuất trình bản chính các hồ sơ nêu trên (trừ các bản chính đã gửi) để đối chiếu và phải hoàn thành nghĩa vụ nộp lệ phí khi được tiếp nhận hồ sơ;

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định (bao gồm xác thực tài khoản định danh điện tử qua hệ thống định danh và xác thực điện tử), Sở Giao thông vận tải thực hiện việc đổi giấy phép lái xe; trường hợp không đổi giấy phép lái xe thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

c) Việc trả giấy phép lái xe được thực hiện tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ hoặc thông qua dịch vụ bưu chính theo yêu cầu của cá nhân.

4. Hồ sơ đổi giấy phép lái xe do cơ quan đổi giấy phép lái xe giao cho người lái xe quản lý là hồ sơ gốc, gồm các tài liệu quy định tại khoản 2 Điều này và giấy phép lái xe nước ngoài. Hồ sơ đổi giấy phép lái xe của người nước ngoài không thường trú tại Việt Nam do cơ quan đổi giấy phép lái xe lưu trữ 01 năm, gồm các tài liệu quy định tại khoản 2 Điều này.

5. Trường hợp phát hiện có nghi vấn về việc nhập cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam, cơ quan cấp đổi giấy phép lái xe có văn bản đề nghị Bộ Ngoại giao, Cục Quản lý Xuất nhập cảnh thuộc Bộ Công an, Phòng Quản lý xuất nhập Cảnh thuộc Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xác minh.

6. Thời hạn sử dụng và hạng xe được phép điều khiển

a) Thời hạn sử dụng giấy phép lái xe Việt Nam đổi cho người nước ngoài phù hợp với thời hạn ghi tại một trong các giấy tờ quy định tại điểm a khoản 1 Điều này phù hợp với thời hạn sử dụng giấy phép lái xe nước ngoài nhưng không vượt quá thời hạn quy định của giấy phép lái xe Việt Nam;

b) Giấy phép lái xe quốc gia cấp cho người đổi được điều khiển nhiều hạng xe khác nhau được đổi sang giấy phép lái xe Việt Nam để điều khiển các hạng xe tương ứng.

Điều 40. Thu hồi giấy phép lái xe

1. Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép lái xe thực hiện thu hồi theo trình tự sau:

a) Sau 03 ngày kể từ ngày phát hiện người có giấy phép lái xe thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 62 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ, thủ trưởng cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép lái xe ra quyết

định thu hồi để hủy bỏ giấy phép lái xe. Nội dung của quyết định nêu rõ lý do thu hồi và hủy bỏ;

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Quyết định thu hồi giấy phép lái xe, cá nhân phải nộp giấy phép lái xe bị thu hồi đến cơ quan thu hồi giấy phép lái xe và cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép lái xe có trách nhiệm thu hồi giấy phép lái xe đã cấp và hủy bỏ theo quy định;

c) Trường hợp cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép lái xe đã sáp nhập, chia, tách, giải thể, hết thẩm quyền cấp thì cơ quan có thẩm quyền thu hồi, hủy bỏ giấy phép lái xe là cơ quan đang quản lý sổ gốc cấp giấy phép lái xe.

2. Xử lý đối với trường hợp giấy phép lái xe bị thu hồi

a) Giấy phép lái xe bị thu hồi theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 5 Điều 62 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ; hồ sơ, trình tự thực hiện cấp lại giấy phép lái xe thực hiện theo quy định tại khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 36 Thông tư này;

b) Giấy phép lái xe bị thu hồi theo quy định tại điểm c khoản 5 Điều 62 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ không có giá trị sử dụng, cơ quan quản lý giấy phép lái xe cập nhật dữ liệu về hành vi vi phạm trên hệ thống thông tin giấy phép lái xe tại Cục Đường bộ Việt Nam kể từ ngày phát hiện hành vi vi phạm; ngoài ra, người có hành vi vi phạm không được cấp giấy phép lái xe trong thời hạn 05 năm, kể từ ngày phát hiện hành vi vi phạm; sau thời hạn 05 năm, kể từ ngày phát hiện hành vi vi phạm nếu có nhu cầu cấp lại giấy phép lái xe phải học và sát hạch lại như trường hợp cấp giấy phép lái xe lần đầu.

Phần III

CẤP, SỬ DỤNG GIẤY PHÉP LÁI XE QUỐC TẾ

Chương I

CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE QUỐC TẾ

Điều 41. Mẫu giấy phép lái xe quốc tế

1. IDP là một quyển sổ có kích thước A6 (148 mm x 105 mm), có ký hiệu bảo mật, bìa màu xám, những trang giấy bên trong màu trắng theo mẫu quy định tại Phụ lục XXVIII ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Trang 1 (trang bìa) ghi thông tin cơ bản của IDP được in song ngữ tiếng Việt và tiếng Anh; trang 2 quy định về phạm vi sử dụng IDP in song ngữ tiếng Việt và tiếng Anh, trang 3 quy định phần khai về người lái xe và phân hạng IDP in bằng tiếng Việt, trang 4 để trống, trang 5 quy định phần khai về người lái xe và phân hạng IDP in bằng tiếng Anh, trang 6 quy định phần khai về người lái xe và phân hạng IDP in bằng tiếng Nga, trang 7 quy định phần khai về người lái xe và phân hạng IDP in bằng tiếng Tây Ban Nha, trang 8 quy định

phần khai về người lái xe và phân hạng IDP in bằng tiếng Pháp, trang 9 quy định hạng xe được điều khiển in bằng tiếng Pháp.

3. Số IDP gồm ký hiệu phân biệt quốc gia của Việt Nam đối với giao thông quốc tế là VN và 12 chữ số sau là số giấy phép lái xe quốc gia.

Điều 42. Hạng xe điều khiển của giấy phép lái xe quốc tế

Hạng xe được phép điều khiển của IDP tương ứng với các hạng xe của giấy phép lái xe quốc gia do Việt Nam cấp quy định tại Phụ lục XXIX ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 43. Cấp giấy phép lái xe quốc tế

1. Đối với người Việt Nam, người nước ngoài có thẻ thường trú hoặc thẻ tạm trú tại Việt Nam, có giấy phép lái xe quốc gia do Việt Nam cấp bằng vật liệu PET. còn giá trị sử dụng, thực hiện như sau:

a) Hồ sơ cấp IDP

Đơn đề nghị cấp IDP theo mẫu quy định tại Phụ lục XXX kèm theo Thông tư này;

b) Trình tự cấp IDP:

Cá nhân khi nộp hồ sơ đề nghị trực tiếp tại Cục Đường bộ Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải, phải xuất trình bản chính giấy phép lái xe quốc gia do Việt Nam cấp, hộ chiếu, thẻ thường trú (đối với người nước ngoài) để thực hiện kiểm tra tính chính xác, hợp pháp của việc cấp IDP và phải hoàn thành nghĩa vụ nộp lệ phí khi được tiếp nhận hồ sơ theo quy định; khi nộp đơn qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến, cá nhân kê khai theo hướng dẫn và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, tính hợp pháp của nội dung đã kê khai, phải hoàn thành nghĩa vụ nộp lệ phí thông qua chức năng thanh toán lệ phí của hệ thống dịch vụ công trực tuyến và nộp phí sử dụng dịch vụ khác theo nhu cầu của cá nhân. Trường hợp đơn đề nghị không đúng theo quy định, cơ quan tiếp nhận đơn có trách nhiệm thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến những nội dung cần bổ sung hoặc sửa đổi cho cá nhân trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận đơn.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn đề nghị cấp IDP đúng theo quy định, Cục Đường bộ Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải thực hiện việc cấp IDP cho cá nhân; trường hợp không cấp IDP thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

2. Đối với người Việt Nam, người nước ngoài có thẻ thường trú hoặc thẻ tạm trú tại Việt Nam, có giấy phép lái xe quốc gia do các quốc gia là thành viên của điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên cấp, còn giá trị sử dụng, thực hiện như sau:

a) Hồ sơ cấp IDP: đơn đề nghị cấp IDP quốc tế theo mẫu quy định tại Phụ lục XXX ban hành kèm theo Thông tư này; bản dịch giấy phép lái xe nước ngoài ra tiếng Việt được bảo chứng chất lượng dịch thuật của cơ quan Công chứng hoặc Đại sứ quán, Lãnh sự quán tại Việt Nam mà người dịch làm việc, đóng dấu giáp lai với bản sao giấy phép lái xe; bản sao thẻ tạm trú hoặc thẻ thường trú hoặc chứng minh thư ngoại giao hoặc chứng minh thư công vụ đối với người nước ngoài;

b) Trình tự cấp IDP:

Cá nhân khi nộp 01 bộ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này trực tiếp tại Cục Đường bộ Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải, phải xuất trình bản chính giấy phép lái xe quốc gia do các quốc gia là thành viên của điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên cấp, hộ chiếu, thẻ thường trú hoặc tạm trú (đối với người nước ngoài) để thực hiện kiểm tra tính chính xác, hợp pháp của việc cấp IDP và phải hoàn thành nghĩa vụ nộp lệ phí khi được tiếp nhận hồ sơ theo quy định. Trường hợp đơn đề nghị không đúng theo quy định, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản những nội dung cần bổ sung hoặc sửa đổi cho cá nhân trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận đơn.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn đề nghị cấp IDP đúng theo quy định, Cục Đường bộ Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải thực hiện việc cấp IDP cho cá nhân; trường hợp không cấp IDP thì phải trả lời và nêu rõ lý do.

3. Không cấp IDP đối với các trường hợp sau đây:

a) Giấy phép lái xe quốc gia bị tẩy xóa không còn đủ các thông tin cần thiết hoặc có sự khác biệt về nhận dạng;

b) Giấy phép lái xe quốc gia không do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định.

Chương II

SỬ DỤNG GIẤY PHÉP LÁI XE QUỐC TẾ

Điều 44. Sử dụng IDP do Việt Nam cấp theo Công ước về giao thông đường bộ năm 1968

IDP do Việt Nam cấp không có giá trị sử dụng trong lãnh thổ Việt Nam.

Điều 45. Sử dụng giấy phép lái xe quốc tế được công nhận theo điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên

Việc sử dụng giấy phép lái xe theo điều ước quốc tế về công nhận lẫn nhau mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên sẽ được thực hiện theo điều ước quốc tế đó.

Phần IV
ĐÀO TẠO, KIỂM TRA, CẤP CHỨNG CHỈ BỒI DƯỠNG KIẾN THỨC PHÁP LUẬT VỀ GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ CHO NGƯỜI ĐIỀU KHIỂN XE MÁY CHUYÊN DÙNG THAM GIA GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

Chương I
ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG KIẾN THỨC PHÁP LUẬT VỀ GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ CHO NGƯỜI ĐIỀU KHIỂN XE MÁY CHUYÊN DÙNG THAM GIA GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

Điều 46. Hình thức, chương trình đào tạo kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ

1. Người học bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ phải được đào tạo tại cơ sở đào tạo lái xe ô tô hoặc cơ sở đào tạo người điều khiển xe máy chuyên dùng.

2. Chương trình đào tạo kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ

TT	Nội dung chương trình	Số giờ
1	Pháp luật về giao thông đường bộ	12
2	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ	5
3	Quy định về tốc độ và khoảng cách an toàn của xe cơ giới, xe máy chuyên dùng tham gia giao thông trên đường bộ	3
4	Quy định về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ.	4
5	Quy định về cấp đăng ký, biển số; kiểm định xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ	3
6	Ôn tập và kiểm tra	5
	Tổng thời gian đào tạo	**32**

Điều 47. Tiêu chuẩn của cơ sở đào tạo người điều khiển xe máy chuyên dùng thực hiện bồi dưỡng, kiểm tra, cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ

Cơ sở đào tạo người điều khiển xe máy chuyên dùng thực hiện bồi dưỡng, kiểm tra, cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ phải có đủ phòng học luật về giao thông đường bộ có đủ tài liệu giảng dạy, sa hình và hệ thống biển báo hiệu giao thông đường bộ theo quy định.

Điều 48. Tổ chức đào tạo pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ

1. Báo cáo mở lớp bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ: cơ sở đào tạo lái xe ô tô hoặc cơ sở đào tạo người điều khiển xe máy chuyên dùng tiếp nhận hồ sơ của cá nhân đảm bảo yêu cầu về điều kiện theo quy định

tại điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 59 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ và báo cáo Sở Giao thông vận tải theo mẫu quy định tại Phụ lục XXXI ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Cơ sở đào tạo lái xe ô tô hoặc cơ sở đào tạo người điều khiển xe máy chuyên dùng căn cứ Chương trình đào tạo quy định tại Điều 46 Thông tư này xây dựng giáo trình và nội dung chi tiết chương trình đào tạo.

3. Tổ chức kiểm tra, lập biên bản kết quả kiểm tra bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ theo mẫu quy định tại Phụ lục XXXII ban hành kèm theo Thông tư này và cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người học đạt yêu cầu. Trường hợp chưa đạt yêu cầu sẽ được tổ chức kiểm tra lại sau 07 ngày làm việc.

4. Kiểm tra

a) Kiểm tra các môn học theo Chương trình đào tạo kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ quy định tại khoản 2 Điều 46 Thông tư này;

b) Điểm đánh giá kết quả học tập của học viên theo thang điểm 10 (từ 1 đến 10), có tính đến hàng thập phân 1 con số. Điểm kiểm tra đạt mỗi môn học từ 5,0 điểm trở lên thì đạt yêu cầu.

Điều 49. Hồ sơ của người học

Cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ tại cơ sở đào tạo lái xe ô tô hoặc cơ sở đào tạo người điều khiển xe máy chuyên dùng. Hồ sơ gồm:

1. Đơn đề nghị học bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ theo mẫu quy định tại Phụ lục XXXIII ban hành kèm theo Thông tư này.

2. 03 ảnh màu kích thước 2x3 cm chụp không quá 06 tháng, kiểu căn cước.

Điều 50. In, quản lý chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ

1. Căn cứ mẫu chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ quy định tại Phụ lục XXXIV ban hành kèm theo Thông tư này, cơ sở đào tạo lái xe ô tô hoặc cơ sở đào tạo người điều khiển xe máy chuyên dùng thiết kế mẫu phôi chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ, kèm theo lô gô (nếu có) của cơ sở mình.

2. Người đứng đầu cơ sở đào tạo lái xe ô tô hoặc cơ sở đào tạo người điều khiển xe máy chuyên dùng phê duyệt mẫu phôi chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ của cơ sở mình và gửi về Sở Giao thông vận tải, cơ quan công an cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi cơ sở đào tạo đóng trụ sở chính để báo cáo; chịu trách nhiệm quản lý phôi chứng chỉ cơ sở mình.

3. Việc in phôi chứng chỉ phải đảm bảo chặt chẽ, an toàn, bảo mật và phải được lập sổ quản lý.

Điều 51. Lưu trữ hồ sơ kết quả kiểm tra

1. Cơ sở đào tạo lái xe ô tô hoặc cơ sở đào tạo người điều khiển xe máy chuyên dùng

a) Báo cáo mở lớp bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ;

b) Danh sách thí sinh tham dự kiểm tra;

c) Quyết định tổ chức kiểm tra;

d) Sổ cấp chứng chỉ.

2. Sở Giao thông vận tải

Lưu trữ hồ sơ và các tài liệu quy định tại điểm a khoản 1 Điều này và điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư này.

3. Thời gian lưu trữ tài liệu

a) Không thời hạn đối với Sổ cấp chứng chỉ;

b) 02 năm đối với tài liệu quy định tại điểm a, điểm b, điểm d khoản 1 Điều này.

Chương II

CẤP, CẤP LẠI CHỨNG CHỈ BỒI DƯỠNG KIẾN THỨC PHÁP LUẬT VỀ GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ CHO NGƯỜI ĐIỀU KHIỂN XE MÁY CHUYÊN DÙNG THAM GIA GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

Điều 52. Cấp chứng chỉ

Sau 05 ngày làm việc, kể từ ngày kết quả kiểm tra đạt yêu cầu, người đứng đầu cơ sở đào tạo lái xe ô tô hoặc cơ sở đào tạo người điều khiển xe máy chuyên dùng cấp chứng chỉ cho người học.thanh

Điều 53. Cấp lại chứng chỉ

1. Người có chứng chỉ bị hỏng hoặc có sự sai lệch về thông tin có tên trong hồ sơ lưu trữ tại nơi cấp chứng chỉ sẽ được cấp lại theo số hiệu chứng chỉ đã cấp.

a) Hồ sơ đề nghị cấp lại, bao gồm: đơn đề nghị cấp lại chứng chỉ theo mẫu quy định tại Phụ lục XXXV ban hành kèm theo Thông tư này;

b) 03 ảnh màu kích thước 2x3 cm chụp không quá 06 tháng.

2. Người có chứng chỉ bị mất có tên trong hồ sơ lưu trữ tại nơi cấp chứng chỉ sẽ được cấp lại theo số hiệu chứng chỉ đã cấp

Hồ sơ cấp lại thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

3. Trình tự thực hiện:

a) Cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ đến cơ sở đào tạo lái xe ô tô hoặc cơ sở đào tạo người điều khiển xe máy chuyên dùng đã cấp chứng chỉ; trường hợp cơ sở đào tạo đã cấp chứng chỉ không còn hoạt động thì nộp tại Sở Giao thông vận tải nơi quản lý cơ sở cấp chứng chỉ;

b) Cơ sở đào tạo lái xe ô tô hoặc cơ sở đào tạo người điều khiển xe máy chuyên dùng hoặc Sở Giao thông vận tải kiểm tra hồ sơ khi tiếp nhận; trường hợp chứng chỉ không thuộc đối tượng được cấp lại hoặc hồ sơ không đúng theo quy định, phải thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản những nội dung cần bổ sung hoặc sửa đổi cho cá nhân trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ;

c) Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, người đứng đầu cơ sở đào tạo lái xe ô tô hoặc cơ sở đào tạo người điều khiển xe máy chuyên dùng hoặc Sở Giao thông vận tải cấp lại chứng chỉ; trường hợp không cấp lại chứng chỉ thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

d) Việc trả giấy phép lái xe được thực hiện tại cơ sở đào tạo lái xe ô tô hoặc cơ sở đào tạo người điều khiển xe máy chuyên dùng hoặc cơ quan tiếp nhận hồ sơ hoặc thông qua dịch vụ bưu chính theo yêu cầu của cá nhân.

Phần V

HỆ THỐNG THÔNG TIN ĐÀO TẠO, SÁT HẠCH, CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE, CHỨNG CHỈ BỒI DƯỠNG KIẾN THỨC PHÁP LUẬT VỀ GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

Chương I

QUẢN LÝ HỆ THỐNG THÔNG TIN

Điều 54. Yêu cầu đối với Hệ thống thông tin về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe, chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ

1. Hệ thống thông tin đào tạo lái xe tại cơ sở đào tạo lái xe

a) Quản lý tối thiểu các thông tin của học viên: họ, tên; số định danh cá nhân; ngày, tháng, năm sinh; nơi cư trú; giấy chứng nhận sức khỏe; thông tin các kỳ và kết quả sát hạch từng kỳ của từng học viên; xác nhận hoàn thành khóa đào tạo; số giấy phép lái xe, hạng giấy phép lái xe, thời gian lái xe an toàn đối với trường hợp nâng hạng giấy phép lái xe;

b) Quản lý tối thiểu thông tin đào tạo lái xe: khóa đào tạo; tên cơ sở đào tạo lái xe; thời gian hoàn thành khóa học; kết quả đào tạo; dữ liệu quản lý DAT; thời gian học lý thuyết môn học pháp luật về giao thông đường bộ; kết quả học thực hành lái xe trên ca bin học lái xe; kết quả duyệt danh sách thí sinh đủ điều kiện tham dự kỳ sát hạch; danh sách thí sinh vắng, trượt trong kỳ sát hạch;

c) Có khả năng kết nối, truyền dữ liệu quản lý DAT về hệ thống thông tin đào tạo lái xe của Cục Đường bộ Việt Nam;

d) Có khả năng tiếp nhận kết quả duyệt danh sách thí sinh đủ điều kiện tham dự kỳ sát hạch; danh sách thí sinh vắng, trượt trong kỳ sát hạch từ Sở Giao thông vận tải;

đ) Có khả năng lập và cung cấp cho Sở Giao thông vận tải: báo cáo đăng ký sát hạch, báo cáo đề nghị tổ chức sát hạch;

e) Có khả năng lưu trữ chính xác, đầy đủ các thông tin được quản lý;

g) Có khả năng kết nối, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin liên quan;

h) Đảm bảo các quy định về an toàn an ninh thông tin, an toàn thông tin mạng theo các quy định của pháp luật.

2. Hệ thống thông tin đào tạo lái xe tại Sở Giao thông vận tải

a) Quản lý tối thiểu các thông tin: báo cáo 1; báo cáo 2; thông tin học viên tại điểm a, b khoản 1 Điều này; kết quả duyệt danh sách thí sinh đủ điều kiện tham dự kỳ sát hạch;

b) Có khả năng duyệt danh sách thí sinh đủ điều kiện sát hạch, chuyển kết quả đến hệ thống thông tin đào tạo lái xe tại cơ sở đào tạo lái xe và hệ thống thông tin sát hạch lái xe;

c) Có khả năng lưu trữ chính xác, đầy đủ các thông tin được quản lý;

d) Có khả năng kết nối, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin liên quan;

đ) Đảm bảo các quy định về an toàn an ninh thông tin, an toàn thông tin mạng theo các quy định của pháp luật.

3. Hệ thống thông tin đào tạo lái xe tại Cục Đường bộ Việt Nam

a) Có khả năng lưu trữ tối thiểu các thông tin về dữ liệu quản lý DAT theo quy định tại Phụ lục XXXXI ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Có khả năng tiếp nhận, tổng hợp, phân tích dữ liệu quản lý DAT theo mẫu quy định Phụ lục XXXVI ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Có khả năng lưu trữ chính xác, đầy đủ các thông tin được quản lý;

d) Có khả năng kết nối, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin liên quan;

đ) Đảm bảo các quy định về an toàn an ninh thông tin, an toàn thông tin mạng theo quy định của pháp luật.

4. Hệ thống thông tin sát hạch lái xe tại trung tâm sát hạch lái xe

a) Quản lý tối thiểu các thông tin: kỳ sát hạch; thí sinh tham dự sát hạch; dữ liệu giám sát sát hạch; kết quả kỳ sát hạch;

b) Có khả năng tiếp nhận thông tin kỳ sát hạch, thí sinh đủ điều kiện dự sát hạch từ hệ thống thông tin sát hạch lái xe của Sở Giao thông vận tải;

c) Có khả năng cung cấp kết quả sát hạch đến hệ thống thông tin của Sở Giao thông vận tải;

d) Có khả năng chia sẻ ngay dữ liệu giám sát sát hạch về Sở Giao thông vận tải, Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Cục Cảnh sát giao thông;

đ) Có khả năng lưu trữ chính xác, đầy đủ các thông tin được quản lý;

e) Có khả năng kết nối, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin liên quan;

g) Đảm bảo các quy định về an toàn an ninh thông tin, an toàn thông tin mạng theo các quy định của pháp luật hiện hành.

5. Hệ thống thông tin sát hạch lái xe tại Sở Giao thông vận tải

a) Quản lý tối thiểu các thông tin: kết quả duyệt danh sách thí sinh đủ điều kiện tham dự kỳ sát hạch; kỳ sát hạch; thí sinh tham dự kỳ sát hạch; dữ liệu giám sát sát hạch; kết quả kỳ sát hạch;

b) Có khả năng tạo kỳ sát hạch, cập nhật thông tin kỳ sát hạch và danh sách thí sinh tham dự kỳ sát hạch đồng thời cung cấp các thông tin này đến hệ thống thông tin tại trung tâm sát hạch lái xe;

c) Có khả năng tiếp nhận dữ liệu giám sát sát hạch từ hệ thống thông tin tại trung tâm sát hạch lái xe;

d) Có khả năng cung cấp thông tin thí sinh trúng tuyển kỳ sát hạch đến hệ thống thông tin giấy phép lái xe tại Sở Giao thông vận tải;

đ) Có khả năng truy cập từ xa để các cơ quan có thẩm quyền truy cập, khai thác;

e) Có khả năng lưu trữ chính xác, đầy đủ các thông tin được quản lý;

g) Có khả năng kết nối, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin liên quan;

h) Đảm bảo các quy định về an toàn an ninh thông tin, an toàn thông tin mạng theo các quy định của pháp luật hiện hành.

6. Hệ thống thông tin giấy phép lái xe tại Cục Đường bộ Việt Nam

a) Quản lý tối thiểu các thông tin: số giấy phép lái xe; xác nhận hoàn thành khóa đào tạo; họ, tên; số định danh cá nhân; ngày, tháng, năm sinh; quốc tịch; nơi cư trú; cơ sở đào tạo lái xe; hạng xe đào tạo; khoá đào tạo; ngày trúng tuyển; cơ quan sát hạch; địa điểm tổ chức sát hạch (trung tâm sát hạch lái xe hoặc sân tập lái dùng để sát hạch); ngày cấp, đổi, cấp lại giấy phép lái xe; cơ quan cấp, đổi, cấp lại giấy phép lái xe; hạng giấy phép lái xe; ngày hết hạn; số phôi giấy phép lái xe;

b) Có khả năng tiếp nhận các thông tin tại điểm a khoản này từ hệ thống thông tin giấy phép lái xe tại Sở Giao thông vận tải;

c) Có chức năng cấp giấy phép lái xe quốc tế theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 43 Thông tư này;

d) Có chức năng thu hồi giấy phép lái xe;

đ) Có khả năng tra cứu thông tin giấy phép lái xe, thực hiện các nghiệp vụ về công tác đào tạo, sát hạch cấp giấy phép lái xe trên trang thông tin điện tử;

e) Có khả năng kết nối, chia sẻ dữ liệu với cổng dịch vụ công quốc gia, cổng dịch vụ công của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các hệ thống thông tin liên quan khác để thực hiện các thủ tục hành chính liên quan đến quản lý giấy phép lái xe và giấy phép lái xe quốc tế;

g) Có khả năng lưu trữ chính xác, đầy đủ các thông tin được quản lý;

h) Có khả năng kết nối, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin liên quan;

i) Đảm bảo các quy định về an toàn an ninh thông tin, an toàn thông tin mạng theo các quy định của pháp luật hiện hành.

7. Hệ thống thông tin giấy phép lái xe tại Sở Giao thông vận tải

a) Quản lý tối thiểu các thông tin: số giấy phép lái xe; xác nhận hoàn thành khóa đào tạo; họ, tên; số định danh cá nhân; ngày, tháng, năm sinh; quốc tịch; nơi cư trú; cơ sở đào tạo lái xe; hạng xe đào tạo; khoá đào tạo; ngày trúng tuyển; cơ quan sát hạch; địa điểm tổ chức sát hạch (trung tâm sát hạch lái xe hoặc sân tập lái dùng để sát hạch); ngày cấp, đổi, cấp lại giấy phép lái xe; cơ quan cấp, đổi, cấp lại giấy phép lái xe; hạng giấy phép lái xe; ngày hết hạn; số phôi giấy phép lái xe;

b) Có khả năng cung cấp các thông tin tại điểm a của khoản này đến hệ thống thông tin giấy phép lái xe tại Cục Đường bộ Việt Nam;

c) Có khả năng tiếp nhận thông tin thí sinh trúng tuyển kỳ sát hạch từ hệ thống thông tin sát hạch lái xe tại Sở Giao thông vận tải;

d) Có chức năng cấp mới, đổi, cấp lại, thu hồi giấy phép lái xe;

đ) Có chức năng đổi giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của người nước ngoài hoặc người Việt Nam cư trú ở nước ngoài có nhu cầu lái xe ở Việt Nam theo quy định tại Điều 39 Thông tư này;

e) Có chức năng đổi giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp, đổi giấy phép lái xe quân sự do Bộ Quốc phòng cấp, đổi giấy phép lái xe do ngành Công an cấp;

g) Có chức năng cấp, thu hồi giấy phép lái xe quốc tế;

h) Có khả năng lưu trữ chính xác, đầy đủ các thông tin được quản lý;

i) Có khả năng kết nối, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin liên quan;

k) Đảm bảo các quy định về an toàn an ninh thông tin, an toàn thông tin mạng theo các quy định của pháp luật hiện hành.

8. Hệ thống thông tin cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ tại cơ sở đào tạo lái xe ô tô hoặc cơ sở đào tạo người điều khiển xe máy chuyên dùng

a) Quản lý tối thiểu các thông tin: họ và tên; ngày tháng năm sinh; khóa đào tạo; thời gian hoàn thành khóa học; kết quả kiểm tra cấp chứng chỉ; ngày đạt kết quả kiểm tra cấp chứng chỉ; số chứng chỉ; ngày cấp chứng chỉ; cơ sở đào tạo lái và cấp chứng chỉ; ngày đổi, cấp lại chứng chỉ; cơ quan đổi, cấp lại chứng chỉ của của từng học viên;

b) Có khả năng tạo khoá đào tạo, tạo kỳ kiểm tra, in chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ;

c) Có chức năng năng cấp đổi, cấp lại chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ;

d) Có khả năng cung cấp thông tin tại điểm a của khoản này về hệ thống thông tin về người điều khiển xe cơ giới, xe máy chuyên dùng;

đ) Có khả năng lưu trữ chính xác, đầy đủ các thông tin được quản lý;

e) Có khả năng kết nối, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin liên quan;

g) Đảm bảo các quy định về an toàn an ninh thông tin, an toàn thông tin mạng theo các quy định của pháp luật hiện hành.

9. Hệ thống thông tin cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ tại Sở Giao thông vận tải

Tổ chức quản lý, sử dụng dữ liệu tối thiểu các thông tin: số chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ; cơ sở đào tạo lái xe ô tô hoặc cơ sở đào tạo người điều khiển xe máy chuyên dùng cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ; thông tin về kết quả khám sức khỏe định kỳ của người điều khiển phương tiện.

10. Hệ thống thông tin cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ tại Cục Đường bộ Việt Nam

a) Có khả năng tiếp nhận, lưu trữ các thông tin tại điểm a khoản 8 Điều này;

b) Có khả năng cung cấp tài khoản cho Sở Giao thông vận tải để khai thác, quản lý thông tin chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ do các cơ sở đào tạo thuộc quyền quản lý;

c) Có khả năng kết nối, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin liên quan.

Điều 55. Yêu cầu đối với hệ thống thông tin về người điều khiển xe cơ giới, xe máy chuyên dùng

1. Quản lý tối thiểu các thông tin: họ, tên; số định danh cá nhân; ngày, tháng, năm sinh; quốc tịch; nơi cư trú; số giấy phép lái xe, hạng giấy phép lái xe, cơ quan cấp giấy phép lái xe, số chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ, cơ sở đào tạo và cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ; thông tin về kết quả khám sức khỏe định kỳ của người điều khiển phương tiện.

2. Có khả năng tiếp nhận thông tin tại khoản 1 Điều này từ hệ thống thông tin giấy phép lái xe tại Cục Đường bộ Việt Nam, hệ thống thông tin cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ, cơ sở dữ liệu về sức khỏe của người lái xe, người điều khiển xe máy chuyên dùng của Bộ Y tế và các hệ thống thông tin chuyên ngành.

3. Có khả năng kết nối, chia sẻ với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu đường bộ và các cơ sở dữ liệu khác có liên quan.

Điều 56. Nguyên tắc và hình thức khai thác dữ liệu trên hệ thống thông tin

1. Nguyên tắc khai thác

a) Việc khai thác dữ liệu giấy phép lái xe thực hiện theo quy định của pháp luật về công nghệ thông tin và an toàn thông tin mạng;

b) Cơ quan quản lý hệ thống thông tin giấy phép lái xe quy định tại Điều 61 và Điều 62 của Thông tư này có trách nhiệm bảo vệ thông tin, dữ liệu cá nhân trong cơ sở dữ liệu giấy phép lái xe trên môi trường mạng theo quy định của pháp luật về công nghệ thông tin;

c) Các dịch vụ khai thác thông tin dữ liệu giấy phép lái xe được cung cấp cho cơ quan, tổ chức, cá nhân trên môi trường mạng theo quy định của pháp luật về công nghệ thông tin và an toàn thông tin mạng.

2. Hình thức khai thác

a) Khai thác trực tiếp

Cơ quan, tổ chức, cá nhân được khai thác dữ liệu giấy phép lái xe hoặc chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ trực tiếp từ trang thông tin điện tử giấy phép lái xe (https://www.gplx.gov.vn) theo quy định về cấp độ bảo mật và phân quyền sử dụng, khai thác dữ liệu giấy phép lái xe hoặc chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật giao thông đường bộ;

b) Khai thác gián tiếp

Cơ quan, tổ chức, cá nhân có nhu cầu khai thác dữ liệu giấy phép lái xe hoặc chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ được cung cấp thông tin lấy từ cơ sở dữ liệu giấy phép lái xe hoặc cơ sở dữ liệu chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ, bao gồm: các thông

tin ghi trên giấy phép lái xe (trường hợp có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền, ngoài thông tin in trên giấy phép lái xe còn được cung cấp thêm thông tin về đào tạo, sát hạch, vi phạm pháp luật giao thông đường bộ); các thông tin ghi trên chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ (trường hợp có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền, ngoài thông tin in trên chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật giao thông đường bộ còn được cung cấp thêm thông tin về đào tạo, kiểm tra, vi phạm pháp luật giao thông đường bộ).

Điều 57. Thời gian lưu trữ dữ liệu trên hệ thống thông tin

Người đứng đầu cơ quan, tổ chức có trách nhiệm chỉ đạo thực hiện việc quản lý tài liệu lưu trữ điện tử theo quy định

1. Thời gian lưu trữ dữ liệu về đào tạo và sát hạch cấp giấy phép lái xe tại cơ sở đào tạo lái xe và trung tâm sát hạch lái xe tối thiểu là 05 năm.

2. Thời gian lưu trữ dữ liệu về đào tạo, sát hạch, cấp, đổi giấy phép lái xe tại Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tối thiểu là 50 năm.

3. Thời gian lưu trữ dữ liệu về giấy phép lái xe tại Cục Đường bộ Việt Nam tối đa là 70 năm.

4. Thời gian lưu trữ dữ liệu về đào tạo, kiểm tra, cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ tối thiểu là 03 năm.

Chương II
QUY TRÌNH KHAI THÁC HỆ THỐNG THÔNG TIN

Điều 58. Quy trình khai thác hệ thống thông tin đối với cấp giấy phép lái xe

1. Đối với cấp mới giấy phép lái xe

a) Cơ sở đào tạo lái xe: tiếp nhận hồ sơ học lái xe và thực hiện các quy trình trên hệ thống thông tin đào tạo lái xe để tạo lập báo cáo đăng ký sát hạch gửi Sở Giao thông vận tải cập nhật vào hệ thống thông tin đào tạo lái xe kết quả kiểm tra và xét hoàn thành khóa đào tạo và tạo lập báo cáo đề nghị sát hạch lái xe gửi Sở Giao thông vận tải;

b) Sở Giao thông vận tải: khai thác thông tin về báo cáo đăng ký sát hạch, đề nghị sát hạch lái xe trên hệ thống thông tin đào tạo lái xe để duyệt danh sách thí sinh đủ điều kiện sát hạch; căn cứ quyết định tổ chức kỳ sát hạch tạo lập danh sách học viên đủ điều kiện tham gia sát hạch gửi trung tâm sát hạch lái xe và sân tập lái dùng để sát hạch lái xe để phối hợp tổ chức kỳ sát hạch; tiếp nhận dữ liệu kết quả sát hạch do các trung tâm sát hạch lái xe và sân tập lái dùng để sát hạch lái xe đồng bộ trên hệ thống thông tin sát hạch lái xe để lập danh sách cấp giấy phép lái xe cho người đạt kết quả sát hạch trên hệ thống thông tin giấy phép lái xe tại Sở Giao thông vận tải; xác thực chữ ký số của người có thẩm quyền ký giấy phép lái xe và in giấy phép lái xe; kiểm tra chất lượng giấy phép

lái xe sau khi in và đồng bộ dữ liệu vào hệ thống thông tin giấy phép lái xe tại Cục Đường bộ Việt Nam theo quy định;

c) Trung tâm sát hạch lái xe và sân tập lái dùng để sát hạch lái xe: tiếp nhận danh sách thí sinh dự sát hạch do Sở Giao thông vận tải đồng bộ trên Hệ thống thông tin và thực hiện quy trình sát hạch trên hệ thống thông tin sát hạch lái xe; đồng bộ dữ liệu kết quả kỳ sát hạch vào hệ thống thông tin sát hạch lái xe;

d) Cục Đường bộ Việt Nam: tiếp nhận dữ liệu giấy phép lái xe đã được các Sở Giao thông vận tải đồng bộ vào hệ thống thông tin giấy phép lái xe tại Cục Đường bộ Việt Nam để tổ chức quản lý và sử dụng dữ liệu theo quy định.

2. Đối với cấp đổi giấy phép lái xe

a) Sở Giao thông vận tải: tiếp nhận hồ sơ và thực hiện các quy trình đổi giấy phép lái xe trên hệ thống thông tin giấy phép lái xe tại Sở Giao thông vận tải; kiểm tra, cập nhật, xác thực hồ sơ điện tử vào hệ thống thông tin giấy phép lái xe tại Sở Giao thông vận tải; xác thực chữ ký số của người có thẩm quyền ký trên các hồ sơ điện tử cấp giấy phép lái xe và thực hiện quy trình in giấy phép lái xe; kiểm tra chất lượng giấy phép lái xe sau khi in và đồng bộ dữ liệu vào hệ thống thông tin giấy phép lái xe tại Cục Đường bộ Việt Nam;

b) Cục Đường bộ Việt Nam: tiếp nhận dữ liệu giấy phép lái xe đã được các Sở Giao thông vận tải đồng bộ vào hệ thống thông tin giấy phép lái xe tại Cục Đường bộ Việt Nam để tổ chức quản lý và sử dụng dữ liệu theo quy định.

Điều 59. Quy trình khai thác hệ thống thông tin đối với cấp, quản lý giấy phép lái xe quốc tế

1. Sở Giao thông vận tải: tiếp nhận hồ sơ và thực hiện các quy trình cấp giấy phép lái xe quốc tế trên hệ thống thông tin giấy phép lái xe tại Sở Giao thông vận tải; kiểm tra, cập nhật, xác thực hồ sơ điện tử vào hệ thống thông tin giấy phép lái xe tại Sở Giao thông vận tải; xác thực chữ ký số của người có thẩm quyền ký trên các hồ sơ điện tử cấp IDP và thực hiện quy trình in giấy phép lái xe quốc tế; kiểm tra chất lượng giấy phép lái xe sau khi in và đồng bộ dữ liệu vào hệ thống thông tin giấy phép lái xe tại Cục Đường bộ Việt Nam.

2. Cục Đường bộ Việt Nam:

a) Tiếp nhận dữ liệu IDP đã được các Sở Giao thông vận tải đồng bộ vào hệ thống thông tin giấy phép lái xe tại Cục Đường bộ Việt Nam để tổ chức quản lý và sử dụng dữ liệu theo quy định;

b) Trường hợp tiếp nhận hồ sơ đề nghị cấp IDP của cá nhân, thì thực hiện như quy trình tại khoản 1 Điều này.

Điều 60. Quy trình khai thác hệ thống thông tin đối với cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ

1. Cơ sở đào tạo lái xe ô tô hoặc cơ sở đào tạo người điều khiển xe máy chuyên dùng: Tiếp nhận hồ sơ học để được cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ và sử dụng hệ thống thông tin cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ để tạo lập khoá đào tạo; cập nhật kết quả kiểm tra và danh sách học viên đạt kết quả kiểm tra hệ thống thông tin cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ; xác thực chữ

ký số của người có thẩm quyền ký và in chứng chỉ; kiểm tra chất lượng chứng chỉ sau khi in và đồng bộ dữ liệu vào hệ thống thông tin theo quy định.

2. Sở Giao thông vận tải: tổ chức quản lý, sử dụng dữ liệu theo quy định và gửi báo cáo Cục Đường bộ Việt Nam theo quy định tại Điều 4 Thông tư này.

3. Cục Đường bộ Việt Nam: tiếp nhận, quản lý dữ liệu chứng chỉ trên hệ thống thông tin cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ.

Phần VI

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 61. Cục Đường bộ Việt Nam

1. Đối với công tác đào tạo lái xe

a) Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ đối với công tác đào tạo để thực hiện thống nhất trong phạm vi cả nước;

b) Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý đào tạo lái xe; xây dựng, chuyển giao bộ câu hỏi, phần mềm mô phỏng các tình huống giao thông cho các cơ sở đào tạo lái xe;

c) Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý đào tạo lái xe, quản lý hệ thống thông tin đào tạo lái xe của Cục Đường bộ Việt Nam đảm bảo việc tiếp nhận, tổng hợp, phân tích dữ liệu quản lý DAT phục vụ cho việc khai thác dữ liệu quản lý DAT và quản lý công tác đào tạo lái xe của các Sở Giao thông vận tải; đảm bảo hệ thống thông tin đào tạo lái xe của Cục Đường bộ Việt Nam hoạt động liên tục, ổn định và lưu trữ dữ liệu quản lý DAT tối thiểu là 03 năm;

d) Công bố và thực hiện cập nhật danh sách các cơ sở đào tạo lái xe ô tô được cấp hoặc bị thu hồi giấy phép đào tạo lái xe trên trang thông tin điện tử.

2. Đối với công tác sát hạch lái xe

a) Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ đối với công tác xây dựng trung tâm sát hạch lái xe lái xe, sát hạch lái xe để thực hiện thống nhất trong phạm vi cả nước;

b) Xây dựng bộ câu hỏi; phần mềm trong hệ thống thông tin quản lý đào tạo, sát hạch, quản lý giấy phép lái xe; phần mềm dùng cho sát hạch lý thuyết; phần mềm mô phỏng các tình huống giao thông để phục vụ công tác đào tạo, sát hạch lái xe, hướng dẫn thực hiện thống nhất trong cả nước và chuyển giao cho các Sở Giao thông vận tải, cơ sở đào tạo lái xe, trung tâm sát hạch lái xe và Cục cảnh sát Giao thông, Bộ Công an phục vụ công tác kiểm tra nội dung kiến thức pháp luật về trật tự an toàn giao thông đường bộ cho người có giấy phép lái xe bị trừ hết điểm;

c) Xây dựng chương trình, kế hoạch đào tạo, chỉ đạo, tổ chức tập huấn, cấp thẻ sát hạch viên cho đội ngũ sát hạch viên trong cả nước và lưu trữ hồ sơ sát hạch viên theo quy định;

d) Công bố và cập nhật danh sách các trung tâm sát hạch lái xe được cấp hoặc bị thu hồi giấy phép sát hạch trên trang thông tin điện tử.

3. Đối với công tác cấp giấy phép lái xe

a) Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ đối với công tác cấp giấy phép lái xe để thực hiện thống nhất trong phạm vi cả nước;

b) Thiết kế tính bảo mật, in, thống nhất phát hành, hướng dẫn và quản lý việc sử dụng phôi giấy phép lái xe trong phạm vi cả nước.

4. Đối với công tác cấp giấy phép lái xe quốc tế

a) Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ đối với công tác cấp IDP để thực hiện thống nhất trong phạm vi cả nước;

b) Thiết kế tính năng bảo mật của phôi ấn chỉ IDP; tổ chức in, phát hành, hướng dẫn và quản lý việc sử dụng phôi ấn chỉ IDP trong toàn quốc;

c) Công bố, cập nhật danh sách các nước tham gia Công ước Viên hàng năm theo thông báo chính thức của Liên hợp quốc trên trang thông tin điện tử của Cục Đường bộ Việt Nam;

d) Xây dựng, hướng dẫn các Sở Giao thông vận tải trang thiết bị phục vụ công tác cấp IDP;

đ) Tiếp nhận, thực hiện việc cấp IDP theo đúng quy định;

e) Triển khai thực hiện dịch vụ công về cấp IDP.

5. Đối với công tác đào tạo, kiểm tra, cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng: hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ đối với công tác đào tạo, kiểm tra, cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ để thực hiện thống nhất trong phạm vi cả nước.

6. Đối với công tác quản lý hệ thống thông tin

a) Xây dựng, nâng cấp và duy trì hoạt động của hệ thống thông tin giấy phép lái xe tại Cục Đường bộ Việt Nam; hệ thống dịch vụ công trực tuyến toàn trình đổi giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp trên cổng dịch vụ công quốc gia; hệ thống dịch vụ công trực tuyến toàn trình cấp giấy phép lái xe quốc tế; hệ thống thông tin DAT, hệ thống thông tin cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ tại Cục Đường bộ Việt Nam; tích hợp, chia sẻ dữ liệu giấy phép lái xe theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền; ứng dụng công nghệ chuyển đổi số trong đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe;

b) Vận hành hoặc thuê đơn vị có năng lực để vận hành hệ thống thông tin của Cục Đường bộ Việt Nam tại điểm a khoản này;

c) Tiếp nhận dữ liệu cấp, đổi giấy phép lái xe từ hệ thống thông tin giấy phép lái xe tại Sở Giao thông vận tải để xác thực và đồng bộ vào cơ sở dữ liệu giấy phép lái xe đặt tại Cục Đường bộ Việt Nam; bảo vệ thông tin, dữ liệu cá nhân trong cơ sở dữ liệu giấy phép lái xe trên môi trường mạng theo quy định của pháp luật về công nghệ thông tin và an toàn thông tin mạng;

d) Cung cấp tài khoản để các Sở Giao thông vận tải, các cơ sở đào tạo lái xe, cơ sở đào tạo người điều khiển xe máy chuyên dùng, đăng nhập, truyền dữ liệu và khai thác dữ liệu trên phần mềm hệ thống thông tin DAT và hệ thống thông tin cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ của Cục Đường bộ Việt Nam;

đ) Xây dựng, tập huấn chuyển giao phần mềm nghiệp vụ trong hệ thống thông tin quản lý đào tạo, hệ thống thông tin sát hạch và hệ thống thông tin giấy phép lái xe tại cơ sở đào tạo lái xe, trung tâm sát hạch lái xe và Sở Giao thông vận tải;

e) Sử dụng dữ liệu trên hệ thống thông tin giấy phép lái xe tại Cục Đường bộ Việt Nam để phục vụ công tác báo cáo, thanh tra, kiểm tra;

g) Ban hành quy chế đảm bảo an toàn an ninh thông tin, quy chế sử dụng phần cứng, phần mềm, tài khoản để đảm bảo sử dụng hệ thống thông tin an toàn, hiệu quả.

7. Đối với công tác kiểm tra

a) Kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất về công tác quản lý đào tạo, sát hạch, cấp, đổi, cấp lại giấy phép lái xe tại các Sở Giao thông vận tải; công tác chấp hành các quy định về hoạt động đào tạo, sát hạch lái xe theo quy định của pháp luật về hoạt động đào tạo và sát hạch lái xe;

b) Kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất công tác tổ chức các kỳ sát hạch tại trung tâm sát hạch lái xe, xử lý hoặc báo cáo cơ quan có thẩm quyền để xử lý các vi phạm theo quy định hiện hành.

Điều 62. Sở Giao thông vận tải

1. Đối với công tác đào tạo lái xe

a) Chịu trách nhiệm quản lý công tác đào tạo lái xe trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

b) Thực hiện tiếp nhận, rà soát, kiểm tra và thông báo danh sách cơ sở đào tạo lái xe hạng A1, A, B1 đủ hoặc không đủ điều kiện hoạt động trên địa bàn quản lý trên trang thông tin điện tử của Sở Giao thông vận tải;

c) Theo dõi, kiểm tra, khai thác và sử dụng dữ liệu quản lý DAT trên hệ thống thông tin đào tạo lái xe tại Cục Đường bộ Việt Nam và dữ liệu DAT trên hệ thống thông tin đào tạo lái xe tại cơ sở đào tạo lái xe để phục vụ công tác quản lý đào tạo;

d) Bảo mật tên đăng nhập và mật khẩu truy cập hệ thống thông tin đào tạo lái xe tại Cục Đường bộ Việt Nam và hệ thống thông tin đào tạo lái xe của cơ sở đào tạo lái xe;

đ) Kiểm tra, đánh giá hình thức tổ chức, chương trình đào tạo lái xe chi tiết của cơ sở đào tạo lái xe;

e) Sử dụng dữ liệu quản lý DAT trên hệ thống thông tin đào tạo lái xe tại Cục Đường bộ Việt Nam theo quy định tại Mẫu số 06 Phụ lục XXXVI ban hành kèm theo Thông tư này, giấy xác nhận được kết xuất trên ca bin học lái xe ô tô thông tin học viên đã học đủ thời gian và nội dung học thực hành lái xe trên ca bin học lái xe ô tô do cơ sở đào tạo lái xe cung cấp để duyệt danh sách học viên đủ điều kiện tham dự kỳ sát hạch. Trong trường hợp Cục Đường bộ Việt Nam có thông báo dừng hệ thống thông tin đào tạo lái xe để bảo trì hoặc bảo dưỡng hoặc xảy ra sự cố thì các Sở Giao thông vận tải sử dụng dữ liệu DAT của cơ sở đào tạo lái xe.

2. Đối với công tác sát hạch lái xe

a) Tổ chức thực hiện các quy định tại Thông tư này và hướng dẫn của Cục Đường bộ Việt Nam về nghiệp vụ sát hạch lái xe;

b) Xây dựng kế hoạch về nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng và trực tiếp quản lý, lưu trữ hồ sơ của đội ngũ sát hạch viên;

c) Chỉ đạo xây dựng, quản lý hoạt động của trung tâm sát hạch lái xe thuộc địa phương;

d) Triển khai nối mạng với các trung tâm sát hạch lái xe, cơ sở đào tạo lái xe tại địa phương và Cục Đường bộ Việt Nam;

đ) Cung cấp tài khoản hệ thống thông tin giám sát sát hạch để Cục Đường bộ Việt Nam, các Sở Giao thông vận tải (đưa học viên đến tổ chức sát hạch tại trung tâm sát hạch lái xe không thuộc quyền quản lý trực tiếp), các trung tâm sát hạch lái xe đăng nhập, truyền và khai thác dữ liệu; đảm bảo hệ thống thông tin giám sát của Sở Giao thông vận tải hoạt động liên tục, ổn định và lưu trữ dữ liệu kết quả sát hạch tối thiểu trong thời gian 05 năm; dữ liệu kết quả sát hạch khai thác trên phần mềm của hệ thống thông tin giám sát được tổng hợp theo mẫu quy định tại Phụ lục XXXVII ban hành kèm theo Thông tư này;

e) Tổ chức các kỳ sát hạch đối với học viên học tại các cơ sở đào tạo lái xe do Sở Giao thông vận tải quản lý;

g) Công khai lịch, địa điểm tổ chức các kỳ sát hạch lái xe của tháng sau trước ngày 25 của tháng trước trên Trang thông tin điện tử của Sở Giao thông vận tải;

h) Sở Giao thông vận tải chịu trách nhiệm quản lý sát hạch, cấp giấy phép lái xe trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

i) Chỉ đạo đơn vị được Sở Giao thông vận tải giao nhiệm vụ quản lý sát hạch, cấp giấy phép lái xe ban hành nội quy sát hạch để áp dụng tại các kỳ sát hạch lái xe.

3. Đối với công tác cấp giấy phép lái xe

a) Triển khai thực hiện dịch vụ công về đổi giấy phép lái xe;

b) Tiếp nhận, xử lý thông tin đổi giấy phép lái xe, cấp lại giấy phép lái xe quá thời hạn sử dụng do Sở Giao thông vận tải khác chuyển đến; tổ chức cấp mới, cấp lại giấy phép lái xe bị mất và đổi giấy phép lái xe cho người lái xe có nhu cầu;

c) Cập nhật các vi phạm của người lái xe vào Hệ thống thông tin giấy phép lái xe do cơ quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính cung cấp.

4. Đối với công tác cấp giấy phép lái xe quốc tế

a) Đảm bảo các trang thiết bị phục vụ công tác cấp IDP theo quy định;

b) Tiếp nhận và chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của hồ sơ cấp IDP và thực hiện việc cấp IDP theo đúng quy định;

c) Triển khai thực hiện dịch vụ công về cấp IDP.

5. Đối với công tác đào tạo, kiểm tra, cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ

a) Cấp lại chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 53 Thông tư này;

b) Tổ chức kiểm tra, thanh tra định kỳ hoặc đột xuất công tác bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ trong phạm vi địa phương theo quy định;

c) Thực hiện tiếp nhận, rà soát, kiểm tra và thông báo danh sách cơ sở bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ hoạt động trên địa bàn quản lý trên trang thông tin điện tử của Sở Giao thông vận tải;

d) Truy cập hệ thống thông tin cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ của Cục Đường bộ Việt Nam để quản lý, khai thác dữ liệu chứng chỉ bồi dưỡng pháp luật về giao thông đường bộ của các cơ sở đào tạo thuộc quyền quản lý.

6. Đối với công tác quản lý hệ thống thông tin

a) Đầu tư, bảo trì, nâng cấp trang thiết bị phần cứng, phần mềm hệ thống và mạng truyền số liệu của hệ thống thông tin đào tạo lái xe, hệ thống thông tin sát hạch, hệ thống thông tin giấy phép lái xe tại Sở Giao thông vận tải;

b) Vận hành hoặc thuê đơn vị có năng lực để vận hành hệ thống thông tin đào tạo lái xe, hệ thống thông tin sát hạch, hệ thống thông tin giấy phép lái xe tại Sở Giao thông vận tải theo quy định;

c) Tiếp nhận, tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm đối với các phần mềm nghiệp vụ trong hệ thống thông tin đào tạo, hệ thống thông tin sát hạch và hệ thống thông tin giấy phép lái xe tại Sở Giao thông vận tải; cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ tại địa phương do Cục Đường bộ Việt Nam chuyển giao;

d) Sử dụng các phần mềm trong hệ thống thông tin đào tạo lái xe để tiếp nhận báo cáo 1, báo cáo 2; kiểm tra đối chiếu các thông tin người học lái xe, quá trình đào tạo, kết quả đào tạo để chuẩn bị kỳ sát hạch theo quy định;

đ) Sử dụng các phần mềm trong hệ thống thông tin sát hạch lái xe để thực hiện sát hạch lái xe, tổng hợp kết quả làm cơ sở cấp, cấp lại giấy phép lái xe theo quy định;

e) Sử dụng các phần mềm trong hệ thống thông tin giấy phép lái xe để cập nhật, xử lý, khai thác, xác thực và đồng bộ dữ liệu và quản lý giấy phép lái xe; thực hiện ký số để cấp mới, cấp lại giấy phép lái xe theo quy định;

g) Sử dụng dữ liệu trên hệ thống thông tin được cài đặt, chuyển giao tại Sở Giao thông vận tải, trung tâm sát hạch lái xe, cơ sở đào tạo lái xe để phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra và cung cấp thông tin cho các đơn vị chức năng;

h) Ban hành quy chế đảm bảo an toàn an ninh thông tin, quy chế sử dụng phần cứng, phần mềm, tài khoản để đảm bảo sử dụng hệ thống thông tin an toàn, hiệu quả;

i) Chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của các hồ sơ điện tử đã gửi hoặc truyền dữ liệu về Cục Đường bộ Việt Nam;

k) Lưu trữ đầy đủ các thông tin theo quy định theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

7. Đối với công tác kiểm tra

Kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất về công tác đào tạo lái xe tại các cơ sở đào tạo lái xe; công tác quản lý đào tạo, kiểm tra, cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ tại các cơ sở đào tạo.

Điều 63. Cơ sở đào tạo

1. Đối với công tác đào tạo lái xe

a) Tổ chức tuyển sinh đào tạo bảo đảm các yêu cầu đối với người học lái xe theo quy định tại Điều 14 của Thông tư này;

b) Ký hợp đồng đào tạo với người học lái xe ô tô gồm các nội dung chính sau: Hạng giấy phép lái xe đào tạo; địa điểm đào tạo; thời gian hoàn thành khóa học; mức học phí và phương thức thanh toán học phí; trách nhiệm bồi thường thiệt hại của mỗi bên khi vi phạm hợp đồng; thanh lý hợp đồng; các thỏa thuận khác không trái pháp luật và đạo đức xã hội;

c) Công khai quy chế tuyển sinh, mức thu học phí và quản lý đào tạo trên trang thông tin của cơ sở đào tạo lái xe;

d) Cơ sở đào tạo lái xe mô tô các hạng A1, A, B1 phải duy trì tiêu chuẩn kỹ thuật nghiệp vụ chuyên môn theo quy định;

đ) Thông báo phương án hoạt động đến Sở Giao thông vận tải và tổ chức đào tạo lái xe mô tô các hạng A1, A, B1 đúng phương án hoạt động đào tạo đã đăng ký theo mẫu quy định tại Phụ lục XXXVIII ban hành kèm theo Thông tư này;

e) Tổ chức đào tạo mới và đào tạo nâng hạng giấy phép lái xe ô tô theo lưu lượng, thời hạn, địa điểm, hạng giấy phép lái xe ghi trong giấy phép đào tạo lái xe;

g) Ứng dụng công nghệ trong công tác quản lý đào tạo để nhận dạng và theo dõi thời gian học lý thuyết môn học pháp luật về giao thông đường bộ đối với học viên học lái xe ô tô theo hình thức học tập trung; bảo đảm cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ giảng dạy, học tập để nâng cao chất lượng đào tạo lái xe; sử dụng phần mềm mô phỏng các tình huống giao thông để đào tạo lái xe;

h) Bảo đảm giáo viên khi dạy thực hành lái xe phải đeo phù hiệu "Giáo viên dạy lái xe" và mang theo giấy phép xe tập lái; học viên tập lái xe trên đường phải đeo phù hiệu "Học viên tập lái xe". Phù hiệu do cơ sở đào tạo lái xe cấp, quản lý theo Mẫu số 01 và Mẫu số 02 quy định tại Phụ lục XXXIX ban hành kèm theo Thông tư này; niêm yết tên cơ sở đào tạo lái xe trên xe tập lái theo mẫu quy định tại Phụ lục XXXX ban hành kèm theo Thông tư này;

i) Tổ chức kiểm tra môn học: người đứng đầu cơ sở đào tạo lái xe căn cứ nội dung kiểm tra quy định tại khoản 4 Điều 6, khoản 4 Điều 7 và khoản 4 Điều 8 Thông tư này xây dựng quy trình kiểm tra;

k) Sử dụng kết quả theo dõi quá trình học; kết quả kiểm tra; kết quả học thực hành lái xe trên đường thông qua hệ thống thông tin đào tạo lái xe của cơ sở đào tạo lái xe hoặc Cục Đường bộ Việt Nam; kết quả học thực hành lái xe trên ca bin học lái xe được kết xuất từ ca bin học lái xe ô tô thông tin học viên đã học đủ thời

gian và nội dung học thực hành lái xe trên ca bin học lái xe ô tô để xét khóa đào tạo cho người học lái xe ô tô;

l) Truyền dữ liệu quản lý DAT theo quy định tại Phụ lục XXXXI ban hành kèm theo Thông tư này và chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ, trung thực dữ liệu DAT và dữ liệu quản lý DAT; bảo đảm an toàn dữ liệu, bảo mật cho hệ thống thông tin DAT; bảo mật tên đăng nhập và mật khẩu truy cập hệ thống thông tin đào tạo lái xe của Cục Đường bộ Việt Nam; cung cấp kịp thời, chính xác các thông tin, dữ liệu DAT cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền khi có yêu cầu;

m) Theo dõi, khai thác dữ liệu DAT trên hệ thống thông tin đào tạo lái xe của cơ sở đào tạo lái xe để phục vụ công tác quản lý đào tạo lái xe; đảm bảo tính chính xác các thông tin về giáo viên, xe tập lái;

n) Cung cấp và chịu trách nhiệm đối với giấy xác nhận được kết xuất từ ca bin học lái xe ô tô thông tin học viên đã học đủ thời gian và nội dung học thực hành lái xe trên ca bin học lái xe ô tô cho cơ quan quản lý đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe;

o) Xây dựng, phê duyệt hình thức, chương trình đào tạo lái xe chi tiết theo quy trình biên soạn, thẩm định ban hành chương trình đào tạo quy định tại Điều 11 và Phụ lục X Thông tư này, báo cáo Sở Giao thông vận tải để theo dõi và quản lý. Việc xây dựng hệ thống, học liệu, các phương pháp đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn và hệ thống ứng dụng quản lý đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn theo quy định tại Phụ lục XXXXII ban hành kèm theo Thông tư này;

p) Phối hợp với trung tâm sát hạch lái xe trong việc giải quyết khi xảy ra tai nạn quy định tại điểm e khoản 3 Điều 19 Thông tư này.

2. Đối với công tác quản lý hệ thống thông tin

a) Đầu tư, bảo trì, nâng cấp trang thiết bị phần cứng, phần mềm hệ thống và mạng truyền số liệu của hệ thống thông tin đào tạo lái xe đặt tại cơ sở đào tạo lái xe;

b) Tiếp nhận và tổ chức thực hiện phần mềm nghiệp vụ trong hệ thống thông tin đào tạo lái xe tại cơ sở đào tạo lái xe do Cục Đường bộ Việt Nam chuyển giao

Tạo lập, đối chiếu, chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin học viên, quá trình đào tạo, kết quả đào tạo, báo cáo 1, báo cáo 2 theo quy định. Tiếp nhận thông tin kết quả sát hạch lái xe của học viên đào tạo tại cơ sở của mình để quản lý và tổ chức cho học viên sát hạch lại theo quy định;

c) Chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của các hồ sơ điện tử gửi hoặc truyền dữ liệu đến Sở Giao thông vận tải và Cục Đường bộ Việt Nam;

d) Lưu trữ đầy đủ các thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều 57 Thông tư này;

đ) Ban hành quy chế đảm bảo an toàn an ninh thông tin, quy chế sử dụng phần cứng, phần mềm, tài khoản để đảm bảo sử dụng hệ thống thông tin an toàn, hiệu quả;

e) Khai thác dữ liệu trên hệ thống thông tin được cài đặt, chuyển giao tại cơ sở đào tạo lái xe để phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra và cung cấp thông tin cho các đơn vị chức năng (khi có yêu cầu).

Điều 64. Trung tâm sát hạch lái xe

1. Đối với công tác quản lý sát hạch

a) Bảo đảm cơ sở vật chất, trang thiết bị kiểm tra, chấm điểm theo quy định để thực hiện các kỳ sát hạch đạt kết quả chính xác, khách quan; báo cáo về Sở Giao thông vận tải khi thiết bị, phương tiện dùng cho sát hạch hoạt động không chính xác, không ổn định hoặc khi thay đổi thiết bị, phương tiện dùng cho sát hạch để xử lý kịp thời;

b) Phối hợp và tạo mọi điều kiện để các cơ sở đào tạo lái xe đưa học viên đến ôn luyện và các Hội đồng sát hạch tổ chức sát hạch thuận tiện, đúng kế hoạch;

c) Chấp hành và phối hợp với cơ quan có thẩm quyền trong việc kiểm tra, trung tâm sát hạch lái xe;

d) Công khai mức thu phí sát hạch và giá các dịch vụ khác trên trang thông tin điện tử của trung tâm sát hạch lái xe;

đ) Bảo đảm an toàn cho các kỳ sát hạch lái xe; phối hợp các đơn vị, cơ quan liên quan giải quyết khi có các vụ việc tai nạn, mất an toàn xảy ra;

e) Thực hiện chế độ báo cáo, công khai lịch sát hạch trên Trang thông tin điện tử của trung tâm sát hạch lái xe, lưu trữ hồ sơ kết quả sát hạch theo quy định tại khoản 3 Điều 30 Thông tư này;

g) Truyền, chia sẻ dữ liệu giám sát sát hạch đến Sở Giao thông vận tải (cơ quan quản lý trực tiếp hoạt động trung tâm sát hạch lái xe) và Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi đặt trụ sở trung tâm sát hạch lái xe và Cục Cảnh sát Giao thông, Bộ Công an; lưu trữ và chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ, trung thực dữ liệu giám sát sát hạch; bảo đảm an toàn dữ liệu; bảo mật tên đăng nhập, mật khẩu truy cập và phần mềm cho hệ thống thông tin giám sát sát hạch của Sở Giao thông vận tải; cung cấp kịp thời, chính xác các thông tin, dữ liệu giám sát sát hạch cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền khi có yêu cầu;

h) Tiếp nhận, sử dụng phần mềm sát hạch lý thuyết, phần mềm sát hạch mô phỏng các tình huống giao thông do Cục Đường bộ Việt Nam chuyển giao để sát hạch lái xe và phần mềm quản lý nghiệp vụ do Cục Đường bộ Việt Nam chuyển giao để phục vụ công tác tổ chức sát hạch lái xe.

2. Đối với công tác quản lý hệ thống thông tin

a) Đầu tư, bảo trì, nâng cấp trang thiết bị phần cứng, phần mềm hệ thống và mạng truyền số liệu của hệ thống thông tin sát hạch lái xe đặt tại trung tâm sát hạch lái xe;

b) Tiếp nhận và tổ chức thực hiện phần mềm nghiệp vụ trong hệ thống thông tin sát hạch lái xe tại trung tâm sát hạch lái xe do Cục Đường bộ Việt Nam chuyển giao;

c) Cài đặt các phần mềm do Cục Đường bộ Việt Nam chuyển giao; không được can thiệp, lắp đặt các thiết bị, cài đặt các phần mềm làm ảnh hưởng quá trình sát hạch hoặc làm sai lệch kết quả sát hạch lái xe;

d) Lưu trữ đầy đủ các thông tin theo quy định của pháp luật về văn thư lưu trữ;

đ) Ban hành quy chế đảm bảo an toàn an ninh thông tin, quy chế sử dụng phần cứng, phần mềm, tài khoản để đảm bảo sử dụng hệ thống thông tin an toàn, hiệu quả;

e) Khai thác dữ liệu trên hệ thống thông tin được cài đặt, chuyển giao tại trung tâm sát hạch lái xe để phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra và cung cấp thông tin cho các đơn vị chức năng (khi có yêu cầu).

Điều 65. Cơ sở đào tạo lái xe ô tô hoặc cơ sở đào tạo người điều khiển xe máy chuyên dùng

1. Đối với công tác đào tạo, kiểm tra, cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng

a) Tuyển sinh và bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ theo chương trình quy định tại Thông tư này;

b) Báo cáo mở lớp bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ với Sở Giao thông vận tải theo mẫu quy định tại Phụ lục XXXI ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Lập Sổ quản lý cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ theo mẫu quy định tại Phụ lục XXXXIII ban hành kèm theo Thông tư này;

d) Cơ sở đào tạo lái xe ô tô hoặc cơ sở đào tạo người điều khiển xe máy chuyên dùng phải thông báo phương án hoạt động đến Sở Giao thông vận tải và tổ chức đào tạo bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ đúng phương án hoạt động đào tạo đã đăng ký theo mẫu quy định tại Phụ lục XXXXIV ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Đối với công tác quản lý hệ thống thông tin

a) Đầu tư, bảo trì, nâng cấp trang thiết bị phần cứng, phần mềm hệ thống và mạng truyền số liệu của hệ thống thông tin cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ đặt tại cơ sở bồi dưỡng kiến thức pháp luật giao thông đường bộ;

b) Chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của các hồ sơ điện tử gửi hoặc truyền dữ liệu đến Sở Giao thông vận tải và Cục Đường bộ Việt Nam;

c) Lưu trữ đầy đủ các thông tin theo quy định tại khoản 4 Điều 57 Thông tư này;

d) Ban hành quy chế đảm bảo an toàn an ninh thông tin, quy chế sử dụng phần cứng, phần mềm, tài khoản để đảm bảo sử dụng hệ thống thông tin an toàn, hiệu quả;

đ) Khai thác dữ liệu trên hệ thống thông tin cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ được cài đặt, chuyển giao tại cơ sở để phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra và cung cấp thông tin cho các đơn vị chức năng (khi có yêu cầu).

Phần VII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 66. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2025.

2. Thông tư này bãi bỏ các Thông tư:

a) Thông tư số 06/2011/TT-BGTVT ngày 07 tháng 3 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ;

b) Thông tư số 07/2013/TT- BGTVT ngày 03 tháng 5 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, vận hành và khai thác hệ thống thông tin giấy phép lái xe;

c) Thông tư số 29/2015/TT-BGTVT ngày 06 tháng 7 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư quy định về cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế;

d) Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ;

đ) Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT ngày 08 tháng 10 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ;

e) Thông tư số 01/2021/TT-BGTVT ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 29/2015/TT-BGTVT ngày 06 tháng 7 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế và Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ;

g) Thông tư số 04/2022/TT-BGTVT ngày 22 tháng 4 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ;

h) Điều 2, Điều 4, Điều 10, Điều 12, Điều 15, Điều 20 và Điều 22 Thông tư số 05/2023/TT-BGTVT ngày 27 ngày 4 tháng 2023 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến lĩnh vực vận tải đường bộ, dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ, phương tiện và người lái;

i) Điều 1, Điều 3 và Điều 4 Thông tư số 05/2024/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến lĩnh vực vận tải đường bộ, dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ, phương tiện và người lái.

Điều 67. Quy định chuyển tiếp

Người vắng, trượt trong các kỳ sát hạch trước ngày Thông tư này có hiệu lực được bảo lưu kết quả những nội dung đã sát hạch đạt để đăng ký sát hạch lái xe sau ngày Thông tư này có hiệu lực và được cấp giấy phép lái xe theo hạng giấy phép lái xe đổi, cấp lại quy định tại khoản 3 Điều 89 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Duy Lâm

Nơi nhận:
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Thứ trưởng Bộ GTVT;
- Văn phòng Chính phủ;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ GTVT;
- Các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ GTVT;
- Lưu: VT, Vận tải.

Phụ lục I

BIỂU MẪU BÁO CÁO

(Ban hành kèm theo Thông tư số 35/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

BIỂU MẪU BÁO CÁO

Mẫu số 01	**Báo cáo về công tác đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe**
Mẫu số 02	**Báo cáo về công tác đào tạo, cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ (mẫu dùng cho cơ sở bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ)**
Mẫu số 03	**Báo cáo về công tác cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ (mẫu dùng cho Sở Giao thông vận tải)**

Mẫu số 01. Báo cáo về công tác đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe

UBND TỈNH…. **SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI…**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: ……./	*……, ngày…..tháng,….năm…..*

BÁO CÁO
VỀ CÔNG TÁC ĐÀO TẠO, SÁT HẠCH, CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE

Kính gửi: Cục Đường bộ Việt Nam

I. Công tác đào tạo lái xe:

1. Số lượng cơ sở đào tạo lái xe quản lý.

2. Công tác kiểm tra cấp giấy phép đào tạo lái xe.

3. Công tác kiểm tra cấp giấy phép xe tập lái.

4. Công tác kiểm tra cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe.

5. Công tác chỉ đạo điều hành đào tạo lái xe trên địa bàn.

II. Công tác sát hạch, cấp giấy phép lái xe

1. Số lượng trung tâm sát hạch lái xe quản lý.

2. Công tác kiểm tra cấp giấy phép sát hạch.

3. Công tác kiểm tra cấp chấp thuận hoạt động của sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô.

4. Công tác chỉ đạo điều hành sát hạch lái xe trên địa bàn.

5. Báo cáo số lượng cấp giấy phép lái xe, gồm: cấp mới giấy phép lái xe, cấp đổi giấy phép lái xe và cấp lại giấy phép lái xe.

III. Khó khăn, tồn tại và kiến nghị

GIÁM ĐỐC
(Ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận :
- Như trên;
- Lưu VT,

Mẫu số 02. Báo cáo về công tác đào tạo, cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ

CƠ QUAN CHỦ QUẢN (nếu có) **TÊN CƠ SỞ ĐÀO TẠO**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số……../BC	*....., ngày…….tháng…..năm 20....*

BÁO CÁO
VỀ CÔNG TÁC ĐÀO TẠO, CẤP CHỨNG CHỈ BỒI DƯỠNG KIẾN THỨC PHÁP LUẬT GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải

Thực hiện Thông tư số /2024/TT-BGTVT ngày tháng năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe; cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế; cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ, cơ sở đào tạo..... báo cáo kết quả bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ thực hiện từ ngày.....đến hết ngày..... như sau:

1. Tổng số lớp bồi dưỡng đã thực hiện:.....; số lớp đang thực hiện:.....; số lượng kiểm tra cấp chứng chỉ……

2. Số lượng Chứng chỉ đã cấp:

Trong đó:

- Đã cấp cho đối tượng dự học là:.....…….người.

- Cấp lại cho các đối tượng là:.....người.

(Có danh sách trích ngang gửi kèm)

3. Tình hình chung; những khó khăn, thuận lợi; đề xuất, kiến nghị trong công tác bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ và cấp Chứng chỉ.

Nơi nhận: - Như trên; - Lưu VT, ...	**NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ SỞ ĐÀO TẠO** *(Ký tên, đóng dấu)*

DANH SÁCH TRÍCH NGANG

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi thường trú	Số Chứng chỉ; ngày, tháng, năm cấp	Cấp lại Chứng chỉ; số, ngày, tháng, năm	Ghi chú
1						
2						
3						
…						

Mẫu số 03. Báo cáo về công tác đào tạo, cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ

UBND TỈNH…. **SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI…**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: ……./	*……, ngày…..tháng,….năm…..*

Kính gửi: Cục Đường bộ Việt Nam

I. Công tác đào tạo:

1. Số lượng cơ sở đào tạo, cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ quản lý.

2. Số lượng học viên được đào tạo bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ.

3. Công tác kiểm tra, giám sát đào tạo bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ.

II. Công tác kiểm tra cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ

1. Số lượng học viên được kiểm tra bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ:

- Số lượng học viên đạt kết quả được cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ:….

- Số lượng học viên không đạt kết:….

2. Công tác kiểm tra, giám sát kiểm tra bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ.

III. Công tác chỉ đạo điều hành đào tạo trên địa bàn.

Nơi nhận : - Như trên; - Lưu VT,	**GIÁM ĐỐC** *(Ký tên, đóng dấu)*

Phụ lục II

CHƯƠNG TRÌNH KHUNG ĐÀO TẠO LÁI XE

(Ban hành kèm theo Thông tư số 35/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CHƯƠNG TRÌNH KHUNG ĐÀO TẠO LÁI XE

A. CHƯƠNG TRÌNH KHUNG ĐÀO TẠO LÁI XE MÔ TÔ HẠNG A1, A

I. Môn học Pháp luật về giao thông đường bộ

1. Mục đích, yêu cầu

1.1. Mục đích

a) Để thiết kế các bài giảng Môn học Pháp luật về giao thông đường bộ, nhằm trang bị cho học viên những kiến thức cơ bản về Pháp luật giao thông đường bộ, hệ thống báo hiệu đường bộ và phương pháp xử lý các tình huống khi tham gia giao thông;

b) Thông qua Môn học Pháp luật về giao thông đường bộ sẽ xây dựng ý thức chấp hành Pháp luật giao thông đường bộ giúp cho người học điều khiển xe đảm bảo trật tự và an toàn giao thông.

1.2. Yêu cầu

Thông qua môn học Pháp luật về giao thông đường bộ: Cung cấp cho người học hiểu và nắm vững pháp luật về giao thông đường bộ, hệ thống báo hiệu đường bộ Việt Nam. Người học biết vận dụng thành thạo, linh hoạt xử lý các tình huống giao thông, điều khiển xe đúng luật và đảm bảo an toàn.

2. Nội dung chương trình môn học

TT	NỘI DUNG
1	**Phần I.** ***Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ***
	Chương I: Những quy định chung
	Chương II: Quy tắc giao thông đường bộ
	Chương III: Xe mô tô tham gia giao thông đường bộ
	Chương IV: Người lái xe mô tô tham gia giao thông đường bộ
2	**Phần II. Hệ thống báo hiệu đường bộ**
	Chương I: Quy định chung
	Chương II: Hiệu lệnh điều khiển giao thông
	Chương III: Biển báo hiệu
	Phân nhóm và hiệu lực của biển báo hiệu
	Biển báo cấm

	Biển báo nguy hiểm
	Biển hiệu lệnh
	Biển chỉ dẫn
	Biển phụ
	Chương IV: Các báo hiệu đường bộ khác
	Vạch kẻ đường
	Cọc tiêu, tường bảo vệ và hàng rào chắn
	Cột kilômét
	Mốc lộ giới
	Gương cầu lồi và dải phân cách tôn sóng
	Báo hiệu trên đường cao tốc
	Báo hiệu cấm đi lại
	Chương IV: Tốc độ và khoảng cách
	Quy định về tốc độ của phương tiện tham gia giao thông đường bộ
	Khoảng cách an toàn giữa hai xe khi tham gia giao thông
3	**Phần III. Xử lý các tình huống giao thông**
	Chương I: Các đặc điểm của sa hình
	Chương II: Các nguyên tắc đi sa hình

II. Môn học kỹ thuật lái xe

1. Mục đích, yêu cầu

1.1. Mục đích

Để thiết kế các bài giảng Môn học Kỹ thuật lái xe, nhằm trang bị cho người học lái xe:

- Các kỹ năng cơ bản lái xe an toàn, kỹ năng lái xe chở hàng, có khả năng điều khiển được xe mô tô các hạng A1, A, ở các điều kiện giao thông khác nhau.

1.2. Yêu cầu

Thông qua môn học Kỹ thuật lái xe: Người học có kiến thức cơ bản về các bộ phận và kỹ thuật lái xe mô tô các hạng hạng A1, A. Nắm được các kiến thức và biết vận dụng kỹ năng lái xe an toàn để điều khiển xe trong các điều kiện giao thông khác nhau, xử lý được các tình huống giao thông trên đường an toàn.

2. Nội dung chương trình môn học

TT	NỘI DUNG
1	Vị trí, tác dụng các bộ phận chủ yếu của xe mô tô
2	Kỹ thuật lái xe cơ bản

III. Nội dung dạy thực hành lái xe

1. Mục đích, yêu cầu

1.1. Mục đích

Để thiết kế các bài giảng Môn học thực hành lái xe, nhằm trang bị cho người học lái xe:

- Các kỹ năng cơ bản lái xe an toàn, kỹ năng lái xe chở hàng, có khả năng điều khiển xe mô tô các hạng A1, A, ở các điều kiện giao thông khác nhau.

1.2. Yêu cầu

Thông qua môn học Thực hành lái xe người học: Có kỹ năng lái xe an toàn để điều khiển xe trong các điều kiện giao thông khác nhau, xử lý được các tình huống giao thông trên đường an toàn.

2. Nội dung

TT	NỘI DUNG
1	Tập lái xe trong sân tập lái
2	Tập lái xe trong hình
3	Tập phanh gấp
4	Tập lái vòng cua

B. CHƯƠNG TRÌNH KHUNG ĐÀO TẠO LÁI XE MÔ TÔ HẠNG B1

I. Môn học Pháp luật về giao thông đường bộ

1. Mục đích, yêu cầu

1.1. Mục đích

a) Để thiết kế các bài giảng Môn học Pháp luật về giao thông đường bộ, nhằm trang bị cho học viên những kiến thức cơ bản về Pháp luật về giao thông đường bộ, hệ thống báo hiệu đường bộ và phương pháp xử lý các tình huống khi tham gia giao thông;

b) Thông qua Môn học Pháp luật về giao thông đường bộ sẽ xây dựng ý thức chấp hành Pháp luật về giao thông đường bộ giúp cho người học điều khiển xe đảm bảo trật tự và an toàn giao thông.

1.2. Yêu cầu

Thông qua môn học Pháp luật về giao thông đường bộ: Cung cấp cho người học hiểu và nắm vững pháp luật về giao thông đường bộ, hệ thống báo hiệu đường bộ Việt Nam. Người học biết vận dụng thành thạo, linh hoạt xử lý các tình huống giao thông, điều khiển xe đúng luật và đảm bảo an toàn.

2. Nội dung chương trình môn học

TT	NỘI DUNG
1	**Phần I.** ***Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ***
	Chương I: Những quy định chung
	Chương II: Quy tắc giao thông đường bộ
	Chương III: Xe mô tô tham gia giao thông đường bộ
	Chương IV: Người lái xe mô tô tham gia giao thông đường bộ
2	**Phần II. Hệ thống báo hiệu đường bộ**
	Chương I: Quy định chung
	Chương II: Hiệu lệnh điều khiển giao thông
	Chương III: Biển báo hiệu
	Phân nhóm và hiệu lực của biển báo hiệu
	Biển báo cấm
	Biển báo nguy hiểm
	Biển hiệu lệnh
	Biển chỉ dẫn
	Biển phụ
	Chương IV: Các báo hiệu đường bộ khác
	Vạch kẻ đường
	Cọc tiêu, tường bảo vệ và hàng rào chắn
	Cột kilômét
	Mốc lộ giới
	Gương cầu lồi và dải phân cách tôn sóng
	Báo hiệu trên đường cao tốc
	Báo hiệu cấm đi lại
	Chương IV: Tốc độ và khoảng cách
	Quy định về tốc độ của phương tiện tham gia giao thông đường bộ
	Khoảng cách an toàn giữa hai xe khi tham gia giao thông
3	**Phần III. Xử lý các tình huống giao thông**
	Chương I: Các đặc điểm của sa hình
	Chương II: Các nguyên tắc đi sa hình

II. Môn học Cấu tạo và sửa chữa thông thường

1. Mục đích, yêu cầu

1.1. Mục đích

a) Để thiết kế các bài giảng Môn học Cấu tạo và sửa chữa thông thường, nhằm trang bị cho học viên có được những kiến thức cơ bản về tác dụng, cấu tạo, nguyên lý làm việc của các cụm, các hệ thống trên xe mô tô ba bánh thông dụng;

b) Thông qua môn học người học có thể hiểu được việc Bảo dưỡng các cấp và các hư hỏng thông thường.

1.2. Yêu cầu

Thông qua môn học Cấu tạo và sửa chữa thông thường người học: Có khả năng đọc được các sơ đồ, bản vẽ đơn giản về cấu tạo xe mô tô ba bánh. Hiểu được tác dụng, sơ đồ cấu tạo, nguyên lý làm việc và những chú ý trong sử dụng các cụm, các hệ thống chính trên xe xe mô tô ba bánh. Nắm được việc Bảo dưỡng các hư hỏng thông thường và bảo dưỡng định kỳ tới tuổi thọ của xe mô tô ba bánh.

2. Nội dung chương trình môn học

TT	NỘI DUNG
1	Sơ lược về Cấu tạo
2	Cách sử dụng các trang thiết bị điều khiển
3	Sơ lược về các hỏng hóc

III. Môn học kỹ thuật lái xe

1. Mục đích, yêu cầu

1.1. Mục đích

Để thiết kế các bài giảng Môn học Kỹ thuật lái xe, nhằm trang bị cho người học lái xe:

- Những kiến thức cơ bản về các bộ phận trong buồng lái, kỹ thuật lái xe mô tô ba bánh;

- Các kỹ năng cơ bản lái xe an toàn, kỹ năng lái xe chở hàng, có khả năng điều khiển được xe mô tô ba bánh, ở các điều kiện giao thông khác nhau.

1.2. Yêu cầu

Thông qua môn học Kỹ thuật lái xe người học: Có kiến thức cơ bản về các bộ phận trong buồng lái, kỹ thuật lái xe mô tô ba bánh. Nắm được các kiến thức và biết vận dụng kỹ năng lái xe an toàn để điều khiển xe trong các điều kiện giao thông khác nhau, xử lý được các tình huống giao thông trên đường an toàn.

2. Nội dung chương trình môn học

TT	NỘI DUNG
1	Kỹ thuật lái xe cơ bản

2	Lái xe trên bãi và lái xe trong hình số 8, số 3
3	Lái xe trên đường phức tạp và lái xe ban đêm
4	Bài tập tổng hợp

IV. Nội dung dạy thực hành lái xe

1. Mục đích, yêu cầu

1.1. Mục đích

Để thiết kế các bài giảng Môn học thực hành lái xe, nhằm trang bị cho người học lái xe các kỹ năng cơ bản lái xe an toàn, kỹ năng lái xe chở hàng, có khả năng điều khiển xe mô tô hạng B1 ở các điều kiện giao thông khác nhau.

1.2. Yêu cầu

Thông qua môn học Thực hành lái xe: Người học có kỹ năng lái xe an toàn để điều khiển xe trong các điều kiện giao thông khác nhau, xử lý được các tình huống giao thông trên đường an toàn.

2. Nội dung

TT	NỘI DUNG
1	Tập lái xe trong bãi phẳng (sân tập lái)
2	Tập lái xe trong hình số 3, số 8 ghép; tiến lùi theo hình chữ chi (sân tập lái)
3	Tập lái xe trên đường bằng
4	Tập lái trên đường đèo núi
5	Tập lái xe trên đường phức tạp
6	Tập lái ban đêm
7	Tập lái xe có tải
8	Bài tập lái tổng hợp

Ghi chú:

Nội dung học thực hành trên đường bằng thực hiện sau khi học viên học xong các bài tập có số thứ tự 1 và 2.

C. CHƯƠNG TRÌNH KHUNG ĐÀO TẠO LÁI XE Ô TÔ

I. Môn học Pháp luật về giao thông đường bộ

1. Mục đích, yêu cầu

1.1. Mục đích

a) Để thiết kế các bài giảng Môn học Pháp luật về giao thông đường bộ, nhằm trang bị cho học viên những kiến thức cơ bản về Pháp luật giao thông đường bộ, hệ thống báo hiệu đường bộ và phương pháp xử lý các tình huống khi tham gia giao thông;

b) Thông qua Môn học Pháp luật về giao thông đường bộ sẽ xây dựng ý thức chấp hành Pháp luật về giao thông đường bộ giúp cho người học điều khiển xe đảm bảo trật tự và an toàn giao thông.

1.2. Yêu cầu

Thông qua môn học Pháp luật về giao thông đường bộ: Cung cấp cho người học hiểu và nắm vững pháp luật về giao thông đường bộ, hệ thống báo hiệu đường bộ Việt Nam. Người học biết vận dụng thành thạo, linh hoạt xử lý các tình huống giao thông, điều khiển xe đúng luật và đảm bảo an toàn.

2. Nội dung chương trình môn học

TT	NỘI DUNG
1	**Phần I.** ***Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ***
	Chương I: Những quy định chung
	Chương II: Quy tắc giao thông đường bộ
	Chương III: Xe ô tô tham gia giao thông đường bộ
	Chương IV: Người lái xe ô tô tham gia giao thông đường bộ
2	**Phần II. Hệ thống báo hiệu đường bộ**
	Chương I: Quy định chung
	Chương II: Hiệu lệnh điều khiển giao thông
	Chương III: Biển báo hiệu
	Phân nhóm và hiệu lực của biển báo hiệu
	Biển báo cấm
	Biển báo nguy hiểm
	Biển hiệu lệnh
	Biển chỉ dẫn
	Biển phụ
	Chương IV: Các báo hiệu đường bộ khác
	Vạch kẻ đường
	Cọc tiêu, tường bảo vệ và hàng rào chắn
	Cột kilômét
	Mốc lộ giới
	Gương cầu lồi và dải phân cách tôn sóng
	Báo hiệu trên đường cao tốc
	Báo hiệu cấm đi lại

TT	NỘI DUNG
	Chương IV: Tốc độ và khoảng cách
	Quy định về tốc độ của phương tiện tham gia giao thông đường bộ
	Khoảng cách an toàn giữa hai xe khi tham gia giao thông
3	**Phần III. Xử lý các tình huống giao thông**
	Chương I: Các đặc điểm của sa hình
	Chương II: Các nguyên tắc đi sa hình

II. Môn học Cấu tạo và sửa chữa thông thường

1. Mục đích, yêu cầu

1.1. Mục đích

a) Để thiết kế các bài giảng Môn học Cấu tạo và sửa chữa thông thường, nhằm trang bị cho học viên có được những kiến thức cơ bản về tác dụng, cấu tạo, nguyên lý làm việc của các cụm, các hệ thống trên xe ô tô thông dụng và làm quen một số đặc điểm kết cấu trên xe ô tô hiện đại;

b) Thông qua môn học người học có thể hiểu được việc bảo dưỡng các cấp và các hư hỏng thông thường.

1.2. Yêu cầu

Thông qua môn học Cấu tạo và sửa chữa thông thường: Người học có khả năng đọc được các sơ đồ, bản vẽ đơn giản về cấu tạo ô tô. Hiểu được tác dụng, sơ đồ cấu tạo, nguyên lý làm việc và những chú ý trong sử dụng các cụm, các hệ thống chính trên xe ô tô thông dụng. Nắm được việc bảo dưỡng các hư hỏng thông thường và bảo dưỡng định kỳ tới tuổi thọ của xe ô tô.

2. Nội dung chương trình môn học

TT	NỘI DUNG
1	Giới thiệu chung về xe ô tô
2	Động cơ xe ô tô
3	Cấu tạo Gầm ô tô
4	Hệ thống Điện xe ô tô
5	Các hệ thống an toàn chủ động trang bị trên xe ô tô
6	Hệ thống tự chuẩn đoán trên ô tô và các hư hỏng thông thường
7	Nội quy xưởng và kỹ thuật an toàn

8	Các hư hỏng thông thường

III. Môn học Đạo đức người lái xe, văn hóa giao thông và phòng chống tác hại của rượu, bia khi tham gia giao thông và kỹ năng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ

1. Mục đích, yêu cầu

1.1. Mục đích

Để thiết kế các bài giảng môn học nhằm trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về phẩm chất, đạo đức của người lái xe, trách nhiệm của người sử dụng lao động, văn hóa khi tham gia giao thông, tác hại rượu bia và kỹ năng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

1.2. Yêu cầu

Thông qua môn học Đạo đức, văn hóa giao thông và phòng chống tác hại của rượu, bia khi tham gia giao thông và kỹ năng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ: Người học nắm được văn hóa của người lái xe, có kiến thức về văn hóa giao thông và phòng chống tác hại rượu bia khi tham gia giao thông, các kiến thức cơ bản về sơ, cấp cứu và kỹ năng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

2. Nội dung chương trình môn học

TT	NỘI DUNG
1	Những vấn đề cơ bản về phẩm chất đạo đức trong giai đoạn hiện nay
2	Đạo đức của người lái xe
3	Văn hóa giao thông
4	Phòng, chống tác hại của rượu, bia khi tham gia giao thông
5	Thực hành cấp cứu
6	Hướng dẫn kỹ năng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ

IV. Môn kiến thức mới về xe nâng hạng

1. Mục đích, yêu cầu

1.1. Mục đích

- Để thiết kế các bài giảng cho chương trình đào tạo lái xe nhằm trang bị cho học viên những kiến thức, kinh nghiệm, kỹ năng cơ bản về an toàn trong phòng cháy chữa cháy.

- Thông qua chương trình học học viên được trang bị kiến thức và khả năng ứng phó khi gặp sự cố trong quá trình điều khiển, vận hành phương tiện.

1.2. Yêu cầu

Cung cấp cho người học hiểu và nắm vững cấu tạo cơ bản của xe nâng hạng. Người học biết vận dụng linh hoạt kiến thức và khả năng ứng phó khi xảy ra sự cố trong quá trình điều khiển, vận hành phương tiện.

2. Nội dung chương trình môn học

TT	NỘI DUNG
1	Giới thiệu cấu tạo chung, vị trí, cách sử dụng các thiết bị trong buồng lái
2	Một số đặc điểm về kết cấu điển hình trên động cơ xe ô tô nâng hạng
3	Một số đặc điểm điển hình về hệ thống điện xe ô tô hiện đại
4	Đặc điểm về kết cấu điển hình hệ thống truyền động xe ô tô nâng hạng
5	Kiểm tra

V. Môn học Kỹ thuật lái xe

1. Mục đích, yêu cầu

1.1. Mục đích

Để thiết kế các bài giảng môn học Kỹ thuật lái xe, nhằm trang bị cho người học lái xe:

- Những kiến thức cơ bản về các bộ phận trong buồng lái, kỹ thuật lái xe ô tô;

- Các kỹ năng cơ bản lái xe an toàn, kỹ năng lái xe chở hàng, có khả năng điều khiển được các loại ô tô khác nhau, ở các điều kiện giao thông khác nhau.

1.2. Yêu cầu

Thông qua môn học Kỹ thuật lái xe: Người học có kiến thức cơ bản về các bộ phận trong buồng lái, kỹ thuật lái xe ô tô. Nắm được các kiến thức và biết vận dụng kỹ năng lái xe an toàn để điều khiển xe trong các điều kiện giao thông khác nhau, xử lý được các tình huống giao thông trên đường an toàn.

2. Nội dung chương trình môn học

TT	NỘI DUNG
1	Vị trí, tác dụng các bộ phận trong buồng lái
2	Kỹ thuật lái xe cơ bản
3	Kỹ thuật lái xe trên các loại đường
	- Lái xe ô tô trên bãi phẳng, đường bằng
	- Lái xe ô tô trên đường đèo núi, trung du
	- Lái xe qua trạm thu phí sử dụng dịch vụ đường bộ, qua cầu, phà

	- Lái xe trên đường phức tạp qua: chỗ hẹp, đường sắt, đường xấu, đường ngập nước, đường ngầm
	- Lái xe ô tô ban đêm, khu vực sương mù
	- Lái xe ô tô trên đường cao tốc
4	Kỹ thuật lái xe an toàn chủ động
5	Kỹ thuật lái xe ô tô chở hàng hóa
6	Tâm lý điều khiển xe ô tô
7	Phương pháp thực hành lái xe tổng hợp

VI. Nội dung dạy thực hành lái xe

1. Mục đích, yêu cầu

1.1. Mục đích

Để thiết kế các bài giảng môn học thực hành lái xe, nhằm trang bị cho người học lái xe:

- Các kỹ năng cơ bản lái xe an toàn, kỹ năng lái xe chở hàng, có khả năng điều khiển được các loại ô tô khác nhau, ở các điều kiện giao thông khác nhau.

1.2. Yêu cầu

Thông qua môn học thực hành lái xe: Người học có kỹ năng lái xe an toàn để điều khiển xe trong các điều kiện giao thông khác nhau, xử lý được các tình huống giao thông trên đường an toàn.

2. Nội dung

TT	**NỘI DUNG**
1	Tập lái tại chỗ không nổ máy
2	Tập lái xe tại chỗ có nổ máy
3	Tập lái trên ca bin học lái xe ô tô
4	Tập lái xe trong bãi phẳng (sân tập lái)
5	Tập lái xe trong hình số 3, số 8 ghép; tiến lùi theo hình chữ chi (sân tập lái)
6	Tập lái xe trên đường bằng
7	Tập lái trên đường đèo núi
8	Tập lái xe trên đường phức tạp
9	Tập lái ban đêm
10	Tập lái xe có tải
11	Bài tập lái trên đường cao tốc và đường cao tốc phân kỳ đầu tư

12	Tập lái trên đường với xe ô tô chuyển số tự động (bao gồm cả xe ô tô điện) đối với học hạng B số cơ khí và hạng C1 và chỉ thực hiện sau khi học viên học xong các bài tập có số thứ tự 1, 2, 3
13	Tập lái trên đường với xe tải hạng C đối với học nâng hạng từ hạng B lên hạng D1 hoặc D2 (thực hiện sau khi học viên học xong các bài tập có số thứ tự 1, 2, 3, 4, 5 và 6)
14	Bài tập lái tổng hợp

Ghi chú:

Nội dung học thực hành trên đường giao thông thực hiện sau khi học viên học xong các bài tập có số thứ tự 1, 2, 3 và 4.

Phụ lục III

MẪU BÁO CÁO ĐĂNG KÝ SÁT HẠCH CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE MÔ TÔ CÁC HẠNG A1, A

(Ban hành kèm theo Thông tư số 35/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CƠ QUAN CHỦ QUẢN **CƠ SỞ ĐÀO TẠO**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../	*....., ngày ..... tháng ..... năm 20 .....*

BÁO CÁO ĐĂNG KÝ SÁT HẠCH CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE MÔ TÔ CÁC HẠNG A1, A

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải.....

Thực hiện Phương án đào tạo lái xe mô tô hạng A1, A được Sở Giao thông vận tải phê duyệt, Cơ sở đào tạo ..... đã tổ chức khóa đào tạo để sát hạch cấp giấy phép lái xe mô tô hạng ....., với danh sách học viên kèm theo.

Đề nghị Sở Giao thông vận tải ..... chấp thuận và tổ chức sát hạch, cấp giấy phép lái xe cho các học viên hoàn thành khóa đào tạo.

DANH SÁCH HỌC VIÊN

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nơi cư trú	Hạng giấy phép lái xe	Ngày khai giảng	Ngày bế giảng	Ngày sát hạch	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
	Xếp tên theo vần A, B, C							

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu:

NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU
CƠ SỞ ĐÀO TẠO
(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục IV

BIỂU MẪU ĐĂNG KÝ SÁT HẠCH CÁC HẠNG B1, B, C1, C, D1, D2, D, BE, C1E, CE, D1E, D2E, DE

(Ban hành kèm theo Thông tư số 35/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

BIỂU MẪU ĐĂNG KÝ SÁT HẠCH CÁC HẠNG B1, B, C1, C, D1, D2, D, BE, C1E, CE, D1E, D2E, DE

Mẫu số 01	**Mẫu Báo cáo Đăng ký kỳ sát hạch**
Mẫu số 02	**Mẫu Danh sách học viên (Báo cáo 1)**
Mẫu số 03	**Mẫu Danh sách đề nghị xác minh giấy phép lái xe đã cấp**
Mẫu số 04	**Mẫu Kế hoạch đào tạo**

Mẫu số 01. Báo cáo đăng ký sát hạch lái xe

CƠ QUAN CHỦ QUẢN **CƠ SỞ ĐÀO TẠO**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../	*....., ngày ..... tháng ..... năm 20 .....*

BÁO CÁO ĐĂNG KÝ SÁT HẠCH LÁI XE

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải...

Thực hiện Giấy phép đào tạo lái xe số:..... ngày ..... / ..... /..... do Sở Giao thông vận tải..... cấp, Cơ sở đào tạo..... đã tổ chức xét tuyển học viên và khai giảng các lớp như sau:

TT	Khóa - Lớp	Hạng giấy phép lái xe	Số lượng học viên		Ngày khai giảng	Ngày bế giảng	Ngày đăng ký sát hạch	Ghi chú
			Học tập trung	Học từ xa/tự học có hướng dẫn				
I	Hệ đào tạo mới							
1	**B**							
…	**C1**							
II	Hệ đào tạo nâng hạng							
1								
…								

(có danh sách học viên các khóa học kèm theo)

Tài khoản và mật khẩu quản lý lớp học từ xa/tự học có hướng dẫn:….

Cơ sở đào tạo ..... đề nghị Sở Giao thông vận tải ..... chấp nhận kế hoạch sát hạch cho học viên các lớp như lịch đề nghị.

Nơi nhận: - Như trên; - Lưu: ……	**NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU** **CƠ SỞ ĐÀO TẠO** *(Ký tên, đóng dấu)*

Mẫu số 02. Danh sách học viên (báo cáo 1)

CƠ QUAN CHỦ QUẢN
CƠ SỞ ĐÀO TẠO

Số:...../

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ..... tháng ..... năm 20 .....

BÁO CÁO 1

Học lái xe hạng: ..... Khóa: ..... *(Mỗi hạng lập 1 danh sách riêng)*
Thời gian đào tạo: .....
Khai giảng ngày ..... tháng ..... năm 20.....
Bế giảng ngày …..... tháng ..... năm 20.....

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số CCCD/CC/HC	Nơi cư trú	Đã có giấy phép lái xe hạng	Thời gian lái xe an toàn	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	Tên xếp theo vần A, B, C...						

Mẫu số 03. Danh sách đề nghị xác minh giấy phép lái xe đã cấp

CƠ QUAN CHỦ QUẢN
CƠ SỞ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ..... tháng ..... năm 20.....

DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ XÁC MINH GIẤY PHÉP LÁI XE ĐÃ CẤP

Học lái xe hạng: ..... Khóa: .....

(Mỗi hạng lập 1 danh sách riêng)

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số CCCD/CC/HC	Nơi cư trú	Đã có giấy phép lái xe			
					Hạng	Số	Ngày tháng năm cấp	Cơ quan cấp
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*

……., ngày ..... tháng ..... năm 20.....

NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ SỞ ĐÀO TẠO

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 04. Kế hoạch đào tạo

CƠ QUAN CHỦ QUẢN
CƠ SỞ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

Khóa:.....

Hạng:.....

Thời gian đào tạo: ..... tháng (từ ngày ..... /...../ .....đến ngày ..... /..... / .....)

I. Phân phối giờ học

STT	Môn học	Tổng số (giờ)	Lý thuyết (giờ)		Thực hành trong hình (giờ)	Thực hành trên đường (giờ)	Kiểm tra hết Môn (giờ)	Ghi chú
			LT	TH				

II. Lịch học toàn khóa

Tháng / Phân giai đoạn / Tuần / Từ ngày đến	10				11				12				....				
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	...	
Lý thuyết																	
Thực hành trong hình																	
Thực hành trên đường																	
Kiểm tra																	
Dự phòng																	

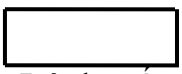
Lý thuyết

Thực hành

Kiểm tra

Nghỉ

Dự phòng

III. Số lượng giáo viên, xe tập lái:

1. Số giáo viên khóa đào tạo/Tổng số giáo viên hiện có: (VD: 15/100).

2. Số xe tập lái khóa đào tạo/Tổng số xe tập lái hiện có: (VD: 15/100)

Phụ lục V

MẪU SỔ PHÂN CÔNG GIÁO VIÊN, XE TẬP LÁI THAM GIA GIẢNG DẠY

(Ban hành kèm theo Thông tư số 35/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Số TT	Giáo viên	Thời gian	Khoá đào tạo	Số đăng ký xe tập lái	Ghi chú
	Nguyễn Văn A				
	Nguyễn Văn B				

Phụ lục VI

MẪU TIẾN ĐỘ ĐÀO TẠO LÁI XE Ô TÔ CÁC HẠNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 35/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CƠ SỞ ĐÀO TẠO …….

TIẾN ĐỘ ĐÀO TẠO LÁI XE Ô TÔ CÁC HẠNG

Số TT	Khóa - lớp	Giáo viên dạy	Số lượng học viên	1 - 2025				2 - 2025				3 - 20				…….					Số học viên tốt nghiệp	Ghi chú
				1	*2*	*3*	*4*	…	…	…	…	…	…	…	…	…	…	…	*57*	*52*		
				3 8	10 15	17 22	24 29	31/1 5/2	7 12	14 19	21 26	28 3/3										
Ví dụ																						
	Khóa 16																			•		
1	- 16B xe con	Vũ Văn A	80	T	T																	
2	- 16B xe con		100	Đ	Đ																	
3	- 16C xe tải		120	Đ	Đ	Đ	Đ															
	Khóa 17: Nâng hạng																			•		
6	- 16B lên C		20	H	T	Đ	Đ															
7	- 17C lên D		30	H	H	T	T	T	Đ	Đ	Đ											

Hoàn thành: Theo hàng ngang biết được độ dài thời gian đào tạo, nâng hạng từng lớp/khóa, cộng số học viên theo cột dọc có tổng số học viên hiện có (lưu lượng đào tạo).

Ký hiệu:

- H: Học lý thuyết (nếu tô màu thì tô ô xanh).
- T: Tập lái trong hình (nếu tô màu thì tô ô vàng)
- Đ: Tập lái trên đường (nếu tô màu thì tô ô vàng).
- •: Kiểm tra (nếu tô màu thì tô ô đỏ).

NGƯỜI LẬP
(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày …… tháng …… năm 20…
NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ SỞ ĐÀO TẠO
(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục VII

MẪU SỔ THEO DÕI KẾT QUẢ HỌC TẬP

(Ban hành kèm theo Thông tư số 35/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CƠ QUAN CHỦ QUẢN (NẾU CÓ)
TÊN CƠ SỞ ĐÀO TẠO

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

SỔ THEO DÕI KẾT QUẢ HỌC TẬP

Ngày lập:

Số TT	Họ tên học viên	Khoá học	Kết quả học tập			Kết quả khoá học	Ngày xét hoàn thành khoá học	Chữ ký của học viên
			Tên môn học	*Tên môn học*	*Tên môn học*			

Phụ lục VIII
MẪU SỔ TAY GIÁO VIÊN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 35/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

SỔ TAY GIÁO VIÊN

1. Trang bìa

Cơ quan chủ quản (nếu có)

……

Cơ sở đào tạo

……..

(Trang bìa 1)

Sổ tay giáo viên

Môn:…….....

Lớp:……..

Hạng GPLX : …….……

Họ và tên giáo viên:.....

Khoá:……

Số TT Nội dung Trang

1. Thông tin về lớp học
2. Kết quả học tập
3. Số giờ nghỉ học Môn học

I. Thông tin về lớp học/khóa học

1. Hạng giấy phép lái xe đào tạo:

2. Quyết định thành lập lớp học:

……..……

3. Tổ chức lớp học

a) Sĩ số lớp học:

b) Giáo viên:

c) Phương thức tổ chức đào tạo:

……...

II. Kết quả học tập

Số TT	Họ và tên học viên	Điểm kiểm tra hết môn	Điểm kiểm tra kết thúc		Điểm
			Lần 1	Lần 2	

III. Tổng hợp số giờ nghỉ học

Số TT	Họ và tên học viên	Kỳ học (đợt học)											Tổng số

Phụ lục IX

MẪU SỔ THEO DÕI HỌC VIÊN XÉT HOÀN THÀNH KHÓA ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Thông tư số 35/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

1. Trang 1 (trang bìa)

SỔ THEO DÕI
XÉT HOÀN THÀNH KHÓA ĐÀO TẠO LÁI XE
Quyển số:

XÁC NHẬN	**XÁC NHẬN**
Sổ này có: .....trang	Số thứ tự đăng ký từ số: .....
Đánh số trang từ số:.....	Đến số:.....
Đến số:.....	
Mở sổ ngày:.....tháng.....năm.....	Khóa sổ ngày:.....tháng.....năm.....
NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ SỞ ĐÀO TẠO *(ký tên, đóng dấu)*	**NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ SỞ ĐÀO TẠO** *(ký tên, đóng dấu)*

2. Trang 2

Số TT	Tên học viên	Ngày tháng năm sinh	Ngày xác nhận hoàn thành khóa đào tạo	Chữ ký của người nhận	Ghi chú

Phụ lục X

QUY TRÌNH BIÊN SOẠN GIÁO TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHI TIẾT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 35/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

QUY TRÌNH BIÊN SOẠN GIÁO TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHI TIẾT

I. QUY TRÌNH XÂY DỰNG

1. Bước 1: Thành lập Tổ biên soạn biên soạn giáo trình đào tạo, chương trình đào tạo chi tiết.

a) Người đứng đầu cơ sở đào tạo ra quyết định thành lập Tổ biên soạn giáo trình đào tạo (sau đây gọi là Tổ biên soạn);

b) Thành phần Tổ biên soạn có từ 5 đến 7 thành viên, gồm Tổ trưởng, thư ký và các thành viên là giáo viên, giảng viên, các chuyên gia, cán bộ quản lý có kinh nghiệm đối với nghề;

c) Tiêu chuẩn đối với thành viên Tổ biên soạn: Có trình độ trung cấp trở lên; có ít nhất 3 năm kinh nghiệm trực tiếp giảng dạy hoặc biên soạn giáo trình, chương trình đào tạo chi tiết;

d) Quyền hạn và trách nhiệm của Tổ biên soạn:

Tổ biên soạn có thể thành lập các Nhóm để biên soạn giáo trình một số môn học của giáo trình đào tạo; mỗi nhóm biên soạn có từ 3 đến 5 thành viên là giáo viên có kinh nghiệm giảng dạy đối với nội dung biên soạn. Nhóm giúp Tổ biên soạn thực hiện nhiệm vụ biên soạn giáo trình, chương trình đào tạo chi tiết đối với nội dung được giao;

Tổ chức hướng dẫn phương pháp, quy trình tổ chức biên soạn giáo trình đào tạo và chương trình đào tạo chi tiết cho thành viên các nhóm biên soạn;

Chịu trách nhiệm về nội dung, chất lượng của giáo trình và chương trình đào tạo chi tiết; báo cáo trước Hội đồng thẩm định và hoàn thiện dự thảo theo góp ý của Hội đồng thẩm định.

2. Bước 2: Thiết kế cấu trúc giáo trình đào tạo và chương trình đào tạo chi tiết

Tổ biên soạn tổ chức nghiên cứu chương trình đào tạo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 8 Thông tư này và Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này; thu thập, tham khảo các tài liệu có liên quan làm căn cứ thực hiện nhiệm vụ biên soạn giáo trình và chương trình đào tạo chi tiết. Cụ thể:

a) Tổ chức hội thảo xin ý kiến chuyên gia (gồm các giáo viên đang trực tiếp giảng dạy, cán bộ quản lý, nghiên cứu và chuyên gia) về cấu trúc của giáo trình đào tạo và chương trình đào tạo chi tiết;

b) Tổng hợp, hoàn thiện các nội dung về cấu trúc của giáo trình đào tạo và chương trình đào tạo chi tiết sau khi có ý kiến của chuyên gia.

3. Bước 3: Biên soạn giáo trình đào tạo và chương trình đào tạo chi tiết

a) Biên soạn nội dung chi tiết giáo trình từng môn học và chương trình đào tạo chi tiết từng môn học;

b) Hội thảo xin ý kiến chuyên gia (gồm các giáo viên đang trực tiếp giảng dạy, cán bộ quản lý, nghiên cứu và chuyên gia) về nội dung của từng giáo trình từng môn học và chương trình đào tạo chi tiết từng môn học;

c) Tổng hợp, hoàn thiện giáo trình đào tạo và chương trình đào tạo chi tiết sau khi có ý kiến chuyên gia.

4. Bước 4: Sửa chữa, biên tập, hoàn thiện dự thảo giáo trình đào tạo và chương trình đào tạo chi tiết

a) Sửa chữa biên tập tổng thể giáo trình đào tạo và chương trình đào tạo chi tiết;

b) Hoàn thiện giáo trình đào tạo và chương trình đào tạo chi tiết.

5. Bước 5: Thẩm định và ban hành giáo trình đào tạo và chương trình đào tạo chi tiết

a) Gửi bản dự thảo giáo trình và chương trình đào tạo chi tiết tới Hội đồng thẩm định giáo trình và chương trình đào tạo chi tiết kèm theo báo cáo tóm tắt quá trình biên soạn và những nội dung cốt lõi của giáo trình đào tạo và chương trình đào tạo chi tiết;

b) Bảo vệ giáo trình trước cuộc họp Hội đồng thẩm định giáo trình và chương trình đào tạo chi tiết;

c) Hoàn thiện giáo trình và chương trình đào tạo chi tiết theo ý kiến góp ý của Hội đồng thẩm định giáo trình và chương trình đào tạo chi tiết;

d) Trình người đứng đầu cơ sở đào tạo giáo trình và chương trình đào tạo chi tiết đã được hoàn thiện (kèm theo báo cáo kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định) để xem xét, quyết định ban hành giáo trình đào tạo và chương trình đào tạo chi tiết.

6. Bước 6: Đánh giá và cập nhật nội dung giáo trình đào tạo và chương trình đào tạo chi tiết.

II. QUY TRÌNH THẨM ĐỊNH

1. Bước 1: Thành lập Hội đồng thẩm định giáo trình đào tạo và chương trình đào tạo.

a) Người đứng đầu cơ sở đào tạo quyết định thành lập Hội đồng thẩm định giáo trình đào tạo và chương trình đào tạo.

b) Hội đồng thẩm định có từ 5 đến 7 thành viên (tùy theo khối lượng công việc của từng giáo trình hoặc chương trình đào tạo chi tiết cần thẩm định) là các giáo viên, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật của cơ sở đào tạo. Có ít nhất một phần ba

tổng số thành viên là giáo viên đang giảng dạy. Trong đó có Chủ tịch Hội đồng là đại diện Lãnh đạo cơ sở đào tạo, Phó chủ tịch, thư ký và các ủy viên.

c) Tiêu chuẩn của thành viên Hội đồng thẩm định

- Có trình độ cao đẳng trở lên;

- Có ít nhất 5 năm kinh nghiệm trực tiếp giảng dạy hoặc quản lý lĩnh vực đào tạo lái xe.

d) Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng thẩm định:

- Hội đồng thẩm định là tổ chức tư vấn về chuyên môn giúp người đứng đầu cơ sở đào tạo trong việc thẩm định giáo trình đào tạo, chương trình đào tạo chi tiết.

- Nhận xét, đánh giá chất lượng giáo trình đào tạo, chương trình đào tạo chi tiết; chịu trách nhiệm về chất lượng thẩm định; kiến nghị về việc phê duyệt giáo trình đào tạo, chương trình đào tạo chi tiết.

- Tổ chức thẩm định giáo trình đào tạo, chương trình đào tạo chi tiết và lập báo cáo kết quả thẩm định để làm căn cứ phê duyệt giáo trình đào tạo, chương trình đào tạo chi tiết.

đ) Nguyên tắc làm việc của hội đồng thẩm định:

- Hội đồng thẩm định làm việc dưới sự điều hành của Chủ tịch Hội đồng;

- Cuộc họp của Hội đồng thẩm định chỉ hợp lệ khi có mặt tối thiểu 2/3 số thành viên Hội đồng, trong đó có chủ tịch, thư ký và các ủy viên phản biện; các thành viên vắng mặt phải có bản nhận xét, đánh giá về chương trình gửi Hội đồng trước ngày họp;

- Hội đồng thẩm định thảo luận công khai, từng thành viên trong hội đồng có ý kiến phân tích, đánh giá đối với giáo trình, chương trình đào tạo chi tiết; biểu quyết từng nội dung và kết luận theo đa số (theo ý kiến của từ 2/3 thành viên Hội đồng trở lên);

- Cuộc họp của Hội đồng thẩm định giáo trình, chương trình đào tạo chi tiết phải được ghi thành biên bản chi tiết; trong đó có các ý kiến của từng thành viên và kết quả biểu quyết đối với từng nội dung kết luận của Hội đồng). Biên bản được các thành viên của Hội đồng dự họp nhất trí thông qua và cùng ký tên.

2. Bước 2: Thẩm định giáo trình đào tạo, chương trình đào tạo chi tiết

a) Hội đồng thẩm định căn cứ vào các quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 8 Thông tư này và Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư và mục tiêu, chuẩn đầu ra đã xác định để thẩm định giáo trình đào tạo, chương trình đào tạo chi tiết.

b) Hội đồng thẩm định phải kết luận rõ ràng một trong các nội dung sau: Thông qua giáo trình đào tạo, chương trình đào tạo chi tiết, không cần chỉnh sửa, bổ sung hoặc thông qua giáo trình đào tạo, chương trình đào tạo nhưng yêu cầu phải chỉnh sửa, bổ sung và nêu cụ thể nội dung cần phải chỉnh sửa, bổ sung hoặc không thông qua giáo trình đào tạo, chương trình đào tạo và nêu lý do không được thông qua.

3. Bước 3: Báo cáo kết quả thẩm định

Chủ tịch Hội đồng thẩm định báo cáo kết quả thẩm định giáo trình đào tạo, chương trình đào tạo chi tiết, kèm theo biên bản họp hội đồng, hồ sơ thẩm định để người đứng đầu cơ sở đào tạo xem xét, quyết định ban hành.

4. Bước 4: Ban hành chương trình đào tạo

Người đứng đầu cơ sở đào tạo căn cứ kết quả thẩm định giáo trình, chương trình đào tạo chi tiết của Hội đồng thẩm định tự chủ, tự chịu trách nhiệm phê duyệt và ban hành giáo trình đào tạo, chương trình đào tạo chi tiết để áp dụng cho cơ sở mình.

Phụ lục XI

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỌC, SÁT HẠCH ĐỂ CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE

(Ban hành kèm theo Thông tư số 35/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ảnh màu 3 cm x 4 cm chụp không quá 06 tháng

ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỌC, SÁT HẠCH ĐỂ CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE

Kính gửi:.....

Tôi là:.....

Ngày tháng năm sinh: .....

Số Căn cước công dân hoặc Căn cước: .....

hoặc Hộ chiếu số..... ngày cấp..... nơi cấp: .....

Đã có giấy phép lái xe số:.....hạng.....

do:..... cấp ngày: ..... /..... / .....

Đề nghị cho tôi được học, dự sát hạch để cấp giấy phép lái xe hạng: .....

Đăng ký tích hợp giấy phép lái xe ☐

Vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ với hình thức tước quyền sử dụng giấy phép lái xe: có ☐ không ☐

Tôi xin cam đoan những điều ghi trên là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm.

....., ngày ..... tháng ..... năm 20 .....
NGƯỜI LÀM ĐƠN
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Phụ lục XII
MẪU BẢN KHAI THỜI GIAN LÁI XE AN TOÀN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 35/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI
THỜI GIAN LÁI XE AN TOÀN

Tôi là:.....

Ngày tháng năm sinh: .....

Số Căn cước công dân hoặc căn cước: .....

hoặc Hộ chiếu số..... ngày cấp……. nơi cấp: .....

Hiện tại tôi có giấy phép lái xe số: ....., hạng .....

do: ..... cấp ngày: ..... /..... / …....

Từ ngày được cấp giấy phép lái xe đến nay, tôi đã có ..... năm lái xe an toàn.

Đề nghị ..... cho tôi được dự sát hạch nâng hạng lấy giấy phép lái xe hạng .....

Tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung khai trên.

....., ngày ..... tháng ..... năm 20 .....
NGƯỜI KHAI
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Phụ lục XIII

QUY TRÌNH SÁT HẠCH LÁI XE HẠNG A1 VÀ A

(Ban hành kèm theo Thông tư số 35/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

QUY TRÌNH SÁT HẠCH LÁI XE HẠNG A1 VÀ A
A. SÁT HẠCH LÝ THUYẾT

I. Thực hiện sát hạch bằng phương pháp trắc nghiệm trên máy vi tính để cấp giấy phép lái xe hạng A1, A

1. Đối với sát hạch viên: mỗi khu vực sát hạch có tối thiểu 02 sát hạch viên làm nhiệm vụ; trong đó, 01 sát hạch viên làm việc tại phòng sát hạch lý thuyết và 01 sát hạch viên làm nhiệm vụ tại khu vực kiểm tra nhận dạng.

1.1. Tiếp nhận danh sách, hồ sơ thí sinh dự sát hạch; tiếp nhận, kiểm tra và điều hành hệ thống máy tính, máy in tại phòng sát hạch lý thuyết.

1.2. Gọi thí sinh theo danh sách; yêu cầu thí sinh ký và ghi rõ họ tên vào phần thông tin thí sinh của biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe của học viên; kiểm tra nhận dạng, đối chiếu căn cước công dân hoặc căn cước hoặc hộ chiếu và giấy phép lái xe (đối với trường hợp được miễn sát hạch lý thuyết); ký xác nhận tại phần kết quả sát hạch lý thuyết trong biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lý thuyết của thí sinh; sắp xếp máy tính cho thí sinh.

1.3. Kiểm tra, đối chiếu tên, ảnh của thí sinh trên màn hình máy tính với số báo danh, danh sách sát hạch, hồ sơ thí sinh và phát lệnh bắt đầu sát hạch.

1.4. Yêu cầu thí sinh thực hiện nghiêm túc nội quy, quy chế sát hạch. Giám sát quá trình sát hạch: không để người không có nhiệm vụ vào phòng sát hạch lý thuyết; không để thí sinh mang điện thoại di động, thiết bị viễn thông liên lạc bằng hình ảnh, âm thanh vào phòng sát hạch lý thuyết; không để thí sinh trao đổi, sử dụng tài liệu. Lập biên bản xử lý thí sinh vi phạm và báo cáo Tổ trưởng sát hạch trong trường hợp thí sinh cố tình vi phạm.

1.5. Theo dõi, kiểm tra hoạt động của hệ thống máy tính; trường hợp hư hỏng hoặc lỗi kỹ thuật thì yêu cầu kỹ thuật viên của trung tâm sát hạch vào kiểm tra, xử lý.

2. Đối với người dự sát hạch

2.1. Tiếp nhận máy tính: số báo danh dự sát hạch;

2.2. Thực hiện nội dung sát hạch

2.2.1. Thời gian làm bài: 19 phút.

2.2.2. Đề thi được thiết kế dưới dạng 25 câu hỏi trắc nghiệm, trong đó: có 24 câu hỏi được tính 01 điểm mỗi câu và có 01 câu nếu lựa chọn đáp án sai được tính là điểm liệt; mỗi câu có từ 02 đến 04 ý trả lời, thí sinh đọc đề bài và lựa chọn ra đáp án đúng nhất. Trường hợp bị điểm liệt trong bài thi thì không đạt nội dung sát hạch Lý thuyết.

2.2.3. Khi hoàn thành bài sát hạch hoặc hết thời gian làm bài theo quy định tại điểm 2.2.1 khoản này, tất cả các câu trả lời của thí sinh (kể cả các câu hỏi chưa trả lời hết) được máy tính tự động chấm điểm và lưu lại trong máy chủ.

3. Công nhận kết quả:

3.1. Điểm đạt yêu cầu đối với hạng A1: Từ 21/25 điểm trở lên;

3.2. Điểm đạt yêu cầu đối với hạng A: Từ 23/25 điểm trở lên;

3.3. Thí sinh ký xác nhận vào biên bản sát hạch lý thuyết được in ra và phần kết quả sát hạch lý thuyết tại biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe của thí sinh.

3.4. Sát hạch viên ký xác nhận vào biên bản sát hạch lý thuyết được in ra và ghi điểm, nhận xét, ký xác nhận phần kết quả sát hạch lý thuyết tại biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe của thí sinh.

II. Thực hiện sát hạch bằng phương pháp trắc nghiệm trên giấy để cấp giấy phép lái xe hạng A1, A

1. Đối với sát hạch viên: mỗi khu vực sát hạch có tối thiểu 02 sát hạch viên làm nhiệm vụ; trong đó, 01 sát hạch viên làm việc tại phòng sát hạch lý thuyết và 01 sát hạch viên làm nhiệm vụ tại khu vực kiểm tra nhận dạng.

1.1. Tiếp nhận danh sách, hồ sơ thí sinh dự sát hạch, bộ đề sát hạch, đáp án sát hạch.

1.2. Gọi thí sinh theo danh sách; yêu cầu thí sinh ký và ghi rõ họ tên vào phần thông tin thí sinh của biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe của học viên; kiểm tra nhận dạng, đối chiếu căn cước công dân hoặc căn cước hoặc hộ chiếu và giấy phép lái xe (đối với trường hợp được miễn sát hạch lý thuyết); ký xác nhận tại phần kết quả sát hạch lý thuyết trong biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lý thuyết của thí sinh.

1.3. Bố trí chỗ ngồi, phát đề sát hạch cho thí sinh (mỗi lượt sát hạch bố trí 20 thí sinh), ký tên vào bài sát hạch lý thuyết của thí sinh (theo mẫu số 01 tại Phụ lục này) trước khi phát đề sát hạch lý thuyết.

1.4. Phát lệnh sát hạch, công bố thời gian bắt đầu, kết thúc sát hạch lý thuyết.

1.5. Yêu cầu thí sinh thực hiện nghiêm túc nội quy, quy chế sát hạch. Giám sát quá trình sát hạch: không để người không có nhiệm vụ vào phòng sát hạch lý thuyết; không để thí sinh mang điện thoại di động, thiết bị viễn thông liên lạc bằng hình ảnh, âm thanh vào phòng sát hạch lý thuyết; không để thí sinh trao đổi, sử

dụng tài liệu. Lập biên bản xử lý thí sinh vi phạm và báo cáo Tổ trưởng sát hạch trong trường hợp thí sinh cố tình vi phạm.

1.6. Thu bài sát hạch lý thuyết của thí sinh khi hết giờ làm bài và sử dụng đáp án sát hạch để chấm điểm.

2. Đối với người dự sát hạch

2.1. Nhận đề sát hạch: ghi số đề sát hạch và số báo danh vào bài sát hạch lý thuyết.

2.2. Thực hiện nội dung sát hạch

a) Thời gian làm bài: 19 phút;

b) Đề thi được thiết kế gồm 25 câu hỏi trắc nghiệm, trong đó: Có 24 câu hỏi được tính 01 điểm mỗi câu và có 01 câu nếu lựa chọn đáp án sai được tính là điểm liệt; mỗi câu có từ 02 đến 04 ý trả lời, thí sinh đọc đề bài và lựa chọn ra đáp án đúng nhất. Trường hợp bị điểm liệt trong bài thi thì không đạt nội dung sát hạch Lý thuyết;

c) Ý trả lời của thí sinh chỉ được đánh dấu bằng dấu nhân (x) trong ô tương ứng; những trường hợp đánh dấu nhân vào 02 ô trở lên trên một cột hoặc tẩy xoá đều bị coi là trả lời sai; không được dùng bút có mực màu đỏ hoặc bút chì để đánh dấu trả lời câu hỏi sát hạch.

3. Công nhận kết quả:

3.1. Điểm đạt yêu cầu đối với hạng A1: Từ 21/25 điểm trở lên.

3.2. Điểm đạt yêu cầu đối với hạng A: Từ 23/25 điểm trở lên.

3.3. Thí sinh ký xác nhận vào biên bản sát hạch lý thuyết được in ra và phần kết quả sát hạch lý thuyết tại biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe của thí sinh.

3.4. Sát hạch viên ký xác nhận vào biên bản sát hạch lý thuyết được in ra và ghi điểm, nhận xét, ký xác nhận phần kết quả sát hạch lý thuyết tại biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe của thí sinh.

B. SÁT HẠCH THỰC HÀNH

I. Đối với sát hạch viên

1. Tiếp nhận danh sách, hồ sơ thí sinh dự sát hạch, thiết bị chấm điểm tự động.

2. Kiểm tra nhận dạng, đối chiếu căn cước công dân hoặc căn cước hoặc hộ chiếu với thí sinh và tên thí sinh kê khai trong biên bản sát hạch thực hành lái xe trong hình; theo dõi, giám sát thí sinh tiếp nhận xe sát hạch được giao; ký tên vào biên bản sát hạch thực hành lái xe trong hình của thí sinh; sau khi thí sinh hoàn thành nội dung sát hạch, yêu cầu thí sinh ký và ghi rõ họ tên vào biên bản sát hạch thực hành lái xe trong hình.

3. Điều hành thiết bị chấm điểm tự động, gọi thí sinh, sắp xếp xe sát hạch cho thí sinh, phát lệnh sát hạch, theo dõi quá trình sát hạch và thông qua thiết bị trong

phòng điều hành trực tiếp ghi các lỗi vi phạm của thí sinh. Trường hợp giao nhân viên kỹ thuật của Trung tâm điều hành thì phải giám sát:

3.1. Đình chỉ sát hạch khi vi phạm một trong các lỗi sau: Khi hai bánh xe của xe sát hạch ra ngoài hình sát hạch; khi xe sát hạch bị đổ trong quá trình sát hạch.

3.2. Trừ 05 điểm: Mỗi lần chạm chân xuống đất trong quá trình sát hạch.

4. Theo dõi quá trình sát hạch, không để người không có nhiệm vụ vào sân sát hạch và báo cáo Tổ trưởng sát hạch trong trường hợp lỗi kỹ thuật của thiết bị chấm điểm tự động (nếu có).

5. Theo dõi tình trạng kỹ thuật của xe sát hạch để kịp thời phát hiện các trường hợp không bảo đảm các điều kiện an toàn kỹ thuật.

II. Đối với người dự sát hạch

1. Tiếp nhận xe sát hạch được giao và đội mũ bảo hiểm, cài quai đúng quy cách theo quy định của Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

2. Thí sinh thực hiện bài sát hạch

2.1. Trình tự và các bước thực hiện:

2.1.1 Bài sát hạch số 1: Đi qua hình số 8.

2.1.1.1. Thí sinh dừng xe trước vạch xuất phát, chờ hiệu lệnh của sát hạch viên.

2.1.1.2. Khi có hiệu lệnh xuất phát, điều khiển xe tiến đến cửa vào hình số 8, rẽ phải đi một vòng hình số 8.

2.1.1.3. Tiếp tục điều khiển xe tiến qua nửa hình số 3 đến cửa ra hình số 8.

2.1.1.4. Tiếp tục điều khiển xe đến bài sát hạch số 2.

2.1.2. Bài sát hạch số 2: Đi qua vạch đường thẳng

Thí sinh điều khiển xe qua bài sát hạch tiến qua vạch đường thẳng và điều khiển xe đến bài sát hạch số 3.

2.1.3. Bài sát hạch số 3: Đi qua đường có vạch cản

Thí sinh điều khiển xe qua bài sát hạch tiến qua đường có vạch cản và điều khiển xe đến bài sát hạch số 4.

2.1.4. Bài sát hạch số 4: Đi qua đường gồ ghề

Thí sinh điều khiển xe qua bài sát hạch tiến qua đường gồ ghề và điều khiển xe đến vị trí kết thúc.

2.2. Yêu cầu đạt được của thí sinh

2.2.1. Đi đúng trình tự bài sát hạch;

2.2.2. Bánh xe không được đè lên vạch giới hạn hình sát hạch;

2.2.3. Bánh xe không được đè lên vạch cản;

2.2.4. Hoàn thành các bài sát hạch trong thời gian 10 phút;

2.2.5. Xe không được chết máy trong quá trình thực hiện sát hạch.

2.3. Các lỗi bị trừ điểm hoặc bị đình chỉ sát hạch

2.3.1. Các lỗi bị trừ điểm:

2.3.1.1. Bánh xe đè vào vạch giới hạn hình sát hạch, mỗi lần bị trừ 05 điểm;

2.3.1.2. Bánh xe đè vào vạch cản của hình sát hạch, mỗi lần bị trừ 05 điểm;

2.3.1.3. Chạm chân xuống đất trong quá trình sát hạch, mỗi lần bị trừ 05 điểm;

2.3.1.4. Xe bị chết máy, mỗi lần bị trừ 05 điểm;

2.3.1.5. Thời gian thực hiện các bài sát hạch quá 10 phút, cứ quá 01 phút bị trừ 05 điểm.

2.3.2. Các lỗi bị đình chỉ sát hạch:

2.3.2.1. Đi không đúng trình tự bài sát hạch;

2.3.2.2. Hai bánh xe của xe sát hạch ra ngoài hình sát hạch;

2.3.2.3. Xe sát hạch bị đổ trong quá trình sát hạch;

2.3.2.4. Không hoàn thành bài sát hạch.

3. Công nhận kết quả:

- Thang điểm: 100 điểm;

- Điểm đạt: Từ 80 điểm trở lên.

Sát hạch viên ghi điểm, nhận xét và ký xác nhận và yêu cầu thí sinh ký xác nhận vào biên bản sát hạch thực hành lái xe trong hình được in ra và phần kết quả sát hạch kỹ năng lái xe trong hình trong biên bản tổng hợp kết quả sát hạch của thí sinh.

C. CÁC BIỂU MẪU LIÊN QUAN ĐẾN QUY TRÌNH SÁT HẠCH LÁI XE MÔ TÔ CÁC HẠNG A1 VÀ A

Mẫu số 01	**Biên bản sát hạch lý thuyết các hạng A1 và A**
Mẫu số 02	**Mẫu số 02. Biên bản sát hạch thực hành lái xe trong hình các hạng A1 và A**

Mẫu số 01. Biên bản sát hạch lý thuyết các hạng A1 và A

SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI…
TỔ SÁT HẠCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN SÁT HẠCH LÝ THUYẾT

Họ và tên:
Ngày sinh:
Số CCCD:
Hạng:
Số báo danh:

Khóa sát hạch:
Ngày sát hạch:
Thời điểm bắt đầu:
Thời điểm kết thúc:
Lần thi:

Ảnh chân dung

Câu hỏi		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Trả lời	1												
	2												
	3												
	4												

Câu hỏi		13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25
Trả lời	1													
	2													
	3													
	4													

Kết luận:

Số điểm đạt được: …

Đạt ☐ **Không đạt** ☐

Sát hạch viên ký xác nhận **Học viên ký xác nhận kết quả**

Mẫu số 02. Biên bản sát hạch thực hành lái xe trong hình các hạng A1 và A

SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI…
TỔ SÁT HẠCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN SÁT HẠCH THỰC HÀNH LÁI XE TRONG HÌNH

Họ và tên:	Khóa sát hạch:	Hạng:
Ngày sinh:	Ngày sát hạch:	Số báo danh:
Số CCCD:	Thời điểm bắt đầu:	Số xe sát hạch:
Lần thi:	Thời điểm kết thúc:	Tổng thời gian sát hạch:

Ảnh chân dung	Ảnh chụp ngẫu nhiên số 01	Ảnh chụp ngẫu nhiên số 02	Ảnh chụp ngẫu nhiên số 03

STT	Bài thi	Thời điểm		Chi tiết lỗi	Điểm trừ
		Vào bài	Ra bài		
1	Đi qua hình số 8				
2	Đi qua vạch đường thẳng				
3	Đi qua đường có vạch cản				
4	Đi qua đường gồ ghề				
5	Các lỗi khác				

Kết luận:

Số điểm đạt được: …

Đạt ☐ **Không đạt** ☐

Sát hạch viên ký xác nhận **Học viên ký xác nhận kết quả**

Ghi chú: Nội dung chi tiết lỗi và điểm trừ theo quy định tại điểm 2.3 mục II Phần B Phụ lục này. Mục chi tiết lỗi thể hiện thời điểm phát sinh lỗi tương ứng với mỗi lỗi.

Phụ lục XIV

QUY TRÌNH SÁT HẠCH LÁI XE HẠNG B1

(Ban hành kèm theo Thông tư số 35/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

QUY TRÌNH SÁT HẠCH LÁI XE HẠNG B1

A. SÁT HẠCH LÝ THUYẾT

I. Đối với sát hạch viên: Mỗi khu vực sát hạch có tối thiểu 02 sát hạch viên làm nhiệm vụ; trong đó, 01 sát hạch viên làm việc tại phòng sát hạch lý thuyết và 01 sát hạch viên làm nhiệm vụ tại khu vực kiểm tra nhận dạng.

1. Tiếp nhận danh sách, hồ sơ thí sinh dự sát hạch; tiếp nhận, kiểm tra và điều hành hệ thống máy tính, máy in tại phòng sát hạch lý thuyết.

2. Gọi thí sinh theo danh sách; yêu cầu thí sinh ký và ghi rõ họ tên vào phần thông tin thí sinh của biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe của học viên; kiểm tra nhận dạng, đối chiếu căn cước công dân hoặc căn cước hoặc hộ chiếu và giấy phép lái xe; ký xác nhận tại phần kết quả sát hạch lý thuyết trong biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lý thuyết của thí sinh; sắp xếp máy tính cho thí sinh.

3. Kiểm tra, đối chiếu tên, ảnh của thí sinh trên màn hình máy tính với số báo danh, danh sách sát hạch, hồ sơ thí sinh và phát lệnh bắt đầu sát hạch.

4. Yêu cầu thí sinh thực hiện nghiêm túc nội quy, quy chế sát hạch. Giám sát quá trình sát hạch: Không để người không có nhiệm vụ vào phòng sát hạch lý thuyết; không để thí sinh mang điện thoại di động, thiết bị viễn thông liên lạc bằng hình ảnh, âm thanh vào phòng sát hạch lý thuyết; không để thí sinh trao đổi, sử dụng tài liệu. Lập biên bản xử lý thí sinh vi phạm và báo cáo Tổ trưởng sát hạch trong trường hợp thí sinh cố tình vi phạm.

5. Theo dõi, kiểm tra hoạt động của hệ thống máy tính; Trường hợp hư hỏng hoặc lỗi kỹ thuật thì yêu cầu kỹ thuật viên của trung tâm sát hạch vào kiểm tra, xử lý.

II. Đối với người dự sát hạch

1. Tiếp nhận máy tính: Nhập số báo danh dự sát hạch.

2. Thực hiện nội dung sát hạch

2.1. Thời gian làm bài: 19 phút.

2.2. Đề thi được thiết kế gồm 25 câu hỏi trắc nghiệm, trong đó: Có 24 câu hỏi được tính 01 điểm mỗi câu và có 01 câu nếu lựa chọn đáp án sai được tính là điểm liệt; mỗi câu có từ 02 đến 04 ý trả lời, thí sinh đọc đề bài và lựa chọn ra đáp án đúng nhất. Trường hợp bị điểm liệt trong bài thi thì không đạt nội dung sát hạch Lý thuyết.

2.3. Khi hoàn thành bài sát hạch hoặc hết thời gian làm bài theo quy định tại điểm 2.1 khoản này, tất cả các câu trả lời của thí sinh (kể cả các câu hỏi chưa trả lời hết) được máy tính tự động chấm điểm và lưu lại trong máy chủ.

3. Công nhận kết quả:

3.1. Điểm đạt yêu cầu đối với hạng B1: Từ 23/25 điểm trở lên.

3.2. Thí sinh ký xác nhận vào biên bản sát hạch lý thuyết được in ra và phần kết quả sát hạch lý thuyết tại biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe của thí sinh.

3.3. Sát hạch viên ký xác nhận vào biên bản sát hạch lý thuyết được in ra và ghi điểm, nhận xét, ký xác nhận phần kết quả sát hạch lý thuyết tại biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe của thí sinh.

B. SÁT HẠCH THỰC HÀNH

I. Đối với sát hạch viên: Mỗi khu vực sát hạch có tối thiểu 02 sát hạch viên làm nhiệm vụ; trong đó, có 01 sát hạch viên làm nhiệm vụ tiếp nhận và sắp xếp xe cho thí sinh và 01 sát hạch viên làm việc tại khu vực kiểm tra nhận dạng.

1. Tiếp nhận hồ sơ thí sinh dự sát hạch, gọi thí sinh, sắp xếp xe sát hạch cho thí sinh và phát lệnh sát hạch.

2. Kiểm tra nhận dạng, đối chiếu căn cước công dân hoặc căn cước hoặc hộ chiếu với thí sinh và tên thí sinh kê khai trong biên bản sát hạch thực hành lái xe; ký tên vào biên bản tổng hợp kết quả sát hạch.

3. Phát lệnh sát hạch và theo dõi quá trình thực hiện bài sát hạch của thí sinh, phân tích và chấm điểm độc lập các lỗi vi phạm của thí sinh tại các bài sát hạch theo quy trình.

4. Theo dõi quá trình sát hạch, không để thí sinh mang điện thoại di động, thiết bị viễn thông lên xe sát hạch; không để người không có nhiệm vụ vào sân sát hạch và báo cáo Tổ trưởng sát hạch trường hợp thí sinh cố tình mang điện thoại di động, thiết bị viễn thông lên xe sát hạch.

5. Theo dõi tình trạng kỹ thuật của xe sát hạch để kịp thời phát hiện các trường hợp không bảo đảm các điều kiện an toàn kỹ thuật.

II. Đối với người dự sát hạch

1. Tiếp nhận xe sát hạch được giao.

2. Thí sinh thực hiện bài sát hạch

2.1. Trình tự và các bước thực hiện:

2.1.1. Thí sinh dừng xe trước vạch xuất phát, chờ hiệu lệnh của sát hạch viên;

2.1.2. Khi có hiệu lệnh xuất phát, điều khiển xe tiến qua hình chữ chi cho đến khi bánh xe sau của xe qua vạch kết thúc của hình sát hạch 01m thì dừng lại;

2.1.3. Lùi xe theo hướng ngược lại cho đến khi bánh xe trước của xe qua vạch bắt đầu của hình sát hạch.

2.2. Yêu cầu đạt được của thí sinh

2.2.1. Đi đúng trình tự bài sát hạch;

2.2.2. Bánh xe không được đè lên vạch giới hạn hình sát hạch;

2.2.3. Xe không được chết máy trong quá trình sát hạch;

2.2.4. Hoàn thành bài sát hạch trong thời gian 10 phút;

2.2.5. Tốc độ xe chạy không quá 20 km/h.

2.3. Các lỗi bị trừ điểm hoặc bị đình chỉ sát hạch

2.3.1. Các lỗi bị trừ điểm:

2.3.1.1. Bánh xe đè vào vạch giới hạn hình sát hạch, mỗi lần bị trừ 10 điểm;

2.3.1.2. Điều khiển xe bị rung giật mạnh, mỗi lần bị trừ 05 điểm;

2.3.1.3. Xe bị chết máy, mỗi lần bị trừ 05 điểm ;

2.3.1.4. Thời gian thực hiện bài sát hạch quá 10 phút, cứ quá 01 phút bị trừ 05 điểm.

2.3.1.3. Xe bị chết máy, mỗi lần bị trừ 10 điểm;

2.3.2. Các lỗi bị đình chỉ sát hạch :

2.3.2.1. Đi không đúng trình tự bài sát hạch;

2.3.2.2. Bánh xe đi ra ngoài vạch giới hạn hình sát hạch;

2.3.2.3. Xử lý tình huống không hợp lý gây tai nạn;

2.3.2.4. Không hoàn thành bài sát hạch;

III. Công nhận kết quả:

1. Thang điểm: 100 điểm.

2. Điểm đạt: Từ 80 điểm trở lên.

4. Hai sát hạch viên chấm điểm độc lập, thống nhất kết quả, ghi điểm, nhận xét, ký tên và yêu cầu thí sinh ký xác nhận vào biên bản tổng hợp kết quả sát hạch và biên bản sát hạch lý thuyết và thực hành lái xe trong hình của thí sinh theo Mẫu số 01 và Mẫu số 02 Phụ lục này).

C. CÁC BIỂU MẪU LIÊN QUAN ĐẾN QUY TRÌNH SÁT HẠCH LÁI XE HẠNG B1

Mẫu số 01	**Biên bản sát hạch lý thuyết hạng B1**
Mẫu số 02	**Biên bản sát hạch thực hành lái xe trong hình hạng B1**

Mẫu số 01. Biên bản sát hạch lý thuyết hạng B1

SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI…
HỘI ĐỒNG SÁT HẠCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN SÁT HẠCH LÝ THUYẾT

Họ và tên:
Ngày sinh:
Số CCCD:
Hạng:
Số báo danh:

Khóa sát hạch:
Ngày sát hạch:
Thời điểm bắt đầu:
Thời điểm kết thúc:
Lần thi:

Ảnh chân dung

Câu hỏi		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Trả lời	1												
	2												
	3												
	4												

Câu hỏi		13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25
Trả lời	1													
	2													
	3													
	4													

Kết luận:

Số điểm đạt được: …

Đạt ☐ **Không đạt** ☐

Sát hạch viên ký xác nhận **Học viên ký xác nhận kết quả**

Mẫu số 02. Biên bản sát hạch thực hành lái xe trong hình hạng B1

SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI…
HỘI ĐỒNG SÁT HẠCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN SÁT HẠCH THỰC HÀNH LÁI XE TRONG HÌNH

Họ và tên:
Ngày sinh:
Số CCCD:
Hạng:
Số báo danh:
Lần thi:

Khóa sát hạch:
Ngày sát hạch:
Số xe sát hạch:
Thời điểm bắt đầu:
Thời điểm kết thúc:
Tổng thời gian sát hạch:

Ảnh chân dung

Số TT	Các lỗi bị trừ điểm	Số lần mắc lỗi	Điểm trừ (tính cho 1 lần)	Tổng điểm trừ
1	Bánh xe đè vào vạch giới hạn hình sát hạch		10	
2	Điều khiển xe bị rung giật mạnh		05	
3	Xe bị chết máy		10	
5	Quá tổng thời gian thực hiện bài sát hạch		05	
6	Đi không đúng trình tự bài sát hạch		Đình chỉ sát hạch	
7	Bánh xe đi ra ngoài vạch giới hạn hình sát hạch		Đình chỉ sát hạch	
8	Xử lý tình huống không hợp lý gây tai nạn		Đình chỉ sát hạch	
9	Không hoàn thành bài sát hạch		Đình chỉ sát hạch	
Cộng				

Kết luận:
Số điểm đạt được: …

Đạt ☐ **Không đạt** ☐

Sát hạch viên ký xác nhận **Học viên ký xác nhận kết quả**

Phụ lục XV

QUY TRÌNH SÁT HẠCH LÁI XE CÁC HẠNG B, C1, C, D1, D2 VÀ D

(Ban hành kèm theo Thông tư số 35/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

QUY TRÌNH SÁT HẠCH LÁI XE CÁC HẠNG B, C1, C, D1, D2 VÀ D

A. SÁT HẠCH LÝ THUYẾT

I. Đối với sát hạch viên: Mỗi khu vực sát hạch có tối thiểu 02 sát hạch viên làm nhiệm vụ; trong đó, 01 sát hạch viên làm việc tại phòng sát hạch lý thuyết và 01 sát hạch viên làm nhiệm vụ tại khu vực kiểm tra nhận dạng.

1. Tiếp nhận danh sách, hồ sơ thí sinh dự sát hạch; tiếp nhận, kiểm tra và điều hành hệ thống máy tính, máy in tại phòng sát hạch lý thuyết.

2. Gọi thí sinh theo danh sách; yêu cầu thí sinh ký và ghi rõ họ tên vào phần thông tin thí sinh của biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe của học viên; kiểm tra nhận dạng, đối chiếu căn cước công dân hoặc căn cước hoặc hộ chiếu và giấy phép lái xe (đối với trường hợp được miễn sát hạch lý thuyết); ký xác nhận tại phần kết quả sát hạch lý thuyết trong biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lý thuyết của thí sinh; sắp xếp máy tính cho thí sinh.

3. Kiểm tra, đối chiếu tên, ảnh của thí sinh trên màn hình máy tính với số báo danh, danh sách sát hạch, hồ sơ thí sinh và phát lệnh bắt đầu sát hạch.

4. Yêu cầu thí sinh thực hiện nghiêm túc nội quy, quy chế sát hạch. Giám sát quá trình sát hạch: Không để người không có nhiệm vụ vào phòng sát hạch lý thuyết; không để thí sinh mang điện thoại di động, thiết bị viễn thông liên lạc bằng hình ảnh, âm thanh vào phòng sát hạch lý thuyết; không để thí sinh trao đổi, sử dụng tài liệu. Lập biên bản xử lý thí sinh vi phạm và báo cáo Tổ trưởng sát hạch trong trường hợp thí sinh cố tình vi phạm.

5. Theo dõi, kiểm tra hoạt động của hệ thống máy tính; trường hợp hư hỏng hoặc lỗi kỹ thuật thì yêu cầu kỹ thuật viên của trung tâm sát hạch vào kiểm tra, xử lý.

II. Đối với người dự sát hạch

1. Tiếp nhận máy tính: Nhập số báo danh dự sát hạch.

2. Thực hiện nội dung sát hạch

2.1. Đề sát hạch có số lượng câu hỏi và thời gian làm bài như sau:

Nội dung	Hạng B	Hạng C1	Hạng C	Hạng D1, D2, D
Số câu hỏi trắc nghiệm	30	35	40	45
Thời gian làm bài (phút)	20	22	24	26

2.2. Mỗi câu hỏi được tính 01 điểm và mỗi đề thi có 01 câu hỏi nếu lựa chọn đáp án sai được tính là điểm liệt; mỗi câu có từ 02 đến 04 ý trả lời, thí sinh đọc đề bài và lựa chọn ra đáp án đúng nhất. Trường hợp bị điểm liệt trong bài thi thì không đạt nội dung sát hạch Lý thuyết.

2.3. Khi hoàn thành bài sát hạch hoặc hết thời gian làm bài theo quy định tại điểm 2.1 khoản này, tất cả các câu trả lời của thí sinh (kể cả các câu hỏi chưa trả lời hết) được máy tính tự động chấm điểm và lưu lại trong máy chủ.

3. Công nhận kết quả:

Nội dung	Hạng B	Hạng C1	Hạng C	Hạng D1, D2, D
Thang điểm	30	35	40	45
Điểm đạt tối thiểu	27	32	36	41

3.1. Thí sinh ký xác nhận vào biên bản sát hạch lý thuyết được in ra và phần kết quả sát hạch lý thuyết tại biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe của thí sinh.

3.2. Sát hạch viên ký xác nhận vào biên bản sát hạch lý thuyết được in ra và ghi điểm, nhận xét, ký xác nhận phần kết quả sát hạch lý thuyết tại biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe của thí sinh.

B. SÁT HẠCH MÔ PHỎNG CÁC TÌNH HUỐNG GIAO THÔNG TRÊN MÁY TÍNH

I. Đối với sát hạch viên: Mỗi khu vực sát hạch mô phỏng các tình huống giao thông có tối thiểu 02 sát hạch viên làm nhiệm vụ; trong đó, 01 sát hạch viên làm việc tại phòng sát hạch mô phỏng các tình huống giao thông trên máy tính và 01 sát hạch viên làm nhiệm vụ tại khu vực kiểm tra nhận dạng.

1. Tiếp nhận danh sách, hồ sơ thí sinh dự sát hạch; tiếp nhận và điều hành hệ thống máy tính, máy in tại phòng sát hạch mô phỏng các tình huống giao thông.

2. Gọi thí sinh theo danh sách; kiểm tra nhận dạng, đối chiếu căn cước công dân hoặc căn cước hoặc hộ chiếu và giấy phép lái xe (đối với trường hợp nâng hạng, sát hạch để cấp lại giấy phép lái xe), ký xác nhận vào biên bản tổng hợp kết quả sát hạch của thí sinh, sắp xếp máy tính cho thí sinh.

3. Kiểm tra, đối chiếu tên, ảnh của thí sinh trên màn hình máy tính với số báo danh, danh sách sát hạch, hồ sơ thí sinh và phát lệnh bắt đầu sát hạch.

4. Yêu cầu thí sinh thực hiện nghiêm túc nội quy, quy chế sát hạch. Giám sát quá trình sát hạch: Không để người không có nhiệm vụ vào phòng sát hạch lý thuyết; không để thí sinh mang điện thoại di động, thiết bị viễn thông liên lạc bằng hình ảnh, âm thanh vào phòng sát hạch lý thuyết; không để thí sinh trao đổi, sử

dụng tài liệu. Lập biên bản xử lý thí sinh vi phạm và báo cáo Tổ trưởng sát hạch trong trường hợp thí sinh cố tình vi phạm.

5. Theo dõi, kiểm tra hoạt động của hệ thống máy tính; trường hợp hư hỏng hoặc lỗi kỹ thuật thì yêu cầu kỹ thuật viên của trung tâm sát hạch vào kiểm tra, xử lý theo quy định.

II. Đối với người dự sát hạch

1. Tiếp nhận máy tính: Nhập số báo danh dự sát hạch.

2. Thực hiện nội dung sát hạch

2.1. Thời gian làm bài sát hạch: không quá 10 phút.

2.2. Đề thi được thiết kế dưới dạng 10 câu hỏi mô phỏng các tình huống giao thông; mỗi câu hỏi trong đề sát hạch mô phỏng các tình huống giao thông chứa 01 tình huống tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn giao thông. Mỗi câu hỏi có số điểm tối đa là 5 điểm và số điểm tối thiểu là 0 điểm.

2.3. Số điểm đạt được của học viên tương ứng với thời điểm học viên nhận biết và xác định tình huống tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn giao thông thông qua việc tương tác với máy tính có cài đặt phần mềm sát hạch mô phỏng. Điểm tối đa khi học viên nhận biết và tương tác với máy tính đúng thời điểm xuất hiện tình huống mất an toàn giao thông; điểm tối thiểu khi học viên nhận biết và tương tác với máy tính trước khi xuất hiện tình huống mất an toàn giao thông hoặc không tương tác hoặc tương tác từ thời điểm xảy ra tình huống mất an toàn giao thông.

2.4. Các tình huống mô phỏng được chạy liên tiếp tự động, thí sinh không được lựa chọn lại đáp án cho các câu hỏi đã trả lời hoặc chưa trả lời. Khi hoàn thành bài sát hạch mô phỏng hoặc hết thời gian của câu hỏi cuối cùng, toàn bộ các câu trả lời của thí sinh (kể cả các câu hỏi chưa trả lời hết) được máy tự động chấm điểm, in ra và lưu trữ tại máy chủ.

III. Công nhận kết quả

1. Điểm đạt yêu cầu

Nội dung	Hạng B, C1, C, D1, D2, D
Thang điểm	50
Điểm đạt tối thiểu	35

2. Thí sinh ký xác nhận vào bài thi sát hạch mô phỏng các tình huống giao thông trên máy tính được in ra và phần kết quả sát hạch mô phỏng các tình huống giao thông trên máy tính tại biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe của thí sinh.

3. Sát hạch viên ký xác nhận vào bài thi sát hạch mô phỏng các tình huống giao thông trên máy tính được in ra và ghi điểm, nhận xét, ký xác nhận vào phần kết quả sát hạch mô phỏng các tình huống giao thông trên máy tính tại biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe của thí sinh.

C. SÁT HẠCH THỰC HÀNH

I. Sát hạch thực hành lái xe trong hình

1. Đối với sát hạch viên: Mỗi khu vực sát hạch có tối thiểu 02 sát hạch viên làm nhiệm vụ; trong đó, có 01 sát hạch viên làm nhiệm vụ tại phòng điều hành thiết bị chấm điểm thực hành lái xe trong hình và 01 sát hạch viên làm việc tại khu vực kiểm tra nhận dạng.

1.1. Tiếp nhận danh sách, hồ sơ thí sinh dự sát hạch, phần mềm điều hành và quản lý sát hạch.

1.2. Kiểm tra nhận dạng, đối chiếu căn cước công dân hoặc căn cước hoặc hộ chiếu với thí sinh và tên thí sinh kê khai trong biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe của thí sinh; ký xác nhận vào biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe của thí sinh; theo dõi, giám sát thí sinh tiếp nhận xe sát hạch được giao.

1.3. Điều hành thiết bị chấm điểm tự động, gọi thí sinh, sắp xếp xe sát hạch cho thí sinh, phát lệnh sát hạch. Trường hợp giao nhân viên kỹ thuật của Trung tâm điều hành thì phải giám sát.

1.4. Theo dõi quá trình sát hạch, không để thí sinh mang điện thoại di động, thiết bị viễn thông lên xe sát hạch; không để người không có nhiệm vụ ngồi trên xe sát hạch hoặc vào sân sát hạch và báo cáo Tổ trưởng sát hạch các trường hợp:

1.4.1. Thí sinh cố tình sử dụng điện thoại và thiết bị viễn thông khi thực hiện phần thi sát hạch thực hành lái xe trong hình;

1.4.2. Lỗi kỹ thuật của thiết bị chấm điểm tự động (nếu có);

1.4.3. Phát hiện người thực hiện phần thi sát hạch không phù hợp với thông tin thí sinh trong bài thi sát hạch thực hành lái xe trong hình được in ra;

1.4.4. Đình chỉ sát hạch của thí sinh khi: Lái xe lên vỉa hè, gây tai nạn trong quá trình sát hạch, không thực hiện đúng trình tự các bài sát hạch.

1.5. Theo dõi tình trạng kỹ thuật của xe sát hạch để kịp thời phát hiện các trường hợp không bảo đảm các điều kiện an toàn kỹ thuật.

2. Đối với người dự sát hạch

2.1. Tiếp nhận xe sát hạch

2.2. Thực hiện bài sát hạch thực hành lái xe trong hình

2.2.1 Trình tự thực hiện và yêu cầu chung

a) Đối với thí sinh dự sát hạch lái xe hạng B chuyển số tự động (bao gồm cả xe ô tô điện), B số cơ khí: Thực hiện liên hoàn 11 bài sát hạch lái xe trong hình gồm:

- Bài sát hạch số 1: Xuất phát;
- Bài sát hạch số 2: Dừng xe nhường đường cho người đi bộ;
- Bài sát hạch số 3: Dừng và khởi hành xe ngang dốc;
- Bài sát hạch số 4: Qua vệt bánh xe và đường vòng vuông góc;
- Bài sát hạch số 5: Qua ngã tư có tín hiệu điều khiển giao thông;
- Bài sát hạch số 6: Qua đường vòng quanh co;
- Bài sát hạch số 7: Ghép xe dọc vào nơi đỗ;
- Bài sát hạch số 8: Ghép xe ngang vào nơi đỗ;
- Bài sát hạch số 9: Tạm dừng ở chỗ có đường sắt chạy qua;
- Bài sát hạch số 10: Thay đổi số trên đường bằng;
- Bài sát hạch số 11: Kết thúc.

Từ bài sát hạch số 2 đến bài sát hạch số 10 thực hiện theo thứ tự phù hợp phương án bố trí mặt bằng tổng thể thực tế của Trung tâm sát hạch lái xe đã được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận.

b) Đối với thí sinh dự sát hạch lái xe hạng C1, C, D1, D2 và D: thực hiện liên hoàn 10 bài sát hạch lái xe trong hình gồm:

- Bài sát hạch số 1: Xuất phát;
- Bài sát hạch số 2: Dừng xe nhường đường cho người đi bộ;
- Bài sát hạch số 3: Dừng và khởi hành xe ngang dốc;
- Bài sát hạch số 4: Qua vệt bánh xe và đường vòng vuông góc;
- Bài sát hạch số 5: Qua ngã tư có tín hiệu điều khiển giao thông;
- Bài sát hạch số 6: Qua đường vòng quanh co;
- Bài sát hạch số 7: Ghép xe vào nơi đỗ (ghép dọc đối với hạng C1 và ghép ngang đối với hạng C, D2 và D);
- Bài sát hạch số 8: Tạm dừng ở chỗ có đường sắt chạy qua;
- Bài sát hạch số 9: Thay đổi số trên đường bằng;
- Bài sát hạch số 10: Kết thúc.

Từ bài sát hạch số 2 đến bài sát hạch số 9 thực hiện theo thứ tự phù hợp phương án bố trí mặt bằng tổng thể thực tế của Trung tâm sát hạch lái xe đã được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận.

c) Trong quá trình sát hạch, thí sinh phải thực hiện đúng trình tự; chấp hành quy tắc giao thông đường bộ; giữ động cơ hoạt động liên tục; tốc độ động cơ không quá 4000 vòng/phút; tốc độ xe chạy (trừ bài thay đổi số trên đường bằng) không quá 20 km/h đối với xe hạng C1, C, D, không quá 24 km/h đối với xe hạng B, D; nếu không thực hiện được sẽ bị trừ điểm như quy định tại các bài sát hạch;

d) Trong sân sát hạch, ngoài khu vực các bài sát hạch, thí sinh sẽ gặp tình huống nguy hiểm; tình huống này xuất hiện ngẫu nhiên, bất ngờ. Kể từ khi có tín hiệu báo tình huống nguy hiểm (tiếng loa báo tín hiệu nguy hiểm và đèn đỏ trên xe bật sáng), nếu không phanh dừng xe trong thời gian 3 giây bị trừ 10 điểm; nếu không ấn nút để bật tín hiệu nguy hiểm trên xe trong thời gian 5 giây bị trừ 10 điểm; khi hết tín hiệu báo tình huống nguy hiểm, nếu không ấn nút tắt tín hiệu nguy hiểm trên xe trước khi đi tiếp bị trừ 10 điểm; nếu không thực hiện được các thao tác trên bị trừ 10 điểm.

đ) Thời gian thực hiện sát hạch thực hành lái xe trong hình: 18 phút đối với hạng B; 15 phút đối với các hạng D1, D2; 20 phút đối với các hạng C1, C và D.

2.2.2 Yêu cầu đối với các bài sát hạch lái xe trong hình

a) Bài sát hạch số 1: Xuất phát

Các bước thực hiện	**Yêu cầu đạt được**	**Các lỗi bị trừ điểm**
1. Thí sinh thắt dây an toàn, dừng xe trước vạch xuất phát, chờ hiệu lệnh; 2. Khi có lệnh xuất phát (đèn xanh trên xe bật sáng, tiếng loa trên xe báo lệnh xuất phát), bật đèn xi nhan trái, lái xe xuất phát; 3. Tắt xi nhan trái ở khoảng cách 5 mét sau vạch xuất phát (đèn xanh trên xe tắt); 4. Lái xe đến bài sát hạch tiếp theo.	1. Thắt dây an toàn trước khi xuất phát; 2. Khởi hành nhẹ nhàng, không bị rung giật, trong khoảng thời gian 20 giây; 3. Bật đèn xi nhan trái trước khi xuất phát; 4. Tắt đèn xi nhan trái ở khoảng cách 5 mét sau vạch xuất phát (đèn xanh trên xe tắt); 5. Giữ động cơ hoạt động liên tục;	1. Không thắt dây an toàn, bị trừ 05 điểm; 2. Không bật đèn xi nhan trái khi xuất phát, bị trừ 05 điểm; 3. Không tắt đèn xi nhan trái ở khoảng cách 05 mét sau vạch xuất phát (đèn xanh trên xe tắt), bị trừ 05 điểm; 4. Không bật và tắt đèn xi nhan trái kịp thời bị trừ 05 điểm; 5. Quá 20 giây kể từ khi có lệnh xuất phát (đèn xanh trên xe bật sáng) không đi qua vạch xuất phát, bị trừ 05 điểm; 6. Quá 30 giây kể từ khi có lệnh xuất phát (đèn xanh trên xe bật sáng) không đi qua vạch xuất phát, bị đình chỉ sát hạch.

Các bước thực hiện	Yêu cầu đạt được	Các lỗi bị trừ điểm
	6. Giữ tốc độ động cơ không quá 4000 vòng/phút; 7. Lái xe theo quy tắc giao thông đường bộ. 8. Tốc độ xe chạy không quá: - 24 km/h đối với hạng B, D1, D2 - 20 km/h đối với hạng C1, C, D	7. Lái xe lên vỉa hè bị đình chỉ sát hạch; 8. Xử lý tình huống không hợp lý gây tai nạn, bị đình chỉ sát hạch; 9. Lái xe bị chết máy, mỗi lần bị trừ 05 điểm; 10. Để tốc độ động cơ quá 4000 vòng/phút, mỗi lần bị trừ 05 điểm; 11. Lái xe quá tốc độ quy định, cứ 3 giây bị trừ 01 điểm.

b) Bài sát hạch: Dừng xe nhường đường cho người đi bộ

Các bước thực hiện	Yêu cầu đạt được	Các lỗi bị trừ điểm
1. Dừng xe để khoảng cách từ hình chiếu thanh cản phía trước của xe xuống mặt đường đến vạch dừng (khoảng cách A) không quá 500mm; 2. Lái xe đến bài sát hạch tiếp theo.	1. Dừng xe cách vạch dừng quy định không quá 500mm; 2. Giữ động cơ hoạt động liên tục; 3. Giữ tốc độ động cơ không quá 4000 vòng/phút; 4. Lái xe theo quy tắc giao thông đường bộ. 5. Tốc độ xe chạy không quá: - 24 km/h đối với hạng B, D1, D2 - 20 km/h đối với hạng C1, C, D	1. Không dừng xe ở vạch dừng quy định, bị trừ 05 điểm; 2. Dừng xe chưa đến vạch dừng quy định, bị trừ 05 điểm; 3. Dừng xe quá vạch dừng quy định, bị trừ 05 điểm. 4. Lái xe lên vỉa hè bị đình chỉ sát hạch; 5. Xử lý tình huống không hợp lý gây tai nạn, bị đình chỉ sát hạch; 6. Lái xe bị chết máy, mỗi lần bị trừ 05 điểm; 7. Để tốc độ động cơ quá 4000 vòng/phút, mỗi lần bị trừ 5 điểm; 8. Lái xe quá tốc độ quy định, cứ 3 giây bị trừ 01 điểm. 9. Tổng thời gian đến bài sát hạch đang thực hiện quá quy định, cứ 03 giây bị trừ 01 điểm;

c) Bài sát hạch: Dừng và khởi hành xe ngang dốc

Các bước thực hiện	Yêu cầu đạt được	Các lỗi bị trừ điểm
1. Dừng xe để khoảng cách từ hình chiếu thanh cản phía trước của xe xuống mặt đường đến vạch dừng (khoảng cách A) không quá 500mm; 2. Khởi hành lên dốc nhẹ nhàng, không bị tụt dốc, bảo đảm thời gian quy định; 3. Lái xe đến bài sát hạch tiếp theo.	1. Dừng xe cách vạch dừng quy định không quá 500mm; 2. Khởi hành xe êm dịu, không bị tụt dốc quá 500mm; 3. Xe qua vị trí dừng trong khoảng thời gian 30 giây; 4. Giữ động cơ hoạt động liên tục; 5. Giữ tốc độ động cơ không quá 4000 vòng/phút; 6. Lái xe theo quy tắc giao thông đường bộ; 7. Tốc độ xe chạy không quá: - 24 km/h đối với hạng B, D1, D2 - 20 km/h đối với hạng C1, C, D	1. Không dừng xe ở vạch dừng quy định, bị đình chỉ sát hạch; 2. Dừng xe chưa đến vạch dừng quy định, bị trừ 05 điểm; 3. Dừng xe quá vạch dừng quy định, bị đình chỉ sát hạch; 4. Quá thời gian 30 giây kể từ khi dừng xe không khởi hành xe qua vạch dừng, bị đình chỉ sát hạch; 5. Xe bị tụt dốc quá 500 mm kể từ khi dừng xe, bị đình chỉ sát hạch; 6. Xử lý tình huống không hợp lý gây tai nạn, đình chỉ sát hạch; 7. Xe bị chết máy, mỗi lần bị trừ 05 điểm; 8. Để tốc độ động cơ quá 4000 vòng/phút, mỗi lần bị trừ 05 điểm; 9. Lái xe quá tốc độ quy định, cứ 03 giây bị trừ 01 điểm. 10. Tổng thời gian đến bài sát hạch đang thực hiện quá quy định, cứ 03 giây bị trừ 1 điểm.

d) Bài sát hạch: Qua vệt bánh xe và đường vòng vuông góc

Các bước thực hiện	Yêu cầu đạt được	Các lỗi bị trừ điểm
1. Lái xe để bánh xe trước và bánh xe sau bên lái phụ qua vùng giới hạn của hình vệt bánh xe; 2. Lái xe qua đường vòng vuông góc trong vùng giới hạn của hình sát hạch trong thời gian 2 phút; 3. Lái xe qua vạch kết thúc bài sát hạch và đến bài sát hạch tiếp theo.	1. Đi đúng hình quy định của hạng xe sát hạch; 2. Bánh xe trước và bánh xe sau bên lái phụ qua vùng giới hạn của hình vệt bánh xe; 3. Bánh xe không đè vào vạch giới hạn hình sát hạch; 4. Hoàn thành bài sát hạch trong thời gian 02 phút. 5. Giữ động cơ hoạt động liên tục; 6. Giữ tốc độ động cơ không quá 4000 vòng/phút; 7. Tốc độ xe chạy không quá: - 24 km/h đối với hạng B, D1, D2 - 20 km/h đối với hạng C1, C, D	1. Đi không đúng hình của hạng xe sát hạch, bị đình chỉ sát hạch; 2. Bánh xe trước và bánh xe sau bên lái phụ không qua vùng giới hạn của hình vệt bánh xe, bị đình chỉ sát hạch; 3. Bánh xe đè vào vạch giới hạn hình sát hạch, mỗi lần bị trừ 05 điểm; 4. Bánh xe đè vào vạch giới hạn hình sát hạch, cứ quá 05 giây, bị trừ 05 điểm; 5. Thời gian thực hiện bài sát hạch, cứ quá 02 phút, bị trừ 05 điểm. 6. Lái xe lên vỉa hè bị đình chỉ sát hạch; 7. Xử lý tình huống không hợp lý gây tai nạn, bị đình chỉ sát hạch; 8. Xe bị chết máy, mỗi lần bị trừ 05 điểm; 9. Để tốc độ động cơ quá 4000 vòng/phút, mỗi lần bị trừ 05 điểm; 10. Xe quá tốc độ quy định, cứ 03 giây bị trừ 01 điểm. 11. Tổng thời gian đến bài sát hạch đang thực hiện quá quy định, cứ 03 giây bị trừ 01 điểm.

đ) Bài sát hạch: Qua ngã tư có tín hiệu điều khiển giao thông

Các bước thực hiện	Yêu cầu đạt được	Các lỗi bị trừ điểm
1. Chấp hành theo tín hiệu đèn điều khiển giao thông: - Đèn tín hiệu màu đỏ phải dừng lại; - Đèn tín hiệu màu xanh hoặc vàng được phép đi. 2. Dừng xe để khoảng cách từ hình chiếu thanh cản phía trước của xe xuống mặt đường đến vạch dừng (khoảng cách A) không quá 500mm; 3. Bật đèn xi nhan trái khi qua ngã tư rẽ trái; 4. Bật đèn xi nhan phải khi qua ngã tư rẽ phải; 5. Lái xe qua ngã tư trong thời gian quy định; 6. Lái xe qua ngã tư không vi phạm vạch kẻ đường; 7. Lái xe đến bài sát hạch tiếp theo.	1. Chấp hành theo tín hiệu đèn điều khiển giao thông; 2. Dừng xe cách vạch dừng quy định không quá 500mm; 3. Bật đèn xi nhan trái khi rẽ trái; 4. Bật đèn xi nhan phải khi rẽ phải 5. Xe qua ngã tư trong thời thời gian 20 giây; 6. Lái xe qua ngã tư không vi phạm quy tắc giao thông đường bộ; 7. Giữ động cơ hoạt động liên tục; 8. Giữ tốc độ động cơ không quá 4000 vòng/phút; 9. Tốc độ xe chạy không quá: - 24 km/h đối với hạng B, D1, D2 - 20 km/h đối với hạng C1, C, D	1. Vi phạm tín hiệu đèn điều khiển giao thông (đi qua ngã tư khi đèn tín hiệu màu đỏ), bị trừ 10 điểm; 2. Dừng xe quá vạch dừng quy định, bị trừ 05 điểm; 3. Dừng xe chưa đến vạch dừng quy định, bị trừ 05 điểm; 4. Không bật đèn xi nhan khi rẽ trái hoặc rẽ phải, bị trừ 05 điểm; 5. Quá 20 giây từ khi đèn tín hiệu màu xanh bật sáng không lái xe qua được vạch kết thúc ngã tư, bị trừ 05 điểm; 6. Quá 30 giây từ khi đèn tín hiệu màu xanh bật sáng không lái xe qua được vạch kết thúc ngã tư, bị đình chỉ sát hạch; 7. Lái xe vi phạm vạch kẻ đường để thiết bị báo không thực hiện đúng trình tự bài thi, bị đình chỉ sát hạch. 8. Lái xe lên vỉa hè bị đình chỉ sát hạch; 9. Xử lý tình huống không hợp lý gây tai nạn, bị đình chỉ sát hạch; 10. Xe bị chết máy, mỗi lần bị trừ 05 điểm;

Các bước thực hiện	Yêu cầu đạt được	Các lỗi bị trừ điểm
		11. Để tốc độ động cơ quá 4000 vòng/phút, mỗi lần bị trừ 05 điểm; 12. Xe quá tốc độ quy định, cứ 03 giây bị trừ 01 điểm. 13. Tổng thời gian đến bài sát hạch đang thực hiện quá quy định, cứ 03 giây bị trừ 01 điểm.

e) Bài sát hạch: Qua đường vòng quanh co

Các bước thực hiện	Yêu cầu đạt được	Các lỗi bị trừ điểm
1. Lái xe qua đường vòng quanh co trong vùng giới hạn của hình sát hạch trong thời gian 2 phút; 2. Lái xe qua vạch kết thúc bài sát hạch và đến bài sát hạch tiếp theo.	1. Đi đúng hình quy định của hạng xe sát hạch; 2. Bánh xe không đè vào vạch giới hạn hình sát hạch; 3. Hoàn thành bài sát hạch trong thời gian 02 phút. 4. Giữ động cơ hoạt động liên tục; 5. Giữ tốc độ động cơ không quá 4000 vòng/phút; 6. Tốc độ xe chạy không quá: - 24 km/h đối với hạng B, D1, D2 - 20 km/h đối với hạng C1, C, D	1. Đi không đúng hình của hạng xe sát hạch, bị đình chỉ sát hạch; 2. Bánh xe đè vào vạch giới hạn hình sát hạch, mỗi lần bị trừ 05 điểm; 3. Bánh xe đè vào vạch giới hạn hình sát hạch, cứ quá 05 giây bị trừ 05 điểm; 4. Thời gian thực hiện bài sát hạch, cứ quá 02 phút, bị trừ 05 điểm. 5. Lái xe lên vỉa hè bị đình chỉ sát hạch; 6. Xử lý tình huống không hợp lý gây tai nạn, bị đình chỉ sát hạch; 7. Xe bị chết máy, mỗi lần bị trừ 05 điểm; 8. Để tốc độ động cơ quá 4000 vòng/phút, mỗi lần bị trừ 05 điểm;

Các bước thực hiện	Yêu cầu đạt được	Các lỗi bị trừ điểm
		9. Lái xe quá tốc độ quy định, cứ 03 giây bị trừ 01 điểm. 10. Tổng thời gian đến bài sát hạch đang thực hiện quá quy định, cứ 03 giây bị trừ 01 điểm.

g) Bài sát hạch: Ghép xe vào nơi đỗ

Các bước thực hiện	Yêu cầu đạt được	Các lỗi bị trừ điểm
1. Lái xe tiến vào khoảng cách khống chế để lùi vào nơi ghép xe dọc (đối với xe hạng B, C) hoặc khu vực để ghép xe ngang (đối với xe hạng B chuyển số tự động (bao gồm cả xe ô tô điện), B số cơ khí, C, D1, D2, D); 2. Lùi để ghép xe vào nơi đỗ; 3. Dừng xe ở vị trí đỗ quy định; 4. Lái xe qua vạch kết thúc bài sát hạch và đến bài sát hạch tiếp theo.	1. Đi đúng hình quy định của hạng xe sát hạch; 2. Bánh xe không đè vào vạch giới hạn hình sát hạch; 3. Giữ động cơ hoạt động liên tục; 4. Hoàn thành bài sát hạch trong thời gian 02 phút. 5. Giữ tốc độ động cơ không quá 4000 vòng/phút; 6. Tốc độ xe chạy không quá: - 24 km/h đối với hạng B, D1, D2 - 20 km/h đối với hạng C1, C, D	1. Đi không đúng hình của hạng xe thi, bị đình chỉ sát hạch; 2. Bánh xe đè vào vạch giới hạn hình sát hạch, mỗi lần bị trừ 5 điểm; 3. Bánh xe đè vào vạch giới hạn hình sát hạch, cứ quá 05 giây bị trừ 05 điểm; 4. Ghép xe không đúng vị trí quy định (toàn bộ thân xe nằm trong khu vực ghép xe nhưng không có tín hiệu báo kết thúc), bị trừ 05 điểm; 5. Chưa ghép được xe vào nơi đỗ (khi kết thúc bài sát hạch, còn một phần thân xe nằm ngoài khu vực ghép xe), bị đình chỉ sát hạch; 6. Thời gian thực hiện bài sát hạch, cứ quá 02 phút, bị trừ 05 điểm. 7. Lái xe lên vỉa hè bị đình chỉ sát hạch;

Các bước thực hiện	Yêu cầu đạt được	Các lỗi bị trừ điểm
		8. Xử lý tình huống không hợp lý gây tai nạn, bị đình chỉ sát hạch; 9. Xe bị chết máy, mỗi lần bị trừ 05 điểm; 10. Để tốc độ động cơ quá 4000 vòng/phút, mỗi lần bị trừ 05 điểm; 11. Xe quá tốc độ quy định, cứ 03 giây bị trừ 01 điểm. 12. Tổng thời gian đến bài sát hạch đang thực hiện quá quy định, cứ 03 giây bị trừ 01 điểm.

h) Bài sát hạch: Tạm dừng ở chỗ có đường sắt chạy qua

Các bước thực hiện	Yêu cầu đạt được	Các lỗi bị trừ điểm
1. Dừng xe để khoảng cách từ hình chiếu thanh cản phía trước của xe xuống mặt đường đến vạch dừng (Khoảng cách A) không quá 500mm; 2. Lái xe đến bài sát hạch tiếp theo.	1. Dừng xe cách vạch dừng quy định không quá 500mm; 2. Giữ động cơ hoạt động liên tục; 3. Giữ tốc độ động cơ không quá 4000 vòng/phút; 4. Lái xe theo quy tắc giao thông đường bộ; 5. Tốc độ xe chạy không quá: - 24 km/h đối với hạng B, D1, D2	1. Không dừng xe ở vạch dừng quy định, bị trừ 05 điểm; 2. Dừng xe chưa đến vạch dừng quy định, bị trừ 05 điểm; 3. Dừng xe quá vạch dừng quy định, bị trừ 05 điểm. 4. Lái xe lên vỉa hè bị đình chỉ sát hạch; 5. Xử lý tình huống không hợp lý gây tai nạn, bị đình chỉ sát hạch; 6. Xe bị chết máy, mỗi lần bị trừ 05 điểm;

	- 20 km/h đối với hạng C1, C, D	7. Để tốc độ động cơ quá 4000 vòng/phút, mỗi lần bị trừ 05 điểm; 8. Xe quá tốc độ quy định, cứ 03 giây bị trừ 01 điểm. 9. Tổng thời gian đến bài sát hạch đang thực hiện quá quy định, cứ 03 giây bị trừ 01 điểm.

i) Bài sát hạch: Thay đổi số trên đường bằng

Các bước thực hiện	Yêu cầu đạt được	Các lỗi bị trừ điểm
1. Trên quãng đường 25m kể từ khi bắt đầu vào bài sát hạch, phải thay đổi số và tốc độ như sau: a) Đối với xe hạng B: từ số 1 lên số 2 và trên 24km/h; b) Đối với xe hạng D1, D2: từ số 2 lên số 3 và trên 24km/h; c) Đối với xe hạng C1, C, D: từ số 2 lên số 3 và trên 20km/h; 2. Trên quãng đường 25m còn lại của bài sát hạch phải thay đổi số và tốc độ ngược lại. 3. Lái xe đến bài sát hạch tiếp theo.	1. Trên quãng đường 25m kể từ khi bắt đầu vào bài sát hạch, phải thay đổi số và tốc độ như sau: a) Đối với xe hạng B: từ số 1 lên số 2 và trên 24km/h; b) Đối với xe hạng D: từ số 2 lên số 3 và trên 24km/h c) Đối với xe hạng C, E: từ số 2 lên số 3 và trên 20km/h; 2. Trên quãng đường 25m còn lại của bài sát hạch phải thay đổi số và tốc độ ngược lại. 3. Hoàn thành bài sát hạch trong thời gian 2 phút.	1. Không thay đổi số theo quy định, bị trừ 05 điểm; 2. Không thay đổi tốc độ theo quy định, bị trừ 05 điểm; 3. Không thay đổi đúng số và đúng tốc độ quy định, bị trừ 05 điểm; 4. Thời gian thực hiện bài sát hạch, cứ quá 02 phút, bị trừ 05 điểm. 5. Lái xe lên vỉa hè bị đình chỉ sát hạch; 6. Xử lý tình huống không hợp lý gây tai nạn, bị đình chỉ sát hạch; 7. Xe bị chết máy, mỗi lần bị trừ 05 điểm; 8. Để tốc độ động cơ quá 4000 vòng/phút, mỗi lần bị trừ 05 điểm; 9. Tổng thời gian đến bài sát hạch đang thực hiện quá

	4. Lái xe theo quy tắc giao thông đường bộ; 5. Giữ động cơ hoạt động liên tục; 6. Giữ tốc độ động cơ không quá 4000 vòng/phút;	quy định, cứ 03 giây bị trừ 01 điểm.

k) Bài sát hạch: Kết thúc

Các bước thực hiện	Yêu cầu đạt được	Các lỗi bị trừ điểm
1. Bật đèn xi nhan phải khi xe qua vạch kết thúc; 2. Lái xe qua vạch kết thúc và dừng xe.	1. Bật đèn xi nhan phải khi xe qua vạch kết thúc; 2. Lái xe qua vạch kết thúc; 3. Giữ tốc độ động cơ không quá 4000 vòng/phút; 4. Giữ động cơ hoạt động liên tục; 5. Tốc độ xe chạy không quá: - 24 km/h đối với hạng B, D1, D2 - 20 km/h đối với hạng C1, C, D	1. Không qua vạch kết thúc, bị đình chỉ sát hạch; 2. Xử lý tình huống không hợp lý gây tai nạn, bị đình chỉ sát hạch; 3. Lái xe lên vỉa hè bị đình chỉ sát hạch; 4. Điểm sát hạch dưới 80 điểm, bị đình chỉ sát hạch. 5. Khi xe qua vạch kết thúc: a) Không bật đèn xi nhan phải, bị trừ 05 điểm; b) Xe bị chết máy, mỗi lần bị trừ 05 điểm; c) Tốc độ động cơ quá 4000 vòng/phút, mỗi lần bị trừ 05 điểm; d) Lái xe quá tốc độ quy định, cứ 03 giây bị trừ 01 điểm. đ) Tổng thời gian thực hiện các bài sát hạch quá quy định, cứ 03 giây bị trừ 01 điểm;

3. Công nhận kết quả:

Nội dung	Hạng B	Hạng D1, D2	Hạng C1, C, D
Thang điểm	100	100	100
Điểm đạt tối thiểu	80	80	80

3.1. Thí sinh ký xác nhận vào biên bản sát hạch thực hành lái xe trong hình được in ra và phần kết quả sát hạch thực hành lái xe trong hình tại biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe của thí sinh.

3.2. Sát hạch viên ký xác nhận vào biên bản sát hạch thực hành lái xe trong hình được in ra và ghi điểm, nhận xét, ký xác nhận phần kết quả sát hạch thực hành lái xe trong hình tại biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe của thí sinh.

II. Sát hạch thực hành lái xe trên đường

1. Đối với sát hạch viên

1.1. Tiếp nhận hồ sơ thí sinh dự sát hạch; tiếp nhận thiết bị chấm điểm trên xe sát hạch; kiểm tra: Việc kết nối giữa thiết bị chấm điểm với phần mềm điều hành và quản lý sát hạch lái xe trên đường, việc lưu trữ hình ảnh và âm thanh của camera lắp trên xe sát hạch.

1.2. Gọi thí sinh; sắp xếp xe sát hạch cho thí sinh; đối chiếu căn cước công dân hoặc căn cước hoặc hộ chiếu với thí sinh và tên thí sinh kê khai trong biên bản tổng hợp kết quả sát hạch; ký xác nhận vào biên bản tổng hợp kết quả sát hạch của thí sinh; nhập khoá sát hạch, số báo danh dự sát hạch của thí sinh.

1.3. Ngồi cạnh thí sinh để thực hiện các công việc

a) Quan sát tình trạng giao thông trên đường để phát lệnh sát hạch, ra các hiệu lệnh để thí sinh thực hiện (thông qua các phím bấm trên thanh điều khiển hoặc trên màn hình hiển thị);

b) Bảo hiểm tay lái cho thí sinh trong quá trình thực hiện bài sát hạch;

c) Theo dõi tình trạng kỹ thuật của ô tô sát hạch để kịp thời phát hiện các trường hợp không bảo đảm các điều kiện an toàn kỹ thuật;

d) Theo dõi quá trình thực hiện bài sát hạch của thí sinh, thông qua các phím bấm trên thanh điều khiển hoặc trên màn hình hiển thị để ghi các lỗi vi phạm của thí sinh khi:

- Xe bị rung giật mạnh;

- Vi phạm quy tắc giao thông đường bộ;

- Không thực hiện theo hiệu lệnh của sát hạch viên;

- Xử lý tình huống không hợp lý gây tai nạn;

- Khi tăng hoặc giảm số, xe bị choạng lái quá làn đường quy định.

2. Đối với người dự sát hạch

2.1. Tiếp nhận xe sát hạch được giao;

2.2. Thực hiện bài sát hạch lái xe trên đường giao thông công cộng, dài tối thiểu 02 km, có đủ tình huống theo quy định;

2.2.1. Trình tự thực hiện và yêu cầu chung

Thí sinh thực hiện tối thiểu 04 bài sát hạch lái xe trên đường, gồm:

a) Bài sát hạch: Xuất phát;

b) Bài sát hạch: Tăng số, tăng tốc độ;

c) Bài sát hạch: Giảm số, giảm tốc độ;

d) Bài sát hạch: Kết thúc.

Trên quãng đường sát hạch, bài sát hạch "tăng số, tăng tốc độ", "giảm số, giảm tốc độ" có thể thực hiện nhiều lần, không theo thứ tự.

2.2.2. Yêu cầu đối với các bài sát hạch lái xe trên đường

a) Bài sát hạch: Xuất phát

Các bước thực hiện	**Yêu cầu đạt được**	**Các lỗi bị trừ điểm**
1. Thí sinh thắt dây an toàn, dừng xe trước vạch xuất phát, chờ hiệu lệnh; 2. Khi có lệnh xuất phát (tiếng loa trên xe báo lệnh xuất phát), bật đèn xi nhan trái, lái xe qua vạch xuất phát; 3. Nhả phanh tay trước khi khởi hành; 4. Điều khiển tăng số từ số 1 lên số 3 và lái xe đến bài sát hạch tiếp theo.	1. Thắt dây an toàn trước khi xuất phát; 2. Bật đèn xi nhan trái trước khi xuất phát; 3. Nhả phanh tay trước khi khởi hành, xe không bị rung giật mạnh và lùi về phía sau quá 500mm; 4. Trong khoảng 15 m phải tăng từ số 1 lên số 3; 5. Giữ động cơ hoạt động liên tục;	1. Không thắt dây an toàn, bị trừ 05 điểm; 2. Không bật đèn xi nhan trái khi xuất phát, bị trừ 05 điểm; 3. Không nhả hết phanh tay khi khởi hành, bị trừ 05 điểm; 4. Trong khoảng 15 m không tăng từ số 1 lên số 3, bị trừ 05 điểm; 5. Quá 30 giây kể từ khi có lệnh xuất phát, chưa khởi hành xe qua vị trí xuất phát, bị đình chỉ sát hạch; 6. Xe bị rung giật mạnh, bị trừ 05 điểm;

Các bước thực hiện	Yêu cầu đạt được	Các lỗi bị trừ điểm
	6. Giữ tốc độ động cơ không quá 4000 vòng/phút; 7. Sử dụng tay số phù hợp với tốc độ; 8. Chấp hành quy tắc giao thông đường bộ; 9. Thực hiện các yêu cầu theo thông báo của loa trên xe sát hạch và hiệu lệnh của sát hạch viên; 10. Lái xe an toàn và không bị choạng lái quá làn đường quy định;	7. Lái xe bị chết máy, mỗi lần bị trừ 05 điểm; 8. Để tốc độ động cơ quá 4000 vòng/phút, mỗi lần bị trừ 05 điểm; 9. Sử dụng từ tay số 3 trở lên khi tốc độ xe chạy dưới 20 km/h, cứ 03 giây trừ 02 điểm; 10. Vi phạm quy tắc giao thông đường bộ, bị trừ 10 điểm; 11. Không thực hiện theo hiệu lệnh của sát hạch viên, bị đình chỉ sát hạch; 12. Xử lý tình huống không hợp lý gây tai nạn, bị đình chỉ sát hạch; 13. Khi tăng hoặc giảm số, xe bị choạng lái quá làn đường quy định, bị đình chỉ sát hạch;

b) Bài sát hạch: Tăng số, tăng tốc độ

Các bước thực hiện	Yêu cầu đạt được	Các lỗi bị trừ điểm
1. Thí sinh thực hiện các thao tác để tăng số, tăng tốc độ; 2. Điều khiển xe đến bài sát hạch tiếp theo.	1. Trong khoảng 100 m phải tăng lên 01 tay số và tốc độ tăng thêm tối thiểu 05km/h; 2. Giữ động cơ hoạt động liên tục; 3. Giữ tốc độ động cơ không quá 4000 vòng/phút;	1. Trong khoảng 100 m không tăng được số, tốc độ bị trừ 05 điểm; 2. Xe bị rung giật mạnh, bị trừ 05 điểm; 3. Lái xe bị chết máy, mỗi lần bị trừ 05 điểm; 4. Để tốc độ động cơ quá 4000 vòng/phút, mỗi lần bị trừ 05 điểm;

Các bước thực hiện	Yêu cầu đạt được	Các lỗi bị trừ điểm
	4. Sử dụng tay số phù hợp với tốc độ; 5. Chấp hành quy tắc giao thông đường bộ; 6. thực hiện các yêu cầu theo thông báo của loa trên xe sát hạch và hiệu lệnh của sát hạch viên; 7. Lái xe an toàn và không bị choạng lái quá làn đường quy định;	5. Sử dụng từ tay số 3 trở lên khi tốc độ xe chạy dưới 20 km/h, cứ 03 giây trừ 02 điểm; 6. Vi phạm quy tắc giao thông đường bộ, bị trừ 10 điểm; 7. Không thực hiện theo hiệu lệnh của sát hạch viên, bị đình chỉ sát hạch; 8. Xử lý tình huống không hợp lý gây tai nạn, bị đình chỉ sát hạch; 9. Khi tăng hoặc giảm số, xe bị choạng lái quá làn đường quy định, bị đình chỉ sát hạch;

c) Bài sát hạch: Giảm số, giảm tốc độ

Các bước thực hiện	Yêu cầu đạt được	Các lỗi bị trừ điểm
1. Thí sinh thực hiện các thao tác để giảm số, giảm tốc độ; 2. Điều khiển xe đến bài sát hạch tiếp theo.	1. Trong khoảng 100 m phải giảm xuống 01 tay số và tốc độ giảm tối thiểu 05km/h; 2. Giữ động cơ hoạt động liên tục; 3. Giữ tốc độ động cơ không quá 4000 vòng/phút; 4. Sử dụng tay số phù hợp với tốc độ;	1. Trong khoảng 100 m không giảm được số, tốc độ, bị trừ 05 điểm; 2. Xe bị rung giật mạnh, bị trừ 05 điểm; 3. Lái xe bị chết máy, mỗi lần bị trừ 05 điểm; 4. Để tốc độ động cơ quá 4000 vòng/phút, mỗi lần bị trừ 05 điểm; 5. Sử dụng từ tay số 3 trở lên khi tốc độ xe chạy dưới 20 km/h, cứ 03 giây trừ 02 điểm;

	5. Chấp hành quy tắc giao thông đường bộ; 6. thực hiện các yêu cầu theo thông báo của loa trên xe sát hạch và hiệu lệnh của sát hạch viên; 7. Lái xe an toàn và không bị choạng lái quá làn đường quy định;	6. Vi phạm quy tắc giao thông đường bộ, bị trừ 10 điểm; 7. Không thực hiện theo hiệu lệnh của sát hạch viên, bị đình chỉ sát hạch; 8. Xử lý tình huống không hợp lý gây tai nạn, bị đình chỉ sát hạch; 9. Khi tăng hoặc giảm số, xe bị choạng lái quá làn đường quy định, bị đình chỉ sát hạch;

d) Bài sát hạch: Kết thúc

Các bước thực hiện	Yêu cầu đạt được	Các lỗi bị trừ điểm
1. Khi có lệnh kết thúc (tiếng loa trên xe báo lệnh kết thúc), bật đèn xi nhan phải, lái xe sát lề đường bên phải; 3. Dừng xe; 4. Giảm hết số khi dừng xe 5. Kéo phanh tay khi xe dừng hẳn.	1. Bật đèn xi nhan phải trong khoảng 05 m từ khi có lệnh kết thúc; 2. Dừng xe sát lề đường bên phải; 3. Khi xe dừng hẳn phải về số "không" (đối với xe số sàn), số "P" (đối với xe chuyển số tự động (bao gồm cả xe ô tô điện)); 4. Kéo phanh tay khi xe dừng hẳn; 5. Giữ động cơ hoạt động liên tục; 6. Giữ tốc độ động cơ không quá 4000 vòng/phút; 7. Sử dụng tay số phù hợp với tốc độ;	1. Không bật đèn xi nhan phải, bị trừ 05 điểm; 2. Khi xe dừng hẳn, không về được số "không" (đối với xe số sàn), số "P" (đối với xe chuyển số tự động (bao gồm cả xe ô tô điện)), bị trừ 05 điểm; 3. Không kéo phanh tay khi xe dừng hẳn, bị trừ 05 điểm; 4. Xe bị rung giật mạnh, bị trừ 05 điểm; 5. Lái xe bị chết máy, mỗi lần bị trừ 05 điểm; 6. Để tốc độ động cơ quá 4000 vòng/phút, mỗi lần bị trừ 05 điểm; 7. Sử dụng từ tay số 3 trở lên khi tốc độ xe chạy dưới 20 km/h, cứ 03 giây trừ 02 điểm;

Các bước thực hiện	Yêu cầu đạt được	Các lỗi bị trừ điểm
	8. Chấp hành quy tắc giao thông đường bộ; 9. thực hiện các yêu cầu theo thông báo của loa trên xe sát hạch và hiệu lệnh của sát hạch viên; 10. Lái xe an toàn và không bị choạng lái quá làn đường quy định.	8. Vi phạm quy tắc giao thông đường bộ, bị trừ 10 điểm; 9. Không thực hiện theo hiệu lệnh của sát hạch viên, bị đình chỉ sát hạch; 10. Xử lý tình huống không hợp lý gây tai nạn, bị đình chỉ sát hạch; 11. Khi tăng hoặc giảm số, xe bị choạng lái quá làn đường quy định, bị đình chỉ sát hạch.

3. Công nhận kết quả:

3.1. Thang điểm: 100 điểm.

3.2. Điểm đạt: Từ 80 điểm trở lên.

3.3. Thí sinh ký xác nhận vào phiếu chấm điểm được in từ máy in trên xe sát hạch và phần kết quả sát hạch kỹ năng lái xe trên đường giao thông trong biên bản tổng hợp kết quả sát hạch của thí sinh.

3.4. Sát hạch viên ký xác nhận vào bài thi sát hạch thực hành lái xe trên đường giao thông được in ra và ghi điểm, nhận xét, ký xác nhận phần kết quả sát hạch lý thuyết, thực hành lái xe trong hình, thực hành lái xe trên đường và sát hạch bằng phần mềm mô phỏng các tình huống giao thông tại biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe của thí sinh theo quy định tại Mẫu số 01, Mẫu số 02, Mẫu số 03 và Mẫu số 04 Phụ lục này.

D. CÁC BIỂU MẪU LIÊN QUAN ĐẾN QUY TRÌNH SÁT HẠCH LÁI XE CÁC HẠNG B, C1, C, D1, D2, D

Mẫu số 01	**Biên bản sát hạch lý thuyết các hạng B, C1, C, D1, D2, D**
Mẫu số 02	**Biên bản sát hạch thực hành lái xe trong hình các hạng B, C1, C, D1, D2, D**
Mẫu số 03	**Biên bản sát hạch thực hành lái xe trên đường các hạng B, C1, C, D1, D2, D**
Mẫu số 04	**Biên bản sát hạch bằng phần mềm mô phỏng các tình huống giao thông các hạng B, C1, C, D1, D2, D**

Mẫu số 01. Biên bản sát hạch lý thuyết các hạng B, C1, C, D1, D2, D

SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI…
HỘI ĐỒNG SÁT HẠCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN SÁT HẠCH LÝ THUYẾT

Họ và tên:
Ngày sinh:
Số CCCD:
Hạng:
Số báo danh:

Khóa sát hạch:
Ngày sát hạch:
Thời điểm bắt đầu:
Thời điểm kết thúc:
Lần thi:

Ảnh chân dung

Câu hỏi		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
Trả lời	1																							
	2																							
	3																							
	4																							

Câu hỏi		24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45
Trả lời	1																						
	2																						
	3																						
	4																						

Kết luận:

Số điểm đạt được: …

Đạt ☐ **Không đạt** ☐

Sát hạch viên ký xác nhận **Học viên ký xác nhận kết quả**

Mẫu số 02. Biên bản sát hạch thực hành lái xe trong hình các hạng B, C1, C, D1, D2, D

SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI…
HỘI ĐỒNG SÁT HẠCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN SÁT HẠCH THỰC HÀNH LÁI XE TRONG HÌNH

Họ và tên:
Ngày sinh:
Số CCCD:
Lần thi:

Khóa sát hạch:
Ngày sát hạch:
Thời điểm bắt đầu:
Thời điểm kết thúc:

Hạng:
Số báo danh:
Số xe sát hạch:
Tổng thời gian sát hạch:

Ảnh chân dung	Ảnh chụp ngẫu nhiên số 01	Ảnh chụp ngẫu nhiên số 02	Ảnh chụp ngẫu nhiên số 03

STT	Bài thi	Thời điểm		Chi tiết lỗi	Điểm trừ
		Vào bài	Ra bài		
1	Xuất phát				
2	Dừng xe nhường đường cho người đi bộ				
3	Dừng và khởi hành xe ngang dốc				
4	Qua vệt bánh xe và đường vòng vuông góc				
5	Qua ngã tư có tín hiệu điều khiển giao thông				
6	Qua đường vòng quanh co				
7	Ghép xe dọc vào nơi đỗ				
8	Ghép xe ngang vào nơi đỗ				
9	Tạm dừng ở chỗ có đường sắt chạy qua				
10	Thay đổi số trên đường bằng				
11	Tình huống khẩn cấp				
12	Kết thúc				

Kết luận:
Số điểm đạt được: …
Đạt ☐ **Không đạt** ☐

Sát hạch viên ký xác nhận **Học viên ký xác nhận kết quả**

Ghi chú:

- *Thứ tự các bài thi theo bố trí theo bố trí thực tế tại trung tâm sát hạch.*
- *Nội dung chi tiết lỗi và điểm trừ theo quy định tại mục I Phần C Phụ lục này. Mục chi tiết lỗi thể hiện thời điểm phát sinh lỗi tương ứng với mỗi lỗi.*

Mẫu số 03. Biên bản sát hạch thực hành lái xe trên đường các hạng B, C1, C, D1, D2, D

SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI…
HỘI ĐỒNG SÁT HẠCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN SÁT HẠCH THỰC HÀNH LÁI XE TRÊN ĐƯỜNG

Họ và tên:
Ngày sinh:
Số CCCD:
Lần thi:

Khóa sát hạch:
Ngày sát hạch:
Thời điểm bắt đầu:
Thời điểm kết thúc:

Hạng:
Số báo danh:
Số xe sát hạch:
Tổng quãng đường sát hạch:

Ảnh chân dung	Ảnh chụp ngẫu nhiên	Ảnh chụp ngẫu nhiên	Ảnh chụp ngẫu nhiên

STT	Bài thi	Thời điểm		Chi tiết lỗi	Điểm trừ
		Bắt đầu bài	Kết thúc bài		
1	Xuất phát				
2	Tăng số				
3	Giảm số				
4	Kết thúc				
5	Các lỗi khác				

Kết luận:

Số điểm đạt được: …

Đạt ☐ **Không** ☐

Sát hạch viên ký xác nhận **Học viên ký xác nhận kết quả**

Mẫu số 04. Biên bản sát hạch bằng phần mềm mô phỏng các tình huống giao thông các hạng B, C1, C, D1, D2, D

SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI…
HỘI ĐỒNG SÁT HẠCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN SÁT HẠCH MÔ PHỎNG CÁC TÌNH HUỐNG GIAO THÔNG

Họ và tên:
Ngày sinh:
Số CCCD:
Hạng:
Số báo danh:

Khóa sát hạch:
Ngày sát hạch:
Thời điểm bắt đầu:
Thời điểm kết thúc:
Lần thi:

Ảnh chân dung

Câu hỏi	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Điểm										

Kết luận:

Số điểm đạt được: …

Đạt ☐ **Không đạt** ☐

Sát hạch viên ký xác nhận **Học viên ký xác nhận kết quả**

Phụ lục XVI

MẪU QUY TRÌNH SÁT HẠCH HẠNG BE, D1E, D2E, DE

(Ban hành kèm theo Thông tư số 35/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

QUY TRÌNH SÁT HẠCH HẠNG BE, D1E, D2E, DE

A. SÁT HẠCH LÝ THUYẾT

I. Đối với sát hạch viên: Mỗi phòng khu vực sát hạch có tối thiểu 02 sát hạch viên làm nhiệm vụ; trong đó, 01 sát hạch viên làm việc tại phòng sát hạch lý thuyết và 01 sát hạch viên làm nhiệm vụ tại khu vực kiểm tra nhận dạng.

1. Tiếp nhận danh sách, hồ sơ thí sinh dự sát hạch; tiếp nhận, kiểm tra và điều hành hệ thống máy tính, máy in tại phòng sát hạch lý thuyết.

2. Gọi thí sinh theo danh sách; yêu cầu thí sinh ký và ghi rõ họ tên vào phần thông tin thí sinh của biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe của học viên; kiểm tra nhận dạng, đối chiếu căn cước công dân hoặc căn cước hoặc hộ chiếu và giấy phép lái xe; ký xác nhận tại phần kết quả sát hạch lý thuyết trong biên bản tổng hợp kết quả sát hạch của thí sinh; sắp xếp máy tính cho thí sinh.

3. Kiểm tra, đối chiếu tên, ảnh của thí sinh trên màn hình máy tính với số báo danh, danh sách sát hạch, hồ sơ thí sinh và phát lệnh bắt đầu sát hạch.

4. Yêu cầu thí sinh thực hiện nghiêm túc nội quy, quy chế sát hạch. Giám sát quá trình sát hạch: Không để người không có nhiệm vụ vào phòng sát hạch lý thuyết; không để thí sinh mang điện thoại di động, thiết bị viễn thông liên lạc bằng hình ảnh, âm thanh vào phòng sát hạch lý thuyết; không để thí sinh trao đổi, sử dụng tài liệu. Lập biên bản xử lý thí sinh vi phạm và báo cáo Tổ trưởng sát hạch trong trường hợp thí sinh cố tình vi phạm.

5. Theo dõi, kiểm tra hoạt động của hệ thống máy tính; trường hợp hư hỏng hoặc lỗi kỹ thuật thì yêu cầu kỹ thuật viên của trung tâm sát hạch vào kiểm tra, xử lý.

II. Đối với người dự sát hạch

1. Tiếp nhận máy tính: Nhập số báo danh dự sát hạch.

2. Thực hiện nội dung sát hạch

2.1. Thời gian làm bài: 26 phút.

2.2. Đề thi được thiết kế gồm 45 câu hỏi trắc nghiệm, trong đó: Có 44 câu hỏi được tính 01 điểm mỗi câu và có 01 câu nếu lựa chọn đáp án sai được tính là điểm liệt; mỗi câu có từ 02 đến 04 ý trả lời, thí sinh đọc đề bài và lựa chọn ra đáp án

đúng nhất. Trường hợp bị điểm liệt trong bài thi thì không đạt nội dung sát hạch Lý thuyết.

2.3. Khi hoàn thành bài sát hạch hoặc hết thời gian làm bài theo quy định tại điểm ~~a~~ 2.1 khoản này, tất cả các câu trả lời của thí sinh (kể cả các câu hỏi chưa trả lời hết) được máy tính tự động chấm điểm và lưu lại trong máy chủ.

III. Công nhận kết quả:

Nội dung	Hạng BE, D1E, D2E, DE
Thang điểm	45
Điểm đạt tối thiểu	41

3.1. Thí sinh ký xác nhận vào biên bản sát hạch lý thuyết được in ra và phần kết quả sát hạch lý thuyết tại biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe của thí sinh.

3.2. Sát hạch viên ký xác nhận vào biên bản sát hạch lý thuyết được in ra và ghi điểm, nhận xét, ký xác nhận phần kết quả sát hạch lý thuyết tại biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe của thí sinh.

B. SÁT HẠCH MÔ PHỎNG CÁC TÌNH HUỐNG GIAO THÔNG TRÊN MÁY TÍNH

I. Đối với sát hạch viên: Mỗi khu vực sát hạch mô phỏng các tình huống giao thông có tối thiểu 02 sát hạch viên làm nhiệm vụ trong đó 01 sát hạch viên làm nhiệm vụ tại phòng sát hạch mô phỏng các tình huống giao thông trên máy tính và 01 sát hạch viên làm nhiệm vụ tại khu vực kiểm tra nhận dạng.

1. Tiếp nhận danh sách, hồ sơ thí sinh dự sát hạch; tiếp nhận và điều hành hệ thống máy tính, máy in tại phòng sát hạch mô phỏng các tình huống giao thông;

2. Gọi thí sinh theo danh sách; yêu cầu thí sinh ký và ghi rõ họ tên vào biên bản tổng hợp kết quả sát hạch; kiểm tra nhận dạng, đối chiếu căn cước công dân hoặc căn cước hoặc hộ chiếu và giấy phép lái xe (đối với trường hợp nâng hạng, sát hạch để cấp lại giấy phép lái xe), ký xác nhận vào biên bản tổng hợp kết quả sát hạch của thí sinh, sắp xếp máy tính cho thí sinh.

3. Kiểm tra, đối chiếu tên, ảnh của thí sinh trên màn hình máy tính với số báo danh, danh sách sát hạch, hồ sơ thí sinh và phát lệnh bắt đầu sát hạch.

4. Yêu cầu thí sinh thực hiện nghiêm túc nội quy, quy chế sát hạch. Giám sát quá trình sát hạch: Không để thí sinh mang điện thoại di động, thiết bị viễn thông liên lạc bằng hình ảnh, âm thanh vào phòng sát hạch lý thuyết; không để người không có nhiệm vụ vào phòng sát hạch lý thuyết. Lập biên bản xử lý thí sinh vi

phạm và báo cáo Tổ trưởng sát hạch trong trường hợp thí sinh cố tình sử dụng điện thoại và các thiết bị thiết bị viễn thông khi thực hiện nội dung sát hạch mô phỏng các tình huống giao thông.

5. Theo dõi, kiểm tra hoạt động của hệ thống máy tính; trường hợp hư hỏng hoặc lỗi kỹ thuật thì yêu cầu kỹ thuật viên của trung tâm sát hạch vào kiểm tra, xử lý theo quy định.

II. Đối với người dự sát hạch

1. Tiếp nhận máy tính: Nhập hạng giấy phép lái xe dự sát hạch và số báo danh dự sát hạch.

2. Thực hiện nội dung sát hạch

2.1. Thời gian làm bài sát hạch: Không quá 10 phút.

2.2. Đề thi được thiết kế dưới dạng 10 câu hỏi mô phỏng các tình huống giao thông; mỗi câu hỏi trong đề sát hạch mô phỏng các tình huống giao thông chứa 01 tình huống tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn giao thông. Mỗi câu hỏi có số điểm tối đa là 5 điểm và số điểm tối thiểu là 0 điểm.

2.3. Số điểm đạt được của học viên tương ứng với thời điểm học viên nhận biết và xác định tình huống tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn giao thông thông qua việc tương tác với máy tính có cài đặt phần mềm sát hạch mô phỏng. Điểm tối đa khi học viên nhận biết và tương tác với máy tính đúng thời điểm xuất hiện tình huống mất an toàn giao thông; điểm tối thiểu khi học viên nhận biết và tương tác với máy tính trước khi xuất hiện tình huống mất an toàn giao thông hoặc không tương tác hoặc tương tác từ thời điểm xảy ra tình huống mất an toàn giao thông.

2.4. Các tình huống mô phỏng được chạy liên tiếp tự động, thí sinh không được lựa chọn lại đáp án cho các câu hỏi đã trả lời hoặc chưa trả lời. Khi hoàn thành bài sát hạch mô phỏng hoặc hết thời gian của câu hỏi cuối cùng, toàn bộ các câu trả lời của thí sinh (kể cả các câu hỏi chưa trả lời hết) được máy tự động chấm điểm, in ra và lưu trữ tại máy chủ.

III. Công nhận kết quả

Nội dung	**Hạng Hạng BE, D1E, D2E, DE**
Thang điểm	50
Điểm đạt tối thiểu	35

1. Hai sát hạch viên chấm điểm độc lập, thống nhất kết quả, xác nhận vào biên bản sát hạch thực hành lái xe trong hình theo mẫu quy định tại Mẫu số 02

Phụ lục này và ghi điểm, nhận xét, ký xác nhận phần kết quả sát hạch thực hành lái xe trong hình tại biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe của thí sinh.

2. Thí sinh ký xác nhận vào biên bản sát hạch thực hành lái xe trong hình và phần kết quả sát hạch thực hành lái xe trong hình tại biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe của thí sinh.

C. SÁT HẠCH THỰC HÀNH

I. Sát hạch lái xe trong hình

1. Đối với sát hạch viên

1.1. Tiếp nhận hồ sơ thí sinh dự sát hạch, gọi thí sinh, sắp xếp xe sát hạch cho thí sinh.

1.2. Kiểm tra nhận dạng, đối chiếu căn cước công dân hoặc căn cước hoặc hộ chiếu với thí sinh và tên thí sinh kê khai trong biên bản sát hạch thực hành lái xe; ký tên vào biên bản tổng hợp kết quả sát hạch, theo dõi, giám sát thí sinh tiếp nhận xe sát hạch được giao.

1.3. Phát lệnh sát hạch và theo dõi quá trình thực hiện bài sát hạch của thí sinh, phân tích và chấm điểm độc lập các lỗi vi phạm của thí sinh tại các bài sát hạch theo quy trình.

1.4. Theo dõi quá trình sát hạch, không để thí sinh mang điện thoại di động, thiết bị viễn thông lên xe sát hạch; không để người không có nhiệm vụ ngồi trên xe sát hạch hoặc vào sân sát hạch và báo cáo Tổ trưởng sát hạch trường hợp thí sinh cố tình sử dụng điện thoại và thiết bị viễn thông khi thực hiện phần thi sát hạch thực hành lái xe trong hình.

1.5. Sát hạch viên theo dõi tình trạng kỹ thuật của xe sát hạch để kịp thời phát hiện các trường hợp không bảo đảm các điều kiện an toàn kỹ thuật.

2. Đối với người dự sát hạch

2.1. Tiếp nhận xe sát hạch được giao.

2.2. Thực hiện các bài sát hạch.

2.2.1. Trình tự và các bước thực hiện:

a) Thí sinh dừng xe trước vạch xuất phát, chờ hiệu lệnh của sát hạch viên;

b) Khi có hiệu lệnh xuất phát, điều khiển xe tiến qua hình có 05 cọc chuẩn và vòng quay trở lại cho đến khi bánh xe sau của xe qua vạch kết thúc bài sát hạch.

2.2.2. Yêu cầu đạt được của thí sinh

a) Đi đúng trình tự bài sát hạch;

b) Thân xe không được chạm cọc chuẩn;

c) Hoàn thành bài sát hạch trong thời gian 05 phút;

d) Giữ tốc độ động cơ không quá 4000 vòng/phút;

đ) Xe không được chết máy trong quá trình sát hạch;

e) Tốc độ xe chạy không quá 20 km/h.

2.2.3. Các lỗi bị trừ điểm hoặc bị đình chỉ sát hạch

2.2.3.1. Các lỗi bị trừ điểm:

2.2.3.1.1. Chạm 01 cọc chuẩn nhưng không đổ, mỗi lần bị trừ 15 điểm;

2.2.3.1.2. Chạm làm đổ 01 cọc chuẩn, mỗi lần bị trừ 25 điểm;

2.2.3.1.3. Thời gian thực hiện bài sát hạch quá 05 phút, cứ quá 01 phút bị trừ 05 điểm;

2.2.3.1.4. Xe bị chết máy, mỗi lần bị trừ 05 điểm.

2.2.3.2. Các lỗi bị đình chỉ sát hạch:

2.2.3.2.1. Đi không đúng trình tự bài sát hạch, bị đình chỉ sát hạch;

2.2.3.2.2. Xử lý tình huống không hợp lý gây tai nạn, bị đình chỉ sát hạch;

2.2.3.2.3. Không hoàn thành bài sát hạch bị đình chỉ sát hạch;

3. Công nhận kết quả:

3.1. Thang điểm: 100 điểm.

3.2. Điểm đạt: Từ 80 điểm trở lên.

3.4. Hai sát hạch viên chấm điểm độc lập, thống nhất kết quả, ghi điểm, ký xác nhận vào phần kết quả sát hạch thực hành lái xe trong hình trong biên bản tổng hợp kết quả sát hạch.

3.5. Sát hạch viên và thí sinh ký xác nhận vào biên bản sát hạch thực hành lái xe trong hình theo Mẫu số 02 Phụ lục này.

II. Sát hạch lái xe trên đường:

1. Đối với sát hạch viên:

1.1. Tiếp nhận hồ sơ thí sinh dự sát hạch;

1.2. Kiểm tra tình trạng lưu trữ hình ảnh và âm thanh của camera lắp trên xe sát hạch.

1.3. Sắp xếp xe sát hạch cho thí sinh, kiểm tra nhận dạng, đối chiếu căn cước công dân hoặc căn cước hoặc hộ chiếu, giấy phép lái xe với thí sinh và tên thí sinh

trên biên bản tổng hợp kết quả sát hạch; ký tên vào biên bản sát hạch thực hành lái xe trên đường của thí sinh.

1.4. Ngồi cạnh thí sinh để phát lệnh sát hạch, ra các hiệu lệnh để thí sinh thực hiện, bảo hiểm tay lái, quan sát, thông báo, ghi và chấm điểm các lỗi vi phạm của thí sinh trong quá trình thực hiện bài sát hạch.

1.5. Theo dõi tình trạng kỹ thuật của xe sát hạch để kịp thời phát hiện các trường hợp không bảo đảm các điều kiện an toàn kỹ thuật.

2. Đối với người dự sát hạch

2.1. Tiếp nhận xe sát hạch được giao;

2.2. Thí sinh thực hiện các bài sát hạch

2.2.1. Các bước thực hiện

a) Thí sinh dừng xe trước vạch xuất phát, khởi hành theo hiệu lệnh của sát hạch viên;

b) Thí sinh thực hiện bài sát hạch lái xe trên đường giao thông công cộng, dài tối thiểu 02km, có đủ tình huống theo quy định;

c) Thí sinh thực hiện các thao tác dừng xe khi có hiệu lệnh của sát hạch viên.

2.2.2. Yêu cầu đạt được

a) Bật và tắt đèn xi nhan trái khi khởi hành;

b) Nhả phanh tay trước khi khởi hành, xe không bị rung giật mạnh và lùi về phía sau quá 500mm;

c) Trong khoảng 15 m phải tăng từ số 1 lên số 3;

d) Sử dụng số phù hợp với tình trạng mặt đường;

đ) Chấp hành các quy tắc giao thông đường bộ về biển báo hiệu đường bộ, tốc độ và khoảng cách, đèn tín hiệu giao thông, vạch kẻ phân làn đường, nhường đường cho các xe ưu tiên; tránh, vượt xe khác;

e) Thực hiện theo hiệu lệnh của sát hạch viên;

g) Bật đèn xi nhan phải trước khi dừng xe;

h) Giảm hết số khi dừng xe;

i) Dừng xe đúng vị trí quy định;

k) Kéo phanh tay khi xe dừng hẳn.

2.2.3 Các lỗi bị trừ điểm hoặc bị đình chỉ

2.2.3.1. Các lỗi bị trừ điểm:

2.2.3.1.1. Không thắt dây an toàn (đối với loại xe có trang bị dây an toàn) bị trừ 02 điểm;

2.2.3.1.2. Không bật đèn xi nhan trái trước khi khởi hành, bị trừ 02 điểm;

2.2.3.1.3. Không tắt đèn xi nhan trái khi xe đã hoà nhập vào làn đường, bị trừ 02 điểm;

2.2.3.1.4. Khởi hành xe bị rung giật mạnh, bị trừ 02 điểm;

2.2.3.1.5. Xe bị chết máy, mỗi lần bị trừ 02 điểm;

2.2.3.1.6. Không nhả hết phanh tay khi khởi hành, bị trừ 02 điểm;

2.2.3.1.7. Trong khoảng 15m không tăng từ số 1 lên số 3, bị trừ 02 điểm;

2.2.3.1.8. Sử dụng tay số không phù hợp với tình trạng mặt đường, bị trừ 02 điểm;

2.2.3.1.9. Vi phạm quy tắc giao thông đường bộ, mỗi lần bị trừ 05 điểm;

2.2.3.1.10. Không vào đúng số khi tăng hoặc giảm số, bị trừ 02 điểm;

2.2.3.1.11. Không bật đèn xi nhan phải trước khi dừng xe, bị trừ 02 điểm;

2.2.3.1.12. Không giảm hết số trước khi dừng xe, bị trừ 02 điểm;

2.2.3.1.13. Không kéo phanh tay khi dừng xe, bị trừ 02 điểm.

2.2.3.2. Các lỗi bị đình chỉ sát hạch:

2.2.3.2.1. Không thực hiện theo hiệu lệnh của sát hạch viên;

2.2.3.2.2. Xử lý tình huống không hợp lý gây tai nạn;

2.2.3.2.3. Khi tăng hoặc giảm số, xe bị choạng lái quá làn đường quy định.

3. Công nhận kết quả:

3.1. Thang điểm: 20 điểm.

3.2. Điểm đạt: Từ 15 điểm trở lên.

3.3. Sát hạch viên ký xác nhận vào biên bản sát hạch thực hành lái xe trên đường giao thông theo mẫu quy định tại Mẫu số 02 Phụ lục này và ghi điểm, nhận xét, ký xác nhận phần kết quả sát hạch kỹ năng lái xe trên đường giao thông trong biên bản tổng hợp kết quả sát hạch của thí sinh.

3.4. Thí sinh ký xác nhận vào biên bản sát hạch lý thuyết, thực hành lái xe trong hình, thực hành lái xe trên đường và sát hạch bằng phần mềm mô phỏng các tình huống giao thông tại biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe của thí sinh theo quy định tại Mẫu số 01, Mẫu số 02, Mẫu số 03 và Mẫu số 04 Phụ lục này.

D. CÁC BIỂU MẪU LIÊN QUAN ĐẾN QUY TRÌNH SÁT HẠCH LÁI XE CÁC HẠNG BE, D1E, D2E, DE

Mẫu số 01	**Biên bản sát hạch lý thuyết các hạng BE, D1E, D2E, DE**
Mẫu số 02	**Biên bản sát hạch thực hành lái xe trong hình các hạng BE, D1E, D2E, DE**
Mẫu số 03	**Biên bản sát hạch thực hành lái xe trên đường các hạng BE, D1E, D2E, DE**
Mẫu số 04	**Biên bản sát hạch bằng phần mềm mô phỏng các tình huống giao thông các hạng BE, D1E, D2E, DE**

Mẫu số 01. Biên bản sát hạch lý thuyết các hạng BE, D1E, D2E, DE

SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI…
HỘI ĐỒNG SÁT HẠCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN SÁT HẠCH LÝ THUYẾT

Họ và tên:
Ngày sinh:
Số CCCD:
Hạng:
Số báo danh:

Khóa sát hạch:
Ngày sát hạch:
Thời điểm bắt đầu:
Thời điểm kết thúc:
Lần thi:

Ảnh chân dung

Câu hỏi		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
Trả lời	1																							
	2																							
	3																							
	4																							

Câu hỏi		24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45
Trả lời	1																						
	2																						
	3																						
	4																						

Kết luận:

Số điểm đạt được: …

Đạt ☐ **Không đạt** ☐

Sát hạch viên ký xác nhận **Học viên ký xác nhận kết quả**

Mẫu số 02. Biên bản sát hạch thực hành lái xe trong hình các hạng BE, D1E, D2E, DE

SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI…
TỔ SÁT HẠCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN SÁT HẠCH THỰC HÀNH LÁI XE TRONG HÌNH

Họ và tên:
Ngày sinh:
Số CCCD:
Hạng:
Số báo danh:
Lần thi:

Khóa sát hạch:
Ngày sát hạch:
Số xe sát hạch:
Thời điểm bắt đầu:
Thời điểm kết thúc:
Tổng thời gian sát hạch:

Ảnh chân dung

Số TT	Các lỗi bị trừ điểm	Số lần mắc lỗi	Điểm trừ (tính cho 1 lần)	Tổng điểm trừ
1	Chạm 01 cọc chuẩn, nhưng không đổ		15	
2	Chạm làm đổ 01 cọc chuẩn		25	
3	Quá tổng thời gian thực hiện bài sát hạch		5	
4	Xe bị chết máy		5	
5	Đi không đúng trình tự bài sát hạch		Đình chỉ sát hạch	
6	Xử lý tình huống không hợp lý gây tai nạn		Đình chỉ sát hạch	
7	Không hoàn thành bài sát hạch		Đình chỉ sát hạch	
Cộng				

Kết luận:
Số điểm đạt được: …

Đạt ☐ **Không đạt** ☐

Sát hạch viên ký xác nhận **Học viên ký xác nhận kết quả**

Mẫu số 03. Biên bản sát hạch thực hành lái xe trên đường các hạng BE, D1E, D2E, DE

SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI…
TỔ SÁT HẠCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN SÁT HẠCH THỰC HÀNH LÁI XE TRÊN ĐƯỜNG

Họ và tên:
Ngày sinh:
Số CCCD:
Hạng:
Số báo danh:
Lần thi:

Khóa sát hạch:
Ngày sát hạch:
Số xe sát hạch:
Thời điểm bắt đầu:
Thời điểm kết thúc:
Tổng quãng đường sát hạch:

Ảnh chân dung

Số TT	Các lỗi bị trừ điểm	Điểm trừ (tính cho 1 lần)	Số lần mắc lỗi	Tổng điểm trừ
1	Không thắt dây an toàn	2		
2	Không bật đèn xi nhan trái trước khi khởi hành	2		
3	Không tắt đèn xi nhan trái khi xe đã hoà nhập vào làn đường	2		
4	Khởi hành xe bị rung giật mạnh	2		
5	Xe bị chết máy	2		
6	Không nhả hết phanh tay khi khởi hành	2		
7	Trong khoảng 15m không tăng từ số 1 lên số 3	2		
8	Sử dụng tay số không phù hợp với tình trạng mặt đường	2		
9	Vi phạm quy tắc giao thông đường bộ	5		
10	Không vào đúng số khi tăng hoặc giảm số	2		
11	Không bật đèn xi nhan phải trước khi dừng xe	2		
12	Không giảm hết số trước khi dừng xe	2		
13	Không kéo phanh tay khi dừng xe	2		
14	Không thực hiện theo hiệu lệnh của sát hạch viên		Đình chỉ sát hạch	
15	Xử lý tình huống không hợp lý gây tai nạn		Đình chỉ sát hạch	
16	Khi tăng hoặc giảm số, xe bị choạng lái quá làn đường quy định		Đình chỉ sát hạch	
Cộng				

Kết luận:
Số điểm đạt được: …
Đạt ☐ **Không đạt** ☐

Sát hạch viên ký xác nhận **Học viên ký xác nhận kết quả**

Mẫu số 04. Biên bản sát hạch bằng phần mềm mô phỏng các tình huống giao thông các hạng BE, D1E, D2E, DE

SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI…
HỘI ĐỒNG SÁT HẠCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN SÁT HẠCH MÔ PHỎNG CÁC TÌNH HUỐNG GIAO THÔNG

Họ và tên:
Ngày sinh:
Số CCCD:
Hạng:
Số báo danh:

Khóa sát hạch:
Ngày sát hạch:
Thời điểm bắt đầu:
Thời điểm kết thúc:
Lần thi:

Ảnh chân dung

Câu hỏi	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Điểm										

Kết luận:

Số điểm đạt được: …

Đạt ☐ **Không đạt** ☐

Sát hạch viên ký xác nhận **Học viên ký xác nhận kết quả**

Phụ lục XVII

QUY TRÌNH SÁT HẠCH HẠNG C1E, CE

((Ban hành kèm theo Thông tư số 35/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

QUY TRÌNH SÁT HẠCH HẠNG C1E, CE

A. SÁT HẠCH LÝ THUYẾT

I. Đối với sát hạch viên: Mỗi khu vực sát hạch có tối thiểu 02 sát hạch viên làm nhiệm vụ; trong đó, 01 sát hạch viên làm nhiệm vụ tại phòng sát hạch lý thuyết và 01 sát hạch viên làm nhiệm vụ tại khu vực kiểm tra nhận dạng.

1. Tiếp nhận danh sách, hồ sơ thí sinh dự sát hạch; tiếp nhận, kiểm tra và điều hành hệ thống máy tính, máy in tại phòng sát hạch lý thuyết.

2. Gọi thí sinh theo danh sách; yêu cầu thí sinh ký và ghi rõ họ tên vào phần thông tin thí sinh của biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe của học viên; kiểm tra nhận dạng, đối chiếu căn cước công dân hoặc căn cước hoặc hộ chiếu và giấy phép lái xe; ký xác nhận tại phần kết quả sát hạch lý thuyết trong biên bản tổng hợp kết quả sát hạch của thí sinh; sắp xếp máy tính cho thí sinh.

3. Kiểm tra, đối chiếu tên, ảnh của thí sinh trên màn hình máy tính với số báo danh, danh sách sát hạch, hồ sơ thí sinh và phát lệnh bắt đầu sát hạch.

4. Yêu cầu thí sinh thực hiện nghiêm túc nội quy, quy chế sát hạch. Giám sát quá trình sát hạch: không để người không có nhiệm vụ vào phòng sát hạch lý thuyết; không để thí sinh mang điện thoại di động, thiết bị viễn thông liên lạc bằng hình ảnh, âm thanh vào phòng sát hạch lý thuyết; không để thí sinh trao đổi, sử dụng tài liệu. Lập biên bản xử lý thí sinh vi phạm và báo cáo Tổ trưởng sát hạch trong trường hợp thí sinh cố tình vi phạm.

5. Theo dõi, kiểm tra hoạt động của hệ thống máy tính; trường hợp hư hỏng hoặc lỗi kỹ thuật thì yêu cầu kỹ thuật viên của trung tâm sát hạch vào kiểm tra, xử lý.

II. Đối với người dự sát hạch

1. Tiếp nhận máy tính: Nhập số báo danh dự sát hạch.

2. Thực hiện nội dung sát hạch.

2.1. Thời gian làm bài: 26 phút.

2.2. Đề thi được thiết kế gồm 45 câu hỏi trắc nghiệm, trong đó: Có 44 câu hỏi được tính 01 điểm mỗi câu và có 01 câu nếu lựa chọn đáp án sai được tính là điểm liệt; mỗi câu có từ 02 đến 04 ý trả lời, thí sinh đọc đề bài và lựa chọn ra đáp án

đúng nhất. Trường hợp bị điểm liệt trong bài thi thì không đạt nội dung sát hạch Lý thuyết.

2.3. Khi hoàn thành bài sát hạch hoặc hết thời gian làm bài theo quy định tại điểm 2.1 khoản này, tất cả các câu trả lời của thí sinh (kể cả các câu hỏi chưa trả lời hết) được máy tính tự động chấm điểm và lưu lại trong máy chủ.

III. Công nhận kết quả:

Nội dung	Hạng C1E, CE
Thang điểm	45
Điểm đạt tối thiểu	41

1. Thí sinh ký xác nhận vào biên bản sát hạch lý thuyết được in ra và phần kết quả sát hạch lý thuyết tại biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe của thí sinh.

2. Sát hạch viên ký xác nhận vào biên bản sát hạch lý thuyết được in ra và ghi điểm, nhận xét, ký xác nhận phần kết quả sát hạch lý thuyết tại biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe của thí sinh.

B. SÁT HẠCH MÔ PHỎNG CÁC TÌNH HUỐNG GIAO THÔNG TRÊN MÁY TÍNH

I. Đối với sát hạch viên: Mỗi khu vực sát hạch mô phỏng các tình huống giao thông có tối thiểu 02 sát hạch viên làm nhiệm vụ; trong đó, 01 sát hạch viên làm nhiệm vụ tại phòng sát hạch mô phỏng các tình huống giao thông trên máy tính và 01 sát hạch viên làm nhiệm vụ tại khu vực kiểm tra nhận dạng.

1. Tiếp nhận danh sách, hồ sơ thí sinh dự sát hạch; tiếp nhận và điều hành hệ thống máy tính, máy in tại phòng sát hạch mô phỏng các tình huống giao thông.

2. Gọi thí sinh theo danh sách; yêu cầu thí sinh ký và ghi rõ họ tên vào biên bản tổng hợp kết quả sát hạch; kiểm tra nhận dạng, đối chiếu căn cước công dân hoặc căn cước hoặc hộ chiếu và giấy phép lái xe, ký xác nhận vào biên bản tổng hợp kết quả sát hạch của thí sinh, sắp xếp máy tính cho thí sinh.

3. Kiểm tra, đối chiếu tên, ảnh của thí sinh trên màn hình máy tính với số báo danh, danh sách sát hạch, hồ sơ thí sinh và phát lệnh bắt đầu sát hạch.

4. Yêu cầu thí sinh thực hiện nghiêm túc nội quy, quy chế sát hạch. Giám sát quá trình sát hạch: Không để người không có nhiệm vụ vào phòng sát hạch lý thuyết; không để thí sinh mang điện thoại di động, thiết bị viễn thông liên lạc bằng hình ảnh, âm thanh vào phòng sát hạch lý thuyết; không để thí sinh trao đổi, sử

dụng tài liệu. Lập biên bản xử lý thí sinh vi phạm và báo cáo báo cáo Tổ trưởng sát hạch trong trường hợp thí sinh cố tình vi phạm.

5. Theo dõi, kiểm tra hoạt động của hệ thống máy tính; trường hợp hư hỏng hoặc lỗi kỹ thuật thì yêu cầu kỹ thuật viên của trung tâm sát hạch vào kiểm tra, xử lý theo quy định.

II. Đối với người dự sát hạch

1. Tiếp nhận máy tính: Nhập số báo danh dự sát hạch.

2. Thực hiện nội dung sát hạch

2.1. Thời gian là bài sát hạch: Không quá 10 phút.

2.2. Đề thi được thiết kế dưới dạng 10 câu hỏi mô phỏng các tình huống giao thông; mỗi câu hỏi trong đề sát hạch mô phỏng các tình huống giao thông chứa 01 tình huống tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn giao thông. Mỗi câu hỏi có số điểm tối đa là 5 điểm và số điểm tối thiểu là 0 điểm.

2.3. Số điểm đạt được của học viên tương ứng với thời điểm học viên nhận biết và xác định tình huống tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn giao thông thông qua việc tương tác với máy tính có cài đặt phần mềm sát hạch mô phỏng. Điểm tối đa khi học viên nhận biết và tương tác với máy tính đúng thời điểm xuất hiện tình huống mất an toàn giao thông; điểm tối thiểu khi học viên nhận biết và tương tác với máy tính trước khi xuất hiện tình huống mất an toàn giao thông hoặc không tương tác hoặc tương tác từ thời điểm xảy ra tình huống mất an toàn giao thông.

2.4. Các tình huống mô phỏng được chạy liên tiếp tự động, thí sinh không được lựa chọn lại đáp án cho các câu hỏi đã trả lời hoặc chưa trả lời. Khi hoàn thành bài sát hạch mô phỏng hoặc hết thời gian của câu hỏi cuối cùng, toàn bộ các câu trả lời của thí sinh (kể cả các câu hỏi chưa trả lời hết) được máy tự động chấm điểm, in ra và lưu trữ tại máy chủ.

III. Công nhận kết quả

Nội dung	**Hạng C1E, CE**
Số lượng tình huống	50
Điểm đạt tối thiểu	35

1. Thí sinh ký xác nhận vào biên bản sát hạch mô phỏng các tình huống giao thông trên máy tính được in ra và phần kết quả sát hạch mô phỏng các tình

huống giao thông trên máy tính tại biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe của thí sinh.

2. Sát hạch viên ký xác nhận vào biên bản sát hạch mô phỏng các tình huống giao thông trên máy tính được in ra và ghi điểm, nhận xét, ký xác nhận vào phần kết quả sát hạch mô phỏng các tình huống giao thông trên máy tính tại biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe của thí sinh.

C. SÁT HẠCH THỰC HÀNH

I. Sát hạch lái xe trong hình

1. Đối với sát hạch viên:

1.1. Tiếp nhận hồ sơ thí sinh dự sát hạch, gọi thí sinh, sắp xếp xe sát hạch cho thí sinh.

1.2. Kiểm tra nhận dạng, đối chiếu căn cước công dân hoặc căn cước hoặc hộ chiếu và giấy phép lái xe với thí sinh và tên thí sinh ghi trên biên bản tổng hợp kết quả sát hạch; ký tên vào biên bản tổng hợp kết quả sát hạch; theo dõi, giám sát thí sinh tiếp nhận xe sát hạch được giao.

1.3. Phát lệnh sát hạch và theo dõi quá trình thực hiện bài sát hạch của thí sinh, phân tích và chấm điểm độc lập các lỗi vi phạm của thí sinh tại các bài sát hạch theo quy trình.

1.4. Theo dõi quá trình sát hạch, không để người không có nhiệm vụ ngồi trên xe sát hạch hoặc vào sân sát hạch; không để thí sinh mang điện thoại di động, thiết bị viễn thông lên xe sát hạch và báo cáo Tổ trưởng sát hạch trường hợp thí sinh cố tình vi phạm.

1.5. Theo dõi tình trạng kỹ thuật của xe sát hạch để kịp thời phát hiện các trường hợp không bảo đảm các điều kiện an toàn kỹ thuật.

2. Đối với người dự sát hạch

2.1. Tiếp nhận xe sát hạch được giao.

2.2. Thí sinh thực hiện 02 bài sát hạch

2.2.1. Trình tự và các bước thực hiện:

a) Bài sát hạch tiến qua hình có 05 cọc chuẩn và vòng trở lại

- Thí sinh dừng xe trước vạch xuất phát, chờ hiệu lệnh của sát hạch viên ;

- Khi có hiệu lệnh xuất phát, điều khiển xe tiến qua hình có 05 cọc chuẩn và vòng quay trở lại cho đến khi bánh xe sau của xe qua vạch kết thúc bài sát hạch.

b) Bài sát hạch ghép xe vào nơi đỗ

- Thí sinh lái xe tiến vào khoảng cách khống chế để lùi vào nơi ghép xe dọc;

- Thí sinh lùi để ghép xe vào nơi đỗ;

- Thí sinh dừng xe khi bánh xe sau nằm trên vị trí đỗ quy định;

- Thí sinh điều khiển xe qua vạch kết thúc bài sát hạch và dừng lại.

2.2.2. Yêu cầu đạt được của thí sinh

a) Đi đúng trình tự bài sát hạch;

b) Thân xe không được chạm cọc chuẩn;

c) Hoàn thành bài sát hạch trong thời gian 05 phút;

d) Giữ tốc độ động cơ không quá 4000 vòng/phút;

đ) Xe không được chết máy trong quá trình sát hạch;

e) Tốc độ xe chạy không quá 20 km/h.

2.2.3. Các lỗi bị trừ điểm hoặc bị đình chỉ sát hạch

2.2.3.1. Các lỗi bị trừ điểm:

2.2.3.1.1. Chạm 01 cọc chuẩn nhưng không đổ, mỗi lần bị trừ 10 điểm;

2.2.3.1.2. Chạm làm đổ 01 cọc chuẩn, mỗi lần bị trừ 15 điểm;

2.2.3.1.3. Đỗ xe không đúng vị trí quy định, bị trừ 05 điểm;

2.2.3.1.4. Thời gian thực hiện 01 bài sát hạch quá 05 phút, cứ quá 01 phút bị trừ 05 điểm;

2.2.3.1.5. Xe bị chết máy, mỗi lần bị trừ 05 điểm.

2.2.3.2. Các lỗi bị đình chỉ sát hạch:

2.2.3.2.1. Đi không đúng trình tự bài sát hạch;

2.2.3.2.2. Chưa ghép được xe vào nơi đỗ (Khi kết thúc bài sát hạch, còn một phần thân xe nằm ngoài khu vực ghép xe);

2.2.3.2.3. Không hoàn thành bài sát hạch;

2.2.3.2.4. Xử lý tình huống không hợp lý gây tai nạn.

3. Công nhận kết quả:

3.1. Thang điểm: 100 điểm.

3.2. Điểm đạt: Từ 80 điểm trở lên.

- Hai sát hạch viên chấm điểm độc lập, thống nhất kết quả, xác nhận vào biên bản sát hạch thực hành lái xe trong hình theo mẫu quy định tại Mẫu số 01 Phụ lục này và ghi điểm, nhận xét, ký xác nhận phần kết quả sát hạch thực hành lái xe trong hình tại biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe của thí sinh.

- Thí sinh ký xác nhận vào biên bản sát hạch thực hành lái xe trong hình và phần kết quả sát hạch thực hành lái xe trong hình tại biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe của thí sinh.

II. Sát hạch lái xe trên đường:

1. Đối với sát hạch viên:

1.1. Tiếp nhận hồ sơ thí sinh dự sát hạch;

1.2. Kiểm tra tình trạng lưu trữ hình ảnh và âm thanh của camera lắp trên xe sát hạch.

1.3. Sắp xếp xe sát hạch cho thí sinh, đối chiếu căn cước công dân hoặc căn cước hoặc hộ chiếu và giấy phép lái xe với thí sinh và tên thí sinh ghi trên biên bản tổng hợp kết quả sát hạch của thí sinh.

1.4. Ngồi ghế bên cạnh thí sinh để phát lệnh sát hạch, ra các hiệu lệnh để thí sinh thực hiện, bảo hiểm tay lái, quan sát, thông báo và ghi và chấm điểm các lỗi vi phạm của thí sinh trong quá trình thực hiện bài sát hạch.

1.5. Theo dõi tình trạng kỹ thuật của ôtô sát hạch để kịp thời phát hiện các trường hợp không bảo đảm các điều kiện an toàn kỹ thuật.

2. Đối với người dự sát hạch

2.1. Tiếp nhận xe sát hạch được giao.

2.2. Thí sinh thực hiện các bài sát hạch

2.2.1. Các bước thực hiện

a) Thí sinh dừng xe trước vạch xuất phát, khởi hành theo hiệu lệnh của sát hạch viên;

b) Thí sinh thực hiện bài sát hạch lái xe trên đường giao thông công cộng, dài tối thiểu 02 km, có đủ tình huống theo quy định (đoạn đường do Sở Giao thông vận tải lựa chọn sau khi thống nhất với cơ quan quản lý giao thông có thẩm quyền);

c) Thí sinh thực hiện các thao tác dừng xe khi có hiệu lệnh của sát hạch viên.

2.2.2. Yêu cầu đạt được

a) Bật và tắt đèn xi nhan trái khi khởi hành;

b) Nhả phanh tay trước khi khởi hành, xe không bị rung giật mạnh và lùi về phía sau quá 500 mm;

c) Trong khoảng 15 m phải tăng từ số 1 lên số 3;

d) Sử dụng số phù hợp với tình trạng mặt đường;

đ) Chấp hành các quy tắc giao thông đường bộ về biển báo hiệu đường bộ, tốc độ và khoảng cách, đèn tín hiệu giao thông, vạch kẻ phân làn đường, nhường đường cho các xe ưu tiên; tránh, vượt xe khác;

e) Thực hiện theo hiệu lệnh của sát hạch viên;

g) Bật đèn xi nhan phải trước khi dừng xe;

h) Giảm hết số khi dừng xe;

i) Dừng xe đúng vị trí quy định;

k) Kéo phanh tay khi xe dừng hẳn.

2.2.3. Các lỗi bị trừ điểm hoặc bị đình chỉ sát hạch

2.2.3.1. Các lỗi bị trừ điểm:

2.2.3.1.1. Không thắt dây an toàn (đối với loại xe có trang bị dây an toàn) bị trừ 02 điểm;

2.2.3.1.2. Không bật đèn xi nhan trái trước khi khởi hành, bị trừ 02 điểm;

2.2.3.1.3. Không tắt đèn xi nhan trái khi xe đã hoà nhập vào làn đường, bị trừ 02 điểm;

2.2.3.1.4. Khởi hành xe bị rung giật mạnh, bị trừ 02 điểm;

2.2.3.1.5. Xe bị chết máy, mỗi lần bị trừ 02 điểm;

2.2.3.1.6. Không nhả hết phanh tay khi khởi hành, bị trừ 02 điểm;

2.2.3.1.7. Trong khoảng 15m không tăng từ số 1 lên số 3, bị trừ 02 điểm;

2.2.3.1.8. Sử dụng tay số không phù hợp với tình trạng mặt đường, bị trừ 02 điểm;

2.2.3.1.9. Vi phạm quy tắc giao thông đường bộ, mỗi lần bị trừ 05 điểm;

2.2.3.1.10. Không vào đúng số khi tăng hoặc giảm số, bị trừ 02 điểm;

2.2.3.1.11. Không bật đèn xi nhan phải trước khi dừng xe, bị trừ 02 điểm;

2.2.3.1.12. Không giảm hết số trước khi dừng xe, bị trừ 02 điểm;

2.2.3.1.13. Không kéo phanh tay khi dừng xe, bị trừ 02 điểm.

2.2.3.2. Các lỗi bị đình chỉ sát hạch:

2.2.3.2.1. Không thực hiện theo hiệu lệnh của sát hạch viên;

2.2.3.2.2. Xử lý tình huống không hợp lý gây tai nạn;

2.2.3.2.3. Khi tăng hoặc giảm số, xe bị choạng lái quá làn đường quy định.

3. Công nhận kết quả:

3.1. Thang điểm: 20 điểm.

3.2. Điểm đạt: Từ 15 điểm trở lên.

3.3. Sát hạch viên ký xác nhận vào biên bản sát hạch thực hành lái xe trên đường giao thông theo mẫu quy định tại Mẫu số 03 Phụ lục này và ghi điểm, nhận xét, ký xác nhận phần kết quả sát hạch kỹ năng lái xe trên đường giao thông trong biên bản tổng hợp kết quả sát hạch của thí sinh.

3.4. Thí sinh ký xác nhận vào biên bản sát hạch lý thuyết, thực hành lái xe trong hình, thực hành lái xe trên đường và sát hạch bằng phần mềm mô phỏng các tình huống giao thông tại biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe của thí sinh theo quy định tại Mẫu số 01, Mẫu số 02, Mẫu số 03 và Mẫu số 04 Phụ lục này.

D. CÁC BIỂU MẪU LIÊN QUAN ĐẾN QUY TRÌNH SÁT HẠCH LÁI XE CÁC HẠNG C1E, CE

Mẫu số 01	**Biên bản sát hạch lý thuyết các hạng C1E, CE**
Mẫu số 02	**Biên bản sát hạch thực hành lái xe trong hình các hạng C1E, CE**
Mẫu số 03	**Biên bản sát hạch thực hành lái xe trên đường các hạng C1E, CE**
Mẫu số 04	**Biên bản sát hạch bằng phần mềm mô phỏng các tình huống giao thông các hạng C1E, CE**

Mẫu số 01. Biên bản sát hạch lý thuyết các hạng C1E, CE

SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI…
HỘI ĐỒNG SÁT HẠCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN SÁT HẠCH LÝ THUYẾT

Họ và tên:
Ngày sinh:
Số CCCD:
Hạng:
Số báo danh:

Khóa sát hạch:
Ngày sát hạch:
Thời điểm bắt đầu:
Thời điểm kết thúc:
Lần thi:

Ảnh chân dung

Câu hỏi		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
Trả lời	1																							
	2																							
	3																							
	4																							

Câu hỏi		24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45
Trả lời	1																						
	2																						
	3																						
	4																						

Kết luận:

Số điểm đạt được: …

Đạt ☐ **Không đạt** ☐

Sát hạch viên ký xác nhận **Học viên ký xác nhận kết quả**

Mẫu số 02. Biên bản sát hạch thực hành lái xe trong hình các hạng C1E, CE

SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI…
HỘI ĐỒNG SÁT HẠCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN SÁT HẠCH THỰC HÀNH LÁI XE TRONG HÌNH

Họ và tên:
Ngày sinh:
Số CCCD:
Hạng:
Số báo danh:
Lần thi:

Khóa sát hạch:
Ngày sát hạch:
Số xe sát hạch:
Thời điểm bắt đầu:
Thời điểm kết thúc:
Tổng thời gian sát hạch:

Ảnh chân dung

Số TT	Các lỗi bị trừ điểm	Số lần mắc lỗi	Điểm trừ (tính cho 1 lần)	Tổng điểm trừ
1	Chạm 01 cọc chuẩn, nhưng không đổ		10	
2	Chạm làm đổ 01 cọc chuẩn		15	
3	Quá tổng thời gian thực hiện 01 bài sát hạch		5	
4	Xe bị chết máy		5	
5	Đỗ xe không đúng vị trí quy định		5	
6	Chưa ghép được xe vào nơi đỗ		Đình chỉ sát hạch	
7	Đi không đúng trình tự bài sát hạch		Đình chỉ sát hạch	
8	Xử lý tình huống không hợp lý gây tai nạn		Đình chỉ sát hạch	
9	Không hoàn thành bài sát hạch tiến qua hình có 05 cọc chuẩn		Đình chỉ sát hạch	
Cộng				

Kết luận:
Số điểm đạt được: …
Đạt ☐ **Không đạt** ☐

Sát hạch viên ký xác nhận **Học viên ký xác nhận kết quả**

Mẫu số 03. Biên bản sát hạch thực hành lái xe trên đường các hạng C1E, CE

SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI…
HỘI ĐỒNG SÁT HẠCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN SÁT HẠCH THỰC HÀNH LÁI XE TRÊN ĐƯỜNG

Họ và tên:
Ngày sinh:
Số CCCD:
Hạng:
Số báo danh:
Lần thi:

Khóa sát hạch:
Ngày sát hạch:
Số xe sát hạch:
Thời điểm bắt đầu:
Thời điểm kết thúc:
Tổng quãng đường sát hạch:

Ảnh chân dung

Số TT	Các lỗi bị trừ điểm	Điểm trừ (tính cho 1 lần)	Số lần mắc lỗi	Tổng điểm trừ
1	Không thắt dây an toàn	2		
2	Không bật đèn xi nhan trái trước khi khởi hành	2		
3	Không tắt đèn xi nhan trái khi đã hòa nhập vào làn đường	2		
4	Khởi hành xe bị rung giật mạnh	2		
5	Xe bị chết máy	2		
6	Không nhả hết phanh tay khi khởi hành	2		
7	Trong khoảng 15m không tăng từ số 1 lên số 3	2		
8	Sử dụng tay số không phù hợp với tình trạng mặt đường	2		
9	Vi phạm quy tắc giao thông đường bộ	5		
13	Không vào đúng số khi tăng hoặc giảm số	2		
14	Không giảm hết số khi dừng xe	2		
15	Không bật đèn xi nhan phải trước khi dừng xe	2		
16	Không kéo phanh tay khi dừng xe	2		
10	Không thực hiện theo hiệu lệnh của sát hạch viên		Đình chỉ sát hạch	
11	Xử lý tình huống không hợp lý gây tai nạn		Đình chỉ sát hạch	
12	Khi tăng hoặc giảm số xe bị choạng lái quá làn đường quy định		Đình chỉ sát hạch	
Cộng				

Kết luận:
Số điểm đạt được: …
Đạt ☐ **Không đạt** ☐

Sát hạch viên ký xác nhận **Học viên ký xác nhận kết quả**

Mẫu số 04. Biên bản sát hạch bằng phần mềm mô phỏng các tình huống giao thông các hạng BE, D1E, D2E, DE

SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI…
HỘI ĐỒNG SÁT HẠCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN SÁT HẠCH MÔ PHỎNG CÁC TÌNH HUỐNG GIAO THÔNG

Họ và tên:
Ngày sinh:
Số CCCD:
Hạng:
Số báo danh:

Khóa sát hạch:
Ngày sát hạch:
Thời điểm bắt đầu:
Thời điểm kết thúc:
Lần thi:

Ảnh chân dung

Câu hỏi	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Điểm										

Kết luận:

Số điểm đạt được: …

Đạt ☐ **Không đạt** ☐

Sát hạch viên ký xác nhận **Học viên ký xác nhận kết quả**

Phụ lục XVIII

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA HỘI ĐỒNG SÁT HẠCH

(Ban hành kèm theo Thông tư số 35/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA HỘI ĐỒNG SÁT HẠCH

I. Nhiệm vụ, quyền hạn của các thành viên hội đồng sát hạch

1. Chủ tịch

1.1. Nhiệm vụ

1.1.1. Tổ chức họp hội đồng, tổ sát hạch để công bố quyết định tổ chức kỳ sát hạch, thành lập hội đồng sát hạch, tổ sát hạch; phổ biến nội quy và các quy định cần thiết cho sát hạch viên; phân công nhiệm vụ của hội đồng kỳ sát hạch lái xe và lập Biên bản phân công theo mẫu quy định tại Mẫu số 01 ban hành kèm theo Phụ lục này.

1.1.2. Tổ chức khai mạc kỳ sát hạch để công bố quyết định tổ chức kỳ sát hạch, phổ biến nội quy và các quy định cần thiết cho người dự sát hạch, thông báo kế hoạch tổ chức kỳ sát hạch phù hợp với năng lực sát hạch lái xe trong ngày.

1.1.3. Chỉ đạo Tổ trưởng sát hạch:

a) Kiểm tra các điều kiện cần thiết trước khi sát hạch quy định tại điểm 1.1 mục 1 phần II Phụ lục này, nếu đủ thì báo cáo Chủ tịch tổ chức sát hạch;

b) Tiếp nhận, sử dụng thiết bị chấm điểm lý thuyết và thực hành. Trường hợp giao nhân viên kỹ thuật của trung tâm vận hành thì phải giám sát trong quá trình sát hạch.

1.1.4. Đôn đốc, kiểm tra các thành viên hội đồng thực hiện nhiệm vụ giao.

1.1.5. Xử lý trường hợp chấm điểm không chính xác do lỗi của thiết bị chấm điểm tự động và các trường hợp đình chỉ sát hạch bắt buộc, các vi phạm và khiếu nại của thí sinh theo báo cáo của Tổ trưởng sát hạch. Khi cần thiết, phải họp hội đồng để xem xét, quyết định.

1.1.6. Tổ chức họp hội đồng sát hạch để nghe Tổ trưởng sát hạch báo cáo kết quả sát hạch. Nhận xét, đánh giá ưu, khuyết điểm kỳ sát hạch và lập biên bản tổng hợp kết quả sát hạch, đề nghị công nhận thí sinh trúng tuyển; xác nhận thí sinh vắng, trượt, xác nhận phí và lệ phí phải nộp.

1.2. Quyền hạn

1.2.1. Tạm dừng sát hạch để báo cáo Giám đốc Sở Giao thông vận tải xem xét, quyết định khi: Thiết bị chấm điểm lý thuyết hoặc thực hành bị hỏng, báo lỗi và chấm điểm không đúng quy trình sát hạch; xe sát hạch không đảm bảo an toàn.

1.2.2. Tạm đình chỉ nhiệm vụ của sát hạch viên khi vi phạm quy chế, lập biên bản báo cáo Giám đốc Sở Giao thông vận tải xem xét, quyết định.

2. Người đứng đầu cơ sở đào tạo lái xe (Ủy viên)

2.1. Nhiệm vụ

2.1.1. Chỉ đạo Trưởng phòng (ban) đào tạo phối hợp với Tổ trưởng sát hạch để thực hiện đúng nội dung, quy trình sát hạch.

2.1.2. Giúp Chủ tịch xử lý thí sinh vi phạm nội quy, quy chế và khiếu nại về kết quả sát hạch.

2.1.3. Phối hợp với Giám đốc trung tâm sát hạch lái xe giải quyết tai nạn xảy ra khi sát hạch thực hành lái xe trong hình; trường hợp do lỗi của thí sinh gây ra, thì phối hợp với thí sinh giải quyết bồi thường (trừ trường hợp người đứng đầu cơ sở đào tạo lái xe đồng thời là Giám đốc trung tâm sát hạch lái xe).

2.1.4. Thực hiện công việc khác khi Chủ tịch giao.

2.2. Quyền hạn

2.2.1. Đề nghị Chủ tịch hoặc Tổ trưởng sát hạch (đối với kỳ sát hạch lái xe hạng A1, A) không tổ chức sát hạch nếu thiết bị chấm điểm hoạt động không chính xác, xe cơ giới dùng để sát hạch không đảm bảo điều kiện an toàn.

2.2.2. Đề nghị Chủ tịch xem xét, xử lý sát hạch viên vi phạm quy chế.

3. Giám đốc trung tâm sát hạch (Ủy viên)

3.1. Nhiệm vụ

3.1.1. Bảo đảm thiết bị chấm điểm lý thuyết, thực hành hoạt động chính xác, ổn định; hệ thống camera giám sát phòng sát hạch lý thuyết, sân sát hạch hoạt động ổn định, được kết nối và công khai dữ liệu tại Cục Đường bộ Việt Nam; xe cơ giới dùng để sát hạch đảm bảo điều kiện an toàn, đã được cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, chấp thuận đưa vào sử dụng.

3.1.2. Bố trí tủ đựng đồ cá nhân cho học viên khi tham gia sát hạch lý thuyết và thực hành lái xe trong hình.

3.1.3. Bố trí nhân viên bảo vệ, nhân viên kỹ thuật máy tính tại phòng sát hạch lý thuyết, nhân viên kỹ thuật quản lý thiết bị chấm điểm tự động và lái xe phục vụ trong sân sát hạch.

3.1.4. Giúp Chủ tịch xử lý các khiếu nại của thí sinh liên quan đến hoạt động của thiết bị chấm điểm trong quá trình sát hạch.

3.1.5. Phối hợp với Giám đốc cơ sở đào tạo giải quyết tai nạn xảy ra khi sát hạch thực hành lái xe trong hình; chịu trách nhiệm giải quyết nếu tai nạn xảy ra do xe sát hạch không đảm bảo điều kiện an toàn (trừ trường hợp Giám đốc trung tâm sát hạch lái xe đồng thời là Người đứng đầu cơ sở đào tạo lái xe).

3.1.6. Thực hiện công việc khác khi Chủ tịch giao.

3.2. Quyền hạn

3.2.1. Đề nghị Chủ tịch đình chỉ sát hạch nếu phát hiện thấy thí sinh lái xe không an toàn;

3.2.2. Đề nghị Chủ tịch xem xét, xử lý sát hạch viên vi phạm quy chế.

4. Tổ trưởng sát hạch

4.1. Nhiệm vụ

4.1.1. Tiếp nhận, quản lý danh sách và hồ sơ thí sinh dự sát hạch từ ban Quản lý sát hạch để giao sát hạch viên theo nhiệm vụ được phân công.

4.1.2. Tổ chức khai mạc kỳ sát hạch để công bố quyết định tổ chức kỳ sát hạch (đối với kỳ sát hạch lái xe hạng A1, A), phổ biến nội quy, quy trình sát hạch và các quy định cần thiết cho người dự sát hạch.

4.1.3. Giao nhiệm vụ cho sát hạch viên thực hiện các công việc quy định tại mục 1 Phần II Phụ lục này; lập Biên bản phân công nhiệm vụ của sát hạch viên theo quy định tại Mẫu số 02 ban hành kèm theo Phụ lục này; lập Biên bản kiểm tra thiết bị sát hạch theo quy định tại Mẫu số 03 ban hành kèm theo Phụ lục này).

4.1.4. Đôn đốc, kiểm tra sát hạch viên thực hiện nhiệm vụ giao.

4.1.5. Tổng hợp các khiếu nại của thí sinh, biên bản thí sinh vi phạm nội quy, quy chế do các sát hạch viên lập để báo cáo Chủ tịch quyết định.

4.1.6. Kiểm tra các bài sát hạch lý thuyết, biên bản sát hạch, biên bản tổng hợp kết quả sát hạch để bàn giao cho Ủy viên thư ký; chuẩn bị các nhận xét ưu, khuyết điểm của kỳ sát hạch để báo cáo Chủ tịch.

4.1.7. Thực hiện phúc tra kết quả sát hạch theo yêu cầu của Chủ tịch.

4.2. Quyền hạn

4.2.1. Từ chối không tổ chức sát hạch khi thấy thiết bị chấm điểm không chính xác, xe sát hạch không đảm bảo an toàn;

4.2.2. Yêu cầu sát hạch viên lập biên bản, xử lý các trường hợp thí sinh vi phạm nội quy, quy chế theo quyền hạn được giao;

4.2.3. Đề nghị Chủ tịch xem xét, xử lý sát hạch viên vi phạm quy chế.

5. Ủy viên thư ký

5.1. Nhiệm vụ

5.1.1. Phối hợp với sát hạch viên lập biên bản thí sinh vi phạm quy chế và giúp Chủ tịch lập biên bản khi sát hạch viên vi phạm quy chế.

5.1.2. Giúp Chủ tịch lập biên bản phân công nhiệm vụ cho các thành viên hội đồng và lập Biên bản tổng hợp kết quả kỳ sát hạch theo mẫu quy định tại Mẫu số 04 ban hành kèm theo Phụ lục này.

5.1.3. Giúp Tổ trưởng lập biên bản phân công nhiệm vụ của tổ sát hạch lái xe.

5.1.4. Kiểm tra các bài sát hạch, biên bản sát hạch, biên bản tổng hợp kết quả sát hạch và tiếp nhận, quản lý hồ sơ do Tổ trưởng sát hạch giao khi kết thúc các nội dung sát hạch.

5.1.5. Gửi các tài liệu của kỳ sát hạch để lưu trữ theo quy định.

5.2. Quyền hạn

Yêu cầu Tổ trưởng sát hạch hoàn thiện các bài sát hạch, biên bản sát hạch và biên bản tổng hợp kết quả sát hạch theo quy định.

II. Nhiệm vụ, quyền hạn của sát hạch viên

1. Nhiệm vụ

1.1. Kiểm tra các điều kiện cần thiết trước khi sát hạch gồm:

1.1.1. Hệ thống camera giám sát lắp đặt tại phòng sát hạch lý thuyết, sát hạch trên phần mềm mô phỏng các tình huống giao thông (nếu có), sân sát hạch hoạt động tốt, kết nối ổn định đến Sở Giao thông vận tải.

1.1.2. Phòng sát hạch lý thuyết, sát hạch trên phần mềm mô phỏng các tình huống giao thông (nếu có) phải đủ máy tính, máy in và hoạt động tốt, ổn định. Sử dụng phần mềm sát hạch do Cục Đường bộ Việt Nam chuyển giao.

1.1.3. Phòng chờ sát hạch lý thuyết, sát hạch trên phần mềm mô phỏng các tình huống giao thông (nếu có) có đủ 02 màn hình, hoạt động tốt, ổn định để công khai quá trình và kết quả sát hạch lý thuyết.

1.1.4. Phòng hội đồng sát hạch có ít nhất 01 màn hình, hoạt động tốt, ổn định để công khai quá trình sát hạch lý thuyết.

1.1.5. Phòng chờ sát hạch lái xe trong hình và trên đường có ít nhất 02 màn hình, hoạt động tốt, ổn định để công khai quá trình sát hạch thực hành lái xe trong hình và trên đường.

1.1.6. Hệ thống loa trên xe sát hạch và loa phóng thanh của trung tâm sát hạch hoạt động tốt, công khai kết quả sát hạch lái xe trong hình.

1.1.7. Xe sát hạch, sân sát hạch không có các dấu vết để chỉ dẫn thí sinh trong quá trình sát hạch.

1.1.8. Thiết bị chấm điểm tự động trong sân sát hạch phải hoạt động ổn định, báo lỗi chấm điểm chính xác; đối với trường hợp sát hạch lái xe trong hình chưa sử dụng thiết bị chấm điểm tự động phải kiểm tra xe sát hạch và kích thước hình các bài sát hạch theo tiêu chuẩn và quy trình sát hạch lái xe.

1.1.9. Thiết bị chấm điểm tự động trên xe sát hạch trên đường phải hoạt động ổn định, báo lỗi chấm điểm chính xác; đối với trường hợp chưa sử dụng thiết bị chấm điểm tự động, camera giám sát, thiết bị chấm điểm trên xe sát hạch trên đường lắp đặt chắc chắn, hoạt động tốt, ổn định, lưu trữ được âm thanh và hình ảnh trong quá trình sát hạch.

1.1.10. Xe sát hạch phải đảm bảo các điều kiện an toàn.

1.1.11. Xe sát hạch trong hình có đủ các giấy chứng nhận tham gia bảo hiểm trách nhiệm dân sự, giấy chứng nhận đảm bảo chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường còn hiệu lực.

1.1.12. Xe sát hạch trên đường có đủ giấy chứng nhận đăng ký, giấy chứng nhận tham gia bảo hiểm trách nhiệm dân sự, giấy chứng nhận và tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường còn hiệu lực, hệ thống phanh phụ hoạt động hiệu quả.

1.1.13. Phương án đảm bảo an toàn trong quá trình sát hạch.

1.2. Sát hạch lý thuyết: Sát hạch trắc nghiệm trên máy vi tính

Thực hiện các nhiệm vụ của sát hạch viên theo quy trình sát hạch lý thuyết để cấp giấy phép lái xe bằng phương pháp trắc nghiệm trên máy vi tính.

1.3. Sát hạch trên phần mềm mô phỏng các tình huống giao thông

Thực hiện các nhiệm vụ của sát hạch viên theo quy trình sát hạch trên phần mềm mô phỏng các tình huống giao thông.

1.4. Sát hạch lái xe trong hình

1.4.1. Sát hạch bằng thiết bị chấm điểm tự động trên xe sát hạch (không bố trí sát hạch viên)

Thực hiện các nhiệm vụ của sát hạch viên theo quy trình sát hạch thực hành lái xe trong hình để cấp giấy phép lái xe bằng thiết bị chấm điểm tự động.

1.4.2. Sát hạch bằng phương pháp chấm điểm trực tiếp để cấp giấy phép lái xe hạng B1, BE, D1E, D2E, DE (trên xe sát hạch không bố trí sát hạch viên)

Thực hiện các nhiệm vụ của sát hạch viên theo quy trình sát hạch thực hành lái xe trong hình để cấp giấy phép lái xe bằng phương pháp chấm điểm trực tiếp.

1.5. Sát hạch lái xe trên đường hạng B, BE, C1, C1E, C, CE, D1, D1E, D2, D2E, D, DE (Trên ôtô sát hạch bố trí 01 sát hạch viên)

1.5.1. Sát hạch bằng thiết bị chấm điểm tự động

Thực hiện các nhiệm vụ của sát hạch viên theo quy trình sát hạch thực hành lái xe trên đường để cấp giấy phép lái xe bằng thiết bị chấm điểm tự động tại Phụ lục XV ban hành kèm theo Thông tư này.

1.5.2. Sát hạch bằng phương pháp chấm điểm trực tiếp

Thực hiện các nhiệm vụ của sát hạch viên theo quy trình sát hạch thực hành lái xe trên đường để cấp giấy phép lái xe bằng phương pháp chấm điểm trực tiếp tại Phụ lục XV ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Quyền hạn

2.1. Từ chối sát hạch nếu thấy trung tâm sát hạch không bảo đảm các điều kiện cần thiết quy định tại điểm 1.1 mục 1 phần II của Phụ lục này.

2.2. Yêu cầu thí sinh xuất trình một trong các giấy tờ: căn cước công dân, căn cước, hộ chiếu và giấy phép lái xe (đối với các trường hợp nâng hạng, sát hạch để cấp lại giấy phép lái xe và miễn sát hạch lý thuyết) để đối chiếu với hồ sơ.

2.3. Lập biên bản những trường hợp thí sinh vi phạm nội quy, quy chế.

2.4. Đình chỉ sát hạch và báo cáo Tổ trưởng các trường hợp thí sinh lái xe lên vỉa hè, không đi đúng hình quy định của hạng xe sát hạch, gây tai nạn trong quá trình sát hạch, không thực hiện theo hiệu lệnh của sát hạch viên.

III. Biểu mẫu Biên bản

Mẫu số 01	**Biên bản họp phân công nhiệm vụ của hội đồng sát hạch lái xe**
Mẫu số 02	**Biên bản phân công nhiệm vụ của sát hạch viên**
Mẫu số 03	**Biên bản kiểm tra thiết bị sát hạch**
Mẫu số 04	**Biên bản tổng hợp kết quả kỳ sát hạch**

Mẫu số 01. Biên bản họp phân công hội đồng kỳ sát hạch lái xe

SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI… **HỘI ĐỒNG SÁT HẠCH/** **TỔ SÁT HẠCH** (1)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

…., ngày…… tháng……năm

BIÊN BẢN

HỌP PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ CỦA HỘI ĐỒNG SÁT HẠCH LÁI XE (1)

Hội đồng sát hạch lái xe ô tô đã họp toàn thể. Thành phần gồm có:

1. Ông (bà)……. - Chức vụ - Chủ tịch (2),
2. Ông (bà)……. - Chức vụ - Ủy viên (2),
3. Ông (bà)……. - Chức vụ - Ủy viên (2),
4. Ông (bà)……. - Ủy viên kiêm Tổ trưởng sát hạch,
5. Ông (bà)……. - Ủy viên thư ký.

Và các sát hạch viên có tên tại Quyết định số ……/QĐ-SGTVT ngày…tháng…năm….. của Sở Giao thông vận tải.

NỘI DUNG CUỘC HỌP

1. Chủ tịch đã công bố Quyết định số ……/QĐ-SGTVT ngày…tháng…năm….. của Sở Giao thông vận tải về việc tổ chức kỳ sát hạch, thành lập hội đồng sát hạch, tổ sát hạch và nhắc lại chức năng, nhiệm vụ của hội đồng đã được quy định tại các Điều …… Thông tư số /2024/TT-BGTVT ngày ……. của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe; cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế; đào tạo, kiểm tra cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật giao thông đường bộ và triển khai các nội dung trên tại phần khai mạc kỳ sát hạch.

2. Các thông tin về kỳ sát hạch:

2.1 Số lượng thí sinh:

- Theo hồ sơ được duyệt, tổng số học viên đủ tư cách dự thi là: ….. thí sinh, gồm các hạng:
  B: ……..; C1: ……; C: …..; D1: …..; D2: …..; D: …….; BE: ……..; C1E: ……; CE: …..; D1E: …..; D2E: …..; DE: …….;
- Sát hạch do giấy phép lái xe bị mất, quá hạn tổng số …. lái xe, gồm các hạng:
  B: ……..; C1: ……; C: …..; D1: …..; D2: …..; D: …….; BE: ……..; C1E: ……; CE: …..; D1E: …..; D2E: …..; DE: …….;

2.2 Thời gian làm việc: Theo Quyết định số ……/QĐ-SGTVT ngày…tháng…năm….. của Sở Giao thông vận tải, kỳ sát hạch được tổ chức tại Trung tâm sát hạch lái xe…. thực hiện ngày ….. tháng …… năm ……..

Hội đồng thống nhất thời gian làm việc hàng ngày như sau:

Buổi sáng từ: …….

Buổi chiều từ: ……

Các thành viên Hội đồng nhất trí và ký biên bản./.

CÁC ỦY VIÊN	**CHỦ TỊCH/TỔ TRƯỞNG**

Ghi chú: (1) hoặc Tổ sát hạch; (2) Không ghi nội dung này đối với kỳ sát hạch lái xe các hạng A1 và A

Mẫu số 02. Biên bản phân công nhiệm vụ sát hạch viên

SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI… **HỘI ĐỒNG SÁT HẠCH/** **TỔ SÁT HẠCH** (1)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

…., ngày…… tháng……năm

BIÊN BẢN
PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ SÁT HẠCH VIÊN

Tổ sát hạch lái xe đã họp toàn thể. Tổ trưởng sát hạch phân công nhiệm vụ cụ thể cho các sát hạch viên trong tổ như sau:

1. Kiểm tra các điều kiện cần thiết để thực hiện sát hạch:

- Ông (bà)…….: Kiểm tra thiết bị phòng sát hạch lý thuyết.

- Ông (bà)…….: Kiểm tra hệ thống Camera đối với phòng sát hạch lý thuyết, sân sát hạch lái xe trong hình, màn hình và hệ thống loa;

- Ông (bà)…….: Kiểm tra thiết bị phòng sát hạch Mô phỏng

- Ông (bà)…….: kiểm tra thiết bị và xe sát hạch lái xe trong hình; kiểm tra thiết bị và ô tô sát hạch lái xe trên đường;

- Ông (bà)…….: kiểm tra phương án bảo vệ đảm bảo an toàn trong quá trình sát hạch.

2. Thực hiện sát hạch lý thuyết

- Ông (bà)…….

3. Thực hiện sát hạch Mô phỏng (1)

- Ông (bà)…….

4. Thức hiện sát hạch trong hình

- Ông (bà)…….

5. Thực hiện sát hạch lái xe trên đường (2)

- Ông (bà)…….

Các sát hạch viên đã nhất trí với nhiệm vụ do Tổ trưởng phân công và cam kết thực hiện nghiêm túc quy định của Bộ Giao thông vận tải.

CÁC SÁT HẠCH VIÊN	**TỔ TRƯỞNG TỔ SÁT HẠCH**

Ghi chú: Không ghi các nội dung (1) và (2) đối với kỳ sát hạch lái xe các hạng A1 và A

Mẫu số 03. Biên bản kiểm tra thiết bị sát hạch

SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI… **HỘI ĐỒNG SÁT HẠCH/** **TỔ SÁT HẠCH** (1)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

…., ngày…… tháng……năm

BIÊN BẢN KIỂM TRA THIẾT BỊ SÁT HẠCH

Căn cứ Điều ….. Thông tư số /2024/TT-BGTVT ngày ……. của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe; cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế; đào tạo, kiểm tra cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật giao thông đường bộ.

Căn cứ Quyết định số …../QĐ-SGTVT ngày …. tháng ….. năm …. của Giám đốc Sở Giao thông vận tải về việc tổ chức kỳ sát hạch của ……...

Hôm nay, ngày ……. tháng ….. năm ….. tại trung tâm sát hạch lái xe ….., chúng tôi gồm:

1. Tổ sát hạch lái xe

Ông (bà)…..

2. Đại diện Trung tâm sát hạch lái xe

Ông (bà)…..; Chức vụ:

Đã cùng nhau kiểm tra trang thiết bị, xe sát hạch tại trung tâm sát hạch lái xe ….. và thống nhất như sau:

+ Thiết bị sát hạch tại phòng lý thuyết:…….……...
+ Thiết bị sát hạch tại phòng Mô phỏng (1): ……....
+ Thiết bị sát hạch thực hành lái xe trong hình: ……..
+ Thiết bị sát hạch thực hành lái xe 2km đường trường (2): …….
+ Xe sát hạch và thiết bị báo lỗi trên xe (3): ……....
+ Hệ thống camera giám sát phòng sát hạch lý thuyết, sân sát hạch lái xe trong hình: ……..…….....

CÁC SÁT HẠCH VIÊN	**TỔ TRƯỞNG** **TỔ SÁT HẠCH**	**GIÁM ĐỐC** **TRUNG TÂM SHLX**

Ghi chú: Không ghi các nội dung (1), (2), (3) đối với kỳ sát hạch lái xe các hạng A1 và A

Mẫu số 04. Biên bản tổng hợp kết quả kỳ sát hạch

SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI… **HỘI ĐỒNG SÁT HẠCH/** **TỔ SÁT HẠCH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

…., ngày…… tháng……năm

BIÊN BẢN
TỔNG HỢP KẾT QUẢ KỲ SÁT HẠCH

Ngày … tháng ….năm…, vào hồi … giờ…phút , tại Trung tâm sát hạch lái xe ….. Hội đồng sát hạch lái xe ô tô cho học viên các khóa…..của cơ sở đào tạo….., được thành lập theo Quyết định số …../QĐ-SGTVT ngày …… của Giám đốc Sở Giao thông vận tải, đã họp toàn thể để xét công nhận kết quả kỳ sát hạch. Thành phần gồm có:

1. Chủ tịch: Ông (bà) ……- Chức vụ…
2. Ủy viên: Ông (bà) ……- Chức vụ…
3. Ủy viên: Ông (bà) ……- Chức vụ…
4. Ủy viên kiêm Tổ trưởng sát hạch: Ông (bà) ……- Chức vụ…
5. Ủy viên thư ký: Ông (bà) ……- Chức vụ…

NỘI DUNG CUỘC HỌP

I. Thông qua kết quả kỳ sát hạch:

1. Tổng số hò sơ đăng ký dự thi:…..

Tổng số hồ sơ dự thi:…… Vắng không dự thi:…… (có danh sách kèm theo)

a) Học viên thuộc cơ sở đào tạo:

Hạng GPLX	**Tổng số hồ sơ**	**Tổng số dự thi**	**Thi Lý thuyết**			**Mô phỏng các tình huống giao thông (1)**			**Thực hành trong hình**			**Thực hành trên đường giao thông (2)**			**Kết quả đạt**
			Tổng số	Đạt	Trượt	Tổng số	Đạt	Trượt	Tổng số	Đạt	Trượt	Tổng số	Đạt	Trượt	
B															
C1															
C															
D1															
D2															
….															
Cộng															

Ghi chú:

- Số thí sinh chỉ tham dự nội dung Mô phỏng, trong hình, đường trường:…..…;
- Số thí sinh chỉ tham dự nội dung trong hình, đường trường :…..…;
- Số thí sinh chỉ tham dự nội dung đường trường :……..;

….

b) Thí sinh thuộc đối tượng cấp lại giấy phép lái xe:

Hạng GPLX	Tổng số hồ sơ	Tổng số dự thi	Thi Lý thuyết			Mô phỏng các tình huống giao thông			Thực hành trong hình			Thực hành trên đường giao thông			Kết quả đạt
			Tổng số	Đạt	Trượt	Tổng số	Đạt	Trượt	Tổng số	Đạt	Trượt	Tổng số	Đạt	Trượt	
B															
C1															
C															
D1															
D2															
….															
Cộng															

Ghi chú:

- Số thí sinh chỉ tham dự nội dung Mô phỏng, trong hình, đường trường:…..…;
- Số thí sinh chỉ tham dự nội dung trong hình, đường trường:…..…;
- Số thí sinh chỉ tham dự nội dung đường trường:……..;

….

II. Nhận xét kỳ sát hạch:

III. Tổng hợp số thu phí sát hạch và lệ phí cấp GPLX

TT	Nội dung	Số lượng	Số tiền/1 thí sinh	Thành tiền
I	**Phí Sát hạch lái xe**			
1	Lý thuyết			
2	Mô phỏng các tình huống giao thông			
3	Thực hành trong hình			
4	Thực hành trên đường giao thông			
II	**Lệ phí cấp GPLX**			
	Tổng cộng (I + II)			

NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ SỞ ĐÀO TẠO

CHỦ TỊCH

ỦY VIÊN (Giám đốc TTSH)

TỔ TRƯỞNG TỔ SÁT HẠCH

ỦY VIÊN THƯ KÝ

Ghi chú: Không ghi các nội dung (1), (2) đối với kỳ sát hạch lái xe các hạng A1 và A

Phụ lục XIX

MẪU THẺ SÁT HẠCH VIÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 35/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

MẪU THẺ SÁT HẠCH VIÊN

1. Mặt trước:

BỘ GTVT
CỤC ĐBVN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do –Hạnh phúc

THẺ SÁT HẠCH VIÊN
Số: xxxxx

Ảnh màu
3 cm x 4 cm
(chụp không quá 06 tháng)

Họ và tên:.....
Ngày sinh:.....
Cơ quan quản lý:.....

Được sát hạch hạng	x	x	x	x	x	x	x

Ngày cấp: xx/xx/xxxx
Có giá trị đến: xx/xx/xxxx

(Chữ ký và dấu của cơ quan quản lý)

2. Mặt sau:

Ghi chú:
- Thẻ sát hạch viên không có giá trị thay giấy phép lái xe.
- Không cho người khác mượn Thẻ sát hạch viên.
- Mất Thẻ sát hạch viên phải báo ngay cho Sở Giao thông vận tải. và Cục Đường bộ Việt Nam.

3. Quy cách:
- Kích thước: 85,6 x 53,98 x 0,76 mm.
- Tiêu đề "THẺ SÁT HẠCH VIÊN ", chữ "Số" và tên hạng được sát hạch có màu đỏ, các chữ khác in màu đen.
- Ảnh của sát hạch viên được in trực tiếp trên thẻ sát hạch viên.
- Phôi được làm bằng vật liệu PVC hoặc vật liệu có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương, có logo Cục Đường bộ Việt Nam và các ký hiệu bảo mật.

Phụ lục XX

BIỂU MẪU CHUẨN BỊ KỲ SÁT HẠCH

(Ban hành kèm theo Thông tư số 35/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

BIỂU MẪU CHUẨN BỊ KỲ SÁT HẠCH

Mẫu số 01	**Biên bản kiểm tra hồ sơ và điều kiện dự thi của thí sinh dự sát hạch**
Mẫu số 02	**Văn bản lấy ý kiến về trình độ văn hóa của người dân tộc thiểu số**
Mẫu số 03	**Mẫu Báo cáo đề nghị tổ chức sát hạch lái xe**
Mẫu số 04	**Mẫu Danh sách thí sinh dự sát hạch**
Mẫu số 05	**Mẫu Quyết định tổ chức kỳ sát hạch**
Mẫu số 06	**Danh sách thí sinh dự sát hạch để cấp giấy phép lái xe**
Mẫu số 07	**Danh sách thí sinh quá hạn giấy phép lái xe dự sát hạch để cấp lại giấy phép lái xe**
Mẫu số 08	**Mẫu Báo cáo đề nghị tổ chức sát hạch lái xe hạng B1 và ô tô**
Mẫu số 09	**Danh sách thí sinh dự sát hạch để cấp giấy phép lái xe (gửi kèm báo cáo 2)**
Mẫu số 10	**Mẫu văn bản đề xuất danh sách thí sinh có giấy phép lái xe quá thời hạn dự sát hạch để cấp lại giấy phép lái xe**

Mẫu số 01. Biên bản kiểm tra hồ sơ và điều kiện dự thi của thí sinh dự sát hạch lái xe

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN KIỂM TRA HỒ SƠ VÀ ĐIỀU KIỆN DỰ THI CỦA THÍ SINH DỰ SÁT HẠCH LÁI XE

Hôm nay, vào hồi ..... giờ, ngày ..... /..... /....., tại Cơ quan quản lý sát hạch....., Tổ kiểm tra hồ sơ thí sinh dự sát hạch lái xe của cơ sở đào tạo....., gồm:

1. Ông (Bà) ....., Chuyên viên.
2. Ông (Bà) ....., Chuyên viên.
3. Ông (Bà) ....., Đại diện cơ sở đào tạo.

Sau khi đối chiếu báo cáo số 1, báo cáo số 2 và kiểm tra hồ sơ của các thí sinh dự sát hạch.

KẾT QUẢ

Tổng số hồ sơ xin dự sát hạch: .....
Số hồ sơ xét hợp lệ: ....., trong đó:
- Số thi mới: ..... - Số hồ sơ thi lại và vắng: .....

(Theo bảng phân loại dưới đây)

Khóa học	A1	A	B1	B	C1	C	D1	D2	D	…	Tổng số
Số hồ sơ hợp lệ											

Danh sách hồ sơ thí sinh dự thi sát hạch hợp lệ được sát hạch (có danh sách kèm theo).

Số hồ sơ không hợp lệ: ....., được phân theo các lý do (theo bảng dưới đây).

Hạng/Lý do	A1	A	B1	B	C1	C	D1	D2	D	BE
Không có trong danh sách báo cáo 1										
Đơn đề nghị dự sát hạch không đúng										
Chưa đủ thời gian đào tạo										
Chưa đủ thâm niên nâng hạng										
Chưa đủ hoặc hết hạn tuổi										
Sai lệch với căn cước công dân hoặc căn cước										
Giấy chứng nhận sức khỏe không đúng										
Giấy phép lái xe hết hạn, không có hồ sơ										

Danh sách hồ sơ thí sinh dự thi sát hạch không hợp lệ (có danh sách kèm theo).

Tổ kiểm tra lập biên bản này báo cáo Cơ quan quản lý sát hạch cho số thí sinh có hồ sơ hợp lệ trên được dự sát hạch.

CÁN BỘ KIỂM TRA HỒ SƠ	**CƠ SỞ ĐÀO TẠO LÁI XE**
(Ký và ghi rõ họ, tên)	*(Ký và ghi rõ họ, tên)*

Mẫu số 02. Văn bản lấy ý kiến về trình độ văn hóa của người dân tộc thiểu số

UBND TỈNH… **SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI** Số: /SGTVT… Vv xác thực trình độ văn hóa	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** *….., ngày……..tháng……..năm…….*

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã ….

Căn cứ … Thông tư số …/2024/TT-BGTVT ngày … tháng … năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe; cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế; đào tạo, kiểm tra, cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ.

Ngày… tháng … năm … Sở Giao thông vận tải … nhận được đề nghị tham dự sát hạch để cấp giấy phép lái xe của các cá nhân là người dân tộc thiểu số không biết đọc, viết tiếng Việt, để việc sát hạch, cấp giấy phép lái xe được đúng đối tượng theo quy định, đề nghị Ủy ban nhân dân xác thực trình độ văn hóa của các công dân theo danh sách gửi kèm văn bản này.

Để tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, đề nghị quý cơ quan quan tâm, phối hợp thực hiện và có văn bản xác thực gửi về Sở Giao thông vận tải … trước ngày… tháng … năm … /.

Nơi nhận: - Như trên; - Cơ sở đào tạo (để biết); - Lưu VP, …	**GIÁM ĐỐC** *(Ký, ghi rõ họ tên)*

DANH SÁCH XÁC THỰC TRÌNH ĐỘ VĂN HÓA CỦA NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ KHÔNG BIẾT ĐỌC, VIẾT TIẾNG VIỆT

(Kèm theo văn bản số……/SGTVT ngày….tháng….năm)

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số CCCD/CMND/HC	Nơi cư trú	Ghi chú
1					
2					
…					

Mẫu số 03. Báo cáo đề nghị tổ chức sát hạch lái xe

CƠ QUAN CHỦ QUẢN **CƠ SỞ ĐÀO TẠO**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../	*....., ngày ..... tháng ..... năm 20.....*

BÁO CÁO ĐỀ NGHỊ TỔ CHỨC SÁT HẠCH LÁI XE

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải...

Tiếp theo công văn số..... ngày ..... /..... /.....

Cơ sở đào tạo.....đã có báo cáo khai giảng và đăng ký sát hạch các lớp đào tạo lái xe Khóa.....với Sở GTVT, nay Khóa học đã hoàn thành chương trình học tập và xin tổ chức sát hạch, cụ thể:

Số TT	Khóa - Lớp	Hạng giấy phép lái xe	Số học viên vào học	Số học viên dự sát hạch	Ngày sát hạch	Ghi chú
1	Hệ đào tạo mới					
2						
3						
4	Hệ đào tạo nâng hạng					

(có danh sách học viên các khóa học kèm theo)

Cơ sở đào tạo.....đề nghị Sở Giao thông vận tải... xét duyệt và tổ chức kỳ sát hạch cho học viên các khoá - lớp trên.

Nơi nhận: - Như trên; - Lưu:	**NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU** **CƠ SỞ ĐÀO TẠO** *(Ký tên, đóng dấu)*

Mẫu số 04. Danh sách thí sinh dự sát hạch

CƠ QUAN CHỦ QUẢN
CƠ SỞ ĐÀO TẠO

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ SÁT HẠCH
Cấp giấy phép lái xe hạng:.....
Khóa:.....
(Mỗi hạng lập 1 danh sách riêng)

BÁO CÁO 2
Thời gian đào tạo: ..... tháng
Khai giảng ngày ..... tháng ..... năm.....
Bế giảng ngày ..... tháng ..... năm .....

STT	**Họ và tên**	**Ngày tháng năm sinh**	**Số CCCD/CC**	**Nơi cư trú**	**Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ**	**Đã có giấy phép lái xe hạng**	**Thâm niên lái xe**		**Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khoá đào tạo**	**Ghi chú**
							Số năm lái xe	Thời gian lái xe an toàn		
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*
	Tên xếp theo vần A, B, C...									

....., ngày ..... tháng ..... năm 20.....
NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ SỞ ĐÀO TẠO
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 05. Quyết định tổ chức kỳ sát hạch lái xe

UBND TỈNH... **SỞ GTVT……**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số :	*....., ngày ..... tháng ..... năm 20 .....*

QUYẾT ĐỊNH
TỔ CHỨC KỲ SÁT HẠCH LÁI XE

GIÁM ĐỐC SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI ...

Căn cứ Quyết định số ..... ngày ..... /..... /.....của ..... quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giao thông vận tải;

Căn cứ khoản..... Điều.....Thông tư số ...../...../TT-BGTVT ngày ..... /..... /..... của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe; cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế; đào tạo, kiểm tra cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật giao thông đường bộ.

Xét đề nghị của: .....,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép tổ chức kỳ sát hạch lái xe..... cho thí sinh khoá ..... của Cơ sở đào tạo.....

Tổng số..... thí sinh, gồm các hạng B:.....thí sinh, C1:..... thí sinh v.v...(Danh sách thí sinh dự thi các hạng kèm theo).

Kỳ sát hạch được tiến hành từ ngày ..... /..... /..... tại Trung tâm sát hạch lái xe: .....

Điều 2. Thành lập Hội đồng sát hạch gồm các thành viên có tên dưới đây:

1. Chủ tịch Hội đồng: Ông (Bà):.....Chức vụ công tác .....

2. Các Uỷ viên:

- Ông (Bà):.....Giám đốc Trung tâm sát hạch lái xe.....;
- Ông (Bà):.....Hiệu trưởng, Giám đốc cơ sở đào tạo .....;
- Ông (Bà):.....Tổ trưởng Tổ sát hạch;
- Ông (Bà):.....Uỷ viên thư ký.

Trách nhiệm của từng thành viên do Chủ tịch hội đồng phân công.

Điều 3. Thành lập Tổ sát hạch gồm các ông, bà có tên dưới đây:

1. Ông (Bà): .....Tổ trưởng; 3. Ông (Bà):..... Sát hạch viên;
2. Ông (Bà):.....Sát hạch viên; 4.....

Nhiệm vụ cụ thể của từng thành viên do Tổ trưởng sát hạch phân công.

Điều 4. Hội đồng sát hạch và Tổ sát hạch có các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều .....Thông tư số ...../...../TT-BGTVT ngày ..... /..... / ..... của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe; cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế; đào tạo, kiểm tra cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật giao thông đường bộ

Kết thúc kỳ sát hạch, lập xong biên bản tổng hợp kết quả sát hạch, Hội đồng sát hạch và Tổ sát hạch tự giải thể.

Điều 5. Hội đồng sát hạch, Tổ sát hạch, Người đứng đầu cơ sở đào tạo, Giám đốc trung tâm sát hạch lái xe và thí sinh có tên tại các Điều 1, 2, 3 nêu trên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 5;
- Lưu VT, ,,,

GIÁM ĐỐC
(ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 06. Danh sách thí sinh dự sát hạch để cấp giấy phép lái xe hạng .....

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số CCCD hoặc CC hoặc hộ chiếu	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khoẻ hợp lệ	Đã có giấy phép lái xe		Số chứng chỉ sơ cấp hoặc chứng chỉ đào tạo hoặc xác nhận hoàn thành khóa đào tạo	Ghi chú
						Hạng	Thời gian lái xe an toàn		
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*
	Tên xếp theo vần A, B, C...								

Mẫu số 07. Danh sách thí sinh quá hạn giấy phép lái xe dự sát hạch để cấp giấy phép lái xe

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số CCCD hoặc CC hoặc hộ chiếu	Nơi cư trú	Hạng giấy phép lái xe	Số giấy phép lái xe	Cơ quan quản lý giấy phép lái xe	Ngày hết hạn GPLX	Lý do sát hạch	Nội dung sát hạch	Ghi chú
	Tên xếp theo vần A, B, C...										

Mẫu số 08. Báo cáo đề nghị tổ chức sát hạch lái xe hạng B1 và ô tô

CƠ QUAN CHỦ QUẢN
CƠ SỞ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../

....., ngày ..... tháng ..... năm 20.....

BÁO CÁO ĐỀ NGHỊ TỔ CHỨC SÁT HẠCH LÁI XE

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải...

Tiếp theo công văn số..... ngày ..... /..... /.....

Cơ sở đào tạo.....đã có báo cáo khai giảng và đăng ký sát hạch các lớp đào tạo lái xe Khóa.....với Sở GTVT, nay Khóa học đã hoàn thành chương trình học tập và xin tổ chức sát hạch, cụ thể:

Số TT	Khóa - Lớp	Hạng giấy phép lái xe	Số học viên vào học	Số học viên dự sát hạch	Ngày sát hạch	Ghi chú
1	Hệ đào tạo mới					
2						
3						
4	Hệ đào tạo nâng hạng					

(có danh sách học viên các khóa học kèm theo)

Cơ sở đào tạo.....đề nghị Sở Giao thông vận tải... xét duyệt và tổ chức kỳ sát hạch cho học viên các khoá - lớp trên.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu:

NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ SỞ ĐÀO TẠO
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 09. Danh sách thí sinh dự sát hạch để cấp giấy phép lái xe (gửi kèm Báo cáo 2)

CƠ QUAN CHỦ QUẢN
CƠ SỞ ĐÀO TẠO

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ SÁT HẠCH
Cấp giấy phép lái xe hạng:.....
Khóa:.....
(Mỗi hạng lập 1 danh sách riêng)

BÁO CÁO 2
Thời gian đào tạo: ..... tháng
Khai giảng ngày ..... tháng ..... năm.....
Bế giảng ngày ..... tháng …..... năm .....

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số CCCD hoặc CC	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có giấy phép lái xe hạng	Thời gian lái xe an toàn	Số chứng chỉ sơ cấp hoặc số chứng chỉ đào tạo hoặc xác nhận hoàn thành khóa đào tạo	Ghi chú
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*
	Tên xếp theo vần A, B, C...								

....., ngày ..... tháng ..... năm 20.....
NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ SỞ ĐÀO TẠO
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 10. Văn bản đề xuất danh sách thí sinh có giấy phép lái xe quá thời hạn dự sát hạch để cấp giấy phép lái xe

SỞ GTVT…
PHÒNG QLPT&NL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải...

Phòng Quản lý PT&NL đề nghị Lãnh đạo Sở chấp thuận để các thí sinh có tên dưới đây được dự sát hạch cùng với kỳ sát hạch lái xe của cơ sở đào tạo.....tổ chức ngày ..... / ..... / .....

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số CCCD/CC/HC	Nơi cư trú	Hạng giấy phép lái xe	Số giấy phép lái xe	Cơ quan quản lý giấy phép lái xe	Ngày hết hạn	Lý do sát hạch	Nội dung sát hạch	Ghi chú
	Tên xếp theo vần A, B, C...										

NGƯỜI LẬP
(Ký và ghi rõ họ, tên)

....., ngày ..... tháng ..... năm 20 .....
TL. GIÁM ĐỐC)
TRƯỞNG PHÒNG
(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục XXI

MẪU BIÊN BẢN TỔNG HỢP KẾT QUẢ SÁT HẠCH CỦA THÍ SINH

(Ban hành kèm theo Thông tư số 35/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

BIÊN BẢN TỔNG HỢP KẾT QUẢ SÁT HẠCH CỦA THÍ SINH

Mẫu số 01	**Biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe đối với thí sinh dự sát hạch các hạng B1, B, C1, C, D1, D2, D, C1E, CE, D1E, D2E, DE**
Mẫu số 02	**Biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe đối với thí sinh dự sát hạch mô tô**

Mẫu số 01. Mẫu biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN TỔNG HỢP KẾT QUẢ SÁT HẠCH LÁI XE

Ảnh chân dung 3 cm x 4 cm (chụp không quá 06 tháng)

Họ và tên thí sinh:.....

Ngày tháng năm sinh: .....

Số Căn cước công dân hoặc Căn cước:……..……

hoặc Hộ chiếu số…… ngày cấp……. nơi cấp: .....

Thi lấy giấy phép lái xe hạng:…….....

Học lái xe tại cơ sở đào tạo ….....

....., ngày.....tháng.....năm.....

(Thí sinh ký và ghi rõ họ tên)

I. KẾT QUẢ SÁT HẠCH LÝ THUYẾT

Số điểm tối đa	Số điểm đạt được	Sát hạch viên nhận xét và ký tên
Thí sinh ký tên		

II. KẾT QUẢ SÁT HẠCH BẰNG PHẦN MỀM MÔ PHỎNG CÁC TÌNH HUỐNG GIAO THÔNG

Số điểm tối đa	Số điểm đạt được	Sát hạch viên nhận xét và ký tên
Thí sinh ký tên		

III. KẾT QUẢ SÁT HẠCH THỰC HÀNH LÁI XE TRONG HÌNH

Số điểm tối đa	Số điểm đạt được	Sát hạch viên nhận xét và ký tên
Thí sinh ký tên		

IV. KẾT QUẢ SÁT HẠCH THỰC HÀNH LÁI XE TRÊN ĐƯỜNG

Số điểm tối đa	Số điểm đạt được	Sát hạch viên nhận xét và ký tên
Thí sinh ký tên		

Kết luận của Tổ trưởng Tổ sát hạch
Hạng..... Đạt □ Không đạt □
TỔ TRƯỞNG
(Ký và ghi rõ họ, tên)

..... ngày..... tháng……năm 20....
TM. HỘI ĐỒNG SÁT HẠCH
CHỦ TỊCH
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 02. Mẫu biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN TỔNG HỢP KẾT QUẢ SÁT HẠCH LÁI XE

Ảnh màu 3 cm x 4 cm (chụp không quá 06 tháng)

Họ và tên thí sinh:.....
Ngày tháng năm sinh: .....
Số Căn cước công dân hoặc căn cước:……..……
hoặc Hộ chiếu số…… ngày cấp……. nơi cấp: .....
Thi lấy giấy phép lái xe.....hạng:.....
Học lái xe tại cơ sở đào tạo .....

……, ngày ….. tháng ….. năm …..
(Thí sinh ký và ghi rõ họ tên)

I. KẾT QUẢ SÁT HẠCH LÝ THUYẾT

Số điểm tối đa	Số điểm đạt được	Sát hạch viên nhận xét và ký tên
Thí sinh ký tên		

II. KẾT QUẢ SÁT HẠCH THỰC HÀNH LÁI XE

Số điểm tối đa	Số điểm đạt được	Sát hạch viên nhận xét và ký tên
Thí sinh ký tên		

Kết luận của Tổ trưởng Tổ sát hạch
Hạng .....Đạt ☐ Không đạt ☐

....., ngày ….. tháng ….. năm 20 …..

TỔ TRƯỞNG
(Ký và ghi rõ họ, tên)

THỦ TRƯỞNG
CƠ QUAN QUẢN LÝ SÁT HẠCH
(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục XXII

MẪU QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN TRÚNG TUYỂN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 35/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

MẪU QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN TRÚNG TUYỂN

Mẫu số 01	**Quyết định công nhận trúng tuyển kỳ sát hạch**
Mẫu số 02	**Danh sách thí sinh trúng tuyển được cấp giấy phép lái xe**

Mẫu số 01. Quyết định công nhận trúng tuyển kỳ sát hạch

UBND TỈNH… **SỞ GTVT…**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../QĐ-SGTVT	*....., ngày ..... tháng ..... năm 20…..*

QUYẾT ĐỊNH
Công nhận trúng tuyển kỳ sát hạch

GIÁM ĐỐC SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Căn cứ Quyết định số.....ngày ..... / ..... /..... của ..... về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giao thông vận tải.....;

Căn cứ Thông tư số ...../...../TT-BGTVT ngày ...../...../..... của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe; cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế; đào tạo, kiểm tra cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật giao thông đường bộ;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng:.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận trúng tuyển kỳ sát hạch cho..... học viên lái xe (ô tô, mô tô) của cơ sở đào tạo lái xe ....., sát hạch từ ngày ...../...../..... đến ngày ...../...../..... được cấp giấy phép lái xe, gồm:

(Ghi rõ số lượng thí sinh từng hạng có danh sách thí sinh trúng tuyển kèm theo).

Điều 2. Các Ông (Bà): Trưởng Phòng.....thuộc Sở Giao thông vận tải..., Người đứng đầu cơ sở đào tạo, cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: - Như Điều 2; - Lưu: VT, BQLSH.	**GIÁM ĐỐC** *(Ký tên, đóng dấu)*

Mẫu số 02. Danh sách thí sinh trúng tuyển được cấp giấy phép lái xe

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số CCCD/CC/ HC	Nơi cư trú	Đã có giấy phép lái xe		Lớp, Khóa	Hạng giấy phép lái xe được cấp	Ghi chú
					Hạng	Ngày trúng tuyển			

Phụ lục XXIII

MẪU GIẤY XÁC NHẬN HOÀN THÀNH KHOÁ HỌC

(Ban hành kèm theo Thông tư số 35/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

XÁC NHẬN HOÀN THÀNH KHÓA ĐÀO TẠO LÁI XE

…(1). Xác nhận ông (bà)……., ngày tháng năm sinh:……

Đã hoàn thành chương trình đào tạo lái xe hạng:…….

Thời gian học:....(2)..... ngày, từ ngày…/…/.... đến ngày…/…/……

Tại……

……..ngày ….. tháng ….. năm …..

NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ SỞ ĐÀO TẠO

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Hướng dẫn ghi:

(1) Tên cơ sở đào tạo.

(2) Ghi số ngày thực học.

Phụ lục XXIV

BIỂU MẪU GIẤY PHÉP LÁI XE

(Ban hành kèm theo Thông tư số 35/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

BIỂU MẪU GIẤY PHÉP LÁI XE

Mẫu số 01	**Mẫu giấy phép lái xe thực hiện từ ngày Thông tư này có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025**
Mẫu số 02	**Mẫu giấy phép lái xe thực hiện từ ngày 01 tháng 01 năm 2026**
Mẫu số 02	**Danh mục hạng giấy phép lái xe, điều kiện hạn chế và mã số giấy phép lái xe**

Mẫu số 01. Giấy phép lái xe thực hiện từ ngày Thông tư này có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025

1. Hình thức giấy phép lái xe

Mặt trước:

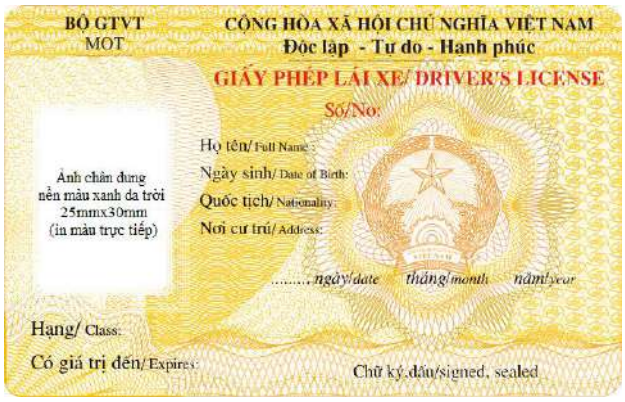

Mặt sau:

2. Quy cách giấy phép lái xe

a) Kích thước: 85,6 x 53,98 x 0,76 mm (theo Tiêu chuẩn ICAO loại ID-1).

b) Tiêu đề "GIẤY PHÉP LÁI XE/ DRIVER'S LICENSE", "CÁC LOẠI XE CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ ĐƯỢC ĐIỀU KHIỂN", chữ "Số/No." và " Ngày trúng tuyển" có màu đỏ, các chữ khác in màu đen.

c) Ảnh của người lái xe chụp trên nền mầu xanh da trời được in trực tiếp trên giấy phép lái xe.

d) Có lớp màng phủ bảo an trên hai mặt của giấy phép lái xe.

đ) Phôi được làm bằng vật liệu PET. hoặc vật liệu có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương, có hoa văn màu vàng rơm và các ký hiệu bảo mật.

e) Có mã hai chiều (QR) để đọc, giải mã nhanh thông tin trên Giấy phép lái xe và liên kết với hệ thống thông tin giấy phép lái xe tại Cục Đường bộ Việt Nam.

3. Cách in giấy phép lái xe

In từng hạng giấy phép lái xe mà người lái xe được phép điều khiển (hiển thị bằng tiếng Việt và tiếng Anh).

Mẫu số 02. Mẫu giấy phép lái xe thực hiện từ ngày 01 tháng 01 năm 2026

1. Hình thức giấy phép lái xe

Mặt trước:

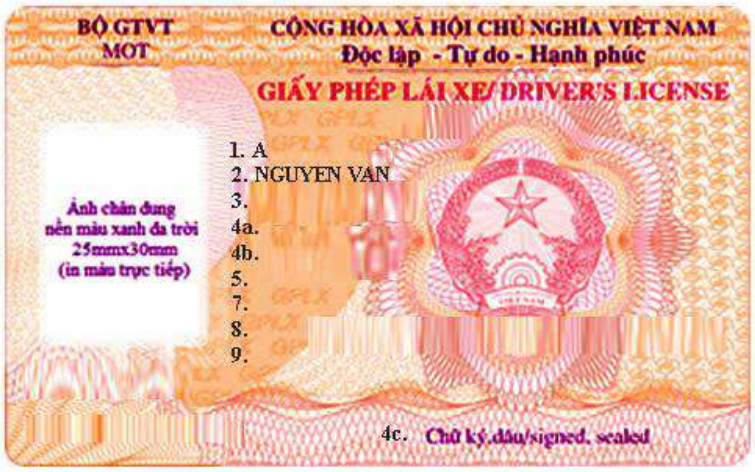

Mặt sau:

2. Quy cách giấy phép lái xe

Giấy phép lái xe là một tài liệu (in bằng tiếng Việt và tiếng Anh) bao gồm các thông tin như:

a) Phôi giấy phép lái xe được làm bằng vật liệu PET. hoặc vật liệu có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương, có hoa văn màu hồng và các ký hiệu bảo mật, có kích thước 85,6 x 53,98 x 0,76 mm (theo Tiêu chuẩn ICAO loại ID-1);

b) Trên mặt trước của giấy phép lái xe có dòng chữ "GIẤY PHÉP LÁI XE/ DRIVER'S LICENSE", "CÁC LOẠI XE CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ ĐƯỢC ĐIỀU KHIỂN", chữ "Số/No." và " Ngày trúng tuyển" có màu đen, được in đậm, các chữ khác màu đen, in thường;

c) Ảnh của người lái xe chụp trên nền mầu xanh da trời được in trực tiếp trên giấy phép lái xe;

d) Có lớp màng phủ bảo an trên hai mặt của giấy phép lái xe;

đ) Có mã hai chiều (QR) để đọc, giải mã nhanh thông tin trên Giấy phép lái xe và liên kết với hệ thống thông tin giấy phép lái xe tại Cục Đường bộ Việt Nam;

e) Mặt trước của giấy phép lái xe được đánh số, mỗi số hiển thị những thông tin sau:

1. Họ của người lái xe

2. Tên của người lái xe

3. Ngày tháng năm sinh và quốc gia nơi sinh của người lái xe

4a . Ngày cấp giấy phép lái xe

4b . Ngày hết hạn giấy phép lái xe

4c . Cơ quan cấp giấy phép lái xe

5. Số giấy phép lái xe

6. Ảnh chân dung (không đánh số)

7. Chữ ký của người lái xe

8. Địa chỉ cư trú của người lái xe

9. Các hạng giấy phép lái xe được phép lái được quy định tại mục 1 Mẫu số 03 Phụ lục này.

g) Mặt sau của giấy phép lái xe được đánh số, gồm bốn cột, mỗi cột được đánh số, hiển thị những thông tin sau:

1. Cột 9 hiển thị các loại xe (hạng xe) được phép điều khiển

2. Cột 10 hiển thị ngày cấp giấy phép lái xe

3. Cột 11 hiển thị ngày hết hạn của giấy phép lái xe

4. Cột 12 hiển thị các mã số giấy phép lái xe, được quy định tại mục 3 Mẫu số 02 Phụ lục này.

3. Cách in giấy phép lái xe

In từng hạng giấy phép lái xe mà người lái xe được phép điều khiển (hiển thị bằng tiếng Việt và tiếng Anh).

Mẫu số 02. Danh mục hạng giấy phép lái xe, điều kiện hạn chế và mã số giấy phép lái xe

1. Danh mục hạng giấy phép lái xe như sau:

TT	Ký hiệu	Nội dung
1		Hạng A1 cấp cho người lái xe mô tô hai bánh có dung tích xi-lanh đến 125 cm3 hoặc có công suất động cơ điện đến 11 kW;
2		Hạng A cấp cho người lái xe mô tô hai bánh có dung tích xi-lanh trên 125 cm3 hoặc có công suất động cơ điện trên 11 kW và các loại xe quy định cho giấy phép lái xe hạng A1;
3		Hạng B1 cấp cho người lái xe mô tô ba bánh và các loại xe quy định cho giấy phép lái xe hạng A1;
4		Hạng B cấp cho người lái xe ô tô chở người đến 08 chỗ (không kể chỗ của người lái xe); xe ô tô tải và ô tô chuyên dùng có khối lượng toàn bộ theo thiết kế đến 3.500 kg; các loại xe ô tô quy định cho giấy phép lái xe hạng B có kéo rơ moóc có khối lượng toàn bộ theo thiết kế đến 750 kg;
5		Hạng C1 cấp cho người lái xe ô tô tải và ô tô chuyên dùng có khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 3.500 kg đến 7.500 kg; các loại xe ô tô tải quy định cho giấy phép lái xe hạng C1 có kéo rơ moóc có khối lượng toàn bộ theo thiết kế đến 750 kg; các loại xe quy định cho giấy phép lái xe hạng B;
6		Hạng C cấp cho người lái xe ô tô tải và ô tô chuyên dùng có khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 7.500 kg; các loại xe ô tô tải quy định cho giấy phép lái xe hạng C kéo rơ moóc có khối lượng toàn bộ theo thiết kế đến 750 kg; các loại xe quy định cho giấy phép lái xe hạng B và hạng C1;
7		Hạng D1 cấp cho người lái xe ô tô chở người trên 08 chỗ (không kể chỗ của người lái xe) đến 16 chỗ (không kể chỗ của người lái xe), các loại xe ô tô chở người quy định cho giấy phép lái xe hạng D1 kéo rơ moóc có khối lượng toàn bộ theo thiết kế đến 750 kg; các loại xe quy định cho giấy phép lái xe các hạng B, C1, C;
8		Hạng D2 cấp cho người lái xe ô tô chở người (kể cả xe buýt) trên 16 chỗ (không kể chỗ của người lái xe) đến 29 chỗ (không kể chỗ của người lái xe), các loại xe ô tô chở người quy định cho giấy phép lái xe hạng D2 kéo rơ moóc có khối lượng toàn bộ theo thiết kế đến 750 kg; các loại xe quy định cho giấy phép lái xe các hạng B, C1, C, D1;
9		Hạng D cấp cho người lái xe ô tô chở người (kể cả xe buýt) trên 29 chỗ (không kể chỗ của người lái xe); xe ô tô chở người giường nằm; các loại xe ô tô chở người quy định cho giấy phép lái xe hạng D kéo rơ moóc có khối lượng toàn bộ theo thiết kế đến 750 kg; các loại xe quy định cho giấy phép lái xe các hạng B, C1, C, D1, D2;

10		Hạng BE cấp cho người lái các loại xe ô tô quy định cho giấy phép lái xe hạng B kéo rơ moóc có khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 750 kg;
11		Hạng C1E cấp cho người lái các loại xe ô tô quy định cho giấy phép lái xe hạng C1 kéo rơ moóc có khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 750 kg;
12		Hạng CE cấp cho người lái các loại xe ô tô quy định cho giấy phép lái xe hạng C kéo rơ moóc có khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 750 kg; xe ô tô đầu kéo kéo sơ mi rơ moóc;
13		Hạng D1E cấp cho người lái các loại xe ô tô quy định cho giấy phép lái xe hạng D1 kéo rơ moóc có khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 750 kg;
14	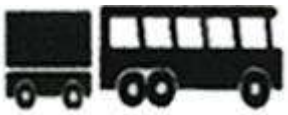	Hạng D2E cấp cho người lái các loại xe ô tô quy định cho giấy phép lái xe hạng D2 kéo rơ moóc có khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 750 kg;
15		Hạng DE cấp cho người lái các loại xe ô tô quy định cho giấy phép lái xe hạng D kéo rơ moóc có khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 750 kg; xe ô tô chở khách nối toa.

2. Điều kiện hạn chế

a) Đối với giấy phép lái xe hạng B chuyển số tự động (bao gồm cả xe ô tô điện) ghi là: "*Cấp cho người chỉ được điều khiển xe ô tô chuyển số tự động (bao gồm cả xe ô tô điện)*";

b) Đối với giấy phép lái xe hạng A1 cấp cho người khuyết tật điều khiển xe mô tô ba bánh dùng cho người khuyết tật, ghi là: "*Cấp cho người khuyết tật chỉ được điều khiển xe mô tô ba bánh bánh dùng cho người khuyết tật*";

c) Đối với giấy phép lái xe hạng B hộp chuyển số tự động (bao gồm cả xe ô tô điện) cấp cho người khuyết tật tay trái, ghi là: "*Cấp cho người khuyết tật tay trái chỉ được điều khiển xe ô tô chuyển số tự động (bao gồm cả xe ô tô điện) có cơ cấu điều khiển đèn pha, đèn xi nhan phù hợp với người khuyết tật tay trái*.";

d) Đối với giấy phép lái xe hạng B số tự động cấp cho người khuyết tật tay phải, ghi là: "*Cấp cho người khuyết tật tay phải chỉ được điều khiển xe ô tô số tự động có cơ cấu điều khiển đèn pha, đèn xi nhan phù hợp với người khuyết tật tay phải*.";

đ) Đối với giấy phép lái xe hạng B số tự động cấp cho người khuyết tật chân phải, ghi là: "*Cấp cho người khuyết tật tay trái chỉ được điều khiển xe ô tô số tự động có cơ cấu điều khiển ga động cơ, phanh chân phù hợp với với người khuyết tật chân phải*.";

e) Đối với giấy phép lái xe hạng B số tự động cấp cho người khuyết tật nói chung (trừ khuyết tật tay trái, tay phải, chân phải), ghi là:

"*Cấp cho người khuyết tật nói chung chỉ được điều khiển xe ô tô số tự động";*

g) Đối với giấy phép lái xe hạng A1 cấp trước ngày thông tư này có hiệu lực được đổi, cấp lại sang giấy phép lái xe hạng A với điều kiện hạn chế là chỉ được điều khiển xe mô tô hai bánh có dung tích xi-lanh đến dưới 175 cm3 hoặc có công suất động cơ điện đến dưới 14 kW, ghi là:

"Cấp cho người chỉ được điều khiển xe mô tô hai bánh có dung tích xi-lanh đến dưới 175 cm3 hoặc có công suất động cơ điện đến dưới 14 kW";

h) Đối với giấy phép lái xe hạng B1 số tự động cấp trước ngày thông tư này có hiệu lực được đổi, cấp lại sang giấy phép lái xe hạng B, ghi là:

"Cấp cho người chỉ được điều khiển xe ô tô chuyển số tự động (bao gồm cả xe ô tô điện)".

3. Mã số điều kiện hạn chế của giấy phép lái xe

Các mã được in ở mặt sau giấy phép lái xe cho biết những điều kiện phải đáp ứng để lái xe.

A.01: Chỉ điều khiển xe mô tô ba bánh dùng cho người khuyết tật;

A.02: Chỉ được điều khiển xe mô tô hai bánh có dung tích xi-lanh từ 125 cm^3 trở lên hoặc có công suất động cơ điện từ từ 14kW trở lên sử dụng hộp số vô cấp;

A.03: Chỉ được điều khiển xe mô tô hai bánh có dung tích xi-lanh đến dưới 175 cm^3 hoặc có công suất động cơ điện đến dưới 14 kW;

B.01: Chỉ điều khiển xe ô tô hạng B chuyển số tự động (bao gồm cả xe ô tô điện);

B.02: Chỉ điều khiển xe ô tô hạng B số tự động, cấp cho người khuyết tật tay trái;

B.03: Chỉ điều khiển xe ô tô hạng B số tự động, cấp cho người khuyết tật tay phải;

B.04: Chỉ điều khiển xe ô tô hạng B số tự động, cấp cho người khuyết tật chân phải;

B.05: Chỉ điều khiển xe ô tô hạng B số tự động, cấp cho người khuyết tật nói chung.

Phụ lục XXV

MẪU BẢN XÁC MINH GIẤY PHÉP LÁI XE

(Ban hành kèm theo Thông tư số 35/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

BIỂU MẪU XÁC MINH GIẤY PHÉP LÁI XE

Mẫu số 01	**Bản đề nghị xác minh giấy phép lái xe**
Mẫu số 02	**Bản xác minh giấy phép lái xe**

Mẫu số 01. Bản đề nghị xác minh giấy phép lái xe

UBND TỈNH……	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
SỞ GTVT……	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
--------	----------
Số: /SGTVT-….	*……., ngày…… tháng…… năm 20…..*

BẢN ĐỀ NGHỊ XÁC MINH GIẤY PHÉP LÁI XE

Kính gửi: Cục Xe máy (Bộ Quốc phòng)/Cục Cảnh sát giao thông đường bộ (Bộ Công an)/Sở GTVT……..

Sở Giao thông vận tải …… đề nghị xác minh giấy phép lái xe theo các nội dung sau:

Họ và tên: …… Quốc tịch:……

Sinh ngày: …. tháng …..năm……..

Số CCCD hoặc CC hoặc hộ chiếu: …cấp ngày....tháng….năm…..

Nơi cấp:.....

Đã học lái xe tại……..năm ……

Hiện có giấy phép lái xe hạng: ……, số:……, do Cục Xe máy (Bộ Quốc phòng)/Cục Cảnh sát giao thông đường bộ (Bộ Công an)/Sở GTVT……. cấp ngày….. tháng …….. năm……

CÁN BỘ ĐỀ NGHỊ XÁC MINH	**THỦ TRƯỞNG**
(ký, ghi rõ họ và tên)	**CƠ QUAN ĐỀ NGHỊ XÁC MINH**
	(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 02. Bản xác minh giấy phép lái xe cơ

UBND TỈNH……	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
SỞ GTVT……	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
--------	----------
Số: /SGTVT-….	*……., ngày…… tháng…… năm 20…..*

BẢN XÁC MINH GIẤY PHÉP LÁI XE

Kính gửi: Sở GTVT……..

Sở Giao thông vận tải ……. trả lời xác minh giấy phép lái xe theo các nội dung sau:

Họ và tên: …… Quốc tịch: .....

Sinh ngày: ….. tháng…..năm……....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: .....

Nơi cư trú: .....

Số CCCD hoặc CC hoặc hộ chiếu: …cấp ngày....tháng….năm…., nơi cấp: ……

Đã học lái xe tại ……năm ……

Hiện có giấy phép lái xe hạng: ……., số:…….., do Sở GTVT …….cấp ngày ……. tháng ….. năm …….

KẾT QUẢ XÁC MINH

Các thông tin có trong Hồ sơ quản lý sát hạch:

Tên của người lái xe ….; Ngày tháng năm sinh …; Nơi thường trú …;

Nơi cư trú …; Số CMND/CCCD/CC/HC …; Ngày cấp …; Nơi cấp …;

Tên cơ sở đào tạo …;

GPLX hạng …; Số GPLX …; Cơ quan cấp …; Ngày tháng năm ….

CÁN BỘ XÁC MINH	**THỦ TRƯỞNG**
(ký, ghi rõ họ và tên)	**CƠ QUAN CẤP GPLX**
	(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục XXVI

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI (CẤP LẠI) GIẤY PHÉP LÁI XE

(Ban hành kèm theo Thông tư số 35/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI (CẤP LẠI) GIẤY PHÉP LÁI XE

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải……..

Tôi là:.....

Ngày tháng năm sinh: .....

Số Căn cước công dân hoặc căn cước: .....

hoặc Hộ chiếu số..... ngày cấp..... nơi cấp: .....

Đã học lái xe tại:.....năm.....

Hiện đã có giấy phép lái xe hạng:.....số:.....

do:..... cấp ngày……/……../.....

Đề nghị cho tôi được đổi (cấp lại) giấy phép lái xe hạng:.....

Lý do:.....

Vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ: Có ☐ Không☐

Tôi xin cam đoan những điều ghi trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm.

....., ngày ..... tháng ..... năm 20 .....

NGƯỜI LÀM ĐƠN

(Ký và ghi rõ họ, tên)

Phụ lục XXVII

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI GIẤY PHÉP LÁI XE

(Ban hành kèm theo Thông tư số 35/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence- Freedom – Happiness

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI GIẤY PHÉP LÁI XE/APPLICATION FORM FOR EXCHANGE OF DRIVER'S LICENCE

(Dùng cho người nước ngoài) - (For Foreigner only)

Kính gửi (To): Sở Giao thông vận tải...
(Transport Department...)

Tôi là (Full name):.....
Ngày tháng năm sinh (date of birth) .....
Số hộ chiếu (Passport No.) .....cấp ngày (Issuing date): ngày (date): ..... tháng (month)..... năm (year)…..... nơi cấp (Place of issue):.....
Hiện có giấy phép lái xe số (Current Driver's Licence No.):.....
Cơ quan cấp (Issuing Office):.....
Tại (Place of issue):.....
Cấp ngày (Issuing date): ngày (date):..... tháng (month).....năm (year).....
Lý do xin đổi giấy phép lái xe (Reason of application for new driving licence):……..
.....
Định cư lâu dài tại Việt Nam/không định cư lâu dài tại Việt Nam (Long time of staying in Viet Nam/Short time of staying in Viet Nam).
Ghi chú (note): Gửi kèm theo đơn (Documents enclosed as follows)
- Bản sao hộ chiếu (phần họ tên và ảnh; trang thị thực nhập cảnh) [Copy of passport (included pages: full name, photograph, valid visa)] (Đối với trường hợp chưa có số định danh cá nhân (In case there is no personal identification No.).
Tôi xin đảm bảo lời khai trên đây là đúng sự thật.
I certify that all the information included in this application and attached documents is correct and true.

....., ngày (date) ..... tháng (month) ..... năm (year).....
NGƯỜI LÀM ĐƠN (APPLICANT)
(Ký và ghi rõ họ, tên)
(Signature and Full name)

Phụ lục XXVIII

MẪU GIẤY PHÉP LÁI XE QUỐC TẾ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 35/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

TRANG SỐ 1

(Mặt ngoài của trang bìa trước)

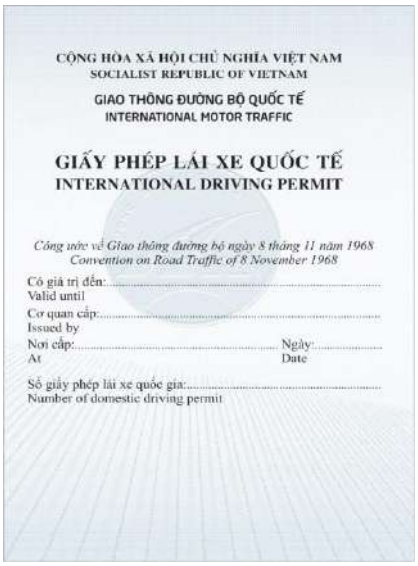

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ QUỐC TẾ
INTERNATIONAL MOTOR TRAFFIC

GIẤY PHÉP LÁI XE QUỐC TẾ
INTERNATIONAL DRIVING PERMIT

Công ước về Giao thông đường bộ ngày 8 tháng 11 năm 1968
Convention on Road Traffic of 8 November 1968

Có giá trị đến:.....
Valid until
Cơ quan cấp:.....
Issued by
Nơi cấp:..... Ngày:.....
At Date

Số giấy phép lái xe quốc gia:.....
Number of domestic driving permit

Thông tin cơ bản của IDP được in song ngữ tiếng Việt và tiếng Anh

TRANG SỐ 2

(Mặt trong của trang bìa trước)

Giấy phép này không có giá trị trong lãnh thổ của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

This permit is not valid for the territory of Socialist Republic of Vietnam.

Có giá trị trong lãnh thổ của tất cả các bên tham gia với các điều kiện phù hợp với giấy phép lái xe quốc gia. Những hạng xe được phép lái là những hạng ghi tại cuối quyển này.

It is valid for the territories of all the other Contracting Parties on condition that it is presented with the corresponding domestic driving permit. The categories of vehicles for which the permit is valid are stated at the end of the booklet.

Giấy phép này sẽ không có hiệu lực tại lãnh thổ của bên tham gia khác khi người có tên trong đó đăng ký thường trú tại Quốc gia đó.

This permit shall cease to be valid in the territory of another Contracting Party if its holder establishes his normal residence there.

INTERNATIONAL

Phạm vi sử dụng IDP in song ngữ tiếng Việt và tiếng Anh

TRANG SỐ 3

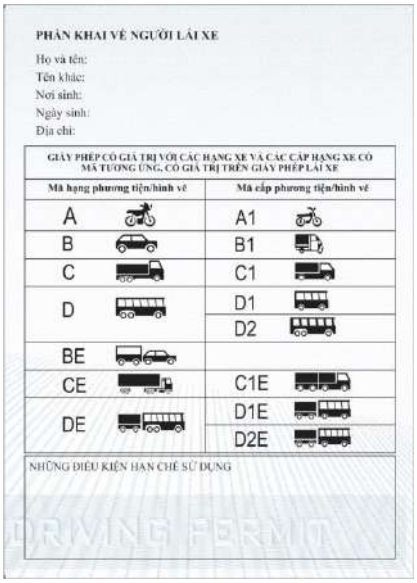

PHẦN KHAI VỀ NGƯỜI LÁI XE

Họ và tên:
Tên khác:
Nơi sinh:
Ngày sinh:
Địa chỉ:

GIẤY PHÉP CÓ GIÁ TRỊ VỚI CÁC HẠNG XE VÀ CÁC CẤP HẠNG XE CÓ MÃ TƯƠNG ỨNG, CÓ GIÁ TRỊ TRÊN GIẤY PHÉP LÁI XE

Mã hạng phương tiện/hình vẽ	Mã cấp phương tiện/hình vẽ
A	A1
B	B1
C	C1
D	D1
	D2
BE	
CE	C1E
DE	D1E
	D2E

NHỮNG ĐIỀU KIỆN HẠN CHẾ SỬ DỤNG

DRIVING PERMIT

Phần khai về người lái xe và phân hạng IDP in bằng tiếng Việt

TRANG SỐ 5

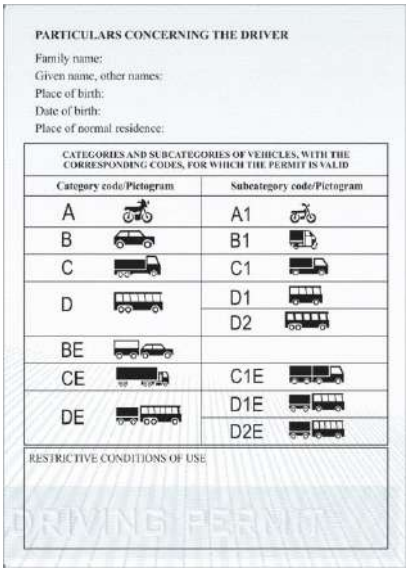

PARTICULARS CONCERNING THE DRIVER

Family name:
Given name, other names:
Place of birth:
Date of birth:
Place of normal residence:

CATEGORIES AND SUBCATEGORIES OF VEHICLES, WITH THE CORRESPONDING CODES, FOR WHICH THE PERMIT IS VALID

Category code/Pictogram	Subcategory code/Pictogram
A	A1
B	B1
C	C1
D	D1
	D2
BE	
CE	C1E
DE	D1E
	D2E

RESTRICTIVE CONDITIONS OF USE

DRIVING PERMIT

Phần khai về người lái xe và phân hạng IDP in bằng tiếng Anh

TRANG SỐ 6

ЗАПИСИ, ОТНОСЯЩИЕСЯ К ВОДИТЕЛЮ

Фамилия:
Имя другие имена:
Место рождения:
Дата рождения:
Обычное местожительство:

КАТЕГОРИИ И ПОДКАТЕГОРИИ ТРАНСПОРТНЫХ СРЕДСТВ С УКАЗАНИЕМ СООТВЕТСТВУЮЩИХ КОДОВ, НА УПРАВЛЕНИЕ КОТОРЫМИ ВЫДАНО УДОСТОВЕРЕНИЕ	
Код категории/Пиктограмма	Код подкатегории/Пиктограмма
A	A1
B	B1
C	C1
D	D1
	D2
BE	
CE	C1E
DE	D1E
	D2E

УСЛОВИЯ, ОГРАНИЧИВАЮЩИЕ ИСПОЛЬЗОВАНИЕ

INTERNATIONAL

Phần khai về người lái xe và phân hạng IDP in bằng tiếng Nga

TRANG SỐ 7

INDICACIONES RELATIVAS AL CONDUCTOR

Apellidos:
Nombres:
Lugar de nacimiento:
Fecha de nacimiento:
Lugar de residencia normal:

CATEGORÍAS Y SUBCATEGORÍAS DE VEHÍCULOS, CON LOS CÓDIGOS CORRESPONDIENTES, PARA LAS CUALES ES VÁLIDO EL PERMISO	
Código de la categoría/Pictograma	Código de la subcategoría/Pictograma
A	A1
B	B1
C	C1
D	D1
	D2
BE	
CE	C1E
DE	D1E
	D2E

CONDICIONES RESTRICTIVAS

DRIVING PERMIT

Phần khai về người lái xe và phân hạng IDP in bằng tiếng Tây Ban Nha

TRANG SỐ 8

INDICATIONS RELATIVES AU CONDUCTEUR

Nom:
Prénom(s) ou autre(s) nom(s):
Lieu de naissance:
Date de naissance:
Lieu de résidence normale:

CATÉGORIES ET SOUS-CATÉGORIES DE VÉHICULES, AVEC LES CODES CORRESPONDANTS, POUR LESQUELLES LE PERMIS EST VALABLE	
Code de la catégorie/Pictogramme	Code de la sous-catégorie/Pictogramme
A	A1
B	B1
C	C1
D	D1
	D2
BE	
CE	C1E
DE	D1E
	D2E

RESTRICTIONS À L'UTILISATION

INTERNATIONAL

Phần khai về người lái xe và phân hạng IDP in bằng tiếng Pháp

TRANG SỐ 9

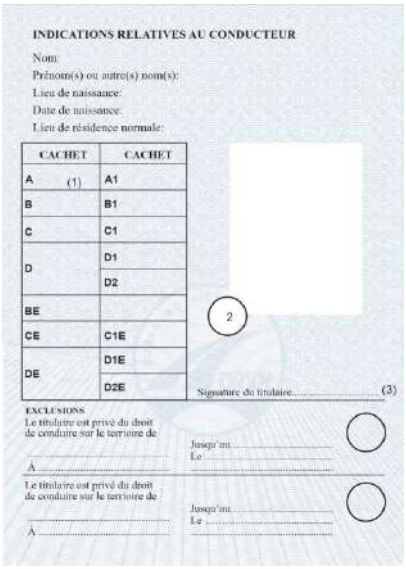

INDICATIONS RELATIVES AU CONDUCTEUR

Nom:
Prénom(s) ou autre(s) nom(s):
Lieu de naissance:
Date de naissance:
Lieu de résidence normale:

CACHET	CACHET
A (1)	A1
B	B1
C	C1
D	D1
	D2
BE	
CE	C1E
DE	D1E
	D2E

(2)

Signature du titulaire..... (3)

EXCLUSIONS

Le titulaire est privé du droit de conduire sur le territoire de

Jusqu'au
Le
A

Le titulaire est privé du droit de conduire sur le territoire de

Jusqu'au
Le
A

Hạng xe được điều khiển in bằng tiếng Pháp

(1) Vị trí đóng dấu hạng xe điều khiển được cấp
(2) Vị trí đóng dấu giáp lai
(3) Vị trí chữ ký của người được cấp IDP

Phụ lục XXIX

BẢNG CHUYỂN ĐỔI GIẤY PHÉP LÁI XE QUỐC TẾ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 35/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

BẢNG CHUYỂN ĐỔI GIẤY PHÉP LÁI XE QUỐC TẾ

Áp dụng đối với giấy phép lái xe do Chính phủ Việt Nam cấp trước ngày 01/01/2025

GIẤY PHÉP LÁI XE VIỆT NAM	GIẤY PHÉP LÁI XE QUỐC TẾ
Hạng A1	Hạng A1
Hạng A2	Hạng A
Hạng A3	Hạng B1
Hạng B1, B2	Hạng B
Hạng C	Hạng C và C1
Hạng D	Hạng D1 và D2
Hạng E	Hạng D
Hạng FB2	Hạng BE
Hạng FC	Hạng CE và C1E
Hạng FD	Hạng D1E và D2E
Hạng FE	Hạng DE

Phụ lục XXX

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE QUỐC TẾ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 35/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independent – Freedom – Happiness

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE QUỐC TẾ
APPLICATION FORM FOR ISSUANCE OF INTERNATIONAL DRIVING PERMIT

Ảnh màu photograph 3 x 4 cm

Kính gửi (To)**:**.....

Tôi là (Full name): .....
Ngày tháng năm sinh (date of birth) .....
Số hộ chiếu (Passport No.) ……...cấp ngày (Issuing date): ngày (date): .....
tháng (month)..... năm (year)…..... nơi cấp (Place of issue):.....
hoặc Số định danh cá nhân (personal identification No.): .....

Hiện có giấy phép lái xe số (Current driving licence No.): .....
Cơ quan cấp (Issuing Office): .....
Tại (Place of issue): .....
Cấp ngày (Issuing date): ngày (date): ..... tháng (month)..... năm (year).....
Lý do xin cấp giấy phép lái xe (Reason of application for International driving permit:
.....

....., ngày(date)..... tháng (month)..... năm(year).....
NGƯỜI LÀM ĐƠN (APPLICANT)
(Ký và ghi rõ họ tên)
(Signature and Full name)

Phụ lục XXXI

MẪU BÁO CÁO MỞ LỚP BỒI DƯỠNG KIẾN THỨC PHÁP LUẬT VỀ GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 35/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CƠ QUAN CHỦ QUẢN (NẾU CÓ) **TÊN CƠ SỞ ĐÀO TẠO** -------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------
Số: /BC	*……, ngày …… tháng ….. năm 20…..*

BÁO CÁO MỞ LỚP BỒI DƯỠNG KIẾN THỨC PHÁP LUẬT VỀ GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải …….

Thực hiện Thông tư số /2024/TT-BGTVT ngày / /2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe; cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế; đào tạo, kiểm tra cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng, cơ sở đào tạo ……. báo cáo mở lớp bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ như sau:

TT	Khóa, lớp	Số lượng	Địa điểm học	Ngày khai giảng	Ngày kiểm tra

Gửi kèm theo báo cáo này danh sách trích ngang học viên dự học.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT.

NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU
CƠ SỞ ĐÀO TẠO
(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục XXXII

MẪU BIÊN BẢN KẾT QUẢ KIỂM TRA BỒI DƯỠNG KIẾN THỨC PHÁP LUẬT VỀ GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 35/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN KẾT QUẢ KIỂM TRA BỒI DƯỠNG KIẾN THỨC PHÁP LUẬT VỀ GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

Căn cứ Quyết định số ……/QĐ-.... ngày ..... tháng ..... năm ..... của …….. về việc thành lập Tổ Kiểm tra bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ khóa …….. của Người đứng đầu cơ sở đào tạo ……..

Hôm nay, ngày ….. tháng ….. năm …… tại .....

I. Thành phần Tổ Kiểm tra:

1. ……..….. Chức vụ ....., Tổ trưởng.

2. ……..…….. Chức vụ ....., Thư ký.

3. ……..…….. Chức vụ ....., Tổ viên.

4. ……..…….. Chức vụ ....., Tổ viên.

II. Kết quả kiểm tra khóa học bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ

Lớp khai giảng ngày …/…/….., kết thúc ngày …/…/….., như sau:

1. Tổng số thí sinh dự kiểm tra …….. (có danh sách kèm theo), trong đó:

- Thí sinh đạt yêu cầu: ……. (có danh sách kèm theo);

- Thí sinh không đạt yêu cầu: …….. (có danh sách kèm theo).

2. Nhận xét đánh giá:

III. Kết luận của Tổ Kiểm tra:

Đề nghị Người đứng đầu cơ sở đào tạo ra quyết định cấp Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người đạt yêu cầu.

Biên bản được lập thành 2 bản: 01 gửi Sở Giao thông vận tải; 01 lưu tại cơ sở đào tạo.

TỔ TRƯỞNG TỔ KIỂM TRA	**THƯ KÝ**
(Ký, ghi rõ họ và tên)	*(Ký, ghi rõ họ và tên)*

Phụ lục XXXIII

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỌC BỒI DƯỠNG KIẾN THỨC PHÁP LUẬT VỀ GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

((Ban hành kèm theo Thông tư số 35/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Ảnh 2x3 cm

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỌC BỒI DƯỠNG KIẾN THỨC PHÁP LUẬT VỀ GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

Kính gửi: ……..

Tôi là:.....

Ngày tháng năm sinh: .....

Số Căn cước công dân hoặc Căn cước: .....

hoặc Hộ chiếu số…… ngày cấp……. nơi cấp: .....

Đề nghị cho tôi được dự học lớp bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ để được cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ.

…., ngày ….. tháng …. năm 20……

NGƯỜI LÀM ĐƠN

(Ký, ghi rõ họ tên)

Phụ lục XXXIV

MẪU CHỨNG CHỈ BỒI DƯỠNG KIẾN THỨC PHÁP LUẬT VỀ GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 35/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CHỨNG CHỈ BỒI DƯỠNG KIẾN THỨC PHÁP LUẬT VỀ GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

1. Hình thức

Mặt trước:

BỘ GTVT **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

XXXXXX/MT (1)

CHỨNG CHỈ BỒI DƯỠNG KIẾN THỨC PHÁP LUẬT VỀ GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

Ảnh 2x3 cm	Họ và tên …… Ngày sinh …… Nơi cư trú ……

Không thời hạn

…, ngày … tháng … năm 20 …
NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU
CƠ SỞ ĐÀO TẠO
(Ký tên, đóng dấu)

Mặt sau:

NGƯỜI ĐIỀU CẦN CHÚ Ý

1. Phải xuất trình Chứng chỉ để kiểm tra khi người làm nhiệm vụ trật tự an toàn giao thông yêu cầu.

2. Nghiêm cấm hành vi tẩy xóa Chứng chỉ.

3. Trường hợp mất, hỏng phải làm thủ tục cấp đổi, cấp lại tại nơi cấp Chứng chỉ lần đầu hoặc Sở Giao thông vận tải.

2. Quy cách

a) Kích thước: Chiều dài: 86 mm; Chiều rộng: 54 mm.

b) Màu sắc: Nền màu vàng nhạt; vỏ viền đỏ xung quanh rộng 1mm và cách mép ngoài của giấy chứng nhận là 1 mm.

c) Bảo mật chống làm giả: Loại giấy tốt, có hoa văn chống làm giả,

3. Cách ghi

3.1. Tại vị trí (1): Số cấp Chứng chỉ gồm 6 chữ số tự nhiên từ nhỏ đến lớn. Hai ký tự cuối MT là mã số cấp đăng ký quy định cho các tỉnh, thành phố tại Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về cấp, thu hồi đăng ký, biển số xe cơ giới, xe máy chuyên dùng.

3.2. In Chứng chỉ dùng phông chữ Times New roman, màu của chữ và số là màu đen; họ và tên người được cấp Chứng chỉ kiểu chữ in đậm màu đen.

3.3. Dấu đóng trên Chứng chỉ có hai dấu: Dấu thu nhỏ loại dấu nổi đóng giáp lai với ảnh của người được cấp Chứng chỉ và dấu mực đỏ đóng vào vị trí người ký cấp Chứng chỉ.

Phụ lục XXXV

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI CHỨNG CHỈ BỒI DƯỠNG KIẾN THỨC PHÁP LUẬT VỀ GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 35/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Ảnh 2x3 cm

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI CHỨNG CHỈ BỒI DƯỠNG KIẾN THỨC PHÁP LUẬT VỀ GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

Kính gửi: ……(1)…….

Tôi là:.....

Ngày tháng năm sinh: .....

Số Căn cước công dân hoặc căn cước: .....

hoặc Hộ chiếu số…… ngày cấp……. nơi cấp: .....

Hiện tôi đã có Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ do cơ sở đào tạo ……. cấp.

Số Chứng chỉ: …… cấp ngày …… tháng …… năm ……...

Lý do xin cấp lại: .....

Đề nghị ……(1)…… cấp lại Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ để điều khiển xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ.

Nội dung khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

……, ngày ..... tháng .... năm 20……

NGƯỜI LÀM ĐƠN

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Sở Giao thông vận tải...../ Cơ sở đào tạo.....

Phụ lục XXXVI

CÁC BIỂU MẪU LIÊN QUAN ĐẾN QUẢN LÝ DỮ LIỆU DAT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 35/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CÁC BIỂU MẪU LIÊN QUAN ĐẾN QUẢN LÝ DỮ LIỆU DAT

Mẫu số 01	**Báo cáo quá trình đào tạo thực hành lái xe trên đường của học viên**
Mẫu số 02	**Báo cáo quá trình đào tạo thực hành lái xe trên đường của khoá học**
Mẫu số 03	**Báo cáo số lượng học viên toàn quốc hoàn thành thời gian và quãng đường đào tạo thực hành lái xe trên đường giao**
Mẫu số 04	**Báo cáo số lượng học viên hoàn thành quy định về thời gian và quãng đường đào tạo thực hành lái xe trên đường giao thông theo Sở giao thông vận tải**
Mẫu số 05	**Báo cáo số lượng học viên hoàn thành quy định về thời gian và quãng đường đào tạo thực hành lái xe trên đường giao thông của cơ sở đào tạo lái xe**
Mẫu số 06	**Báo cáo kết quả đào tạo thực hành lái xe theo danh sách thí sinh dự sát hạch**

Mẫu số 01. Báo cáo quá trình đào tạo thực hành lái xe trên đường của học viên

BÁO CÁO QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO THỰC HÀNH LÁI XE TRÊN ĐƯỜNG GIAO THÔNG CỦA HỌC VIÊN

(Ngày báo cáo:……/…../……)

I. Thông tin học viên

1. Họ và tên:
2. Mã học viên:
3. Ngày sinh:
4. Mã khóa học:
5. Hạng đào tạo:
6. Cơ sở đào tạo:

II. Thông tin quá trình đào tạo

STT	Mã phiên học	Ngày đào tạo	Đào tạo thực hành lái xe trên đường giao thông		Ghi chú
			Thời gian	Quãng đường	
Tổng					

Mẫu số 02. Báo cáo quá trình đào tạo thực hành lái xe trên đường của khoá học

BÁO CÁO KẾT QUẢ ĐÀO TẠO THỰC HÀNH LÁI XE TRÊN ĐƯỜNG CỦA KHÓA HỌC

(Ngày báo cáo:……/…../……)

I. Thông tin khóa học

1. Mã khóa học:

2. Hạng đào tạo:

3. Ngày khai giảng:

4. Ngày bế giảng:

5. Cơ sở đào tạo:

II. Thông tin quá trình đào tạo

STT	Mã học viên	Họ và tên	Ngày sinh	Đào tạo thực hành lái xe trên đường giao thông		Ghi chú
				Tổng thời gian	Tổng quãng đường	

Mẫu số 03. Báo cáo số lượng học viên toàn quốc hoàn thành thời gian và quãng đường đào tạo thực hành lái xe trên đường giao thông

BÁO CÁO SỐ LƯỢNG HỌC VIÊN TOÀN QUỐC HOÀN THÀNH THỜI GIAN VÀ QUÃNG ĐƯỜNG ĐÀO TẠO THỰC HÀNH LÁI XE TRÊN ĐƯỜNG GIAO THÔNG

(Từ ngày:……/…../…… đến ngày:……/…../……)

STT	Sở GTVT	Hạng B số tự động	Hạng B số cơ khí	Hạng C1	Hạng C	Hạng D1	Hạng D2	Hạng D	Hạng BE	Hạng C1E	Hạng CE	Hạng D1E	Hạng D2E	Hạng DE
Tổng														

Mẫu số 04. Báo cáo số lượng học viên hoàn thành quy định về thời gian và quãng đường đào tạo thực hành lái xe trên đường giao thông theo Sở giao thông vận tải

BÁO CÁO SỐ LƯỢNG HỌC VIÊN HOÀN THÀNH QUY ĐỊNH VỀ THỜI GIAN VÀ QUÃNG ĐƯỜNG ĐÀO TẠO THỰC HÀNH LÁI XE TRÊN ĐƯỜNG GIAO THÔNG THEO SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI

(Từ ngày:……/…../…… đến ngày:……/…../……)

STT	Cơ sở đào tạo	Hạng B số tự động	Hạng B số cơ khí	Hạng C1	Hạng C	Hạng D1	Hạng D2	Hạng D	Hạng BE	Hạng C1E	Hạng CE	Hạng D1E	Hạng D2E	Hạng DE
Tổng														

Mẫu số 05. Báo cáo số lượng học viên hoàn thành quy định về thời gian và quãng đường đào tạo thực hành lái xe trên đường giao thông của cơ sở đào tạo lái xe

BÁO CÁO SỐ LƯỢNG HỌC VIÊN HOÀN THÀNH QUY ĐỊNH VỀ THỜI GIAN VÀ QUÃNG ĐƯỜNG ĐÀO TẠO THỰC HÀNH LÁI XE TRÊN ĐƯỜNG GIAO THÔNG CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO LÁI XE

(Từ ngày:……/…../…… đến ngày:……/…../……)

STT	Mã khóa học	Hạng B số tự động	Hạng B số cơ khí	Hạng C1	Hạng C	Hạng D1	Hạng D2	Hạng D	Hạng BE	Hạng C1E	Hạng CE	Hạng D1E	Hạng D2E	Hạng DE
Tổng														

Mẫu số 06. Báo cáo kết quả đào tạo thực hành lái xe trên đường giao thông theo danh sách thí sinh dự sát hạch

BÁO CÁO KẾT QUẢ ĐÀO TẠO THỰC HÀNH LÁI XE TRÊN ĐƯỜNG GIAO THÔNG THEO DANH SÁCH THÍ SINH DỰ SÁT HẠCH

(Mã báo cáo 2:……...)

STT	Họ và tên	Mã học viên	Ngày sinh	Hạng đào tạo	Mã khóa học	Đào tạo thực hành trên đường giao thông		Ghi chú
						Thời gian	Quãng đường	

Phụ lục XXXVII

MẪU BÁO CÁO DỮ LIỆU KẾT QUẢ SÁT HẠCH KHAI THÁC TRÊN HỆ THỐNG THÔNG TIN SÁT HẠCH LÁI XE

(Ban hành kèm theo Thông tư số 35/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

BÁO CÁO DỮ LIỆU KẾT QUẢ SÁT HẠCH KHAI THÁC TRÊN HỆ THỐNG THÔNG TIN SÁT HẠCH LÁI XE

Mẫu số 01	**Báo cáo chung kết quả kỳ sát hạch lái xe**
Mẫu số 02	**Báo cáo chi tiết kết quả kỳ sát hạch lái xe**
Mẫu số 03	**Báo cáo kết quả các kỳ sát hạch lái xe**

Mẫu số 01. Báo cáo chung kết quả kỳ sát hạch lái xe

UBND TỈNH….
SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI…

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
……, ngày…..tháng,….năm…..

BÁO CÁO CHUNG
KẾT QUẢ KỲ SÁT HẠCH LÁI XE

1. Trung tâm sát hạch:
2. Cơ sở đào tạo:
3. Ngày sát hạch:

Hạng GPLX	Tổng số hồ sơ	Tổng số dự thi	Thi Lý thuyết			Mô phỏng các tình huống giao thông			Thực hành trong hình			Thực hành trên đường giao thông			Kết quả đạt	Tỷ lệ %
			Tổng số	Đạt	Trượt	Tổng số	Đạt	Trượt	Tổng số	Đạt	Trượt	Tổng số	Đạt	Trượt		
B1																
B																
C1																
C																
D1																
…																
Cộng																

GIÁM ĐỐC
(Ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận :
- Lưu VT,

Mẫu số 02. Báo cáo chi tiết kết quả kỳ sát hạch lái xe

UBND TỈNH….
SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI…

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
……, ngày…..tháng,….năm…..

BÁO CÁO CHI TIẾT
KẾT QUẢ KỲ SÁT HẠCH LÁI XE

1. Trung tâm sát hạch:
2. Cơ sở đào tạo:
3. Ngày sát hạch:

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Số CCCD	Hạng	Kết quả sát hạch								
					LT (1)	Số lần SH	MP THGT (2)	Số lần SH	TH LXTH (3)	Số lần SH	TH LXTĐ (4)	Số lần SH	Tổng hợp (5)
1													
2													
…													

GIÁM ĐỐC
(Ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận :
- Lưu VT,

(1): Kết quả nội dung sát hạch lý thuyết
(2): Kết quả nội dung sát hạch mô phỏng các tình huống giao thông
(3): Kết quả nội dung sát hạch thực hành lái xe trong hình
(4): Kết quả nội dung sát hạch thực hành lái xe trên đường
(5): Kết quả tổng hợp cuối kỳ sát hạch

Mẫu số 03. Báo cáo kết quả các kỳ sát hạch lái xe

UBND TỈNH….
SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI…

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
……, ngày…..tháng,….năm…..

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÁC KỲ SÁT HẠCH LÁI XE

(Từ ngày… đến ngày…)

TT	Cơ sở đào tạo	Ngày sát hạch	Mô tô	Ô tô	Số thí sinh dự sát hạch	Số thí sinh vắng	Số thí sinh đạt sát hạch	Tỷ lệ %	Ghi chú
1									
2									
3									
….									
Tổng số									

Nơi nhận :
- Lưu VT,

GIÁM ĐỐC
(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục XXXVIII

BÁO CÁO PHƯƠNG ÁN HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO LÁI XE MÔ TÔ CÁC HẠNG A1, A, B1

(Ban hành kèm theo Thông tư số 35/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CƠ QUAN CHỦ QUẢN **CƠ SỞ ĐÀO TẠO**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BÁO CÁO

PHƯƠNG ÁN HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO LÁI XE MÔ TÔ CÁC HẠNG A1, A, B1

I. GIỚI THIỆU CHUNG

1. Tên cơ sở đào tạo:

Giám đốc, Phó Giám đốc, các phòng ban:……

Địa chỉ liên lạc:.....

Điện thoại:.....Fax:.....

2. Cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp:.....

3. Quyết định thành lập số..... ngày ..... / ..... / ..... của.....

4. Giới thiệu tóm tắt cơ sở, các nghề đào tạo, quy mô đào tạo/năm.

II. BÁO CÁO VỀ ĐÀO TẠO LÁI XE

1. Đào tạo lái xe từ năm.....loại xe (xe mô tô) theo văn bản số.....ngày ..... / ..... / ..... của.....

Từ khi thành lập đến nay đã đào tạo được..... học viên, lái xe loại.....

2. Hiện nay đào tạo lái xe loại....., thời gian đào tạo.....tháng (đối với từng loại, số học viên mỗi loại).

(Trường hợp chưa đào tạo không nêu các điểm 1, 2 phần II)

3. Tổng số phòng học hiện có, số phòng học chuyên môn, diện tích (m^2), đủ hay thiếu phòng học.

Đánh giá cụ thể từng phòng học chuyên môn và các thiết bị dạy học: ca bin, mô hình vật thực, phim, đèn chiếu hoặc thiết bị, dụng cụ tháo lắp.... (đối chiếu với quy định để báo cáo); chất lượng từng phòng học.

4. Mục tiêu, kế hoạch giảng dạy và từng mục: giáo trình, giáo án, hệ thống bài ôn luyện và thiết bị kiểm tra (thống kê và trình bày hiện vật).

5. Đội ngũ giáo viên

- Số lượng giáo viên dạy lý thuyết:.....
- Số giáo lượng viên dạy thực hành:.....

(Có danh sách kèm theo)

6. Xe tập lái: số lượng xe tập lái hiện có, thiếu hay đủ để học viên tập.

- Chủng loại:
- Tình trạng chất lượng kỹ thuật (còn bao nhiêu %).
- Thiết bị dạy lái trên xe.
- Số xe có Giấy chứng nhận kiểm định.

(Có danh sách kèm theo)

7. Sân tập lái có diện tích:..... m^2.
- Đã tạo lập các tình huống để tập lái trên bãi tập.
- Có hiện trường tập lái thực tế.

8. Đánh giá chung:

……

9. Đăng ký đào tạo:
- Hạng:……..
- Lưu lượng: …….(đối với hạng B1).

10. Thời gian đào tạo: từ ngày…..

XÁC NHẬN **CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI** **(GIÁM ĐỐC)** *(Ký tên, đóng dấu)*	**NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU** **CƠ SỞ ĐÀO TẠO** *(Ký tên, đóng dấu)*

DANH SÁCH TRÍCH NGANG GIÁO VIÊN DẠY THỰC HÀNH (HOẶC LÝ THUYẾT) LÁI XE

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số CCCD/CC	Đơn vị công tác	Hình thức tuyển dụng		Trình độ			Hạng giấy phép lái xe	Ngày trúng tuyển	Thâm niên dạy lái	Ghi chú
					Biên chế	Hợp đồng (thời hạn)	Văn hóa	Chuyên môn	Sư phạm				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
1													
2													
…													

DANH SÁCH XE TẬP LÁI

Số TT	Số Chứng nhận đăng ký xe	Nhãn xe	Hạng xe	Năm sản xuất	Chủ sở hữu/hợp đồng	Hệ thống phanh phụ (có, không)	Giấy phép xe tập lái (có, không)
1							
....							

Phụ lục XXXIX

MẪU PHÙ HIỆU GIÁO VIÊN DẠY LÁI XE, HỌC VIÊN TẬP LÁI XE

(Ban hành kèm theo Thông tư số 35/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

PHÙ HIỆU GIÁO VIÊN DẠY LÁI XE, HỌC VIÊN TẬP LÁI XE

Mẫu số 01	**Mẫu Phù hiệu giáo viên dạy lái xe**
Mẫu số 02	**Mẫu Phù hiệu học viên tập lái xe**

Mẫu số 01. Phù hiệu giáo viên dạy lái xe

<table>
<tr><td colspan="2">TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN CƠ SỞ ĐÀO TẠO</td></tr>
<tr><td>Ảnh màu
3 cm x 4 cm
(có dấu giáp lai)</td><td>GIÁO VIÊN DẠY LÁI XE
NGUYỄN VĂN A

Dạy lái xe hạng: B</td></tr>
</table>

Quy cách:

- Kích thước: 50 mm x 85 mm;
- Được in trên giấy trắng chất lượng tốt, ép plastic kẹp trong mica đeo ở phía ngực trái hoặc ở cổ;
- Phía trên ghi tên cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp và tên cơ sở đào tạo - phông chữ Times New Roman in hoa, cỡ chữ 10;
- Phía dưới bên trái là ảnh màu 3 cm x 4 cm (có đóng dấu giáp lai của cơ sở đào tạo);
- Phía dưới bên phải ghi:

+ Dòng chữ GIÁO VIÊN DẠY LÁI XE - phông chữ Times New Roman in hoa, đứng, đậm, cỡ chữ 13;

+ Họ tên giáo viên - phông chữ Times New Roman in hoa, đứng, đậm, cỡ chữ 14;

+ Hạng giấy phép lái xe dạy lái - phông chữ Times New Roman in hoa, đứng, đậm, cỡ chữ 14.

Mẫu số 02. Phù hiệu học viên tập lái xe

<table>
<tr><td colspan="2">TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN CƠ SỞ ĐÀO TẠO</td></tr>
<tr><td>Ảnh màu
3 cm x 4 cm
(chụp không quá 06 tháng),
có dấu giáp lai</td><td>HỌC VIÊN TẬP LÁI XE
NGUYỄN VĂN B

Tập lái xe hạng: B</td></tr>
</table>

Quy cách:

- Kích thước: 50 mm x 85 mm;

- Được in trên giấy trắng chất lượng tốt, ép plastic kẹp trong mica đeo ở phía ngực trái hoặc ở cổ;

- Phía trên ghi tên cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp và tên cơ sở đào tạo - phông chữ Times New Roman, in hoa, đứng, cỡ chữ 10;

- Phía dưới bên trái là ảnh màu 3 cm x 4 cm (có đóng dấu giáp lai của cơ sở đào tạo);

- Phía dưới bên phải ghi:

+ Dòng HỌC VIÊN TẬP LÁI XE - phông chữ Times New Roman, in hoa đứng, đậm, cỡ chữ 13;

+ Họ tên học viên - phông chữ Times New Roman, in hoa, đứng, đậm, cỡ chữ 14;

+ Hạng giấy phép lái xe học lái - phông chữ Times New Roman, in hoa, đứng, đậm, cỡ chữ 14.

Phụ lục XXXX

MẪU TÊN CƠ SỞ ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Thông tư số 35/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

MẪU TÊN CƠ SỞ ĐÀO TẠO

TÊN CƠ SỞ ĐÀO TẠO

ĐIỆN THOẠI: xxxxxxxxxxx

1. Vị trí:

- Hai bên cửa xe đối với xe ô tô hạng B;
- Hai bên thành xe đối với xe ô tô các hạng C1, C, D1, D2, D;
- Hai bên cửa của xe đầu kéo đối với xe ô tô hạng BE, C1E, CE, D1E, D2E, DE.

2. Kích thước chữ: Sử dụng phông chữ Times New Roman in hoa.

a) Đối với xe tập lái hạng B, BE, C1E, CE, D1E, D2E, DE:

- Cỡ chữ tên cơ sở đào tạo cao: 3 cm;
- Cỡ chữ, số điện thoại cao: 4 cm.

b) Đối với xe tập lái hạng C1, D1, D2, D:

- Cỡ chữ tên cơ sở đào tạo cao: 4 cm;
- Cỡ chữ, số điện thoại cao: 5 cm.

Phụ lục XXXXI
YÊU CẦU VỀ TRUYỀN DỮ LIỆU QUẢN LÝ DAT
(Ban hành kèm theo Thông tư số 35/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

YÊU CẦU VỀ TRUYỀN DỮ LIỆU QUẢN LÝ DAT

I. Yêu cầu truyền dữ liệu DAT

1. Dữ liệu quản lý DAT được truyền về hệ thống thông tin đào tạo lái xe tại Cục Đường bộ Việt Nam gồm dữ liệu định danh và dữ liệu phiên học.

a) Dữ liệu định danh gồm các thông tin:

- Thông tin được trích xuất thông qua việc tiếp nhận báo cáo 1:

+ Thông tin cơ sở đào tạo: Mã cơ sở đào tạo.

+ Thông tin khóa học: Mã khóa học, ngày khai giảng, ngày bế giảng, hạng đào tạo, mã báo cáo 1.

+ Thông tin học viên: Mã học viên, họ và tên, ngày sinh, số căn cước công dân hoặc căn cước hoặc hộ chiếu, giới tính, ảnh chân dung).

- Thông tin do cơ sở đào tạo nhập liệu:

+ Thông tin giáo viên dạy thực hành lái xe: Mã giáo viên, họ và tên, ngày sinh, số căn cước công dân hoặc căn cước, giới tính, ảnh chân dung, số giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe, hạng giấy phép lái xe được phép dạy thực hành lái xe.

+ Thông tin xe tập lái: Biển số xe tập lái, số giấy phép xe tập lái, loại phương tiện, nhãn hiệu xe, màu sơn, hạng xe tập lái, thời hạn giấy phép xe tập lái.

+ Thông tin thiết bị DAT: Mã đơn vị cung cấp, model, số serial, số imei.

b) Dữ liệu phiên học gồm các thông tin:

- Thông tin học viên: Mã học viên.

- Thông tin đăng nhập: Ảnh chụp, thời điểm và tọa độ đăng nhập.

- Thông tin đăng xuất: Ảnh chụp, thời điểm và tọa độ đăng xuất.

- Thông tin hành trình xe chạy: Thời điểm, tọa độ, tốc độ mỗi 30 giây trong phiên học.

- Thông tin kết quả xác thực: Ảnh chụp và kết quả xác thực mỗi 5 phút trong phiên học.

- Thông tin giáo viên: Mã giáo viên.

- Thông tin xe tập lái: Biển số xe tập lái.

- Thông tin thiết bị DAT: Số imei, số serial.

- Thông tin kết quả phiên học: Thời gian, quãng đường của phiên học.

2. Dữ liệu quản lý DAT phải đầy đủ các thông tin theo cấu trúc phù hợp với cấu trúc truyền dữ liệu do Cục Đường bộ Việt Nam ban hành và các yêu cầu sau:

a) Dữ liệu truyền đến hệ thống thông tin đào tạo lái xe tại Cục Đường bộ Việt Nam phải đảm bảo chính xác, toàn vẹn và trong khoảng thời gian không quá 02 phút kể từ thời điểm máy chủ của cơ sở đào tạo nhận được thông tin kết thúc phiên học;

b) Dữ liệu được truyền đến hệ thống thông tin đào tạo lái xe tại Cục Đường bộ Việt Nam theo trình tự thời gian. Trường hợp dữ liệu phiên học không tự động truyền được thì cơ sở đào tạo thực hiện truyền lại và báo cáo Sở Giao thông vận tải để được xem xét tiếp nhận bổ sung.

3. Máy chủ của cơ sở đào tạo và Cục Đường bộ Việt Nam tham gia việc truyền, nhận dữ liệu DAT và dữ liệu quản lý DAT phải được đồng bộ với thời gian chuẩn Quốc gia theo chuẩn NTP.

II. Cách xác định phiên học thực hành lái xe

1. Thời gian của phiên học thực hành lái xe được xác định từ thời điểm học viên đăng nhập vào thiết bị DAT đến thời điểm đăng xuất khỏi thiết bị. Mỗi phiên học có thời gian tối thiểu 5 phút và không quá 4 giờ, khoảng cách giữa 2 phiên học liên tiếp tối thiểu 15 phút. Tổng thời gian các phiên học trong ngày không quá 10 giờ.

2. Quãng đường của phiên học thực hành lái xe là chiều dài hành trình di chuyển của xe tập lái được xác định từ vị trí học viên đăng nhập vào thiết bị DAT đến vị trí đăng xuất khỏi thiết bị.

3. Phiên học không được ghi nhận khi không đáp ứng một trong các quy định sau:

a) Quy định về dữ liệu phiên học tại điểm b mục 1 phần I của Phụ lục này;

b) Quy định thời gian truyền dữ liệu tại điểm a mục 2 phần I của Phụ lục này. (Trường hợp quá 02 phút, cơ sở đào tạo báo cáo Sở Giao thông vận tải để được xem xét, tiếp nhận);

c) Quy định thời gian tối đa mỗi phiên học và tổng thời gian các phiên học trong ngày. (Đối với trường hợp tổng thời gian các phiên học trong ngày quá 10 giờ thì các phiên học gây quá tổng thời gian sẽ không được ghi nhận);

d) Tỷ lệ số lần xác thực khuôn mặt đạt (phù hợp với thông tin đăng ký) trên tổng số lần xác thực trong phiên đạt dưới 75%. (Trường hợp phát hiện thiết bị xác

thực không chính xác, cơ sở đào tạo báo cáo Sở Giao thông vận tải để được xem xét, tiếp nhận).

III. Cách xác định hoàn thành nội dung đào tạo thực hành lái xe

1. Học viên được coi là hoàn thành thời gian học thực hành lái xe trên đường nếu số giờ học thực hành lái xe trên đường giao thông không ít hơn 50% số giờ học thực hành lái xe trên đường giao thông được quy định tại khoản 1 Điều 7 và khoản 1 Điều 8 của Thông tư này.

2. Học viên được coi là hoàn thành quãng đường học thực hành lái xe trên đường nếu đạt số km học thực hành lái xe trên đường giao thông được quy định tại khoản 1 Điều 7 và khoản 1 Điều 8 của Thông tư này.

Phụ lục XXXXII
MẪU QUY ĐỊNH VỀ TỔ CHỨC ĐÀO TẠO LÁI XE THEO HÌNH THỨC ĐÀO TẠO TỪ XA, TỰ HỌC CÓ HƯỚNG DẪN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 35/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

QUY ĐỊNH VỀ TỔ CHỨC ĐÀO TẠO LÁI XE THEO HÌNH THỨC ĐÀO TẠO TỪ XA, TỰ HỌC CÓ HƯỚNG DẪN

I. Chương trình, giáo trình đào tạo

1. Chương trình, giáo trình đào tạo lái xe theo hình thức đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn được cơ sở đào tạo điều chỉnh cho phù hợp với năng lực của người học, hình thức đào tạo, thời gian đào tạo và do người đứng đầu cơ sở đào tạo nghề nghiệp quyết định.

2. Chương trình, giáo trình đào tạo lái xe theo hình thức đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn do người đứng đầu cơ sở đào tạo nghề nghiệp tự chủ, tự chịu trách nhiệm xây dựng hoặc lựa chọn, phê duyệt, sử dụng.

3. Chương trình đào tạo đã được phê duyệt phải công khai trên trang thông tin điện tử của cơ sở đào tạo trước khi tổ chức tuyển sinh.

II. Học liệu đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn

1. Học liệu đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn phải có nội dung bám sát mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo, có tính sư phạm cao, dễ dùng, đáp ứng được nhu cầu tự học của người học.

2. Học liệu phục vụ các môn học đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn phải được chuẩn bị đầy đủ và ở trạng thái sẵn sàng trước khi tổ chức đào tạo.

3. Học liệu đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn do các cơ sở đào tạo tự thiết kế, sản xuất, thuê, mua ngoài hoặc sử dụng từ các nguồn hợp pháp khác, đảm bảo các quy định về sở hữu trí tuệ.

III. Hệ thống quản lý đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn

1. Hệ thống quản lý đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn bao gồm: hệ thống quản lý học tập và hệ thống hạ tầng kỹ thuật đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn.

2. Hệ thống quản lý học tập:

a) Cổng thông tin: Để công bố, giới thiệu các nội dung về chương trình đào tạo; thông tin tuyển sinh, điều kiện tuyển sinh;

b) Phân hệ học tập: Để người học truy cập vào các nội dung học tập từ xa và có thể tự học tập, tự đánh giá, nắm bắt được tiến trình, kết quả học tập của bản thân;

c) Phân hệ giảng dạy: Để giáo viên quản lý học liệu đào tạo từ xa, thiết lập quy luật học, trả bài; theo dõi, tương tác, trợ giúp, hướng dẫn người học; xác thực và kiểm soát quá trình học của học viên; quản lý học viên, lớp học;

d) Phân hệ lớp học trực tuyến: Để tổ chức các lớp học trực tuyến theo thời gian thực;

đ) Ứng dụng trên thiết bị di động: Để thực hiện giảng dạy, học tập dễ dàng, thuận tiện trên các thiết bị di động;

e) Phân hệ báo cáo: Để trích xuất được các thông tin của quá trình đào tạo và các hoạt động của người dạy, người học;

g) Đội ngũ nhà giáo, cán bộ kỹ thuật, cán bộ hỗ trợ, cán bộ quản lý hệ thống để tổ chức đào tạo và quản trị vận hành hệ thống.

3. Hệ thống hạ tầng kỹ thuật

Hệ thống máy chủ và hạ tầng kết nối mạng phải có đủ băng thông, năng lực đáp ứng nhu cầu truy cập của người dùng; phải duy trì tối thiểu hai hệ thống hạ tầng kỹ thuật để dự phòng lẫn nhau.

Trường hợp thuê ngoài hay hợp tác các đơn vị cung cấp giải pháp đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn phải đáp ứng các yêu cầu về hệ thống máy chủ, bảo mật, hạ tầng lưu trữ và an toàn dữ liệu theo quy định của pháp luật.

IV. Tổ chức đào tạo

1. Cơ sở đào tạo chỉ được đào tạo nội dung Lý thuyết theo hình thức đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn sau khi có Báo cáo đăng ký thực hiện chương trình đào tạo theo Mẫu số 01 tại Phụ lục này, gửi Sở Giao thông vận tải để theo dõi, quản lý.

2. Quá trình tổ chức đào tạo phải đảm bảo sự tương tác giữa người dạy và người học, giữa người học với người học thể hiện ở việc tham dự các buổi học, buổi hướng dẫn, thảo luận; hoàn thành việc học tập các nội dung từ các học liệu chính, học liệu bổ trợ; thực hiện các bài tập, đánh giá; phản hồi với người dạy về những nội dung giảng dạy.

3. Ứng dụng công nghệ thông tin trong việc giám sát và đánh giá mức độ chuyên cần của người học.

V. Cơ sở đào tạo

1. Xây dựng, ban hành quy chế về đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn và công khai bằng hình thức niêm yết tại trụ sở, cơ sở đào tạo, trong thông báo tuyển sinh và đăng trên trang thông tin điện tử của cơ sở đào tạo để tổ chức thực hiện.

2. Tổ chức đào tạo nội dung lý thuyết theo hình thức đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn theo quy định tại Thông tư này.

VI. Biểu mẫu

Mẫu số 01	**Báo cáo đăng ký thực hiện Chương trình đào tạo theo hình thức đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn**

Mẫu số 01. Báo cáo đăng ký thực hiện Chương trình đào tạo theo hình thức đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn

CƠ QUAN CHỦ QUẢN **CƠ SỞ ĐÀO TẠO**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: …/……	*……., ngày ... tháng ... năm 20...*

BÁO CÁO
ĐĂNG KÝ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THEO HÌNH THỨC ĐÀO TẠO TỪ XA, TỰ HỌC CÓ HƯỚNG DẪN

I. THÔNG TIN CHUNG

- Tên cơ sở đào tạo : …… ……..…
- Địa chỉ trụ sở chính: ……..……..…….
- Điện thoại: ……..Fax: ……..
- Website: ……., Email: …….
- Giấy phép đào tạo lái xe số: ……, ngày, tháng, năm cấp *(kèm theo bản photo)*: …….

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ ĐÀO TẠO

TT	Hạng GPLX	Kết quả tuyển sinh trong 03 năm liên tục trước năm báo cáo tuyển sinh đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn	Số học viên đã tốt nghiệp (tính sau 3 tháng sau khi tốt nghiệp)
1	Hạng B		
2	Hạng C1		
3	Hạng C		
…	…		

III. DỰ KIẾN ĐÀO TẠO TỪ XA, TỰ HỌC CÓ HƯỚNG DẪN

TT	Hạng GPLX	Lưu lượng tuyển sinh	Ghi chú
1			
2			
3			
…			

IV. CÁC GIẢI PHÁP ĐẢM BẢO ĐỂ TỔ CHỨC ĐÀO TẠO

1. Chương trình, giáo trình, học liệu đào tạo

- Chương trình, giáo trình đào tạo, tài liệu hướng dẫn (có các bản mềm kèm theo).

- Học liệu đào tạo bao gồm: Học liệu chính, học liệu bổ trợ; các phần mềm, băng đĩa, video, sách, các phần mềm mô phỏng.

2. Hệ thống quản lý đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn

2.1. Hệ thống hạ tầng kỹ thuật

- Hệ thống máy chủ; đường truyền (dung lượng).

- Địa điểm đặt trạm đào tạo (nếu có).

- Hạ tầng cơ sở đảm bảo (ít nhất phải có 2 hệ thống hạ tầng kỹ thuật để dự phòng lẫn nhau).

2.2. Hệ thống quản lý học tập

- Cổng thông tin.

- Phân hệ học tập, giảng dạy, tổ chức lớp học, tổ chức thi, báo cáo.

- Phần mềm ứng dụng trên thiết bị di động.

- Ứng dụng quản lý quá trình học tập, chế độ báo cáo, lưu trữ, trích xuất dữ liệu.

- Phương thức tổ chức thực hiện (tổ chức đào tạo, kiểm tra, thi, quản lý học viên...).

3. Đội ngũ giáo viên, cán bộ kỹ thuật, cán bộ quản lý, quản trị hệ thống

- Đội ngũ nhà giáo, người hướng dẫn.

- Cán bộ hỗ trợ kỹ thuật.

- Cán bộ quản lý, quản trị hệ thống.

4. Quy chế đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn (gửi kèm theo)

V. CAM KẾT CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO

Nơi nhận:
- Sở GTVT (để báo cáo);
- Lưu VT.

NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU
CƠ SỞ ĐÀO TẠO
(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục XXXXIII

MẪU SỔ QUẢN LÝ CẤP CHỨNG CHỈ BỒI DƯỠNG KIẾN THỨC PHÁP LUẬT VỀ GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 35/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

SỔ QUẢN LÝ CẤP CHỨNG CHỈ BỒI DƯỠNG KIẾN THỨC PHÁP LUẬT VỀ GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

1. Trang bìa

CƠ QUAN CHỦ QUẢN ……

TÊN CƠ SỞ ĐÀO TẠO ……

SỔ QUẢN LÝ

CẤP CHỨNG CHỈ BỒI DƯỠNG KIẾN THỨC PHÁP LUẬT VỀ GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

……, ngày……tháng……năm……..

2. Nội dung

QUẢN LÝ CẤP CHỨNG CHỈ

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi cư trú	Số Chứng chỉ, ngày, tháng, năm cấp	Cấp lại Chứng chỉ, số, ngày, tháng, năm cấp lại	Ký nhận

Phụ lục XXXXIV

MẪU BÁO CÁO PHƯƠNG ÁN HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO CẤP CHỨNG CHỈ BỒI DƯỠNG KIẾN THỨC PHÁP LUẬT VỀ GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ CHO NGƯỜI ĐIỀU KHIỂN XE MÁY CHUYÊN DÙNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 35/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CƠ QUAN CHỦ QUẢN **CƠ SỞ ĐÀO TẠO**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BÁO CÁO

PHƯƠNG ÁN HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO CẤP CHỨNG CHỈ BỒI DƯỠNG KIẾN THỨC PHÁP LUẬT VỀ GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ CHO NGƯỜI ĐIỀU KHIỂN XE MÁY CHUYÊN DÙNG

I. GIỚI THIỆU CHUNG

1. Tên cơ sở đào tạo (Trường hoặc Trung tâm):

Giám đốc, Phó Giám đốc, các phòng ban:……

Địa chỉ liên lạc:.....

Điện thoại:.....Fax:.....

2. Cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp:.....

3. Quyết định thành lập số..... ngày ..... / ..... / ..... của.....

4. Giới thiệu tóm tắt cơ sở, các nghề đào tạo, quy mô đào tạo/năm.

II. BÁO CÁO VỀ ĐÀO TẠO LÁI XE

1. Đào tạo lái xe từ năm.....loại xe (xe mô tô) theo văn bản số.....ngày ..... / ..... / ..... của.....

Từ khi thành lập đến nay đã đào tạo được..... học viên, lái xe loại.....

2. Hiện nay đào tạo lái xe loại....., thời gian đào tạo.....tháng (đối với từng loại, số học viên mỗi loại).

(Trường hợp chưa đào tạo không nêu các điểm 1, 2 phần II)

3. Tổng số phòng học hiện có, số phòng học chuyên môn, diện tích (m^2), đủ hay thiếu phòng học.

Đánh giá cụ thể từng phòng học chuyên môn và các thiết bị dạy học: mô hình vật thực, phim, đèn chiếu hoặc thiết bị, (đối chiếu với quy định để báo cáo); chất lượng từng phòng học.

4. Mục tiêu, kế hoạch giảng dạy và từng mục: giáo trình, giáo án, hệ thống bài ôn luyện và thiết bị kiểm tra (thống kê và trình bày hiện vật).

5. Đội ngũ giáo viên

- Số lượng giáo viên dạy lý thuyết:.....

DANH SÁCH TRÍCH NGANG GIÁO VIÊN DẠY

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số CCCD/CC	Đơn vị công tác	Hình thức tuyển dụng		Trình độ			Thâm niên dạy học	Ghi chú
					Biên chế	Hợp đồng (thời hạn)	Văn hóa	Chuyên môn	Sư phạm		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(13)	(14)
1											
2											
3											
…											

6. Đánh giá chung:

……

……

7. Đăng ký đào tạo:

- Lưu lượng: ……..

8. Thời gian đào tạo: từ ngày…..

XÁC NHẬN
CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI
(GIÁM ĐỐC)
(Ký tên, đóng dấu)

NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU
CƠ SỞ ĐÀO TẠO
(Ký tên, đóng dấu)